

**BỘ VĂN HOÁ, THỂ THAO VÀ DU LỊCH
TRƯỜNG ĐẠI HỌC SÂN KHẤU – ĐIỆN ẢNH HÀ NỘI**



**BÁO CÁO TỰ ĐÁNH GIÁ CHƯƠNG TRÌNH
ÂM THANH ĐIỆN ẢNH - TRUYỀN HÌNH**

**Theo tiêu chuẩn đánh giá chất lượng chương trình đào tạo
của Bộ Giáo dục và Đào tạo**

Hà Nội, tháng 12 - 2022

**BỘ VĂN HOÁ, THỂ THAO VÀ DU LỊCH
TRƯỜNG ĐẠI HỌC SÂN KHẤU – ĐIỆN ẢNH HÀ NỘI**



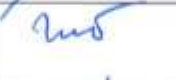
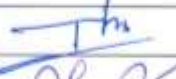
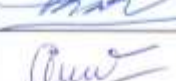
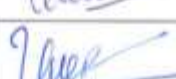
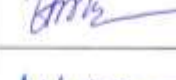
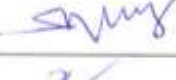
**BÁO CÁO TỰ ĐÁNH GIÁ CHƯƠNG TRÌNH
ÂM THANH ĐIỆN ẢNH - TRUYỀN HÌNH**

**Theo tiêu chuẩn đánh giá chất lượng chương trình đào tạo
của Bộ Giáo dục và Đào tạo**

Hà Nội, tháng 12 - 2022

DANH SÁCH VÀ CHỮ KÝ CÁC THÀNH VIÊN HỘI ĐỒNG TỰ ĐÁNH GIÁ

(Kèm theo Quyết định số 411/QĐ-SKĐAHN ngày 16 tháng 5 năm 2022 của
Hiệu trưởng Trường Đại học Sân khấu – Điện ảnh Hà Nội)

TT	Họ và tên	Chức danh, chức vụ	Nhiệm vụ	Chữ ký
1	Nguyễn Đình Thi	PGS. TS. NGND. Hiệu trưởng	Chủ tịch	
2	Nguyễn Thị Thanh Quế	ThS. Phó Hiệu trưởng	Phó Chủ tịch	
3	Phạm Đắc Thi	TS. Phó Hiệu trưởng	Phó Chủ tịch	
4	Hoàng Thị Thu Thủy	ThS. Phó Trưởng Khoa Công nghệ Điện ảnh – Truyền hình	Thư ký	
5	Phạm Tri Thành	TS. Chủ tịch Hội đồng Trường	Thành viên	
6	Phạm Huy Quang	TS. Trưởng Khoa Truyền hình	Thành viên	
7	Nguyễn Thị Hồng Hiền	TS. Trưởng Phòng Đào tạo, QLKH&HTQT	Thành viên	
8	Nguyễn Thị Thu Hiền	TS. Trưởng Phòng Hành chính, Tổng hợp	Thành viên	
9	Nguyễn Thị Thu Hương	Kế toán trưởng	Thành viên	
10	Trần Thị Tuyết Hồng	ThS. Trưởng Phòng Công tác HS,SV	Thành viên	
11	Phạm Văn Cường	ThS. Phó trưởng Phòng Hành chính, Tổng hợp	Thành viên	
12	Hoàng Dạ Vũ	ThS. Phó Viện trưởng Viện Sân khấu - Điện ảnh	Thành viên	
13	Nguyễn Thị Quỳnh Phương	Giám đốc Trung tâm Thông tin, Thư viện	Thành viên	
14	Trịnh Thúy Hương	TS. Trưởng Phòng Khảo thí & ĐBCLGD	Thành viên	
15	Lê Thị Ly Như	ThS. Bí thư Đoàn TNCSHCM	Thành viên	
16	Trần Nguyên Anh	ThS. Phó trưởng Khoa Công nghệ ĐA - TH	Thành viên	
17	Nguyễn Hữu Mỹ	ThS. Trưởng Bộ môn Âm thanh ĐATH	Thành viên	
18	Nguyễn Thị Chang	ThS. Giảng viên Khoa Công nghệ ĐA - TH	Thành viên	
19	Phó Minh Quang	Sinh viên lớp Âm thanh ĐA – TH K39	Thành viên	

(Danh sách gồm có 19 người)

MỤC LỤC

MỤC LỤC	1
DANH MỤC NHỮNG CHỮ VIẾT TẮT	4
PHẦN I. KHÁI QUÁT	5
1. Đặt vấn đề.....	5
2. Tổng quan chung	7
PHẦN II. TỰ ĐÁNH GIÁ THEO CÁC TIÊU CHUẨN, TIÊU CHÍ	15
Tiêu chuẩn 1	15
Mở đầu.....	15
Tiêu chí 1.1	15
Tiêu chí 1.2	16
Tiêu chí 1.3	19
<i>Kết luận về Tiêu chuẩn 1</i>	21
Tiêu chuẩn 2	21
Mở đầu.....	21
Tiêu chí 2.1	21
Tiêu chí 2.2	22
Tiêu chí 2.3.	24
<i>Kết luận về Tiêu chuẩn 2</i>	25
Tiêu chuẩn 3	25
Mở đầu.....	25
Tiêu chí 3.1	26
Tiêu chí 3.2	27
Tiêu chí 3.3	29
<i>Kết luận về Tiêu chuẩn 3</i>	30
Tiêu chuẩn 4.....	31
Mở đầu.....	31
Tiêu chí 4.1	31
Tiêu chí 4.2	32
Tiêu chí 4.3	35

<i>Kết luận về Tiêu chuẩn 4</i>	37
Tiêu chuẩn 5	38
Mở đầu	38
Tiêu chí 5.1	38
Tiêu chí 5.2	39
Tiêu chí 5.3	41
Tiêu chí 5.4	43
Tiêu chí 5.5	44
<i>Kết luận về Tiêu chuẩn 5</i>	45
Tiêu chuẩn 6	46
Mở đầu	46
Tiêu chí 6.1	46
Tiêu chí 6.2	48
Tiêu chí 6.3	51
Tiêu chí 6.4	53
Tiêu chí 6.5	55
Tiêu chí 6.6	56
Tiêu chí 6.7	58
<i>Kết luận về Tiêu chuẩn 6</i>	60
Tiêu chí 7	60
Mở đầu	60
Tiêu chí 7.1	61
Tiêu chí 7.2	62
Tiêu chí 7.3	63
Tiêu chí 7.4	64
Tiêu chí 7.5	66
<i>Kết luận về Tiêu chuẩn 7</i>	67
Tiêu chuẩn 8: Người học và hoạt động hỗ trợ người học	68
Mở đầu	68
Tiêu chí 8.1	68
Tiêu chí 8.2	69

Tiêu chí 8.3	71
Tiêu chí 8.4	73
Tiêu chí 8.5	76
<i>Kết luận về tiêu chuẩn 8.....</i>	78
Tiêu chuẩn 9.....	78
Mở đầu.....	78
Tiêu chí 9.1	79
Tiêu chí 9.2	80
Tiêu chí 9.3.	83
Tiêu chí 9.4	85
Tiêu chí 9.5.	88
<i>Kết luận về Tiêu chuẩn 9</i>	90
Tiêu chuẩn 10.....	90
Mở đầu.....	90
Tiêu chí 10.1	91
Tiêu chí 10.2	92
Tiêu chí 10.3	94
Tiêu chí 10.4	96
Tiêu chí 10.5	98
Tiêu chí 10.6	100
<i>Kết luận về tiêu chuẩn 10.....</i>	102
Tiêu chuẩn 11	102
Mở đầu.....	102
Tiêu chí 11.1	103
Tiêu chí 11.2	106
Tiêu chí 11.3	107
Tiêu chí 11.4	109
Tiêu chí 11.5	111
<i>Kết luận về Tiêu chuẩn 11</i>	113
PHẦN III. KẾT LUẬN	114
PHẦN IV. PHỤ LỤC	121

DANH MỤC NHỮNG CHỮ VIẾT TẮT

ĐHSKĐAHN	Đại học Sân khấu-Điện ảnh Hà Nội
CTĐT	Chương trình đào tạo
BGDĐT	Bộ Giáo dục và Đào tạo
BVHTTDL	Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch
CNĐATH	Công nghệ Điện ảnh – Truyền hình
ÂNĐATH	Âm thanh Điện ảnh – Truyền hình
KT&ĐBCLGD	Phòng Khảo thí và Đảm bảo chất lượng giáo dục
ĐT,QLKH&HTQT	Phòng Đào tạo, Quản lý Khoa học và Hợp tác quốc tế
QLHSSV	Quản lý học sinh, sinh viên
TT TTTV	Trung tâm Thông tin, Thư viện
GV	Giảng viên
SV	Sinh viên
CĐR	Chuẩn đầu ra
NSUT	Nghệ sĩ ưu tú
NSND	Nghệ sĩ Nhân dân
CTDH	Chương trình dạy học
SK-ĐA	Sân khấu-Điện ảnh
KQHT	Kết quả học tập
HCTH (TCCB)	Phòng Hành chính, Tổng hợp (bộ phận Tổ chức cán bộ)
NCKH	Nghiên cứu khoa học
CSGD	Cơ sở giáo dục
GVCN	Giáo viên chủ nhiệm
Người học	NH
Hội đồng	HĐ
Nhân viên	NV
Nghiên cứu viên	NCV
Cơ sở vật chất	CSVC
Phòng cháy chữa cháy	PCCC
Công chức viên chức	CCVC

PHẦN I. KHÁI QUÁT

1. Đặt vấn đề

Chất lượng đào tạo là một trong những vấn đề quan trọng quyết định đến sự tồn tại và phát triển của Trường Đại học Sân khấu - Điện ảnh Hà Nội trong suốt chặng đường hơn 40 năm xây dựng và phát triển. Để có một bức tranh cụ thể về một Trường Đại học Sân khấu - Điện ảnh Hà Nội đa ngành phát triển toàn diện, đạt chuẩn chất lượng kiểm định trong các lĩnh vực hoạt động của Nhà trường, từ đó xây dựng kế hoạch cải tiến chất lượng hướng tới đạt được yêu cầu đối với một Trường đại học trọng điểm, hoàn thành trọng trách trước Nhà nước, trước Bộ Giáo dục và Đào tạo và trước xã hội, Trường Đại học Sân khấu - Điện ảnh Hà Nội tiến hành thực hiện quy trình đánh giá CTĐT một số ngành đào tạo trong đó có CTĐT trình độ đại học chuyên ngành Âm thanh Điện ảnh - Truyền hình.

Tự đánh giá là một khâu quan trọng trong việc bảo đảm chất lượng giáo dục và đào tạo cũng như xây dựng văn hóa chất lượng tại Khoa CNDATH, trình độ đại học chuyên ngành Âm thanh điện ảnh - truyền hình. Trong quá trình triển khai công việc này, Hội đồng tự đánh giá CTĐT chuyên ngành Âm thanh điện ảnh - truyền hình căn cứ vào các tiêu chuẩn và mốc chuẩn đánh giá chất lượng của Bộ Giáo dục và Đào tạo để tiến hành xem xét, tự đánh giá và báo cáo về thực trạng chất lượng CTĐT trình độ đại học chuyên ngành Âm thanh điện ảnh - truyền hình để phát huy những điểm mạnh cũng như nhìn nhận lại những mặt tồn tại của CTĐT giai đoạn 2017 - 2021, trên cơ sở đó, Khoa và Trường có những phương hướng, hành động cụ thể nhằm cải tiến, nâng cao chất lượng giáo dục trong những năm tiếp theo.

Hội đồng tự đánh giá CTĐT chuyên ngành Âm thanh điện ảnh - truyền hình được thành lập theo Quyết định quyết định số 411/QĐ-SKĐAHN ngày 16 tháng 5 năm 2022 của Hiệu trưởng Trường Đại học Sân khấu - Điện ảnh Hà Nội bao gồm 19 thành viên. Trong đó, Ông Nguyễn Đình Thi, Hiệu trưởng - Chủ tịch HĐ; Ông Phạm Đắc Thi, Phó Hiệu trưởng - Phó CTHĐ; Bà Nguyễn Thị Thanh Quế, Phó Hiệu trưởng - Phó CTHĐ; Bà Hoàng Thị Thu Thủy, Phó Trưởng Khoa CNDATH – thư ký HĐ; Ông Phạm Trí Thành, Chủ tịch hội đồng Trường - Thành viên HĐ; Ông Phạm Huy Quang, Trưởng Khoa Truyền hình -TVHĐ. Các thành viên còn lại trong Hội đồng đến từ tất cả các phòng chức năng liên quan (P.Đào tạo, Quản lý Khoa học và Hợp tác quốc tế; P. Hành chính tổng hợp; P. Công tác Học sinh, sinh viên; P. KT& ĐBCLGD; Viện Sân khấu – Điện ảnh; Trung tâm thông tin thư viện, Đoàn TNCSHCM) và giảng viên, sinh viên Khoa CNDATH.

Mục đích tự đánh giá CTĐT nhằm bảo đảm chất lượng CTĐT chuyên ngành Âm thanh Điện ảnh - Truyền hình, Khoa CNDATH, Trường Đại học Sân

khẩu - Điện ảnh Hà Nội. Nâng cao chất lượng CTĐT chuyên ngành Âm thanh điện ảnh - truyền hình thông qua việc tự rà soát, xem xét, đánh giá thực trạng của chương trình đào tạo ở thời điểm tự đánh giá; là cơ sở để đăng ký đánh giá ngoài và đề nghị công nhận đạt tiêu chuẩn chất lượng CTĐT chuyên ngành Âm thanh Điện ảnh - Truyền hình; thể hiện tính tự chủ, tự chịu trách nhiệm của Nhà trường trong hoạt động đào tạo, nghiên cứu Khoa học , dịch vụ xã hội.

Công cụ đánh giá dựa trên 11 tiêu chuẩn với 50 tiêu chí đánh giá chất lượng theo Thông tư 04/2016/TT-BGDĐT, ngày 14/3/2016 của Bộ Giáo dục và Đào tạo ban hành quy định về tiêu chuẩn đánh giá chất lượng chương trình đào tạo và Kế hoạch số 118/KH- BGDĐT ngày 23/02/2017 của Bộ Giáo dục và Đào tạo về việc triển khai công tác kiểm định chất lượng giáo dục đối với cơ sở giáo dục đại học, Trường cao đẳng sư phạm và trung cấp sư phạm năm 2017. Mỗi tiêu chí được tiến hành tự đánh giá theo trình tự sau: Mô tả, làm rõ thực trạng của chương trình đào tạo; phân tích, giải thích, so sánh, đối chiếu và đưa ra những nhận định, chỉ ra những điểm mạnh, điểm tồn tại và những giải pháp khắc phục; lên kế hoạch hành động để cải tiến, nâng cao chất lượng của chương trình đào tạo.

Quy trình tự đánh giá được thực hiện theo hướng dẫn tại Công văn số 2085/QLCL ngày 31 tháng 12 năm 2020 của Cục Quản lý chất lượng về việc hướng dẫn tự đánh giá và đánh giá ngoài chương trình đào tạo và công văn 744/QLCL-KĐCLGD về việc điều chỉnh một số phụ lục công văn số 2085. Quy trình tự đánh giá được thực hiện theo các bước chính sau: Thành lập Hội đồng tự đánh giá; lập kế hoạch tự đánh giá; phân tích tiêu chí, thu thập thông tin và minh chứng; xử lý, phân tích các thông tin và minh chứng thu được; viết báo cáo tự đánh giá; lưu trữ và sử dụng báo cáo tự đánh giá; triển khai các hoạt động sau khi hoàn thành báo cáo tự đánh giá.

Phương pháp tự đánh giá chủ yếu là thu thập thông tin, minh chứng từ các nguồn ở trong và ngoài Trường từ năm học 2017 - 2018 đến hết năm học 2021 - 2022, trên cơ sở đó phân tích, đánh giá theo từng tiêu chuẩn, tiêu chí kiểm định chất lượng. Với mỗi một tiêu chuẩn, các tiêu chí được phân tích thành các yêu cầu và các câu hỏi đặt ra cho các yêu cầu, sau đó các thông tin, minh chứng được thu thập từ các phòng chức năng, Khoa, Viện, và các đối tượng liên quan.

Phương pháp mã hóa minh chứng được thực hiện theo đúng hướng dẫn của Thông tư 04/2016/TT-BGDĐT.

Hx.ab.cd. ef

H: viết tắt của “hộp minh chứng”

x: số thứ tự của tiêu chuẩn (có giá trị từ 1 đến 11)

ab: số thứ tự của tiêu chuẩn (tiêu chuẩn 1 viết 01, tiêu chuẩn 10 viết 10)

cd: số thứ tự của tiêu chí (tiêu chí 1 viết 01)

ef: số thứ tự mình chứng theo từng tiêu chí.

Bản “Báo cáo tự đánh giá Chương trình đào tạo cử nhân chuyên ngành Âm thanh điện ảnh - truyền hình” là sản phẩm của một quá trình tự đánh giá khách quan, trung thực, dân chủ, minh bạch và công khai CTĐT chuyên ngành Âm thanh Điện ảnh - Truyền hình, Khoa CNDATH theo tiêu chuẩn đánh giá chất lượng CTĐT của Bộ Giáo dục và Đào tạo (Thông tư 04/2016/TT- BGDĐT). Bản báo cáo gồm bốn phần chính: Khái quát, đánh giá theo các tiêu chuẩn, tiêu chí, kết luận và phụ lục. Phần đánh giá theo các tiêu chuẩn, tiêu chí là phần trọng tâm của báo cáo, trong đó các tiêu chuẩn, tiêu chí được trình bày lần lượt theo thứ tự: Mở đầu, mô tả, điểm mạnh, điểm tồn tại, kế hoạch hành động, đánh giá các tiêu chí và kết luận mỗi tiêu chuẩn. Phần mở đầu giới thiệu sơ lược về các tiêu chuẩn. Các tiêu chí của mỗi tiêu chuẩn được mô tả chi tiết nhằm nêu ra những điểm mạnh và những tồn tại, thông qua đó lên kế hoạch hành động và các giải pháp cải tiến. Các tiêu chí sau khi phân tích được tự đánh giá một cách khách quan theo 7 mức quy định. Những điểm nổi bật, những tồn tại cơ bản ở mỗi một tiêu chuẩn được trình bày tóm tắt ở phần kết luận. Tuy còn một số hạn chế về CTĐT nhưng theo đánh giá, các tiêu chuẩn đều đạt mức từ 4/7 đến 5/7.

2. Tổng quan chung

Trường Đại học Sân khấu - Điện ảnh Hà Nội (sau đây viết tắt là Trường hoặc Nhà trường) trực thuộc Ủy ban nhân dân Thành phố Hà Nội, chịu sự quản lý trực tiếp của Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch; Bộ Giáo Dục và Đào tạo. Trường là đơn vị sự nghiệp công lập, thuộc hệ thống giáo dục quốc dân; hoạt động theo các quy định của Luật Giáo dục, Điều lệ Trường đại học. Trường có tư cách pháp nhân, có con dấu và tài khoản riêng.

Mục đích hoạt động của Trường là đào tạo nguồn nhân lực chuyên sâu trong các lĩnh vực sân khấu, điện ảnh, nhiếp ảnh, múa, thiết kế mỹ thuật và truyền hình có trình độ từ đại học đến sau đại học, có phẩm chất chính trị, đạo đức và năng lực sáng tạo tốt, đáp ứng nhu cầu giữ gìn, kế thừa và phát triển văn hóa dân tộc, góp phần xây dựng nền văn hóa Việt Nam tiên tiến đậm đà bản sắc dân tộc. Là một trung tâm đào tạo trọng điểm hàng đầu của cả nước trong lĩnh vực sân khấu, điện ảnh, truyền hình; có khả năng hội nhập và giao lưu quốc tế, đi đầu trong việc tiếp thu kinh nghiệm đào tạo trong lĩnh vực sân khấu - điện ảnh của các nước vận dụng vào thực tế Việt Nam.

Sứ mạng của Trường được công bố như sau: “Trường Đại học Sân khấu – Điện ảnh Hà Nội có sứ mạng đào tạo nguồn nhân lực chất lượng cao, bồi dưỡng nhân tài trong các lĩnh vực sân khấu, điện ảnh, nhiếp ảnh, múa, thiết kế mỹ thuật và truyền hình, công nghệ điện ảnh – truyền hình góp phần xây dựng nền văn hóa Việt Nam và thực hiện thành công các mục tiêu về hội nhập quốc tế”. Tầm nhìn của Trường Đại học Sân khấu - Điện ảnh Hà Nội là: “Trường Đại học Sân khấu -

Điện ảnh Hà Nội sẽ là một Trường đại học nghệ thuật trọng điểm hàng đầu của Việt Nam; là trung tâm đào tạo và nghiên cứu chuyên sâu các ngành trong lĩnh vực sân khấu, điện ảnh, nhiếp ảnh, múa, thiết kế mỹ thuật và truyền hình. Tiến tới trở thành một trong các Trường đào tạo sân khấu - điện ảnh hàng đầu trong khối ASEAN” (Ban hành kèm theo Quyết định số 1219 /QĐ-SKĐAHN ngày 13/10 /2016 của Hiệu trưởng Trường Đại học Sân khấu – Điện ảnh Hà Nội). Tầm nhìn này sẽ giúp Nhà trường vạch ra cho mình hướng đi đúng và nâng cao vị thế của Nhà trường trong nước cũng như vươn tầm quốc tế. Tháng 8.2022, Nhà trường đã khảo sát các bên liên quan và điều chỉnh sứ mạng, tầm nhìn đến năm 2025, tầm nhìn đến năm 2035 (Quyết định số 731/QĐ-SKĐAHN ngày 02/8/2022).

Năm 2017, Trường Đại học Sân khấu - Điện ảnh Hà Nội đã được công nhận là Trường đạt chuẩn Quốc gia (Do Trung tâm Kiểm định chất lượng giáo dục - Đại học Quốc gia Hà Nội thực hiện đánh giá ngoài và cấp giấy chứng nhận). Thành quả đạt được dựa vào những chiến lược đúng đắn và những mục tiêu rõ ràng của Nhà trường. Những mục tiêu đó được xác định phù hợp với mục tiêu đào tạo trình độ đại học quy định tại Luật Giáo dục và sứ mạng đã tuyên bố của Nhà trường.

Trong đề án “Phát triển Trường Đại học Sân khấu - Điện ảnh Hà Nội giai đoạn 2014 - 2020” đã ghi rõ mục tiêu: "Xây dựng Trường Đại học Sân khấu - Điện ảnh Hà Nội thành trung tâm đào tạo và nghiên cứu chất lượng cao, đạt chuẩn quốc gia và đạt trình độ các Trường tiên tiến trong khu vực về các lĩnh vực nghệ thuật và kỹ thuật của các ngành sân khấu, điện ảnh, truyền hình, múa, nhiếp ảnh, thiết kế mỹ thuật và công nghệ ĐA - TH; góp phần quan trọng vào sự nghiệp xây dựng và phát triển nền văn hóa Việt Nam tiên tiến, đậm đà bản sắc dân tộc. Mục tiêu của Trường trong giai đoạn mới đã được xác định phù hợp với mục tiêu đào tạo trình độ đại học quy định tại Luật Giáo dục, Luật Giáo dục đại học và gắn với sứ mạng đã tuyên bố của Nhà trường.

Hằng năm, Nhà trường xây dựng kế hoạch, nhiệm vụ năm học nhằm cụ thể hóa mục tiêu giáo dục. Kế hoạch năm học được phổ biến rộng rãi trong toàn Trường thông qua nhiều hình thức: Tại hội nghị cán bộ, công chức, viên chức của Trường; “Tuần sinh hoạt công dân - HSSV”; đại hội Đảng và các đoàn thể; trên Website của Trường; sổ tay sinh viên; các hội nghị tổng kết năm học của Nhà trường, của các đoàn thể, các đơn vị hằng năm có đánh giá việc thực hiện nhiệm vụ, kế hoạch năm học.

Để đạt được mục tiêu đề ra, Nhà trường đã có những chính sách cụ thể nhằm nâng cao và bảo đảm chất lượng về mặt giáo dục cũng như các hoạt động khác trong Nhà trường.

Trước hết, Nhà trường ban hành hệ thống các văn bản về tổ chức, quản lý có hiệu quả các hoạt động của Nhà trường. Những văn bản này đều được công bố

minh bạch trên phần mềm văn phòng điện tử E-office, thông báo trong các cuộc họp, hội nghị, gửi thông báo công khai đến từng đơn vị, cá nhân trong toàn Trường. Trong đó quy định cụ thể chức năng nhiệm vụ của các đơn vị trực thuộc cũng như quy chế hoạt động, tổ chức hoạt động của Khoa đào tạo. Các quy định, quy chế này phù hợp với Điều lệ Trường đại học, các quy định của pháp luật và thường được bổ sung, cập nhật phù hợp với từng giai đoạn phát triển như sứ mạng và mục tiêu đã tuyên bố thông qua việc lấy ý kiến của các đơn vị, cá nhân liên quan. Những văn bản có tính pháp lý này đã và đang phát huy hiệu quả việc quản lý các hoạt động chung của Nhà trường, tạo nên một khối thống nhất, sự phối hợp nhịp nhàng giữa các đơn vị trong quá trình triển khai các hoạt động. Từ đó nâng cao chất lượng toàn diện trong toàn Trường.

Ngoài các văn bản quy định chung về chức năng, nhiệm vụ của Khoa, phòng, Trường còn ban hành các văn bản để phân định rõ chức năng, trách nhiệm và quyền hạn của các bộ phận, cán bộ quản lý, giảng viên và nhân viên. Sự phân công này được công bố công khai trên subweb của các đơn vị, nhờ đó việc liên hệ công tác của các đơn vị, cá nhân bên ngoài cũng như giữa các đơn vị, cá nhân trong Trường được tiện lợi. Việc phân công, phân cấp quyền hạn và trách nhiệm cho các đơn vị khá hợp lý, được cán bộ, nhân viên đồng tình, ủng hộ, phát huy được vai trò, tính tự chịu trách nhiệm của từng cá nhân và tập thể. Điều này đã tạo điều kiện thuận lợi và hỗ trợ tích cực cho công tác quản lý, điều hành các mặt hoạt động của các đơn vị và Nhà trường.

Tổ chức Đảng và các tổ chức đoàn thể trong Trường luôn được nhấn mạnh về vai trò dẫn đầu trong việc duy trì cũng như phát huy hiệu quả làm việc của toàn Trường. Dưới sự lãnh đạo sâu sát, toàn diện của Đảng uỷ, tổ chức Công đoàn, Đoàn Thanh niên CSHCM đã tổ chức được các hoạt động phong phú, đa dạng, thu hút đông đảo đảng viên, đoàn viên tham gia. Tổ chức Công đoàn đã đổi mới nội dung và phương pháp hoạt động; chăm lo, cải thiện đời sống vật chất, tinh thần cho cán bộ, công chức, viên chức. Công đoàn Trường đã tích cực, chủ động phối hợp với lãnh đạo các đơn vị, tham mưu cho cấp uỷ Đảng tổ chức triển khai, quán triệt các chỉ thị, nghị quyết đến cán bộ, viên chức trong toàn Trường; tham gia tổ chức triển khai, kiểm tra, giám sát việc thực hiện chính sách tiền lương và việc điều phối quỹ phúc lợi bảo đảm công bằng, minh bạch, góp phần ổn định Nhà trường.

Đoàn Thanh niên CSHCM Trường đã tổ chức được các phong trào cho thanh niên sinh viên rèn luyện đạo đức, lối sống, kỹ năng sống. Bên cạnh việc chú trọng bảo đảm hiệu quả vận hành về mặt tổ chức, Nhà trường luôn coi chất lượng giáo dục đại học là chìa khoá thành công trong việc phát huy sứ mạng đào tạo của mình. Năm 2014, Phòng Khảo thí & ĐBCLGD được thành lập với chức năng, nhiệm vụ cụ thể. Bên cạnh đó, Nhà trường có các chiến lược và kế hoạch phát triển ngắn hạn, trung hạn, dài hạn phù hợp với định hướng phát triển và sứ mạng

của nhà Trường; có chính sách và biện pháp giám sát, đánh giá việc thực hiện các kế hoạch của Nhà trường.

Kế hoạch chiến lược phát triển Trường giai đoạn 2013-2020 đã giới thiệu khái quát các giai đoạn phát triển quan trọng, các lĩnh vực hoạt động và những thành tựu của Nhà trường; phân tích những điểm mạnh cơ bản, những tồn tại cần khắc phục; đồng thời đánh giá những cơ hội và thách thức mà Nhà trường đang đối mặt trên các lĩnh vực hoạt động; tuyên bố sứ mạng, tầm nhìn đến năm 2020 và xây dựng mục tiêu chiến lược cho các lĩnh vực hoạt động của Nhà trường; cụ thể hóa các mục tiêu chiến lược bằng hệ thống các giải pháp, chỉ số giám sát, khung thời gian và nguồn tài chính để thực hiện như hoàn thành kiểm định chất lượng Trường đại học trước tháng 4 năm 2017, đẩy mạnh việc xây dựng Trường thành Trường đại học trọng điểm quốc gia.

Song song với việc xây dựng kế hoạch dài hạn, công tác xây dựng kế hoạch phát triển Nhà trường ngắn hạn, trung hạn cũng được Nhà trường xúc tiến hàng năm. Nhà trường đã đề ra các chính sách và biện pháp giám sát, đánh giá việc thực hiện kế hoạch chiến lược phát triển Nhà trường bao gồm: Xây dựng, ban hành các quy chế, quy định, hướng dẫn để cụ thể hóa. Triển khai thanh tra, kiểm tra, giám sát việc thực hiện trong chương trình công tác hằng năm của Ủy ban Kiểm tra Đảng ủy, Ban Thanh tra nhân dân... Ban Giám hiệu trực tiếp duyệt kế hoạch công tác năm học của tất cả các đơn vị trực thuộc Trường.

Đơn vị thực hiện CTĐT chuyên ngành Âm thanh điện ảnh - truyền hình là Khoa CNDATH. Khoa CNDATH tiền thân là Trường Điện ảnh Việt Nam được thành lập vào ngày 31/10/1959. Ngày 30/3/2005, Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo đã ký quyết định số 1337/QĐ/BGDĐT ban hành chương trình đào tạo đại học và cho phép Trường được tuyển sinh đào tạo 02 ngành: Công nghệ điện ảnh – truyền hình và Công nghệ kỹ thuật điện, điện tử. Từ năm 2005 đến 2012, Khoa liên tục tuyển sinh trình độ đại học chính quy của 2 ngành trên. Ngoài ra, từ năm 2010, Khoa còn tuyển thêm hệ cao đẳng ngành Công nghệ điện ảnh – truyền hình. Từ năm 2013, để đáp ứng nhu cầu thực tiễn của ngành Công nghệ, Kỹ thuật điện ảnh – truyền hình, Khoa đang đào tạo 2 chuyên ngành Công nghệ Dựng phim và Âm thanh điện ảnh - truyền hình thuộc ngành Công nghệ điện ảnh – truyền hình. Với chức năng xây dựng và tổ chức thực hiện kế hoạch đào tạo, nghiên cứu Khoa học, thực hành, thực tập... Khoa Công nghệ ĐA-TH đã và đang là địa chỉ đào tạo nguồn nhân lực chất lượng cao, nhằm đáp ứng yêu cầu phát triển của lĩnh vực công nghệ Điện ảnh, truyền hình trong cả nước.

Chuyên ngành Âm thanh điện ảnh – truyền hình đào tạo sinh viên trở thành những kỹ sư chuyên ngành âm thanh điện ảnh – truyền hình. Sinh viên sau khi tốt nghiệp có khả năng ứng dụng kỹ thuật chuyên sâu về công nghệ Âm thanh điện ảnh – truyền hình kết hợp với kiến thức về nghệ thuật điện ảnh để đảm nhận các

công việc thuộc lĩnh vực làm âm thanh trong phim, trong truyền hình tại các hãng phim, các đài truyền hình, các công ty truyền thông ở nền tảng số.

Chuyên ngành Công nghệ Dựng phim đào tạo sinh viên trở thành những cử nhân chuyên ngành Công nghệ dựng phim và đồ họa, kỹ xảo. Sinh viên sau khi tốt nghiệp có khả năng ứng dụng kỹ thuật chuyên sâu về công nghệ dựng phim, công nghệ đồ họa, kỹ xảo kết hợp với kiến thức về nghệ thuật điện ảnh để đảm nhận các công việc về dựng phim điện ảnh - truyền hình, làm công nghệ đồ họa, kỹ xảo tại các hãng phim, các đài truyền hình, nền tảng trình chiếu số.

Sự nghiệp phát triển đào tạo của Khoa gắn liền và đồng hành với ngành điện ảnh - truyền hình Việt Nam. Khoa CNĐATH là nơi đào tạo nguồn nhân lực cho ngành điện ảnh – truyền hình, nhiều thế hệ sinh viên của Trường, của Khoa đã trưởng thành và có nhiều đóng góp cho sự phát triển của ngành điện ảnh - truyền hình ngày nay.

Bộ Văn hoá, Thể thao và Du lịch – Trường Đại học Sân khấu – Điện ảnh Hà Nội trong nhiều năm qua đã đầu tư cho Khoa CNĐATH về trang thiết bị, cơ sở vật chất thuộc các lĩnh vực: kỹ thuật điện tử; thiết bị chiếu phim nhựa; thiết bị chiếu phim video; thiết bị dựng phim video; thiết bị dựng âm thanh; hòa âm, đáp ứng nhu cầu đào tạo với số lượng 50 sinh viên /năm/các khoá học. Các phòng học được xây dựng mới, đảm bảo đúng quy chuẩn của Bộ.

Khoa CNĐATH cam kết trang bị cho người học những kiến thức chuyên sâu trong lĩnh vực truyền hình và các kỹ năng cơ bản, giúp cho người học sau khi tốt nghiệp có thể nhanh chóng nắm bắt được những vấn đề của xã hội để đào tạo theo kịp sự phát triển của công nghệ hiện đại. Chương trình đào tạo của Khoa cung cấp cho sinh viên những kiến thức nền tảng, cơ bản và toàn diện về nghiệp vụ kỹ thuật, công nghệ âm thanh để ứng dụng thành thạo cho sáng tác âm thanh, dựng phim, trau dồi kỹ năng thực hành làm chương trình truyền hình, phim ảnh, các thể loại phim (phim truyện, phim tài liệu, phóng sự, phim ca nhạc...). Tác phẩm điện ảnh, truyền hình luôn có sức lan tỏa mạnh mẽ, tạo sự ảnh hưởng nhanh và mạnh trong dư luận xã hội. Do đó, Khoa CNĐATH luôn tạo những điều kiện tốt nhất để sinh viên phát huy năng lực sáng tạo của bản thân trong học tập và nghiên cứu khoa học, song song với việc rèn luyện về tư cách đạo đức nghề nghiệp, ý thức kỷ luật để có thể thích ứng với môi trường làm việc áp lực cao.

Phần lớn sinh viên của Khoa sau khi tốt nghiệp đã tìm được việc làm đúng ngành nghề đào tạo và khẳng định được vị trí của mình trong các đài phát thanh, truyền hình của trung ương và địa phương, các hãng phim, các công ty nghe nhìn, các công ty tu sửa lắp đặt hệ thống thiết bị âm thanh...

Trải qua 27 năm đào tạo, chuyên ngành Âm thanh điện ảnh - truyền hình đã đào tạo khoảng 400 kỹ sư âm thanh ĐA-TH. Các kỹ sư ra Trường có kiến thức và kỹ năng tốt, cung cấp nguồn nhân lực chất lượng cao cho hệ thống các đài

truyền hình như: Đài truyền hình Việt Nam, Truyền hình Hà Nội, Truyền hình Công an, Truyền hình Quốc hội, Truyền hình Quân đội Nhân dân, Truyền hình Quốc phòng, Truyền hình hình các tỉnh thành... Các hãng phim, đài phát thanh, các công ty media. Các công ty buôn bán, thiết kế, lắp đặt thiết bị điện thanh và âm học kiến trúc, góp phần làm nên diện mạo của ngành Công nghệ, Kỹ thuật điện ảnh - truyền hình giai đoạn hiện nay.

Hiện nay đội ngũ giảng dạy của Khoa có 08 giảng viên trong biên chế, với trình độ từ thạc sĩ trở lên.

Khoa có nhiều mối quan hệ tốt với các nhà tuyển dụng trong cả nước, các công ty sản xuất phim, các đài truyền hình, công ty sản xuất, thiết kế âm học, trang âm... giảng viên của Khoa đã tạo dựng nhiều cơ hội để các sinh viên đi thực tập, làm việc tại các công ty truyền thông, Đài Truyền hình, đoàn phim, công ty thiết kế lắp đặt thiết bị âm thanh... nâng cao nghiệp vụ thực hành, cọ xát nghiệp vụ ở các trình độ ... và cũng là cơ hội tiếp cận việc làm khi sinh viên ra Trường. Cán bộ, giảng viên và sinh viên Khoa CNDATH có truyền thống tinh thần tương thân tương ái. Các giảng viên của Khoa luôn kịp thời hỗ trợ các sinh viên có hoàn cảnh khó khăn và động viên khuyến khích các sinh viên có thành tích tốt trong học tập và rèn luyện.

Sứ mạng của Khoa cũng chính là sứ mạng của Trường, đó là đào tạo các kỹ sư âm thanh điện ảnh - truyền hình, cung cấp nguồn nhân lực chính dẫn đầu quốc gia. Cụ thể, Khoa chịu trách nhiệm đào tạo kỹ sư chính quy chuyên ngành Âm thanh Điện ảnh - truyền hình. Bên cạnh đó, chuyên ngành Công nghệ Dựng phim cũng đang giữ vai trò quan trọng trong nhiệm vụ đào tạo đáp ứng nhu cầu của thị Trường việc làm.

Khoa đã và đang thực hiện những chính sách và hoạt động cụ thể nhằm bảo đảm chất lượng toàn diện. Được sự chỉ đạo của Đảng ủy, Ban Giám hiệu Nhà trường, Chi bộ kiến thức cơ bản, Công nghệ ĐATH, cán bộ viên chức, sinh viên của đơn vị luôn quán triệt đầy đủ và thực hiện nghiêm túc, hiệu quả các nhiệm vụ chính trị của Nhà trường, các chỉ thị, nghị quyết của Đảng, pháp luật của Nhà nước, chủ trương của ngành Giáo dục và Đào tạo; phát huy quyền làm chủ của cán bộ viên chức, người học, gắn liền với sự lãnh đạo của tổ chức Đảng, chấp hành nguyên tắc tập trung dân chủ và phát huy vai trò của các tổ chức đoàn thể quần chúng. Toàn thể cán bộ Khoa đoàn kết, đồng lòng với các chủ trương chính sách của Đảng và Nhà nước cũng như Nhà trường, góp phần xây dựng Trường và Khoa ngày càng vững mạnh.

Thứ hai, công tác sinh viên, công tác đoàn thể được chú trọng. Khoa đã chỉ đạo liên chi đoàn tổ chức nhiều hoạt động bổ ích, thiết thực. Tổ chức tốt tuần sinh hoạt công dân đầu khoá, đầu các năm học. Tổ chức quán triệt các chủ trương, chính sách của Đảng và Nhà nước, của ngành Giáo dục và Đào tạo cho người học

thông qua các buổi sinh hoạt cán bộ lớp, cán bộ đoàn và các hoạt động chung của Khoa. Tham gia Hội nghị đối thoại giữa sinh viên với lãnh đạo Nhà trường, Khoa nắm bắt thông tin và giải quyết kịp thời những kiến nghị, đề xuất của sinh viên và học viên, không có hiện tượng khiếu nại vượt cấp.

Thứ ba, công tác tổ chức và xây dựng đội ngũ được coi là nòng cốt để tạo nền móng bền vững cho chất lượng đào tạo. Các giảng viên cũng theo học những khóa ngắn hạn trong nước và ngoài nước để nâng cao nghiệp vụ chuyên môn và nghiệp vụ sư phạm. (ThS. Hoàng Thị Thu Thủy tham gia các khóa học Công nghệ Âm thanh Điện ảnh số tại Hàn Quốc, Sản xuất phim tại Thụy Điển, sản xuất phim tại ĐH Tổng hợp Nam California, Mỹ. ThS. Nguyễn Đình Nin tham gia khóa học Công nghệ kỹ xảo số tại Trung Quốc, ThS. Nguyễn Hữu Mỹ, ThS. Lê Khắc Tuấn, ThS. Nguyễn Đình Huy tham gia khóa học tại Hàn Quốc năm 2010, 2012, ThS. Bùi Hoài Thanh đã tham gia khóa học dựng phim Final cut Pro trên nền tảng Mac G4 do MTV châu Á tổ chức đào tạo tại Singapore vào năm 1999. Các giảng viên chú tâm nghiên cứu khoa học và đã có những kết quả đáng kể. ThS. Nguyễn Đình Nin tác giả công trình giáo trình Dựng phim năm..., Giảng viên 2 tổ bộ môn ÂTDATH và Công nghệ Dựng phim hoàn thành bộ chương trình đào tạo và đề cương môn học từ khóa 38 (ban hành năm 2018), ThS. Hoàng Thị Thu Thủy đạt giải Cánh diều vàng Thiết kế âm thanh xuất sắc nhất phim truyện điện ảnh năm 2021).

Thứ tư, công tác đào tạo, bảo đảm chất lượng và thanh tra giáo dục cũng là một trong những yếu tố quan trọng trong quá trình nâng cao chất lượng giáo dục. Chương trình đào tạo của Khoa thường xuyên được cập nhật với xu thế của thế giới, nội dung giảng dạy ngày càng phong phú, linh hoạt và theo định hướng phát triển năng lực của người học nhằm đáp ứng được nhu cầu xã hội.

Thứ năm, Khoa chú trọng công tác nghiên cứu khoa học cho sinh viên thông qua chương trình tọa đàm, sinh hoạt khoa học, học tập giao lưu với các nhà làm phim, các nhà nghiên cứu phim, đi kiến tập tại các cơ sở sản xuất như đài truyền hình Việt Nam, hãng phim truyền hình Việt Nam, đài truyền hình Quốc phòng, An ninh nhân dân, nhà hát lớn Hà Nội, công ty Phù Sa lab... Do vậy, sinh viên của Khoa luôn được cập nhật các công nghệ âm thanh mới. Đặc biệt, trong các giờ học chuyên đề Khoa có mời các kỹ sư âm thanh, nhà sản xuất, các cựu sinh viên thành đạt đến chia sẻ những kinh nghiệm từ thành công cũng như thất bại trong nghề nghiệp để các giảng viên và sinh viên có được những bài học thực sự cần thiết. Trong những buổi giao lưu đó các giảng viên cũng cùng nhau phân tích, thảo luận để công tác học tập, cập nhật công nghệ, sáng tạo trong chuyên môn âm thanh phim đạt hiệu quả cao hơn.

Công tác cơ sở vật chất, thiết bị, kế hoạch - tài chính, đời sống cũng được coi là nhiệm vụ thiết yếu trong tổng thể bảo đảm chất lượng của Trường và Khoa.

Cơ sở vật chất phục vụ đào tạo và chuyên môn nghiệp vụ của Khoa do Nhà trường phân bổ. Quỹ hoạt động của Khoa luôn được chi đúng mục đích và minh bạch, theo quy chế chi tiêu nội bộ của đơn vị. Quỹ phúc lợi được chia công bằng cho cán bộ nhân dịp các ngày lễ lớn như 20 -11, Tết cổ truyền của dân tộc. Ngoài ra đơn vị còn tổ chức thăm hỏi động viên cán bộ và thân nhân khi có việc trọng đại. Công tác thăm hỏi cựu giáo chức luôn được quan tâm chu đáo. Đời sống cán bộ Khoa ngày càng được nâng lên, cán bộ yên tâm làm việc và gắn bó với nghề.

Với những chính sách trên, từ khi thành lập đến nay, Khoa CNDATH luôn là địa chỉ tin cậy cho sinh viên chọn làm nơi rèn đức luyện tài, là một trong những cơ sở đào tạo chuyên ngành Âm thanh điện ảnh - truyền hình uy tín trong nước, là nơi tạo dựng tương lai tươi sáng cho các sinh viên trong lĩnh vực hoạt động nghề nghiệp.

PHẦN II. TỰ ĐÁNH GIÁ THEO CÁC TIÊU CHUẨN, TIÊU CHÍ

Tiêu chuẩn 1: Mục tiêu và chuẩn đầu ra của chương trình đào tạo

Mở đầu

Mục tiêu của chương trình đào tạo (CTĐT) trình độ đại học chuyên ngành Âm thanh Điện ảnh - Truyền hình được xác định rõ ràng, phù hợp với sứ mạng, tầm nhìn của Trường và phù hợp với mục tiêu của giáo dục đại học (GDĐH) quy định trong Luật GDĐH. Trên cơ sở đó, chuẩn đầu ra (CĐR) của CTĐT trình độ cử nhân Âm thanh Điện ảnh - Truyền hình được xác định rõ ràng, phản ánh được mục tiêu chung và mục tiêu cụ thể người học cần đạt được sau khi hoàn thành CTĐT. CĐR của CTĐT phản ánh được yêu cầu của các bên liên quan, được định kỳ rà soát, điều chỉnh và công bố công khai.

Tiêu chí 1.1: Mục tiêu của CTĐT được xác định rõ ràng, phù hợp với sứ mạng và tầm nhìn của cơ sở giáo dục đại học, phù hợp với mục tiêu của giáo dục đại học quy định tại Luật giáo dục đại học.

1. Mô tả hiện trạng

Mục tiêu của CTĐT ngành ÂTDATH được xác định rõ ràng theo các văn bản quy định về xây dựng CTĐT với các yêu cầu chặt chẽ về hình thức, mục tiêu, yêu cầu về chuẩn kiến thức, kỹ năng của đào tạo trình độ đại học **[H1.01.01.01]**; mục tiêu của CTĐT hướng tới việc thực hiện sứ mạng và tầm nhìn của Nhà trường **[H1.01.01.02]**. Cụ thể, sinh viên sau khi tốt nghiệp CTĐT trình độ đại học chuyên ngành Âm thanh Điện ảnh – Truyền hình có kiến thức cơ sở ngành và chuyên ngành, hình thành ý tưởng, xây dựng, thực hiện và phát triển các hoạt động nghề nghiệp liên quan đến âm thanh điện ảnh, truyền hình nói riêng và văn hoá nói chung trong bối cảnh hiện đại hóa đất nước và hội nhập quốc tế **[H1.01.01.03]**.

CTĐT đã được rà soát, điều chỉnh, để phù hợp với sứ mạng và tầm nhìn của Nhà trường **[H1.01.01.04]**. Đặc biệt từ năm 2018, thực hiện hướng dẫn quy trình xây dựng và triển khai đổi mới CTĐT của Trường Đại học SKĐAHN, Khoa Công nghệ ĐATH đã tổ chức xây dựng và triển khai đổi mới CTĐT chuyên ngành Âm thanh Điện ảnh – Truyền hình **[H1.01.01.05]**. Mục tiêu của CTĐT chuyên ngành Âm thanh Điện ảnh – Truyền hình phù hợp với mục tiêu đào tạo trình độ đại học quy định tại Luật Giáo dục đại học. Mục tiêu đào tạo được cụ thể hóa thành tiến trình đào tạo, kế hoạch đào tạo, luôn được điều chỉnh, cập nhật và phát triển theo hướng hiện đại hóa, đáp ứng nhu cầu xã hội, quy mô phát triển của Khoa, của Trường. Theo đó, điểm đổi mới về số đơn vị học trình (ĐVHT) và số đầu môn, giảm thiểu các môn kiến thức điện tử để chuyên sâu vào kiến thức công nghệ âm thanh và phương pháp xử lý âm thanh biểu hiện của truyền hình và điện ảnh. Từ năm 2017 đến 2022,

chuyên ngành Âm thanh Điện ảnh – Truyền hình đã có những đổi mới và cập nhật các công nghệ âm thanh trong hai lĩnh vực nghệ thuật điện ảnh và truyền hình, nhằm đáp ứng nhu cầu đổi mới của xã hội. Sinh viên được tiếp cận với những công nghệ âm thanh tân tiến, những làn sóng sáng tạo mới cũng như những kỹ thuật làm phim, truyền hình thế giới. Giai đoạn 2017-2022, Khoa đã lấy ý kiến đóng góp của chuyên gia, cơ quan quản lý chuyên môn, trưởng bộ môn, SV năm cuối, cựu SV và nhà tuyển dụng về CTĐT [H1.01.01.06]. Kết quả cho thấy các bên liên quan đánh giá kiến thức, kỹ năng, năng lực trong CDR, học phần trong khung CTĐT đáp ứng yêu cầu của xã hội, phù hợp với tầm nhìn, sứ mạng, chức năng, nhiệm vụ và nguồn lực của Nhà trường [H1.01.01.07].

2. Điểm mạnh

Mục tiêu của CTĐT chuyên ngành ÂTDATH được xác định rõ ràng, phù hợp với sứ mạng và tầm nhìn của Trường Đại học Sân khấu - Điện ảnh Hà Nội, phù hợp với mục tiêu giáo dục đại học. Mục tiêu được cụ thể hóa thành các nhiệm vụ, kế hoạch đào tạo theo từng năm học, từng học kỳ. Nội dung của CTĐT đã có sự tích hợp, được cải tiến cho phù hợp với yêu cầu của tình hình mới.

3. Điểm tồn tại

Việc khảo sát định kỳ lấy ý kiến đóng góp của các bên liên quan về mục tiêu của CTĐT chuyên ngành ÂTDATH chưa tiến hành thường xuyên, định kỳ.

4. Kế hoạch hành động

Phát huy điểm mạnh: Từ năm học 2022 - 2023, Hội đồng KHĐT của Khoa Công Nghệ ĐA-TH tổ chức đánh giá, rà soát lại mục tiêu của CTĐT theo hướng phù hợp hơn với sứ mạng, tầm nhìn của Đại học Sân khấu - Điện ảnh Hà Nội, với Luật giáo dục đại học sửa đổi và đáp ứng hơn nữa nhu cầu xã hội và xu hướng phát triển của khu vực và thế giới. (Căn cứ Thông tư 17/2021/TT-BGDĐT ngày 22/6/2021 Quy định về chuẩn chương trình đào tạo; xây dựng, thẩm định và ban hành chương trình đào tạo các trình độ của giáo dục ĐH).

Khắc phục tồn tại: Từ năm học 2022 - 2023, Khoa CNĐATH phối hợp với P.KT&ĐBCLGD định kỳ 2 năm một lần tổ chức lấy ý kiến đóng góp của các bên liên quan về mục tiêu của CTĐT chuyên ngành ÂTDATH.

5. Tự đánh giá: Tiêu chí đạt (mức 5/7).

Tiêu chí 1.2: Chuẩn đầu ra của chương trình đào tạo được xác định rõ ràng, bao quát được cả các yêu cầu chung và yêu cầu chuyên biệt mà người học cần đạt được sau khi hoàn thành chương trình đào tạo.

1. Mô tả hiện trạng

CDR của CTĐT trình độ cử nhân chuyên ngành Âm thanh Điện ảnh –

Truyền hình được xác định rõ ràng và bắt đầu xây dựng từ năm 2018 theo một quy trình thống nhất [H1.01.02.01]. CDR phù hợp với mục tiêu của CTĐT được thể hiện thông qua các yếu tố cốt lõi người học cần đạt được sau khi tốt nghiệp về kiến thức, kỹ năng, mức độ tự chủ và chịu trách nhiệm cũng như triển vọng việc làm trong tương lai. Theo đó, CDR của CTĐT đã được thiết kế rõ ràng, giúp cho SV và GV xác định mục tiêu cần đạt được trong quá trình giảng dạy và học tập về các kiến thức, kỹ năng, thái độ sau khi học tập và giảng dạy [H1.01.02.02].

CDR của CTĐT trình độ đại học chuyên ngành Âm thanh Điện ảnh – Truyền hình bao quát được tất cả các yêu cầu chung và yêu cầu chuyên biệt mà người học cần đạt được sau khi hoàn thành CTĐT. Cụ thể là:

(1) Về mặt kiến thức cơ bản: CTĐT chuyên ngành Âm thanh Điện ảnh – Truyền hình hướng đến trang bị cho SV những kiến thức cơ bản liên quan đến các hiểu biết về lý luận chính trị, kiến thức xã hội, kiến thức kỹ thuật như toán, vật lý, tin học, sử dụng CNTT trong học tập, hoạt động nghề nghiệp và nghiên cứu, các kiến thức cơ bản, hiểu biết về hội nhập quốc tế và định hướng nghề nghiệp.

Về kiến thức cơ sở ngành: Hiểu biết, vận dụng và phân tích được khối kiến thức và kỹ năng kỹ thuật như: kỹ thuật điện, điện tử, vẽ kỹ thuật, cấu trúc máy tính, kỹ thuật Audio và video, quy trình công nghệ sản xuất ĐATH.

Đối với kiến thức nghệ thuật, người học hiểu, vận dụng và phân tích được các kiến thức trong khối kiến thức và kỹ năng về nói chung của Điện ảnh, Truyền hình như các môn học: Lịch sử Điện ảnh truyền hình Việt Nam và thế giới; lịch sử văn học Việt Nam và thế giới; xã hội học; tâm lý; mỹ học; dựng phim; quay phim; phân tích phim.

Hiểu biết phương pháp NCKH chuyên ngành. Những kiến thức chuyên ngành giúp SV xác định và nắm bắt một cách rõ nét khối kiến thức nền tảng của chuyên ngành ÁTĐATH và của từng chuyên ngành chuyên sâu như phim truyện, phim tài liệu và các loại hình của chương trình truyền hình; giúp người học vận dụng và sử dụng sáng tạo các kiến thức chuyên ngành ÁTĐATH vào nghiên cứu và ứng dụng kỹ nghệ âm thanh để sản xuất phim và sản xuất chương trình truyền hình; hiểu, vận dụng, phân tích và sáng tạo đối với các môn kiến thức chuyên ngành như: Âm học kiến trúc, công nghệ âm thanh số, công nghệ thu thanh, kỹ thuật và thiết bị ĐATH, thiết bị âm thanh, dựng và thiết kế âm thanh phim, hòa âm phim.

Phát triển hoạt động nghề nghiệp chuyên sâu, về kỹ năng: SV được trang bị kiến thức lập kế hoạch thực tập nghề nghiệp, triển khai quy trình thực tập nghề nghiệp, áp dụng các giải pháp thực tập nghề nghiệp hiệu quả, đánh giá và cải tiến hoạt động thực tập nghề nghiệp.

CĐR chuyên ngành ÂTĐATH xác định rõ ràng những kỹ năng, phẩm chất cá nhân và nghề nghiệp mà SV phải đạt được như: SV có phương pháp và kỹ năng làm việc trong lĩnh vực thiết kế âm học, thiết kế và lắp đặt trang âm, sử dụng thành thạo thiết bị âm thanh, xử lý kỹ nghệ âm thanh trong sản xuất phim và các chương trình truyền hình, phát thanh.

Kỹ năng làm việc nhóm và thuyết trình được chú trọng trong CĐR chuyên ngành ÂTĐATH. Cụ thể, SV phải có khả năng cập nhật kiến thức và công nghệ âm thanh mới, trải nghiệm sáng tạo, thích nghi với các môi trường làm việc khác nhau. Kỹ năng làm việc nhóm và giao tiếp được nhấn mạnh trong CĐR chuyên ngành ÂTĐATH. Theo đó, SV phải có kỹ năng làm việc nhóm bao gồm kỹ năng triển khai thành lập nhóm, hoạt động nhóm, lãnh đạo hoạt động nhóm; kỹ năng giao tiếp, kỹ năng thuyết trình, tổ chức công việc.

(3) CĐR chuyên ngành ÂTĐATH xác định những phẩm chất cá nhân và đạo đức nghề nghiệp như liêm chính và trách nhiệm xã hội, hành xử chuyên nghiệp, trung thực trong nghề nghiệp, nhiệt tình và say mê công việc, tính kỷ luật nghề nghiệp.

Về mức tự chủ và trách nhiệm: Nhóm CĐR cuối cùng SV cần đạt liên quan đến năng lực vận hành hệ thống thiết bị âm thanh trong điện ảnh và truyền hình, xây dựng, thực hiện và phát triển hoạt động nghề nghiệp trong môi trường xã hội và tổ chức. Liên quan đến bối cảnh xã hội, SV phải nhận thức được vai trò và trách nhiệm của cử nhân ngành ÂTĐATH, xác định được tác động giữa người làm âm thanh đối với xã hội, hiểu biết được các quy định của xã hội đối với hoạt động nghề nghiệp, hiểu biết bối cảnh lịch sử và văn hóa dân tộc và bối cảnh hội nhập quốc tế. Bối cảnh tổ chức yêu cầu SV có hiểu biết về sự đa dạng văn hóa của tổ chức, hiểu biết sứ mệnh, tầm nhìn, chiến lược phát triển của tổ chức; hiểu biết bối cảnh kinh doanh, hoạt động của tổ chức. CĐR quy định SV hình thành được ý tưởng hoạt động nghề nghiệp, liên quan đến năng lực xác định nhu cầu và thiết lập các mục tiêu hoạt động nghề nghiệp, xác định chức năng, nguyên tắc tổ chức, nội dung và quy trình hoạt động nghề nghiệp, phác thảo kế hoạch hoạt động nghề nghiệp; năng lực xây dựng phương án khả thi cho hoạt động nghề nghiệp, phân tích các giai đoạn của hoạt động nghề nghiệp, lựa chọn phương pháp tiếp cận phù hợp, xây dựng phương pháp đánh giá hoạt động nghề nghiệp. CĐR còn chú trọng đến năng lực thực hiện triển khai hoạt động nghề nghiệp và vận dụng kiến thức, kỹ năng chuyên ngành vào thực tiễn hoạt động nghề nghiệp.

(4) Về triển vọng việc làm trong tương lai: Sau khi tốt nghiệp cử nhân chuyên ngành ÂTĐATH SV có thể đảm nhận công việc trong lĩnh vực thiết kế âm học, thiết kế trang âm, sử dụng thành thạo thiết bị âm thanh, xử lý âm thanh trong sản xuất phim và các chương trình truyền hình, phát thanh tại các hãng phim, đài truyền hình, phát thanh, các nhà hát, studio âm thanh, các công ty sản xuất

video/audio trên nền tảng số... Tuy nhiên, CDR cho môn học mới chỉ được phản ánh dưới dạng mục tiêu của từng môn học [H1.01.02.03].

CDR của CTĐT trình độ đại học chuyên ngành ÂTDATH được đo lường và đánh giá về các mặt kiến thức, kỹ năng, mức tự chủ và chịu trách nhiệm của SV thông qua năng lực của SV giải quyết các bài tập trên lớp, bài về nhà, giải quyết các bài tập nhóm, bài tiểu luận, bài thi kết thúc học phần và thực hiện bài tốt nghiệp là các đề án có nội dung như thiết kế âm học, thiết kế và lắp đặt hệ thống trang âm, sản xuất âm thanh phim, truyền hình, âm nhạc....Thang điểm đạt được của các phương pháp đánh giá trên cho thấy SV đạt được CDR ở mức độ khá cao theo yêu cầu [H1.01.02.04]. Bên cạnh đó, Khoa CNĐATH còn thực hiện việc khảo sát nhà tuyển dụng, các giảng viên là các nhà Khoa học, các chuyên gia đầu ngành và cựu SV về CDR thông qua buổi tọa đàm về CTĐT. Kết quả cho thấy đối tượng tham gia khảo sát đều đánh giá CDR đáp ứng được yêu cầu người học cũng như yêu cầu tại đơn vị tuyển dụng [H1.01.02.04, H1.01.02.05].

2. Điểm mạnh

CDR của CTĐT bảo đảm được yêu cầu chung và yêu cầu chuyên biệt trong đào tạo, trang bị cho người học các chuẩn kiến thức, kỹ năng, mức tự chủ của người học giúp người học giải quyết tình huống thực tiễn tốt hơn từ đó giúp cho SV có nhiều cơ hội về việc làm, phát triển nghề nghiệp trong tương lai.

3. Điểm tồn tại

Chưa có nhiều phương pháp và công cụ để đánh giá và đo lường CDR.

4. Kế hoạch hành động

Phát huy điểm mạnh: Từ năm học 2022 - 2023, Khoa CNĐATH tiếp tục thực hiện đúng các yêu cầu về kiến thức, kỹ năng cho SV theo CDR đã xây dựng.

Khắc phục tồn tại: Từ năm học 2022 - 2023, Phòng ĐT, QLKH & HTQT, Phòng KT&ĐBCLGD, Khoa CNĐATH phối hợp tham mưu cho lãnh đạo Nhà trường ban hành hướng dẫn về phương pháp và công cụ đo lường mức độ đạt được của CDR.

5. Tự đánh giá: Tiêu chí đạt (mức 4/7).

Tiêu chí 1.3: Chuẩn đầu ra của chương trình đào tạo phản ánh được yêu cầu của các bên liên quan, được định kỳ rà soát, điều chỉnh và được công bố công khai

1. Mô tả hiện trạng

CDR của CTĐT trình độ đại học chuyên ngành ÂTDATH phản ánh được yêu cầu của các bên liên quan. CDR của CTĐT trình độ đại học chuyên ngành ÂTDATH được xây dựng từ năm 2017. Căn cứ hướng dẫn xây dựng CDR được

Trường ban hành, ý kiến khảo sát của các bên liên quan, khảo sát nhu cầu thị Trường lao động, Khoa Công nghệ ĐATH đã tiến hành họp xây dựng và thống nhất CĐR **[H1.01.03.01]**. Do CĐR được rà soát, điều chỉnh theo ý kiến của các bên liên quan nên CĐR của CTĐT cử nhân chuyên ngành ÂTĐATH ngày càng cụ thể, rõ ràng hơn, giúp SV định hướng tốt hơn trong việc hoàn thành chương trình học tập của mình.

CĐR của CTĐT trình độ đại học chuyên ngành ÂTĐATH được định kỳ rà soát điều chỉnh 2 năm 1 lần. Theo đó, sau khi ban hành CĐR vào năm 2017, đến năm 2019, Phòng Đào tạo, QLKH & HTQT phối hợp với Khoa CNĐATH đã tiến hành rà soát và điều chỉnh CTĐT nói chung và CĐR nói riêng của CTĐT các chuyên ngành Khoa Công nghệ ĐATH trong đó có chuyên ngành ÂTĐATH. Việc rà soát điều chỉnh được thực hiện theo trình tự như sau: Bước 1, lấy ý kiến đánh giá của người học các khóa trước, ý kiến nhà sử dụng lao động **[H1.01.03.02]**, tổng hợp thực trạng nhu cầu nhân lực trên thị Trường **[H1.01.03.03]**. Bước 2, sau khi tổng hợp ý kiến của các bên có liên quan, Khoa tiến hành so sánh với CTĐT với 02 Trường quốc tế (Trường INSAS, Bỉ và Cao đẳng Columbia Hollywood, Mỹ) **[H1.01.03.04]**. Bước 3, Khoa tiến hành tổng hợp, phân tích, đánh giá việc điều chỉnh bổ sung CĐR áp dụng cho khóa học kế tiếp, cuối cùng là trình Hiệu trưởng ký ban hành và công bố công khai **[H1.01.03.05]**.

CĐR của CTĐT trình độ đại học chuyên ngành Âm thanh Điện ảnh – Truyền hình được công bố công khai, rộng rãi thông qua Website của Trường, Khoa CNĐATH và sổ tay SV, giúp GV; người học; các bên liên quan dễ dàng tiếp cận được CĐR của CTĐT trình độ cử nhân chuyên ngành ÂTĐATH **[H1.01.03.06]**.

2. Điểm mạnh

CĐR được định kỳ rà soát và điều chỉnh giúp cho CĐR của CTĐT được cập nhật, thay đổi phù hợp với nhu cầu thực tế và được công bố công khai.

3. Điểm tồn tại

Việc lấy ý kiến các bên liên quan về CĐR chưa rộng rãi và thường xuyên. Chất lượng và số lượng tham gia đóng góp của các bên liên quan chưa nhiều.

4. Kế hoạch hành động

Phát huy điểm mạnh: Từ năm học 2022 - 2023, Khoa CNĐATH phối hợp các phòng chức năng (Đào tạo, QLKH và HTQT, Khảo thí & ĐBCLGD, CTHSSV) tiếp tục truyền thông đến các bên liên quan về nội dung CĐR thông qua các kênh Website, thông báo tuyển sinh, sổ tay SV và rà soát cập nhật CĐR của chương trình.

Khắc phục tồn tại: Từ năm học 2022 - 2023, Khoa CNĐATH chủ động

thành lập Ban liên lạc cựu SV để có thêm kênh thông tin liên lạc. Duy trì và mở rộng mối quan hệ với các doanh nghiệp (hãng phim, Hội điện ảnh, đài truyền hình, công ty thiết kế âm học, thiết kế lắp đặt trang âm, studio âm nhạc, nhà hát...) để gia tăng quy mô của các đợt khảo sát. Định kỳ 2 năm/lần tổ chức hội nghị cựu sinh viên và nhà tuyển dụng để lấy ý kiến về CTĐT và CĐR.

5. *Tự đánh giá*: Tiêu chí đạt (mức 4/7).

Kết luận về Tiêu chuẩn 1

Điểm mạnh nổi bật: Mục tiêu CTĐT và CĐR được xác định rõ ràng, phù hợp với sứ mạng, tầm nhìn của Trường, phản ánh được yêu cầu của các bên liên quan.

Điểm tồn tại cơ bản: Số lượng nhà tuyển dụng, nhà khoa học tham gia vào công tác xây dựng và rà soát CĐR cũng như nội dung CTĐT chưa nhiều và chưa thường xuyên.

Kết quả đánh giá về tiêu chuẩn 1: Tiêu chuẩn 1 có 3 tiêu chí, trong đó có 1 tiêu chí đạt 5/7 điểm, 2 tiêu chí đạt 4/7 điểm.

Tiêu chuẩn 2: Bản mô tả chương trình đào tạo

Mở đầu

Bản mô tả CTĐT chuyên ngành ÁTĐATH được xây dựng trên cơ sở chương trình khung do Trường/ Bộ GD &ĐT ban hành. Bản mô tả CTĐT được điều chỉnh theo các quy định, hướng dẫn để phù hợp với mục tiêu, chức năng, nhiệm vụ của Nhà trường, của Khoa. Bản mô tả CTĐT được công bố công khai, dễ tiếp cận, gắn với nhu cầu của người học, nhu cầu xã hội. Bản mô tả CTĐT chuyên ngành ÁTĐATH cung cấp các thông tin về chương trình, kết quả học tập dự kiến, cấu trúc khóa học, chuẩn đầu ra của toàn bộ chương trình và của từng học phần cụ thể, bản tổng hợp các học phần, các tiêu chí/yêu cầu tuyển sinh, đề cương học phần cũng như các thông tin chi tiết về phương pháp dạy, học, kiểm tra/đánh giá học phần.

Tiêu chí 2.1: Bản mô tả chương trình đào tạo đầy đủ thông tin và cập nhật

1. Mô tả hiện trạng

Bản mô tả CTĐT trình độ cử nhân chuyên ngành ÁTĐATH có đầy đủ thông tin và cập nhật cùng với thời điểm chỉnh sửa, rà soát, cập nhật CTĐT. Năm 2014, được chỉnh sửa, rà soát. Năm 2018, sau hoạt động đánh giá ngoài cơ sở giáo dục của Trường, CTĐT chuyên ngành ÁTĐATH được cập nhật, điều chỉnh. Năm 2021, Khoa CNĐATH đã tiến hành hoàn thiện bản mô tả CTĐT qua 2 lần cập

nhật **[H2.02.01.01]**.

Bản mô tả CTĐT thể hiện đầy đủ nội dung: Tóm tắt mục tiêu đào tạo; CĐR; cấu trúc khóa học; nội dung, phương pháp và hoạt động đào tạo; ma trận thể hiện sự đóng góp của các học phần vào việc đạt CĐR của chương trình; bản mô tả các học phần. Bản mô tả CTĐT có đầy đủ các thông tin liên quan như: Tên cơ sở GDĐT, mục tiêu đào tạo, tiêu chí tuyển sinh, thông tin về CĐR, cấu trúc khóa học, số đơn vị học phần (số tín chỉ tương đương), nội dung học phần giúp người học có cái nhìn tổng quát về CTĐT **[H2.02.01. 02]**.

Bản mô tả CTĐT có sự cập nhật và điều chỉnh những nội dung mới nhất liên quan đến CTĐT. Bên cạnh kiến thức, chương trình còn thể hiện các kỹ năng mà người học đạt được khi tốt nghiệp **[H2.02.01.03]**. Đồng thời, chương trình được cập nhật, chỉnh sửa trên cơ sở tiếp thu ý kiến phản hồi của GV; cựu sinh viên; nhà tuyển dụng; nhà quản lý nhằm bảo đảm chương trình mang tính thực tiễn, phản ánh nhu cầu xã hội **[H2.02.01.04]**.

2. Điểm mạnh

Bản mô tả CTĐT có đầy đủ các thông tin theo quy định và thường xuyên được rà soát, cập nhật phù hợp thực tế phát sinh theo nhu cầu thị Trường và trên cơ sở ý kiến khảo sát của các bên liên quan. Ma trận CĐR thể hiện rõ mức độ đóng góp của từng học phần trong chương trình và cụ thể hóa trong các đề cương chi tiết của từng học phần.

3. Điểm tồn tại

Việc lấy ý kiến khảo sát CTĐT của các bên liên quan chưa rộng.

4. Kế hoạch hành động

Phát huy điểm mạnh: Từ năm học 2022 - 2023, Khoa CNDATH tiếp tục rà soát, điều chỉnh, bổ sung bản mô tả CTĐT, ma trận CĐR theo định kỳ trên cơ sở ý kiến các bên liên quan. Bản mô tả CTĐT, ma trận CĐR thường xuyên được cập nhật gắn liền với yêu cầu thực tiễn.

Khắc phục tồn tại: Từ năm học 2022 - 2023, Khoa CNDATH, P. ĐT, QLKH & HTQT, P. CTHSSV phối hợp mở rộng quy mô lấy ý kiến khảo sát của các bên liên quan về số lượng người tham gia khảo sát và phạm vi thực hiện khảo sát.

5. Tự đánh giá: Tiêu chí đạt (mức 4/7).

Tiêu chí 2.2: Đề cương các học phần đầy đủ thông tin và cập nhật

1. Mô tả hiện trạng

Đề cương các học phần của CTĐT được Khoa CNDATH xây dựng theo

quy trình hướng dẫn tại các văn bản của Bộ GD&ĐT và Trường ĐHSKĐAHN **[H2.02.02.01]**. Mục tiêu của CTĐT được cụ thể hóa và thể hiện ở các mục tiêu và CDR của từng học phần **[H2.02.02.02]**.

Tất cả đề cương các môn học/học phần trong CTĐT cung cấp đầy đủ thông tin bao gồm: tên đơn vị/ tên giảng viên đảm nhận giảng dạy; tên môn học/học phần; số đơn vị học trình (số tín chỉ tương đương); mục tiêu, CDR của môn học/học phần, ma trận liên kết nội dung chương mục với CDR; các yêu cầu của môn học/học phần; cấu trúc môn học/học phần; phương pháp dạy-học; phương thức kiểm tra/đánh giá; tài liệu chính và tài liệu tham khảo **[H2.02.02.03]**.

Tất cả đề cương môn học/học phần được định kỳ rà soát, bổ sung, điều chỉnh, đặc biệt cập nhật thông tin về nội dung các môn học/học phần, danh mục tài liệu. Sự điều chỉnh và cập nhật này đều dựa trên ý kiến khảo sát từ GV; SV năm cuối; cựu SV; các nhà quản lý và các nhà tuyển dụng lao động nhằm hướng tới mục tiêu giáo dục bám sát và đáp ứng được nhu cầu xã hội **[H2.02.01.04]**.

2. Điểm mạnh

Các đề cương học phần có đầy đủ thông tin và liên tục được rà soát, cập nhật, điều chỉnh cho phù hợp với thực tế.

3. Điểm tồn tại

Các thông tin chi tiết về phương pháp dạy, học, kiểm tra, đánh giá sinh viên còn đơn giản, chưa chi tiết và cụ thể. Thông tin về phương pháp dạy, học, kiểm tra, đánh giá sinh viên còn đơn giản, chưa cập nhật nội dung liên quan đến dạy, học trực tuyến.

4. Kế hoạch hành động

Phát huy điểm mạnh: Từ năm học 2022 - 2023, Khoa CNĐATH phối hợp với P.ĐT, QLKH&HTQT căn cứ vào việc điều chỉnh, rà soát CTĐT theo Thông tư 17/2021/TT-BGDĐT ngày 22/6/2021 Quy định về chuẩn chương trình đào tạo; xây dựng, thẩm định và ban hành chương trình đào tạo các trình độ của giáo dục ĐH, Khoa thực hiện chuẩn hóa mẫu ĐCCT học phần theo mẫu mới và tiếp tục rà soát, điều chỉnh, cập nhật phù hợp với mục tiêu của CTĐT và yêu cầu thực tiễn.

Khắc phục tồn tại: Từ năm học 2022 - 2023, Khoa Công nghệ ĐATH yêu cầu các GV rà soát ĐCHP, diễn tả chi tiết hơn về phương pháp dạy học, kiểm tra, đánh giá người học, đặc biệt đối với hình thức học trực tuyến do dịch bệnh.

5. Tự đánh giá: Tiêu chí đạt (mức 4/7).

Tiêu chí 2.3: Bản mô tả chương trình đào tạo và đề cương các học phần được công bố công khai và các bên liên quan dễ dàng tiếp cận.

1. Mô tả hiện trạng

Bản mô tả CTĐT và đề cương các môn học/ học phần chuyên ngành ÂTĐATH được công bố công khai bằng nhiều hình thức khác nhau. Để tạo điều kiện cho các đối tượng liên quan quan tâm dễ tiếp cận CTĐT và đề cương học phần, Khoa CNĐATH đã đăng tải CTĐT và đề cương các khóa lên Website của Trường **[H2.02.03.01]**. Bên cạnh đó, những điều chỉnh trong Bản mô tả CTĐT và đề cương các học phần được Nhà trường thông báo cho cán bộ GV và SV, niêm yết công khai bản mô tả CTĐT tại bảng tin của Khoa. Những điều chỉnh đều được cập nhật trên Website của Trường để cán bộ, SV và những người có nhu cầu tìm hiểu về ngành học biết và thực hiện **[H2.02.03.02]**.

Việc sử dụng và công bố bản mô tả CTĐT; đề cương học phần bằng nhiều hình thức trên đã giúp cho SV nắm được các học phần có thể xác định đúng kế hoạch học tập, lộ trình học tập trong cả năm học và cả khóa học **[H2.02.03.03]**. Bản mô tả CTĐT và đề cương học phần trước khi công bố công khai đều được phản biện bởi hội đồng KHĐT của Khoa, các chuyên gia trong và ngoài Trường. Bản mô tả CTĐT và đề cương học phần được điều chỉnh định kỳ dựa trên việc thu thập ý kiến của các nhà tuyển dụng, cựu SV, SV năm cuối. **[H2.02.03.04]**.

2. Điểm mạnh

Thông tin trong bản mô tả CTĐT và đề cương học phần được công bố kịp thời, rộng rãi và công khai qua nhiều kênh khác nhau, tạo điều kiện cho các bên liên quan dễ dàng tiếp cận.

3. Điểm tồn tại

Chưa có cơ chế đánh giá mức độ tiếp cận của các bên liên quan.

4. Kế hoạch hành động

Phát huy điểm mạnh: Từ năm học 2022 - 2023, Khoa CNĐATH, cùng với việc tuyển sinh hằng năm, tiếp tục công bố rộng rãi bản mô tả CTĐT và các đề cương học phần lên Website của Trường, của Khoa CNĐATH, triển khai thêm cách thức công khai để tạo điều kiện cho các bên liên quan dễ dàng tiếp cận.

Khắc phục tồn tại: Từ năm học 2022 - 2023, Khoa CNĐATH phối hợp các phòng chức năng xây dựng cơ chế đánh giá mức độ tiếp cận của các bên liên quan, sau đó tổ chức đánh giá hàng năm.

5. Tự đánh giá: Tiêu chí đạt (mức 4/7).

Kết luận về Tiêu chuẩn 2

Điểm mạnh nổi bật: CTĐT có Bản mô tả CTĐT; ĐCCT được xây dựng, điều chỉnh, cập nhật và theo xu hướng mới về đào tạo và nghiên cứu trong lĩnh vực ÂTĐATH. Các thông tin trong bản mô tả CTĐT được công bố công khai, đầy đủ, rộng rãi và kịp thời. Quá trình xây dựng, bổ sung, điều chỉnh và cập nhật CTĐT đều căn cứ theo quy định chung của BGDDT. Quá trình bổ sung, điều chỉnh của Khoa đều dựa trên nhiều nguồn thông tin khác nhau như đóng góp, xây dựng của hội đồng KHĐT Khoa, cựu SV, giảng viên, các đơn vị tuyển dụng, giới chuyên môn. Bản mô tả CTĐT được cụ thể hóa trong đề cương học phần của chương trình. Đề cương của các học phần được chuẩn hóa theo quy định của Trường ĐHSKĐAHN. Mọi thông tin liên quan đến bản mô tả CTĐT, đến học phần, cấu trúc, nội dung, phương pháp kiểm tra đánh giá, ... của học phần đều được cung cấp đầy đủ, được công bố công khai và dễ tiếp cận để SV lựa chọn hợp lý cho lộ trình, kế hoạch học tập của bản thân theo từng học kỳ, từng năm và toàn khóa học.

Điểm tồn tại cơ bản: Việc khảo sát các bên liên quan khi thực hiện CTĐT mặc dù đã có nhưng chưa rộng và cần xây dựng cơ chế đánh giá mức tiếp cận của các bên liên quan.

Kết quả đánh giá về tiêu chuẩn 2: Tiêu chuẩn 2 có 3 tiêu chí đạt, trong đó cả 3 tiêu chí đạt mức 4/7 điểm.

Tiêu chuẩn 3: Cấu trúc và nội dung chương trình dạy học

Mở đầu

Chương trình dạy học xác định rõ mục tiêu chung của ngành, mục tiêu cụ thể của từng học phần và đạt được CDR trong CTĐT trình độ đại học chuyên ngành Âm thanh Điện ảnh-Truyền hình.

Cấu trúc, trình tự của các học phần chuyên ngành ÂTĐATH được thiết kế hợp lý và hệ thống, tuân thủ theo các văn bản quy định về xây dựng CTĐT của Bộ GD&ĐT và Trường ĐHSKĐAHN với các yêu cầu chặt chẽ về hình thức, mục tiêu, yêu cầu về chuẩn kiến thức, kỹ năng và năng lực hoạt động nghề nghiệp liên quan đến chuyên ngành ÂTĐATH, hướng đến thực hiện mục tiêu, sứ mạng của Nhà trường, thực hiện trong bối cảnh công nghiệp hóa, hiện đại hóa đất nước và hội nhập quốc tế.

Các học phần trong CTĐT được sắp xếp cụ thể theo từng học kỳ, bảo đảm tính hợp lý và logic đồng thời bảo đảm mỗi học phần đều đáp ứng một hoặc nhiều tiêu chí trong CDR. Chủ đề và nội dung các học phần được cấu trúc khoa học, logic, theo trình tự từ thấp lên cao và mang tính tích hợp, linh hoạt, thể hiện tính Khoa học của toàn bộ CTĐT. Nội dung chương trình được cập nhật thông qua các lần chỉnh sửa, rà soát CTĐT nhằm bảo đảm tính phù hợp và cập nhật ở từng học phần cụ thể cũng như CTĐT tổng thể.

Tiêu chí 3.1: Chương trình dạy học được thiết kế dựa trên chuẩn đầu ra

1. Mô tả hiện trạng

Bắt đầu từ năm 2018, chương trình dạy học đại học chuyên ngành ÂTĐATH được thiết kế dựa trên CĐR về kiến thức, kỹ năng, mức tự chủ và trách nhiệm. Đồng thời, việc xác định tổ hợp các phương pháp giảng dạy học tập, phương pháp kiểm tra đánh giá kết quả học tập của người học của tất cả các môn học/học phần trong chương trình dạy học là phù hợp, góp phần hỗ trợ hiệu quả việc đạt được CĐR, cụ thể:

Chương trình dạy học của chuyên ngành ÂTĐATH được thiết kế dựa trên các yêu cầu của chuẩn đầu ra về kiến thức, kỹ năng, mức tự chủ và trách nhiệm: Chương trình được xây dựng và điều chỉnh dựa trên các ý kiến đóng góp của GV trong bộ môn, Hội đồng Khoa [H3.03.01.01], kết quả phản hồi của các bên liên quan [H3.03.01.02] để đạt được mục tiêu đào tạo và CĐR. CTĐH bảo đảm việc đạt được chuẩn đầu ra của chuyên ngành ÂTĐATH thể hiện cụ thể thông qua bản mô tả chương trình đào tạo và đề cương chi tiết học phần [H3.03.01.03], ma trận kỹ năng; hồ sơ giảng dạy của GV; tài liệu bài giảng [H3.03.01.04] và mô tả chuẩn đầu ra của CTĐT gồm: mục tiêu đào tạo; chuẩn đầu ra của ngành và chuẩn đầu ra của mỗi học phần; nội dung đào tạo; phương pháp kiểm tra đánh giá người học và thời lượng đào tạo của ngành và mỗi học phần.

Chương trình dạy học phù hợp với mục tiêu của chương trình đào tạo, thể hiện trong nội dung từng học phần và từng khối kiến thức. Bảo đảm các học phần bổ sung, hỗ trợ, liên quan chặt chẽ với nhau, đan xen quá trình học tập chuyên môn nghề nghiệp với rèn luyện các kỹ năng.

Trình tự thực hiện các khối kiến thức và các học phần đạt CĐR một cách tối ưu. Cụ thể, chương trình của chuyên ngành ÂTĐATH được thiết kế gồm 47 đầu môn học trên tổng số 216 đơn vị học trình (tương đương 145 tín chỉ), tập trung vào các khối kiến thức giáo dục đại cương bắt buộc chung, khối kiến thức chung bắt buộc khối Điện ảnh - Truyền hình, khối kiến thức giáo dục chuyên nghiệp bao gồm kiến thức cơ sở ngành, chuyên ngành; đồ án tốt nghiệp; các học phần giáo dục thể chất và giáo dục quốc phòng. Chủ đề của CĐR CTĐT bám sát 4 trụ cột chính là khối kiến thức cơ sở ngành và chuyên ngành; kỹ năng, phẩm chất cá nhân và nghề nghiệp; kỹ năng làm việc nhóm và giao tiếp [H3.03.01.05].

Việc xác định tổ hợp các phương pháp giảng dạy, học tập, phương pháp kiểm tra/đánh giá kết quả học tập của người học của các môn học/học phần trong CTĐT chuyên ngành ÂTĐATH phù hợp, góp phần hỗ trợ hiệu quả việc đạt được CĐR, điều này được thể hiện rất chi tiết và rõ ràng ở bản mô tả CTĐT

[H3.03.01.06]. Bên cạnh đó, kế hoạch giảng dạy của Nhà trường thể hiện đầy đủ các nguồn lực và tiến độ trong việc thực hiện chương trình dạy học **[H3.03.01.07].**

2. Điểm mạnh

Cấu trúc của chương trình dạy học trình độ đại học chuyên ngành ATĐATH được thiết kế bảo đảm tỷ lệ hợp lý giữa các khối kiến thức chung, kiến thức ngành, và kiến thức chuyên ngành nhằm đạt mục tiêu của CĐR. Đề cương chi tiết trong từng học phần đều thể hiện tính gắn kết giữa dạy-học và đánh giá để đạt được CĐR.

3. Điểm tồn tại

CTĐT chưa được xây dựng theo phương thức đào tạo tín chỉ; chưa thực hiện việc đối sánh, đánh giá về hiệu quả của CTĐT sau khi thực hiện rà soát, bổ sung, sửa đổi. Việc lấy ý kiến phản hồi về chương trình dạy học chưa được rộng rãi.

4. Kế hoạch hành động

Phát huy điểm mạnh: Từ năm học 2022 - 2023, Khoa CNĐATH chủ động thực hiện định kỳ rà soát cấu trúc chương trình dạy học để phát huy tính gắn kết chặt chẽ giữa dạy - học nhằm đạt được CĐR ngày một cao hơn.

Khắc phục tồn tại: Từ năm học 2022 - 2023, Khoa CNĐATH phối hợp với P.ĐTQLKH & HTQT thường xuyên kết hợp với các nhà khoa học, GV, nhà tuyển dụng và cựu SV để lấy ý kiến điều chỉnh, xây dựng chương trình dạy học được hoàn thiện hơn. Tăng cường công tác dự giờ, tổ chức hoạt động sinh hoạt khoa học chuyên đề, tọa đàm cấp Khoa và bộ môn để góp ý xây dựng nâng cao hiệu quả việc triển khai nội dung, phương pháp giảng dạy, kiểm tra đánh giá ở tất cả các học phần; đồng thời thực hiện đối sánh, đánh giá về hiệu quả của CTĐT sau khi thực hiện rà soát, bổ sung, sửa đổi.

5. Tự đánh giá: Tiêu chí đạt (mức 4/7).

Tiêu chí 3.2: Đóng góp của mỗi học phần trong việc đạt được chuẩn đầu ra là rõ ràng

1. Mô tả hiện trạng

100% các môn học, học phần trong chương trình dạy học có sự tương thích về nội dung và thể hiện được sự đóng góp của mỗi môn học/học phần nhằm đạt được CĐR. Cụ thể, mỗi học phần được phân nhiệm theo ma trận CĐR của CTĐT, trên cơ sở đó cụ thể hóa các mục tiêu và CĐR chi tiết của từng học phần nhằm đáp ứng CĐR được phân nhiệm. Các học phần xác định rõ nội dung, tổ hợp các phương pháp dạy và học, phương pháp kiểm tra/đánh giá phù hợp và hỗ trợ nhau để bảo đảm việc đạt được CĐR. Nội dung chương trình và kế hoạch giảng dạy

được chi tiết hóa và ứng với từng chủ đề CDR của học phần. Các học phần theo khối kiến thức (kiến thức cơ bản, kiến thức cơ sở ngành, kiến thức chuyên ngành) được phân chia nội dung giảng dạy, thời lượng, thời gian giảng dạy phù hợp theo khung của CTĐT và dựa trên cơ sở của độ khó học phần để phân nhiệm mục tiêu học phần cần đạt theo chuẩn kiến thức, kỹ năng, thái độ nghề nghiệp cụ thể đã xác định trong CTĐT **[H3.03.02.01]**.

Mặt khác, 100% môn học, học phần trong chương trình dạy học xác định rõ tổ hợp các phương pháp dạy và học, phương pháp kiểm tra đánh giá phù hợp và hỗ trợ nhau để đạt được CDR, cụ thể: Các học phần trong CTĐT đều có đề cương chi tiết, do GV của các bộ môn biên soạn theo yêu cầu về chuyên môn của từng học phần, phù hợp với chuẩn đầu ra của CTĐT. Mỗi đề cương có đầy đủ thông tin về đơn vị đào tạo, thông tin về học phần, thông tin về tổ chức dạy và học; mục tiêu, nội dung, phương pháp giảng dạy, kiểm tra đánh giá học phần, giáo trình sử dụng và danh mục tài liệu tham khảo **[H3.03.02.02]**.

Thông qua việc kiểm tra, đánh giá điểm quá trình, điểm kết thúc học phần và điểm bài tốt nghiệp của SV để đo lường mức độ đạt được chuẩn kiến thức của mỗi môn học cơ bản đã đạt yêu cầu, mỗi học phần đều có đóng góp rõ ràng trong việc đạt được CDR của chương trình **[H3.03.02.03]**. Tuy nhiên, việc lấy ý kiến phản hồi của các bên liên quan, nhất là ý kiến của các doanh nghiệp về chuẩn đầu ra và chương trình dạy học đạt CDR chưa được thực hiện định kỳ và rộng rãi.

2. Điểm mạnh

Các học phần trong chương trình dạy học được cấu trúc thành từng khối gắn kết giữa kiến thức chung, kiến thức ngành và kiến thức chuyên ngành. Nội dung chi tiết của từng học phần trong chương trình dạy học thể hiện rõ mục tiêu, yêu cầu của học phần, phương pháp đánh giá và thể hiện được sự gắn kết của các học phần trong các khối kiến thức bảo đảm quá trình dạy - học và có nội dung bao trùm các CDR của chương trình dạy học.

3. Điểm tồn tại

Việc lấy ý kiến các bên liên quan, đặc biệt ý kiến của các doanh nghiệp thực hiện chưa thường xuyên. CTĐT chuyên ngành ÂTDATH chưa thực hiện định kỳ tự đánh giá, điều này ảnh hưởng đến việc rà soát, bổ sung kịp thời nội dung còn thiếu để đạt được CDR của CTĐT.

4. Kế hoạch hành động

Phát huy điểm mạnh: Từ năm học 2022 - 2023, Khoa CNĐATH xây dựng kế hoạch cải tiến chương trình dạy học thể hiện rõ hơn mục tiêu, yêu cầu của học phần, hoàn thiện phương pháp đánh giá nhằm bảo đảm quá trình dạy - học đạt được mục tiêu.

Khắc phục tồn tại: Từ năm học 2022 - 2023, định kỳ 2 năm 1 lần, Khoa CNĐATH phối hợp với P.ĐTQLKH&HTQT tổ chức lấy ý kiến các bên liên quan trong việc hoàn thiện chương trình. Từ năm học 2022 - 2023, mỗi năm 1 lần, Khoa CNĐATH chủ trì tổ chức ít nhất 01 đề tài KH&CN hoặc hội thảo cấp Khoa/ Trường về đổi mới nội dung, phương pháp giảng dạy và kiểm tra đánh giá đối với học phần thuộc khối kiến thức cơ sở ngành và chuyên ngành ÂTĐATH.

5. *Tự đánh giá*: Tiêu chí đạt (mức 4/7).

Tiêu chí 3.3: Chương trình dạy học có cấu trúc, trình tự logic; nội dung cập nhật và có tính tích hợp

1. *Mô tả hiện trạng*

Các học phần trong chương trình dạy học trình độ đại học ngành ÂTĐATH được cấu trúc bảo đảm sự gắn kết và liên mạch giữa các học phần đại cương, cơ sở ngành và chuyên ngành, bảo đảm chương trình thành một khối thống nhất, cụ thể:

Từ năm học 2018 - 2019, chương trình đào tạo chuyên ngành ÂTĐATH có 216 đơn vị học trình (tương đương 145 tín chỉ), với cấu trúc và trình tự logic hơn những năm trước đó. Cụ thể, khối kiến thức đại cương gồm 16 học phần tương đương 37 tín chỉ, chiếm 25,5% tổng số học trình tương đương tín chỉ của CTĐT; Kiến thức chung bắt buộc khối ĐA-TH gồm 6 học phần tương đương 11 tín chỉ chiếm 7,59%; khối kiến thức cơ sở ngành gồm 16 học phần tương đương 36 tín chỉ, chiếm 25%; kiến thức chuyên ngành gồm 16 học phần tương đương 47 tín chỉ, chiếm 32,3%; thực tập tốt nghiệp gồm 7 tín chỉ chiếm 4,8% và thực hiện đồ án tốt nghiệp gồm 7 tín chỉ chiếm 4,8%; các học phần thuộc khối kiến thức đại cương được tiến hành từ học kỳ I đến học kỳ VII; khối kiến thức cơ sở ngành và chuyên ngành được tiến hành từ học kỳ I đến học kỳ VIII bảo đảm tính hợp lý và logic; thực tập chuyên ngành được tiến hành vào kỳ VIII. Đảm bảo sinh viên có kiến thức mở rộng và chuyên sâu, thích ứng linh hoạt với các lĩnh vực khác nhau của thị Trường lao động. **[H3.03.03.01]**. 100% các môn học, học phần trong chương trình dạy học được bố trí hợp lý (học phần điều kiện, tiên quyết; thời lượng cho mỗi học phần; thời điểm/ học kỳ thực hiện) **[H3.03.03.02]**.

Chương trình dạy học chuyên ngành ÂTĐATH được rà soát, điều chỉnh, bổ sung và cập nhật vào năm 2018 **[H3.03.03.03]**. Chương trình dạy học khi được điều chỉnh có tham khảo với CTĐT 02 Trường quốc tế (Trường INSAS, Bỉ và Cao đẳng Columbia Hollywood, Mỹ) [Xem **H1.01.03.04**] bảo đảm tính linh hoạt và tích hợp.

2. Điểm mạnh

CTDH của các học phần trong CTĐT chuyên ngành ÂTĐATH có cấu trúc bảo đảm sự gắn kết liên mạch giữa học phần đại cương, cơ sở ngành và chuyên ngành. Các học phần trong CTDH được bố trí hợp lý. CTDH đáp ứng yêu cầu về chuẩn kiến thức, kỹ năng của trình độ đại học và đáp ứng nhu cầu nhân lực của thị Trường lao động theo các quy định trong CĐR của CTĐT chuyên ngành ÂTĐATH.

3. Điểm tồn tại

CTDH chưa được định kỳ rà soát, điều chỉnh, bổ sung và cập nhật định kỳ theo quy định (tối thiểu 2 năm một lần); chưa lấy ý kiến phản hồi của các bên liên quan về hiệu quả của CTDH.

4. Kế hoạch hành động

Phát huy điểm mạnh: Từ năm học 2022 - 2023, Ban chủ nhiệm Khoa chỉ đạo GV thực hiện CTDH phải thường xuyên trao đổi thông tin để biết các nội dung cần điều chỉnh nhằm đạt được mục tiêu học phần và các tuyên bố của CĐR CTĐT.

Khắc phục tồn tại: Từ năm học 2022 - 2023, Khoa CNĐATH phối hợp P.KT&ĐBCLGD xây dựng kế hoạch về việc lấy ý kiến phản hồi của các bên liên quan nhằm đánh giá toàn diện hơn về hiệu quả triển khai CTDH chuyên ngành ÂTĐATH để kịp thời điều chỉnh, cải tiến CTDH, đáp ứng yêu cầu của xã hội.

5. Tự đánh giá: Tiêu chí đạt (mức 4/7).

Kết luận về Tiêu chuẩn 3

Điểm mạnh nổi bật: Chương trình dạy học xác định rõ mục tiêu chung, mục tiêu cụ thể của mỗi học phần trong việc đạt CĐR, nội dung đào tạo, phương pháp đánh giá và thời lượng đối với ngành học và mỗi học phần cũng được xác định rõ. Cấu trúc, trình tự của các học phần theo nhóm kiến thức chung, kiến thức ngành và kiến thức chuyên ngành, bài tốt nghiệp được sắp xếp cụ thể theo từng học kỳ có tính logic cao. Các học phần và nội dung học phần có hệ thống tích hợp liên quan chặt chẽ với nhau được thiết kế và mô tả trong chương trình. Nội dung chương trình được cập nhật thông qua việc đối sánh với một số CTĐT của nước ngoài; từ đội ngũ GV được bồi dưỡng và tập huấn ở nước ngoài, có sự rà soát và kiểm tra chặt chẽ của Trường ĐHSKĐAHN.

Điểm tồn tại cơ bản: Việc lấy ý kiến phản hồi của các đơn vị sử dụng lao động nhằm phục vụ cho việc điều chỉnh CTĐT chưa được thực hiện thường xuyên, liên tục.

Kết quả đánh giá về tiêu chuẩn 3: Tiêu chuẩn 3 có 3 tiêu chí đạt, trong đó cả 3 tiêu chí đạt mức 4/7 điểm.

Tiêu chuẩn 4: Phương pháp tiếp cận dạy và học

Mở đầu

*Trong đào tạo đại học, phương pháp tiếp cận có vai trò quan trọng, ảnh hưởng trực tiếp đến chất lượng CTĐT. Chuyên ngành ÂTDATH chọn cách tiếp cận lấy người học làm trung tâm, tổ chức các hoạt động dạy học và các hoạt động thực tập đạt được CĐR đã tuyên bố trong CTĐT; sử dụng các phương pháp dạy học đa dạng, nhằm phát triển tính chủ động sáng tạo trong học tập cho SV. Giai đoạn 2017-2022, phương pháp tiếp cận trong dạy và học được GV, SV chuyên ngành ÂTDATH cập nhật, áp dụng và triển khai tương đối hiệu quả và được rà soát điều chỉnh hàng năm. Năm 2017, Trường ĐHSKĐAHN tuyên bố triết lý giáo dục của Nhà trường là: **“Sáng tạo, chuyên nghiệp; bảo tồn, phát huy tinh hoa văn hóa dân tộc; tiếp thu có chọn lọc tinh hoa văn hóa nhân loại”**, từ đó trong hoạt động đào tạo của Trường nói chung, chuyên ngành ÂTDATH nói riêng có sự điều chỉnh, hướng đến mục tiêu đào tạo những con người có đạo đức, trí tuệ, bản lĩnh để tư duy độc lập, chuyên nghiệp; biết sáng tạo để làm giàu mạnh những giá trị bản sắc văn hóa tốt đẹp của dân tộc; có đủ năng lực hội nhập; tiếp thu có chọn lọc tinh hoa văn hóa của nhân loại và quảng bá giá trị văn hóa dân tộc Việt Nam ra thế giới. Đồng thời, hướng đến việc dạy và học như thế nào để đạt được CĐR theo các nhóm mục tiêu chính: Kiến thức và lập luận ngành; kỹ năng, phẩm chất cá nhân và nghề nghiệp; kỹ năng làm việc nhóm và giao tiếp; năng lực hình thành ý tưởng, xây dựng, thực hiện và phát triển hoạt động nghề nghiệp trong bối cảnh xã hội và tổ chức.*

Tiêu chí 4.1: Triết lý giáo dục hoặc mục tiêu giáo dục được tuyên bố rõ ràng và được phổ biến tới các bên liên quan

1. Mô tả hiện trạng

Năm học 2022-2023, CTĐT của chuyên ngành ÂTDATH được rà soát, nội dung cơ bản của triết lý giáo dục của Nhà trường được đưa vào mục tiêu của CTĐT chuyên ngành ÂTDATH **[H4.04.01.01]**; hoạt động rà soát tập trung chủ yếu vào công tác điều chỉnh khung CTĐT, điều chỉnh phân kỳ của học phần và sắp xếp điều chỉnh bổ sung nội dung giữa các học phần cho logic **[H4.04.01.02]**.

Đối với giảng viên, triết lý giáo dục cũng như mục tiêu đào tạo và CĐR được các GV thấm nhuần trong quá trình xây dựng CTĐT, xây dựng bản mô tả CTĐT bảo đảm tính logic của những học phần bắt buộc và tự chọn, xây dựng đề cương học phần **[H4.04.01.03]**.

Đối với SV, ngay từ khi SV năm thứ nhất nhập Trường, triết lý giáo dục được phổ biến tới SV trong đợt học chính trị đầu năm dành cho tân SV, đồng thời giới thiệu về ngành và mục tiêu đào tạo chuyên ngành ÂTDATH. Ngoài ra, Đoàn

Thanh niên CSHCM cấp Trường và cấp Khoa tổ chức các buổi tọa đàm và đối thoại giúp SV hiểu rõ hơn về vai trò chủ động, tích cực của SV trong quá trình học tập **[H4.04.01.04]**.

Hằng năm, công tác lấy ý kiến phản hồi của SV cuối khóa về hoạt động của Nhà trường, ý kiến phản hồi của người học về hoạt động giảng dạy của GV cũng như việc lấy ý kiến của các bên liên quan về triết lý giáo dục được tiến hành khảo sát đo lường về mức độ hài lòng **[H4.04.01.05]**. Kết quả khảo sát đối với triết lý giáo dục của CTĐT ngành, hoạt động dạy-học của GV, SV Khoa được đánh giá từ mức hài lòng trở lên.

2. Điểm mạnh

Triết lý giáo dục, mục tiêu của CTĐT được tuyên bố rõ ràng và được phổ biến tới SV và GV thông qua nhiều hình thức như Website Trường, tập huấn, diễn đàn, các văn bản hướng dẫn, sổ tay sinh viên, v.v., đồng thời có khảo sát lấy ý kiến của các bên liên quan.

3. Điểm tồn tại

Mặc dù triết lý giáo dục/ mục tiêu của CTĐT được công bố cho các nhà tuyển dụng, nhưng chỉ giới hạn ở một số đơn vị (nhà tuyển dụng chỉ được giới thiệu mục tiêu giáo dục khi tham gia giảng dạy, xây dựng CTĐT hoặc tham dự các buổi hội thảo, hội nghị hoặc các cuộc họp rà soát CTĐT). Nhà trường chưa nhận được nhiều phản hồi của đông đảo các nhà tuyển dụng trong cả nước.

4. Kế hoạch hành động

Phát huy điểm mạnh: Khoa CNĐATH tiếp tục duy trì các hoạt động nhằm công khai, phổ biến rộng rãi triết lý giáo dục, mục tiêu của CTĐT.

Khắc phục tồn tại: Từ năm học 2022 - 2023, định kỳ 02 năm một lần, Khoa Công nghệ Điện ảnh – Truyền hình tổ chức ít nhất một buổi tọa đàm thường niên với nhà tuyển dụng để giới thiệu về triết lý giáo dục/mục tiêu CTĐT và xin ý kiến góp ý điều chỉnh mục tiêu, chương trình, CDR CTĐT cho sát với yêu cầu thực tiễn, nhằm trang bị cho SV các kiến thức, kỹ năng, thái độ và năng lực nghề nghiệp phù hợp với yêu cầu của các nhà tuyển dụng.

5. Tự đánh giá: Tiêu chí đạt (mức 4/7).

Tiêu chí 4.2: Các hoạt động dạy và học được thiết kế phù hợp để đạt được chuẩn đầu ra

1. Mô tả thực trạng

Để đạt được mục tiêu đào tạo và CDR đã được công bố, các hoạt động đào tạo của Khoa CNĐATH được áp dụng theo các chuẩn chung về CTĐT và đánh giá kết quả học tập theo quy chế của Bộ Giáo dục và Đào tạo. Khoa không ngừng

đổi mới phương pháp giảng dạy, áp dụng công nghệ thông tin vào quá trình dạy học **[H4.04.02.01]**.

Các hoạt động dạy học được thiết kế phù hợp để đạt được CĐR, CTĐT được Hội đồng KHĐT của Khoa cập nhật, bổ sung và điều chỉnh theo định kỳ 2 năm 1 lần, cùng với sự điều chỉnh của toàn Trường nhằm đáp ứng nhu cầu của người học và yêu cầu phát triển kinh tế - xã hội của đất nước **[H4.04.02.02]**. Từ năm học 2021-2022, việc rà soát CTĐT, nội dung, phương pháp giảng dạy được tiến hành nghiêm túc, có tính cập nhật, đổi mới **[H4.04.02.03]**.

Từ năm học 2022 - 2023, Bản mô tả CTĐT chuyên ngành ÂTDATH được xây dựng, ban hành, CTĐT được rà soát và phát triển theo hướng tăng cường phát triển năng lực của người học **[H4.04.02.04]**. Theo đó, CĐR CTĐT chuyên ngành ÂTDATH chú trọng đến nâng cao tỷ lệ thực hành, thực nghiệm, thực tập rèn nghề cho SV, tích hợp các nội dung kiến thức tránh sự trùng lặp nội dung giữa các học phần, đưa vào chương trình những kiến thức, kỹ năng mới, hiện đại, nhằm đáp ứng nhu cầu thực tiễn thế giới việc làm, đồng thời đưa ra khỏi chương trình những kiến thức cũ, lỗi thời không còn phù hợp **[H4.04.02.05]**.

Để hoạt động dạy học đạt hiệu quả cao nhất, mang lại lợi ích lớn nhất cho sinh viên, Khoa CNĐATH đã bố trí GV trong việc giảng dạy các môn chuyên ngành, môn cơ sở ngành, chẳng hạn: Trong môn Dụng và TKAT (4 học phần); môn Công nghệ thu thanh, Thiết bị âm thanh, Quy trình công nghệ SX phim ĐATH, Hòa âm phim. Đó là sự kết hợp giảng dạy của các giảng viên trẻ (với độ tuổi từ 30-40) được Khoa đào tạo từ những khóa đầu tiên hệ đại học, đã tham gia các khóa đào tạo ngắn hạn của các nước có nền điện ảnh phát triển như Mỹ, Hàn Quốc và các giảng viên giàu kinh nghiệm được đúc kết qua nửa thế kỷ làm nghề. Bên cạnh đó, sự đánh giá của hai đối tượng GV giúp cho SV có cái nhìn đa chiều hơn về quan điểm nghề nghiệp và thẩm mỹ **[H4.04.02.06]**.

Bên cạnh đó, các môn học cơ sở ngành được bố trí song song với các môn kiến thức cơ bản ngay từ những kỳ học đầu tiên (những môn học này sinh viên các ngành được học chung với nhau), điều này giúp cho các sinh viên (tuổi đời còn rất trẻ) cân bằng được cảm xúc, thiết lập sự tương tác giữa các sinh viên khác chuyên ngành; giữa việc tiếp cận những kiến thức mang tính lý luận chính trị với những kiến thức đặc thù nghề nghiệp. Việc bố trí các môn học như vậy vừa tạo cho các em có kiến thức mang tính nền tảng lý luận, phương pháp học tập Khoa học, vừa giúp các em có hứng thú để tiếp cận với môn học chuyên ngành **[H4.04.02.07]**.

Cách thức giảng viên hướng dẫn người học được đặc biệt chú ý và thay đổi theo mỗi nhóm sinh viên. Chẳng hạn, trong giảng dạy các môn chuyên ngành, giảng viên luôn phối hợp hiệu quả của các phương pháp giảng dạy (thuyết trình, làm việc nhóm, thảo luận, đàm thoại, tạo tình huống học tập ...), họ đề cao việc

hướng dẫn người học làm việc theo nhóm, để phát huy tốt nhất sở Trường của mỗi sinh viên **[H4.04.02.08]**. Tỷ lệ 88-92% sinh viên hài lòng về phương pháp giảng dạy của GV. Như vậy, số liệu trên cho thấy rằng không có trở ngại nào đối với GV và SV trong việc triển khai các phương pháp dạy để đạt CĐR **[H4.04.02.09]**. Trong quá trình giảng dạy GV đã đa dạng các phương pháp kiểm tra đánh giá để đo lường hiệu quả chủ động tiếp thu, lĩnh hội kiến thức trong từng môn học, nhằm đạt được CĐR **[H4.04.02.10]**.

Các hoạt động học tập được thiết kế phù hợp để đạt được CĐR. Người học được tiếp cận chương trình học tập do GV công bố ngay khi bắt đầu môn học, được tham gia các hình thức học tập đa dạng giúp đạt được CĐR **[H4.04.02.11]**. Hoạt động thực tập là một phần bắt buộc của CTĐT, gồm 7 đơn vị học trình. SV được Khoa cử đến hoặc tự liên hệ với các cơ sở thực tập để thực hành, tiếp cận và hiểu thực tiễn, hình thành thái độ đúng đắn và rèn luyện các kỹ năng nghề nghiệp.

Bên cạnh đó, hằng năm, Khoa CNDATH tổ chức Hội thi tài năng sinh viên nhằm rèn luyện kỹ năng nghề nghiệp cho SV chuyên ngành Âm thanh điện ảnh - truyền hình đáp ứng CĐR của CTĐT, tạo cơ hội cho SV làm quen với công việc trong tương lai, một số sinh viên đã tham gia các hoạt động nghề nghiệp và được xã hội công nhận (giải thưởng về Âm thanh phim xuất sắc) **[H4.04.02.12]**.

Tuy nhiên, tỷ lệ giờ thực hành tại các đơn vị tuyển dụng còn hạn chế, do đặc thù của cơ chế quản lý. Hoạt động khảo sát mức độ hài lòng với tổ hợp công nghệ dạy và học/ các phương pháp dạy và học chưa được triển khai định kỳ, việc đối sánh hiệu quả của các hoạt động dạy và học qua các năm còn hạn chế; hoạt động nghiên cứu khoa học trong sinh viên còn chưa rõ nét.

2. Điểm mạnh

Hoạt động dạy và học của CTĐT trình độ đại học chuyên ngành Âm thanh Điện ảnh - Truyền hình kết hợp nhiều phương pháp đa dạng và hiệu quả để đạt được CĐR. Hoạt động dạy và học giúp người học lĩnh hội kiến thức lý thuyết và thực tiễn tốt nhất từ các học phần. Môi trường dạy và học thân thiện, có sự hợp tác, hỗ trợ cởi mở giữa GV và SV.

3. Điểm tồn tại

Trường chưa định kỳ khảo sát mức độ hài lòng của người học với tổ hợp công nghệ dạy và học/ các phương pháp dạy và học do đó việc đối sánh hiệu quả của các hoạt động dạy và học qua các năm còn hạn chế; hoạt động nghiên cứu khoa học trong sinh viên còn hạn chế; tỷ lệ thời gian cho sinh viên thực hành tại các đơn vị tuyển dụng chưa cao. Hệ thống cơ sở vật chất, trang thiết bị để phục vụ công tác đào tạo chuyên ngành này còn chưa được nâng cấp tương đương với hệ thống công nghệ tại các cơ sở sản xuất nên có nhiều hạn chế trong hướng dẫn hình thành kỹ năng.

4. Kế hoạch hành động

Phát huy điểm mạnh: Từ năm học 2022 - 2023, Khoa CNDATH, Phòng Đào tạo, QLKH & HTQT; viện nghiên cứu SK-ĐA phối hợp tiếp tục đánh giá và cải tiến các phương pháp giảng dạy thông qua các hội thảo, tọa đàm thường niên với các bên liên quan, chú trọng đến phương thức thực tập nhằm nâng cao chất lượng thực tập thực tế cho SV, tập huấn cho GV; có nhiều chính sách hơn nữa để GV tham gia NCKH, bồi dưỡng nghề nghiệp.

Khắc phục tồn tại: Từ năm học 2022 - 2023, Khoa CNDATH, Phòng Khảo thí & ĐBCLGD, phòng CTHSSV phối hợp khảo sát mức độ hài lòng của người học với tổ hợp công nghệ dạy và học/ các phương pháp dạy và học. Xây dựng quy định về hoạt động nghiên cứu khoa học của sinh viên. Cải tiến phương thức hợp tác với các cơ sở thực tập, nhằm nâng cao chất lượng thực tập thực tế cho SV. Tư vấn với BGH Nhà trường để có kế hoạch cải thiện phần trang bị công nghệ âm thanh phù hợp với hoạt động đào tạo chuyên môn.

5. Tự đánh giá: Tiêu chí đạt (mức 4/7).

Tiêu chí: 4.3: Các hoạt động dạy và học thúc đẩy việc rèn luyện các kỹ năng, nâng cao khả năng học tập suốt đời của người học

1. Mô tả hiện trạng

Các hoạt động dạy và học thúc đẩy việc rèn luyện các kỹ năng của người học. Đề cương chi tiết của từng học phần có mô tả việc sử dụng các phương pháp giảng dạy của GV và phương pháp học tập của sinh viên. Trên các đề cương đều thể hiện các kỹ năng đạt được đối với từng học phần trong CTĐT chuyên ngành ÂTDATH. Chẳng hạn, các kỹ năng thiết yếu, kỹ năng đặc thù của chuyên ngành như: kỹ năng phân tích phim, phân tích đặc điểm kỹ thuật của thiết bị, kỹ năng phác thảo bản thiết kế âm thanh, tổ chức các phiên làm việc dựng âm thanh và hòa âm các thể loại phim. Các kỹ năng mềm là hành vi ứng xử của mỗi người, là cách tương tác với bạn bè, đồng nghiệp, cách làm việc nhóm như: kỹ năng truyền đạt, thuyết phục, kỹ năng quản lý thời gian; kỹ năng làm việc nhóm; kỹ năng giao tiếp [H4.04.03.01].

Các hoạt động dạy và học nâng cao khả năng học tập suốt đời của người học. Tất cả đề cương chi tiết môn học đều cơ cấu rõ tỷ lệ giờ học trên lớp và giờ tự học, qua đó cho thấy tất cả các đề cương của các môn học đã tập trung nhấn mạnh hoạt động tự học nhằm hướng đến việc nâng cao khả năng học tập suốt đời cho người học. Bên cạnh đó, khi bắt đầu một môn học, giảng viên giới thiệu và cung cấp cho sinh viên đề cương của môn học đó. Đặc biệt, đề cương giới thiệu chi tiết các tài liệu học tập trong đó chỉ rõ giáo trình chính và các tài liệu tham khảo phục vụ cho môn học. Điều đó tạo cho sinh viên sắp xếp thời gian, nội dung học tập của mình, sinh viên chủ động lên kế hoạch tự học, tự nghiên cứu để thực

hiện các mục tiêu của môn học **[H4.04.03.02]**.

Trong bài giảng, giảng viên đã thiết kế phối hợp và vận dụng linh hoạt nhiều phương pháp dạy học nhằm tạo được sự vận động phát triển tư duy sáng tạo của sinh viên, giúp sinh viên tham gia chiếm lĩnh bài học một cách hiệu quả nhất. Đồng thời, GV của Khoa CNĐATH đã kết hợp sử dụng linh hoạt nhiều hình thức dạy học: dạy lý thuyết, thực hành, thảo luận, sinh viên thuyết trình, làm việc trực tiếp tại trung tâm thực hành Sân khấu và Điện ảnh để việc học của sinh viên không bị nhàm chán, mệt mỏi **[H4.04.03.03]**.

Ngoài ra, SV được tham gia nhiều hoạt động ngoại khóa do Đoàn Thanh niên CSHCM Trường ĐHSKĐAHN tổ chức góp phần rèn luyện tinh thần học hỏi, kỹ năng tự học, nghiên cứu và giao lưu Khoa học **[H4.04.03.04]**.

Nhằm nâng cao chất lượng đào tạo, hàng năm Nhà trường tiến hành rà soát nguồn học liệu, tài liệu giáo trình nhằm giúp SV tiếp cận dễ dàng nhất các nguồn học liệu cập nhật trên thư viện Trường, qua đó giúp SV có điều kiện tốt để tự học **[H4.04.03.05]**. Để chuẩn bị hành trang cho SV khi tốt nghiệp, Khoa CNĐATH hàng năm tổ chức hội thi Tài năng sinh viên và tổ chức đoàn thực tập, tham quan các cơ sở sản xuất cho SV chuyên ngành ÂTĐATH **[H4.04.03.06]**.

Nhà trường tổ chức lấy ý kiến phản hồi của người học về hoạt động giảng dạy của giảng viên, kết quả tổng hợp phiếu phản hồi cho thấy, mức độ hài lòng của sinh viên về hiệu quả tổ hợp các phương pháp giảng dạy của GV khá cao. Điều này cho thấy GV tham gia giảng dạy luôn sử dụng thành thạo tổ hợp các phương pháp giảng dạy nhằm hỗ trợ người học rèn luyện các kỹ năng và nâng cao khả năng học tập suốt đời **[H4.04.03.07]**. Ngoài ra, khảo sát tình hình việc làm của SV tốt nghiệp chuyên ngành ÂTĐATH do Trường/ Khoa tiến hành cho thấy tỷ lệ sinh viên ra Trường có việc làm là khá cao **[H4.04.03.08]**.

2. Điểm mạnh

100% đề cương chi tiết các môn học đều mô tả rõ việc sử dụng tổ hợp các phương pháp giảng dạy và học tập nhằm thúc đẩy việc rèn luyện các kỹ năng thiết yếu, kỹ năng mềm của người học hiệu quả.

GV trong Khoa sử dụng thành thạo, hiệu quả tổ hợp các phương pháp giảng dạy nhằm hỗ trợ người học rèn luyện và nâng cao các kỹ năng cần thiết.

3. Điểm tồn tại

Do đặc thù của nghề âm thanh đòi hỏi người giảng viên phải có kiến thức chuyên môn, có kinh nghiệm và sự trải nghiệm thực tế. Tỷ lệ giảng viên trẻ của Khoa CNĐATH vừa là một điểm mạnh nhưng đồng thời cũng là điểm ảnh hưởng đến hiệu quả khích lệ SV.

4. Kế hoạch hành động

Phát huy điểm mạnh: Từ năm 2023, Khoa CNDATH tiếp tục rà soát, hoàn chỉnh tổ hợp các phương pháp giảng dạy, học tập để nâng cao kỹ năng cho người học.

Khắc phục tồn tại: Từ năm học 2023, Khoa CNDATH xây dựng kế hoạch chiến lược hoặc tham mưu cho Nhà trường trong bồi dưỡng giảng viên trẻ của Khoa, đồng thời đề xuất với Nhà trường có chính sách thu hút, sử dụng giảng viên có kinh nghiệm, có thành tích được cộng đồng ghi nhận, có tầm ảnh hưởng về nghề nghiệp (nhưng hiện tại đang gặp khó khăn về những quy định bằng cấp). Từ năm 2023, GV của Khoa CNDATH xây dựng, bổ sung các tiêu chí đánh giá hiệu quả hoạt động tự học của SV.

5. Tự đánh giá: Tiêu chí đạt (mức 4/7).

Kết luận về Tiêu chuẩn 4

Điểm mạnh nổi bật: Triết lý giáo dục được tuyên bố rõ ràng và được phổ biến tới các bên liên quan. Các hoạt động dạy và học được thiết kế phù hợp để đạt được CDR. Các hoạt động dạy và học thúc đẩy việc rèn luyện các kỹ năng, nâng cao khả năng học tập suốt đời của người học.

Điểm tồn tại cơ bản: Hoạt động thực hành và trải nghiệm chưa thực sự đáp ứng được yêu cầu thực tiễn, sinh viên tốt nghiệp không thể ngày một ngày hai trở thành các kỹ sư âm thanh chuyên nghiệp hay làm chủ kỹ thuật cũng như nghệ thuật trong thiết kế âm thanh phim và hòa âm phim điện ảnh, vì thế đòi hỏi người học phải có khả năng tự học, tự nghiên cứu. Bên cạnh đó, do đặc thù về chuyên ngành đào tạo ÂTDATH là lĩnh vực đòi hỏi cách tiếp cận mang tính đặc thù, để đạt hiệu quả cao khi triển khai đa dạng các phương pháp trong đào tạo phụ thuộc rất lớn chất lượng đầu vào của người học; cơ sở vật chất và trang thiết bị; kỹ năng giảng dạy của giảng viên. Hoạt động đào tạo thực hành gặp trở ngại lớn về đội ngũ giảng viên, người có kinh nghiệm trong nghề, có nhiều thành tích được cộng đồng công nhận lại bị vướng vào quy định về bằng cấp, những giảng viên lớn tuổi dành phần lớn thời gian vào làm nghề, trải nghiệm và có thành tích thì lại không thể đủ thời gian hoàn thành bằng cấp, chứng chỉ. Thêm nữa, thù lao nghề nghiệp giảng dạy thấp hơn hoạt động nghệ thuật ngoài thị Trường, điều này ảnh hưởng rất lớn đến nguồn lực giảng viên có kinh nghiệm trong Khoa CNDATH thời gian tới.

Kết quả đánh giá về tiêu chuẩn 4: Tiêu chuẩn 4 có 3 tiêu chí đạt, trong đó cả 3 tiêu chí đạt mức 4/7 điểm.

Tiêu chuẩn 5: Đánh giá kết quả học tập của người học

Mở đầu

Đánh giá kết quả học tập của người học là một trong những yếu tố quan trọng nhất của giáo dục đại học. Kết quả đánh giá cung cấp cho các bên liên quan về mức độ đạt được của người học so với chuẩn đầu ra của chương trình đào tạo (CTĐT). Việc đánh giá kết quả học tập của sinh viên (SV) ngành ÁTĐATH được thực hiện thông qua việc đánh giá quá trình và đánh giá cuối kỳ trong suốt khóa học nhằm xác định mức độ kiến thức và năng lực người học đạt được so với mục tiêu và chuẩn đầu ra học phần và CTĐT. Các phương pháp kiểm tra, đánh giá bảo đảm sự đa dạng, độ giá trị, tin cậy, sự công bằng, đồng thời mức độ hiệu quả của các phương pháp kiểm tra đánh giá được giảng viên (GV) ghi chép lại để làm cơ sở đánh giá, cải tiến hoặc thử nghiệm các phương pháp mới. Người học được thông tin một cách minh bạch về các quy định đánh giá, được phản hồi kịp thời kết quả học tập, tiếp cận dễ dàng với các quy trình khiếu nại để chủ động lên kế hoạch và điều chỉnh kế hoạch học tập một cách phù hợp.

Tiêu chí 5.1: Việc đánh giá kết quả học tập của người học được thiết kế phù hợp với mức độ đạt được chuẩn đầu ra

1. Mô tả hiện trạng

Đánh giá kết quả học tập của người học là một quá trình liên tục trong suốt khóa học. Với mục tiêu bảo đảm chuẩn đầu ra cho người học, Trường đã xây dựng các quy định đánh giá kết quả học tập của SV từ giai đoạn tuyển sinh đầu vào đến khi hoàn thành bài tốt nghiệp.

Trường ĐHSKĐAHN thực hiện đánh giá đầu vào đối với người học chuyên ngành ÁTĐATH theo Quy chế tuyển sinh ĐH, CĐ của Bộ GD&ĐT và Đề án tuyển sinh riêng của Trường. Quy trình tuyển sinh được thực hiện minh bạch, công bằng và đúng quy định từ khâu công bố chỉ tiêu tuyển sinh, tổ chức thi đến khâu chấm thi và công nhận kết quả tuyển sinh **[H5.05.01.01]**.

Quy trình kiểm tra đánh giá kết quả học tập SV ngành ÁTĐATH được thực hiện theo Quy chế đào tạo đại học và cao đẳng hệ chính quy của Bộ GD&ĐT và của Trường Đại học SKĐAHN **[H5.05.01.02]**.

Tổ hợp các phương pháp đánh giá hồ sơ học tập của SV được thiết kế đa dạng, phù hợp nhằm bảo đảm khả năng đo lường mức độ đạt được CĐR, bao gồm bài tập cá nhân, bài tập nhóm, thuyết trình nhóm, tự luận, trắc nghiệm, vấn đáp, bài tập lớn, tiểu luận, v.v... tùy theo đặc thù từng học phần, và chiếm 20% trọng số điểm của mỗi học phần. Các phương pháp kiểm tra đánh giá gắn với CĐR của học phần về kiến thức, kỹ năng tương ứng, trong đó có kỹ năng làm việc nhóm và giao tiếp, kỹ năng trình bày, thuyết trình vấn đề, kỹ năng tổng hợp, phân tích, phản biện, v.v... Tất cả các học phần đều có đề cương chi tiết quy định rõ ràng về

cách thức kiểm tra đánh giá, các đầu điểm và tỷ trọng của các đầu điểm thành phần như sau: điểm chuyên cần và thái độ học tập (10%), điểm kiểm tra giữa kỳ (30%), điểm thi hết học phần (60%) **[H5.05.01.03]**.

Trường Đại học SKĐAHN và Khoa CNĐATH có các văn bản hướng dẫn thực tập nghề nghiệp, tiêu chí đánh giá kết quả thực tập và các quy định về điều kiện tốt nghiệp. **[H5.05.01.04]**.

Tuy nhiên, Trường chưa khảo sát đánh giá việc áp dụng các loại hình thi, kiểm tra đối với từng học phần để có thể phân tích mức độ phù hợp với đặc thù đào tạo của chuyên ngành ÂTĐATH.

2. Điểm mạnh

Nhà trường và Khoa có các quy định rõ ràng về đánh giá kết quả học tập của người học. Về cơ bản các phương pháp đánh giá các học phần đều hướng đến đạt CDR của CTĐT.

3. Điểm tồn tại

Nhà trường chưa tổ chức thống kê phân tích định lượng các kết quả thi để đánh giá mức độ khó, dễ, phù hợp của các hình thức kiểm tra - thi nhằm bảo đảm khả năng đo lường mức đạt được chuẩn đầu ra và có hướng điều chỉnh cho phù hợp.

4. Kế hoạch hành động

Phát huy điểm mạnh: Từ năm học 2022-2023, Khoa giao bộ môn phụ trách các học phần thuộc CTĐT ngành ÂTĐATH rà soát hình thức kiểm tra đánh giá nhằm bảo đảm mức độ phù hợp với nội dung giảng dạy và CDR, đồng thời phân tích đánh giá kết quả học tập của người học để điều chỉnh phù hợp.

Khắc phục tồn tại: Từ năm học 2022 - 2023, Khoa phối hợp với P.KT&ĐBCLGD tổ chức phân tích định lượng kết quả kiểm tra - thi của người học để đánh giá chính xác hơn kết quả học tập của SV.

5. Tự đánh giá: Tiêu chí đạt (mức 4/7).

Tiêu chí 5.2: Các quy định về đánh giá kết quả học tập của người học (bao gồm thời gian, phương pháp, tiêu chí, trọng số, cơ chế phản hồi và nội dung liên quan) rõ ràng và được thông báo công khai tới người học

2. Mô tả hiện trạng

Các quy định về đánh giá kết quả học tập của người học của chuyên ngành ÂTĐATH - Khoa CNĐATH được xác định rõ ràng theo Quy chế đào tạo (Quy chế 25 - Ban hành kèm theo Quyết định số 25 /2006/QĐ-BGDĐT ngày 26 tháng 6 năm 2006 của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo) và những văn bản hướng dẫn cụ thể của Nhà trường trong từng học kỳ phù hợp với phương thức đào tạo theo

hình thức niên chế của Nhà trường **[H5.05.02.01]**. Giai đoạn 2017-2022, phương pháp đánh giá kết quả học tập của người học gồm đánh giá mức độ chuyên cần của người học trên lớp (10%), kiểm tra giữa kỳ (30%) và thi cuối kỳ (60%). Mức độ chuyên cần được đánh giá trong suốt mỗi kỳ học, theo đó SV phải tham dự tối thiểu 75 % giờ học trên lớp; tích cực tham gia các hoạt động tại lớp học và làm bài tập ở nhà do GV yêu cầu; kiểm tra giữa kỳ được thực hiện vào tuần thứ 8 của học kỳ theo hình thức bài kiểm tra thực hành hoặc tự luận, hoặc kết hợp cả 2 hình thức này; các học phần chuyên ngành có sự kết hợp 2 phương thức trên với phương thức đánh giá về thuyết trình nhóm, hoặc bài tập theo dự án để đánh giá kết quả kiểm tra giữa kỳ của SV **[H5.05.02.02]**.

Hoạt động đào tạo sinh viên ÂTDATH là một hoạt động đặc thù, do đó, các phương pháp đánh giá cũng rất đa dạng. Với công việc chuyên môn ÂTDATH, có nhiều thang bậc đánh giá (đó là người học cần hiểu biết kiến thức kỹ thuật âm thanh để vận hành hệ thống, xử lý thành thực hệ thống âm thanh, có kiến thức về trường âm, nguồn âm, các đặc trưng vật lý và tâm sinh lý của âm để trang âm, xử lý âm học, luyện thắm định âm để thu thanh các dạng hình nghệ thuật một cách hiệu quả, xử lý âm học và thiết kế trang âm, đặc biệt có kiến thức về phim ảnh để xử lý âm thanh trên hình ảnh đạt hiệu quả kỹ thuật và nghệ thuật), ví dụ: Các học phần thiết kế âm thanh và hòa âm phim, Giảng viên phải đào tạo kỹ năng từng công đoạn trên cho sinh viên và phải có phương pháp kiểm tra, đánh giá mức độ đạt được yêu cầu đó của sinh viên. Tại Khoa CNĐATH, SV biết chắc chắn yêu cầu của bài tập cuối kỳ (bài thi cụ thể là các bài kiểm tra kiến thức chuyên môn công nghệ âm thanh chung và xử lý âm thanh trong điện ảnh truyền hình nói riêng – các bài thi của mỗi học phần đều xây dựng lộ trình đánh giá từng đơn vị kiến thức trên các cấp độ biết – hiểu – vận dụng – phân tích – sáng tạo; đối với các bài thi viết và thực hành, vấn đáp, viết luận đều có đủ thời gian để người học nghiên cứu, rèn luyện kỹ năng; Ngoài ra, phương tiện thị phạm và thực hành cũng là cần thiết phải có trong công tác đào tạo rèn luyện tay nghề; kỹ năng kết hợp với các đồng nghiệp khác như dựng phim, quay phim, đạo diễn, biên tập, các kỹ thuật viên trong làm việc nhóm...., điều này giúp cho nội dung các bài giảng của GV suốt học kỳ luôn bám sát và cung cấp kiến thức cũng như kỹ năng thực hành cần thiết cho SV để SV thực hành làm bài tập cuối kỳ với hiệu quả cao nhất. Phương pháp kiểm tra đánh giá học phần được quy định cụ thể trong đề cương chi tiết học phần **[H5.05.02.03]**.

SV được cung cấp sổ tay sinh viên từ đầu khóa học trong đó có hướng dẫn quy định cụ thể về thời gian, hình thức, phương pháp, tiêu chí, trọng số, cơ chế phản hồi và các nội dung liên quan trong các kỳ thi-kiểm tra **[H5.05.02.04]**. Ngoài ra, SV chuyên ngành ÂTDATH được phổ biến trực tiếp quy chế kiểm tra đánh giá, điều kiện tốt nghiệp, v.v... từ trợ lý Khoa và giảng viên chủ nhiệm của Khoa. Bên cạnh đó, các thông tin, quy định về kiểm tra đánh giá các môn học được GV

thông báo đến SV thông qua việc giới thiệu đề cương môn học, quy định về kiểm tra đánh giá môn học ngay từ buổi học đầu tiên của mỗi môn học **[H5.05.02.05]**.

Trường có đầy đủ các quy định cụ thể về thời gian, hình thức, phương pháp, tiêu chí, trọng số, phúc khảo và các nội dung liên quan trong các kỳ thi được công bố công khai cho người học trước mỗi khóa học. Tuy nhiên, Trường chưa có cơ chế đánh giá việc nhận thông tin và hiểu rõ quy định về đánh giá kết quả học tập của người học.

2. Điểm mạnh

Các quy định về kiểm tra đánh giá kết quả học tập của người học theo CTĐT chuyên ngành ÂTDATH là rõ ràng và được thông báo công khai tới người học.

3. Điểm tồn tại

Chưa có cơ chế đánh giá việc nhận thông tin và hiểu rõ quy định về đánh giá kết quả học tập của người học.

4. Kế hoạch hành động

Phát huy điểm mạnh: Từ năm học 2022 - 2023, Khoa CNĐATH phối hợp với P. Đào tạo, QLKH & HTQT, Phòng KT& ĐBCLGD tiếp tục rà soát quy định, quy trình đánh giá kết quả học tập của người học, công khai cho SV.

Khắc phục tồn tại: Từ năm học 2022 - 2023, Khoa CNĐATH tăng cường kênh thông tin đến SV; xây dựng cơ chế đánh giá mức độ tiếp cận và hiểu thông tin của SV.

5. Tự đánh giá: Tiêu chí đạt (mức 4/7).

Tiêu chí 5.3: Phương pháp đánh giá kết quả học tập đa dạng, bảo đảm độ giá trị, độ tin cậy và sự công bằng

1. Mô tả hiện trạng

Với mục tiêu giúp người học nhận thức đúng đắn về kết quả học tập của bản thân, cũng như tạo điều kiện tối đa cho người học phát huy kỹ năng và kiến thức, phương pháp đánh giá kết quả học tập đối với sinh viên ÂTDATH được xây dựng đa dạng, bảo đảm có giá trị, công bằng và đáng tin cậy. Phương pháp kiểm tra đánh giá kết quả học tập của người học được thực hiện theo quy chế đào tạo; quy định về khảo thí; các văn bản hướng dẫn xây dựng ngân hàng đề thi và ra đề thi của Trường ĐHSKĐAHN **[H5.05.03.01]**.

Về độ đa dạng, các phương pháp đánh giá được thực hiện tùy theo từng học phần, tùy thuộc nội hàm của học phần là lý thuyết thuần túy hay có ứng dụng thực tế. Khi đó, phương pháp đánh giá được GV lựa chọn và thực hiện theo đề cương và quy định thi kết thúc học phần. Hình thức kiểm tra đa dạng: như bài tập nhóm,

bài tập cá nhân, thuyết trình nhóm, bài tập theo dự án, viết báo cáo, tiểu luận và có các tiêu chí đánh giá cụ thể, logic và bám sát chuẩn đầu ra của học phần và CTĐT **[H5.05.03.02]**. Thi kết thúc học phần theo hình thức thực hành, tự luận, hoặc kết hợp cả 2 hình thức này.

Về độ giá trị, đề thi được các giảng viên trực tiếp giảng dạy biên soạn, tùy đặc điểm của môn học. Hầu hết, trong các buổi chiếu báo cáo đánh giá bài tập nghiệp vụ của SV chuyên ngành ATĐATH, các GV đều mời các GV trong tổ bộ môn, Khoa và các SV cùng chuyên ngành của toàn Khoa tham dự, điều này có tác dụng trong việc tạo dựng được không khí tốt, môi trường giao lưu, kết nối, học hỏi giữa các SV trong Khoa... và qua đó, các SV có thể tìm thấy các mối quan hệ cộng tác trong học tập của học kỳ sau. Các bài tập thi kết thúc học phần đều được SV Khoa CNĐATH lưu trữ.

Đối với những môn học có đề thi tự luận, giảng viên biên soạn bộ câu hỏi ôn tập cho mỗi môn học. Bộ câu hỏi này được gửi về tiểu ban chuyên môn đánh giá để bảo đảm từng câu hỏi đo lường được đúng yêu cầu về kiến thức, kỹ năng, thái độ được phản ánh trong đề cương môn học **[H5.05.03.03]**, được các bộ môn phê duyệt và Phòng KT&ĐBCLGD của Trường lưu trữ dưới dạng ngân hàng câu hỏi thi, đề thi, được thẩm định trước khi đưa vào sử dụng **[H5.05.03.04]**.

Về độ tin cậy và sự công bằng, mỗi đề thi đều có đáp án tương ứng với số điểm chi tiết được bộ môn phê duyệt để bảo đảm tính hiệu lực đánh giá trước khi chuyển về phòng KT&ĐBCLGD. Đồng thời GV phải chấm thi theo hướng dẫn cụ thể trong quy định về thi kết thúc học phần của Trường **[H5.05.03.05]**.

Ngoài ra, để đánh giá kết quả học tập được chính xác, quy trình chấm thi được thực hiện với sự tham gia của ít nhất hai giảng viên chuyên môn dưới sự giám sát của phòng Đào tạo để bảo đảm độ tin cậy và sự công bằng đối với người học, bên cạnh đó Trường ban hành quy định về khảo thí nhằm bảo đảm đánh giá đúng kiến thức người học với phương pháp phù hợp và cũng để bảo mật bảo đảm công bằng cho người học **[H5.05.03.06]**.

Tuy nhiên, việc khảo sát về các phương pháp đánh giá kết quả của người học từ các bên liên quan chưa đa dạng (mới dừng lại ở việc lấy ý kiến phản hồi của người học), chưa đo lường độ tin cậy và độ giá trị của công tác đánh giá kết quả người học.

2. Điểm mạnh

Công tác đánh giá kết quả học tập của người học được thực hiện theo đúng quy định, phương pháp kiểm tra đánh giá được đa dạng hóa, bảo đảm nghiêm túc, khách quan, chính xác, công bằng và phù hợp với hình thức đào tạo, mục tiêu từng học phần và chuẩn đầu ra của CTĐT. Trường chưa ghi nhận trường hợp SV khiếu nại, phản nàn bằng văn bản chính thức về kiểm tra đánh giá.

3. Điểm tồn tại

Chưa thực hiện sơ kết, tổng kết về hiệu quả sử dụng tổ hợp các hình thức kiểm tra đánh giá trong quá trình giảng dạy và chưa được lấy ý kiến rộng rãi sự phản hồi của các bên liên quan.

4. Kế hoạch hành động

Phát huy điểm mạnh: Từ năm học 2022 - 2023, Khoa CNĐATH phối hợp P.ĐTQLKH & HTQT, P.KT & ĐBCLGD tiếp tục nghiên cứu xây dựng các phương pháp đánh giá kết quả học tập của người học.

Khắc phục tồn tại: Từ năm học 2022 - 2023, Khoa CNĐATH tổ chức các cuộc hội thảo, tọa đàm để lấy ý kiến về độ tin cậy và độ giá trị của công tác đánh giá kết quả của người học.

5. Tự đánh giá: Tiêu chí đạt (mức 4/7).

Tiêu chí 5.4: Kết quả đánh giá được phản hồi kịp thời để người học cải thiện việc học tập

1. Mô tả hiện trạng

Nhằm tạo điều kiện cho người học biết được kết quả đánh giá kết quả học tập để có kế hoạch điều chỉnh học tập của bản thân, Trường có quy định về thời gian giảng viên chấm bài, đồng thời công bố kết quả đánh giá, thời gian phản hồi khiếu nại của người học về kết quả đánh giá **[H5.05.04.01]**. Điểm đánh giá ý thức học tập và điểm đánh giá giữa kỳ phải được thông báo công khai cho SV ngay khi kết thúc giảng dạy học phần; điểm thi kết thúc học phần được thông báo công khai cho SV qua ban cán sự lớp, giáo viên chủ nhiệm, trên bảng thông báo tại văn phòng qua và công khai trên Website, fanpage của Khoa/Trường. **[H5.05.04.02]**.

Người học nắm rõ quy trình kiểm tra đánh giá, quy định về phản hồi kết quả học tập và phúc khảo, khiếu nại/kiểm tra kết quả học tập thông qua sổ tay sinh viên và quy chế khảo thí **[H5.05.04.03]**. Việc thông báo kết quả điểm kiểm tra giữa kỳ được GV tiến hành kịp thời, đồng thời có nhận xét đánh giá kết quả kiểm tra của SV để SV nhận diện được những điểm mạnh, điểm yếu của bản thân đối với học phần qua đó lập kế hoạch cải tiến kết quả học tập. Trong trường hợp SV chưa hài lòng với kết quả đánh giá thì GV sẽ lập luận, phân tích điểm của SV theo tiêu chí đánh giá để SV nhận ra các điểm yếu cần cải thiện, hoặc lấy ý kiến của tập thể lớp để làm cơ sở điều chỉnh điểm cho SV...bảo đảm tính công bằng và hợp lý trong cách đánh giá.

Hàng năm, Nhà trường đều tổ chức các cuộc thanh tra công tác đào tạo, trong đó có nội dung liên quan đến việc GV thực hiện quy định về phản hồi kết quả học tập cho người học theo đúng thời gian, tiến độ trong kế hoạch giảng dạy của giảng viên **[H5.05.04.04]**.

Phòng KT& ĐBCLGD Nhà trường phối hợp với Khoa CNĐATH tổ chức khảo sát lấy ý kiến của người học về mức độ hài lòng đối với phương pháp kiểm tra đánh giá, thông báo kết quả thi, mức độ hài lòng về kết quả học tập và hoạt động hỗ trợ người học của GV. Kết quả phản hồi của SV về các nội dung trên thường đạt mức hài lòng trở lên và được gửi đến lãnh đạo Khoa, trưởng bộ môn và từng GV của bộ môn **[H5.05.04.05]**.

2. Điểm mạnh

Kết quả học tập được thông báo kịp thời đến người học và công bố công khai theo thời gian quy định, giúp người học có kế hoạch cải thiện việc học tập.

3. Điểm tồn tại

Trường chưa thường xuyên lấy ý kiến của người học cũng như các bên liên quan (cựu sinh viên) về cách thức; thời gian phản hồi kết quả học tập.

4. Kế hoạch hành động

Phát huy điểm mạnh: Từ năm học 2022 - 2023, P. Khảo thí & ĐBCLGD, Phòng ĐT, QLKH & HTQT, tiếp tục thực hiện và rà soát quy trình công bố kết quả đánh giá đến SV đúng thời hạn.

Khắc phục tồn tại: Từ năm học 2022 - 2023, theo tần suất 2 lần /năm, Khoa CNĐATH; P. Khảo thí & ĐBCLGD, Phòng ĐT, QLKH & HTQT định kỳ thực hiện khảo sát lấy ý kiến của người học, cựu người học về cách thức; thời gian phản hồi kết quả học tập.

5. Tự đánh giá: Tiêu chí đạt (mức 4/7).

Tiêu chí 5.5: Người học tiếp cận dễ dàng với quy trình khiếu nại về kết quả học tập

1. Mô tả hiện trạng

Trường Đại học SKĐAHN có các quy định, quy trình khiếu nại về kết quả học tập của người học và được công bố công khai **[H5.05.05.01]**. Các quy định về quy trình khiếu nại kết quả học tập được thông báo công khai đến SV thông qua nhiều hình thức như chương trình sinh hoạt chính trị đầu khóa, đối thoại trực tiếp giữa SV với lãnh đạo Nhà trường, sổ tay sinh viên **[H5.05.05.02]**, theo đó SV có quyền đề nghị kiểm tra kết quả thi kết thúc học phần trong thời gian cho phép theo quy định.

Đơn đề nghị kiểm tra kết quả thi phải được gửi đến giáo viên chủ nhiệm, Khoa chuyên môn và phòng đào tạo. Sau khi nhận được đơn, giáo viên chủ nhiệm, Khoa chuyên môn và phòng đào tạo sẽ tiếp nhận và giải quyết khiếu nại về kết quả học tập. Thời gian kiểm tra kết quả không quá 15 ngày làm việc kể từ ngày nhận đơn của SV. Sau khi kiểm tra, nếu điểm cao hơn hoặc thấp hơn trước

từ 1 điểm trở lên thì Chủ nhiệm Khoa hoặc Trưởng P.KT& ĐBCLGD phải đề nghị một cán bộ thứ 2 có cùng chuyên môn chấm lại. Kết quả cuối cùng phải do Trưởng Khoa (hoặc Trưởng bộ môn) ký xác nhận mới được công bố cho SV, muộn nhất là 30 ngày kể từ ngày nhận đơn. Điểm sau kiểm tra là kết quả cuối cùng của học phần.

Về khiếu nại kết quả điểm kiểm tra giữa kỳ, GV đọc điểm cho từng SV trước lớp học dựa vào các tiêu chí đánh giá cụ thể do đó việc SV không hài lòng với kết quả kiểm tra đánh giá là rất ít. Trong trường hợp SV chưa hài lòng với kết quả đánh giá thì GV sẽ lập luận, phân tích điểm của SV theo tiêu chí đánh giá để thuyết phục SV hoặc lấy ý kiến của tập thể lớp để làm cơ sở điều chỉnh điểm cho SV...bảo đảm tính công bằng và hợp lý trong cách đánh giá **[H5.05.04.03]**.

Tuy nhiên, từ năm 2017 đến 2022, chuyên ngành ÂTĐATH, Khoa CNĐATH chưa ghi nhận trường hợp nào khiếu nại bằng văn bản về kết quả học tập.

2. Điểm mạnh

Người học dễ dàng tiếp cận với quy trình khiếu nại về kết quả học tập. Trong giai đoạn 2017-2022, Khoa CNĐATH chưa có trường hợp khiếu nại về kết quả học tập.

3. Điểm tồn tại: Chưa có kênh đánh giá sự hài lòng của người học về việc tiếp cận quy trình khiếu nại.

4. Kế hoạch hành động

Phát huy điểm mạnh: Từ năm học 2022 - 2023, Khoa CNĐATH tiếp tục rà soát và phổ biến qui trình khiếu nại kết quả học tập trên Website của Trường, Khoa CNĐATH.

Khắc phục tồn tại: Từ năm học 2022 - 2023, Khoa CNĐATH, P. KT&ĐBCLG thiết lập sổ theo dõi việc khiếu nại/ kết quả trả lời khiếu nại về kết quả học tập của người học. Tiến hành khảo sát đánh giá việc tiếp cận quy trình khiếu nại của người học.

5. Tự đánh giá: Tiêu chí đạt (mức 4/7).

Kết luận về Tiêu chuẩn 5

Điểm mạnh nổi bật: Việc đánh giá kết quả học tập người học chuyên ngành ÂTĐATH được thực hiện đúng theo quy định của Bộ GDĐT và quy định của Trường ĐHKĐAHN. Khoa CNĐATH luôn tập trung sâu vào đánh giá năng lực của người học thông qua các kỳ thi, kiểm tra, đặc biệt trong việc đo lường được mức độ đạt được chuẩn đầu ra của môn học và CTĐT, đa dạng hóa các phương thức đánh giá, kết quả đánh giá được phản hồi kịp thời để người học cải thiện việc học tập.

Điểm tồn tại cơ bản: Tuy nhiên, việc lấy ý kiến phản hồi các bên liên quan về phương pháp đánh giá còn chưa rộng rãi và định kỳ.

Kết quả đánh giá về tiêu chuẩn 5: Tiêu chuẩn 5 có 5 tiêu chí đạt, trong đó cả 5 tiêu chí đạt mức 4/7 điểm.

Tiêu chuẩn 6: Đội ngũ giảng viên, nghiên cứu viên

Mở đầu

Việc quy hoạch đội ngũ GV của chương trình đào tạo chuyên ngành ÁTĐATH trong các năm qua đã đáp ứng yêu cầu đào tạo, NCKH và các hoạt động phục vụ cộng đồng. Đội ngũ GV của Trường nói chung và của chương trình đào tạo chuyên ngành ÁTĐATH nói riêng đã được công nhận đạt tiêu chuẩn kiểm định chất lượng CSGD năm 2017, điều đó cho thấy đội ngũ GV của Trường có năng lực chuyên môn cao, tích cực tham gia các loại hoạt động NCKH và các hoạt động phục vụ cộng đồng. Việc tuyển dụng, tiếp nhận, đề bạt cán bộ được thực hiện công khai, đúng quy định và dựa trên yêu cầu công việc, trình độ chuyên môn, kinh nghiệm giảng dạy và thành tích trong nghề nghiệp của các ứng viên. Khoa luôn phân công nhiệm vụ giảng dạy, đào tạo và các công việc khác phù hợp với trình độ, kinh nghiệm, kỹ năng của từng giảng viên. Giảng viên của Khoa được tham gia các lớp bồi dưỡng nghiệp vụ ở trong nước và quốc tế để phát triển chuyên môn. Những thành tích, đóng góp về hoạt động chuyên môn, nghiên cứu Khoa học, các hoạt động đoàn thể và các hoạt động phục vụ cộng đồng luôn được Nhà trường biểu dương và đánh giá cao, tạo động lực cho giảng viên của Khoa hoàn thành tốt nhiệm vụ.

Tiêu chí 6.1: Việc quy hoạch đội ngũ giảng viên (bao gồm việc thu hút, tiếp nhận, bổ nhiệm, bố trí, chấm dứt hợp đồng và cho nghỉ hưu) được thực hiện đáp ứng yêu cầu đào tạo, nghiên cứu chương trình học và các hoạt động phục vụ cộng đồng

1. Mô tả hiện trạng

Việc quy hoạch đội ngũ GV cho CTĐT cử nhân chuyên ngành ÁTĐATH được thực hiện theo định hướng phát triển của Trường nhằm đáp ứng nhu cầu về đào tạo. Căn cứ theo Kế hoạch chiến lược phát triển Trường ĐHSKĐAHN giai đoạn 2013 – 2020 và tầm nhìn 2030; Đề án Xây dựng Trường ĐHSKĐAHN thành Trường trọng điểm quốc gia [H6.06.01.01] và thực hiện công tác quy hoạch, Trường đã ban hành các văn bản về hành lang pháp lý; quy định về tiêu chuẩn chức danh cán bộ lãnh đạo các cấp thuộc Trường; quy định về tiêu chuẩn chức danh lãnh đạo Khoa, Phòng, Bộ môn thuộc Khoa và tương đương thuộc Trường [H6.06.01.02]. Theo đó, công tác quy hoạch và bồi dưỡng cán bộ của Trường đều được thực hiện theo định hướng phát triển của Trường và đáp ứng

nhu cầu đào tạo **[H6.06.01.03]**. Mỗi giai đoạn Trường đều thực hiện rà soát, bổ sung quy hoạch **[H6.06.01.04]**. Theo kết quả rà soát tình hình nhân sự và nhu cầu đào tạo, Trường xây dựng kế hoạch tuyển dụng, việc tuyển dụng được thực hiện theo qui trình tuyển dụng viên chức, có tiêu chí rõ ràng, công khai minh bạch **[H6.06.01.05]**. Dựa theo các yêu cầu về công việc của GV và các kế hoạch của Trường, Khoa đã xây dựng đề án vị trí việc làm của Khoa **[H6.06.01.06]**. GV sau khi tuyển dụng được đào tạo, bồi dưỡng đầy đủ nhằm đáp ứng nhu cầu công việc **[H6.06.01.07]**. Theo đó, số lượng cán bộ, GV được tuyển dụng phục vụ đào tạo cho chuyên ngành ÂTĐATH trong 5 năm qua đã đáp ứng cả về lượng và chất cho CTĐT **[H6.06.01.08]**. Việc tuyển dụng, đề bạt cán bộ được thực hiện công khai, đúng quy định và dựa trên trình độ chuyên môn, kinh nghiệm giảng dạy và thành tích nghề nghiệp. Việc phân công trách nhiệm đào tạo và mối quan hệ công tác được phân định rõ ràng, phù hợp với trình độ, kinh nghiệm kỹ năng của GV. Việc quản lý theo kết quả công việc và ghi nhận thành tích của GV đã tạo động lực cho việc hoàn thành trách nhiệm giảng dạy, nghiên cứu và các hoạt động phục vụ cộng đồng.

Bảng 6.1: Đội ngũ cán bộ cơ hữu tham gia thực hiện CTĐT (Phụ lục 8)

Bên cạnh đó, việc chấm dứt hợp đồng, nghỉ chế độ, nghỉ hưu và các chế độ phúc lợi xã hội của GV được thực hiện nghiêm túc đúng quy định hiện hành **[H6.06. 01.09]**.

Đa số các GV giảng dạy chương trình chuyên ngành ÂTĐATH đều có khả năng sử dụng ngoại ngữ trong hoạt động nghiên cứu tài liệu nước ngoài để phục vụ các hoạt động đào tạo **[H6.06.01.10]**. Đa số GV đã qua các khóa bồi dưỡng về CNDATH. Trường có chiến lược ngắn hạn và dài hạn quy hoạch phát triển đội ngũ GV đạt chuẩn theo quy định **[H6.06.01.11]**.

Do đặc thù đào tạo chuyên ngành ÂTĐATH, đòi hỏi giảng viên vừa có trình độ học vấn từ thạc sĩ trở lên, vừa có cống hiến, thành tích trong hoạt động nghề nghiệp (yêu cầu của cơ chế quản lý). Trong chiến lược phát triển diện ảnh của Bộ VHTTDL, ngành Điện ảnh và Truyền hình đã tuyển và cử đi học tập tại các nước có nền ĐA phát triển như: Mỹ, Hàn quốc, Trung Quốc, Thụy Điển, Bỉ... Hiện tại, Việt Nam chưa có cơ sở giáo dục đào tạo bậc thạc sĩ, tiến sĩ chuyên ngành CNDATH dẫn đến trong những năm tới số lượng giảng viên có tuổi nghề, nhiều kinh nghiệm, nhiều thành tích được xã hội công nhận lại có bằng thạc sĩ, tiến sĩ và có nhu cầu trở thành giảng viên sẽ ít dần, khả năng thu hút giảng viên cho CTĐT sẽ gặp những trở ngại nhất định.

2. Điểm mạnh

Việc quy hoạch đội ngũ GV (bao gồm việc thu hút, tiếp nhận, bổ nhiệm, bố trí, chấm dứt hợp đồng và cho nghỉ hưu) được thực hiện đúng quy trình; phát triển

được đội ngũ GV, đáp ứng tốt yêu cầu đào tạo, NCKH và các hoạt động phục vụ cộng đồng.

3. Điểm tồn tại

Một số giảng viên hiện nay ít có cơ hội thực hành nghề trong lĩnh vực ĐA - TH được đào tạo nên kỹ năng thực tế cần sự cải thiện. Do đặc thù chuyên môn hẹp, ít sinh viên nên khó khăn trong mở rộng quy mô đội ngũ GV. Công tác quy hoạch, phát triển đội ngũ GV cho CTĐT chuyên ngành ÂTĐATH còn gặp trở ngại do đặc thù nghề nghiệp và chính sách đào tạo thực tế. Tỷ lệ giảng viên đạt trình độ tiến sĩ của Khoa còn thấp, tỷ lệ giảng viên nam/nữ còn mất cân đối.

4. Kế hoạch hành động

Phát huy điểm mạnh: Từ năm học 2022 - 2023, Nhà trường xây dựng cơ chế thu hút giảng viên có trình độ cao về làm việc hoặc cộng tác giảng dạy với Trường. Tiếp tục bổ sung ưu đãi trong chính sách hỗ trợ giảng viên học thạc sĩ, tiến sĩ (trong và ngoài nước) của Trường.

Khắc phục tồn tại: Từ năm học 2022 - 2023, Khoa CNĐATH phối hợp với P.HCTH (TCCB) rà soát, đánh giá mục tiêu cụ thể về phát triển đội ngũ để bảo đảm đạt được các chỉ tiêu theo Chiến lược xây dựng và phát triển nguồn lực của Nhà trường.

5. Tự đánh giá: Tiêu chí đạt (mức 4/7).

Tiêu chí 6.2: Tỷ lệ giảng viên/người học và khối lượng công việc của đội ngũ giảng viên được đo lường, giám sát làm căn cứ cải tiến chất lượng hoạt động đào tạo, nghiên cứu khoa học phục vụ cộng đồng

1. Mô tả hiện trạng

Tính đến 10/2022, Khoa Công nghệ ĐATH có 9 GV (2 nữ và 7 nam), trong đó có 8 thạc sĩ, 01 đại học (đang học thạc sĩ). Độ tuổi trung bình của GV là 38,5 tuổi. **[H06.06.02.01]**.

Thực hiện các hoạt động đào tạo của CTĐT cử nhân chuyên ngành ÂTĐATH do bộ môn ÂTĐATH. Bộ môn có 4 GV (1 nữ, 3 nam), trong đó 4 giảng viên có trình độ ThS; GV ở trong độ tuổi 30 - 40 chiếm tỷ lệ 75 %, độ tuổi 41 - 60 chiếm tỷ lệ 25 %. Ngoài ra còn có sự tham gia của các giảng viên cơ hữu trong Khoa, Trường và các giảng viên thỉnh giảng tham gia thực hiện CTĐT. **[H6.06.01.03]**.

Bảng 6.1.2: Tỷ lệ giảng viên/sinh viên của chuyên ngành ÂTĐATH (Phụ lục 8)

Bảng 6.1.2 Thể hiện tỷ lệ giảng viên/sinh viên của chuyên ngành ÂTĐATH trong 05 năm gần đây (2015-2020). Kết quả cho thấy tỷ lệ GV/SV

của CN ÂTĐATH phù hợp với Thông tư số 24/2015/TT/BGD&ĐT và Thông tư số 32/2015/TT/BGD&ĐT của Bộ GD&ĐT quy định về tỷ lệ GV/người học quy đổi là không quá 10 sinh viên/GV nhằm nâng cao chất lượng đào tạo và NCKH. Khối lượng công việc của đội ngũ GV được Nhà trường và Khoa thực hiện theo Thông tư 47/2014/TT-BGDĐT ngày 31/12/2014 quy định chế độ làm việc của GV và QĐ1015/QĐ-SKĐAHN ngày 09/9/2016 của Hiệu trưởng Trường ĐHSKĐAHN ban hành quy định về chế độ làm việc của GV, từ năm 2020 thực hiện theo thông tư 20/2020/TT-BGDĐT ngày 27/7/2020 quy định chế độ làm việc của giảng viên cơ sở giáo dục đại học và QĐ1415/QĐ-SKĐAHN ngày 08/12/2020 của ĐHSKĐAHN về việc ban hành quy định về chế độ làm việc của GV **[H06.06.02.06]**.

Định mức giờ chuẩn cho GV trong một năm học là 300 giờ, 585 giờ nghiên cứu Khoa học, các công việc được quy đổi theo giờ chuẩn khác nhau. Định mức giờ chuẩn đối với các GV được bổ nhiệm chức vụ lãnh đạo hoặc kiêm nhiệm các công tác khác được giảm trừ giờ chuẩn và các trường hợp GV được miễn giảm giờ chuẩn được quy định trong Quy định về chế độ làm việc của GV của ĐHSKĐAHN (Điều 9 và Điều 10). Ngoài ra còn có các điều kiện được quy định rõ ràng để tính vượt giờ cho GV (Điều 12). Quy định về NCKH, mỗi năm GV phải hoàn thành nhiệm vụ NCKH được giao tương ứng với chức danh nghề nghiệp hoặc vị trí công việc đang đảm nhiệm. Kết quả NCKH của GV được đánh giá thông qua các sản phẩm NCKH cụ thể, tối thiểu là một đề tài NCKH cấp cơ sở hoặc tương đương được nghiệm thu từ đạt yêu cầu trở lên hoặc một bài báo được công bố trên tạp chí khoa học có phản biện hoặc một bài báo cáo khoa học tại hội thảo khoa học chuyên ngành. Định mức khối lượng giờ thực hiện NCKH của các chức danh GV được quy định cụ thể **[H06.06.02.07]**.

Việc đánh giá cán bộ, viên chức căn cứ vào chức trách nhiệm vụ được giao, kết quả thực hiện nhiệm vụ về tiến độ và chất lượng công việc của từng người, số lượng công việc được giao theo kế hoạch, những nhiệm vụ thường xuyên, đột xuất, những yêu cầu về trình độ chuyên môn của công việc, mức độ cần cù, chịu khó, tận tâm, tận tụy, trách nhiệm với công việc, chấp hành kỷ cương. Việc đánh giá được xem xét qua các cấp: cá nhân tự đánh giá, tự chấm điểm, bộ môn xem xét, đề nghị, hội đồng Khoa chấm điểm, hội đồng Thi đua khen thưởng của Trường rà soát, công nhận và ra quyết định **[H06.06.02.08]**.

Đầu năm học, dựa trên định mức giờ giảng của từng giảng viên phải đảm nhiệm, Khoa lập kế hoạch giảng dạy sao cho giảng viên đảm bảo hoàn thành nhiệm vụ, bên cạnh đó thông báo phân bổ các công tác nghiên cứu khoa học thực hiện theo quy định của Nhà trường. Trên cơ sở đó, Khoa rà soát khối lượng công việc để có kế hoạch phân công công việc trong năm học mới một cách hợp lý, tránh tình trạng không cân đối về khối lượng công việc **[H06.6.02.09]**. Sau mỗi năm học, việc đánh giá khối giảng dạy và NCKH, cũng như các hoạt động chuyên

môn và nghiệp vụ khác được Khoa thực hiện thông qua việc đánh giá kết quả, phân loại CBVC, đề hưởng lương tăng thêm và xếp loại thi đua **[H06.06.02.10]**. Ngoài việc quản lý trực tiếp của Khoa, bộ môn; các phòng chức năng của Trường kiểm tra giám sát đánh giá mức độ hoàn thành công việc của GV từ đó bảo đảm chất lượng giảng dạy, NCKH và các hoạt động khác của GV. Kết quả là trong 5 năm qua, toàn bộ GV trong Khoa đều hoàn thành công việc, nhiều GV hoàn thành tốt nhiệm vụ, được nhận các danh hiệu lao động tiên tiến, chiến sĩ thi đua cấp cơ sở, cấp Bộ, bằng khen các cấp, đặc biệt giảng viên của Khoa có giải thưởng trong hoạt động nghề nghiệp được xã hội công nhận dù giải thưởng đối với ngành nghề này còn ít được đánh giá bằng năng lực sáng tạo như các ngành nghề khác trong khối ĐATH. **[H06.06.02.11]**. Ngoài ra, Nhà trường còn tổ chức lấy ý kiến đánh giá của người học về chất lượng giảng dạy của GV nhằm giúp GV Khoa đánh giá được năng lực thực hiện nhiệm vụ của mình, từ đó đề có giải pháp tự học tập, bồi dưỡng nâng cao trình độ chuyên môn, nghiệp vụ để cải tiến chất lượng đào tạo **[H6 06.02.12]**.

Mặc dù, tỷ lệ GV/SV chuyên ngành ÂTĐATH đủ và bảo đảm khối lượng trong những năm qua. Tuy nhiên, trong những năm tới, do đặc thù giảng dạy chuyên ngành ÂTĐATH luôn cần tiếp cận cái mới, luôn phải nâng cao trình độ, số lượng giảng viên học lên bậc tiến sĩ, có nhiều cơ hội tiếp cận thực tế còn hạn chế sẽ ảnh hưởng nhiều đến chiến lược đào tạo nếu không tính đến việc xây dựng đội ngũ giảng viên.

2. Điểm mạnh

Khối lượng công việc của GV được quy đổi theo giờ chuẩn và có thể đo lường được, có quy định về số giờ giảng tối thiểu theo quy đổi đối với GV. Tỷ lệ GV/người học và khối lượng công việc của từng GV được xác định rõ ràng, đáp ứng yêu cầu quy định về xác định chỉ tiêu đào tạo trình độ đại học hiện hành.

3. Điểm tồn tại

Việc đo lường các nhiệm vụ khác đối với GV (ngoài giờ giảng, giờ NCKH) còn mang tính định tính, chưa có những tiêu chí cụ thể vì thế nhiều giảng viên còn kiêm nhiệm các công việc khác nhưng vẫn bị đánh giá là chưa hoàn thành nhiệm vụ, các hoạt động phục vụ cộng đồng của GV chưa định lượng được.

4. Kế hoạch hành động

Phát huy điểm mạnh: Từ năm học 2022 - 2023, Phòng HCTH (TCCB), Phòng ĐT, QLKH & HTQT giám sát, khuyến khích GV thực hiện tốt công việc để bảo đảm chất lượng hoạt động đào tạo, NCKH và các hoạt động phục vụ cộng đồng.

Khắc phục tồn tại: Từ năm học 2022 - 2023, Khoa CNĐATH bám sát quy định “Hoạt động kết nối và phục vụ cộng đồng của Trường ĐHSKĐAHN” xây

dựng Kế hoạch về việc tổ chức các hoạt động kết nối và phục vụ cộng đồng theo từng năm học, đồng thời tổ chức đánh giá hằng năm đối với nội dung này.

5. *Tự đánh giá:* Tiêu chí đạt (mức 4/7).

Tiêu chí 6.3: Các tiêu chí tuyển dụng và lựa chọn giảng viên (bao gồm cả đạo đức và năng lực học thuật) để bổ nhiệm, điều chuyển được xác định và phổ biến công khai

1. *Mô tả hiện trạng*

Trường ĐHKĐAHN thuộc Bộ VHTTDL quản lý, các tiêu chí tuyển dụng và lựa chọn giảng viên (bao gồm cả đạo đức và năng lực học thuật) để bổ nhiệm, điều chuyển được xác định rõ ràng, cụ thể.

Các tiêu chí tuyển dụng gồm: 1- *Có phẩm chất, đạo đức, tư tưởng tốt; 2- Có bằng tốt nghiệp đại học trở lên và có chứng chỉ bồi dưỡng nghiệp vụ sư phạm. Có bằng thạc sĩ trở lên hoặc được công nhận nghệ sĩ ưu tú đối với giảng viên giảng dạy các môn lý thuyết của CTĐT đại học; có bằng tiến sĩ (hoặc được công nhận là nghệ sĩ nhân dân) đối với giảng viên giảng dạy và hướng dẫn luận văn, luận án trong các CTĐT thạc sĩ, tiến sĩ; 3- Có trình độ ngoại ngữ, tin học đáp ứng yêu cầu công việc; 4- Đủ sức khỏe theo yêu cầu nghề nghiệp; 5- Lý lịch bản thân rõ ràng.*

Đối với chuyên ngành đào tạo ÂTDATH không đào tạo Sau đại học nên các giảng viên học sang ngành khác như thạc sĩ Nghệ thuật Điện ảnh – Truyền hình, thạc sĩ Điện – Điện tử, thạc sĩ sư phạm kỹ thuật. Các tiêu chí tuyển dụng và lựa chọn GV, được phổ biến công khai trên trang thông tin điện tử của Trường và Khoa; gửi thông báo bằng văn bản về các đơn vị trong Trường, được đăng tải trên báo chí khi có đợt tuyển dụng tập trung. Tiêu chí tuyển dụng, lựa chọn GV được cập nhật, điều chỉnh theo từng thời kỳ phát triển của Trường, phù hợp với yêu cầu nâng cao chất lượng đội ngũ và phù hợp với quy định chung của Nhà nước [H6.06.03.02].

Trường đã xây dựng và đưa vào thực hiện các tiêu chí cho quy trình tuyển dụng cán bộ, giảng viên phù hợp với yêu cầu của Trường đào tạo nghệ thuật mang tính đặc thù. Ngoài quy trình tuyển dụng cán bộ, giảng viên riêng của Trường, những năm qua Trường đã thực hiện đúng kế hoạch, quy trình và tiêu chí tuyển dụng của Bộ VHTTDL. Trước năm 2018, thực hiện quy định, trước mỗi kỳ tuyển dụng Nhà trường đều có thông báo công khai trên các phương tiện thông tin đại chúng, thông qua các hình thức thông báo trên báo chí và truyền thông các thông tin về tiêu chuẩn và số lượng cũng như cần tuyển vào biên chế. Việc tuyển dụng cán bộ, giảng viên của Trường phải trải qua hai hội đồng sát hạch, đó là hội đồng sơ tuyển tại Trường và hội đồng tuyển dụng cấp Bộ VHTTDL [H6.06.03.03]. Hiện nay, Trường đã được Bộ phê duyệt đề án tự tuyển dụng và được tự tổ chức

tuyển dụng viên chức để chủ động hơn trong việc bổ sung nguồn nhân lực cho Nhà trường **[H6.06.03.04]**.

Sau mỗi kỳ thi tuyển dụng, Nhà trường đều có văn bản công khai danh sách những người trúng tuyển và thông báo rộng rãi trên các bảng tin của Trường. Cán bộ, giảng viên đã trúng tuyển trong các kỳ thi tuyển dụng phải trải qua một năm tập sự. Sau khi hoàn thành tốt những công việc được giao, cán bộ, giảng viên này sẽ được Nhà trường ký hợp đồng chính thức **[H6.06.03.05]**.

Đối với những giảng viên được điều chuyển từ đơn vị khác về Trường, để thực hiện việc tuyển dụng, lựa chọn GV, Trường thành lập Hội đồng tuyển dụng nhằm bảo đảm việc tuyển dụng được chính xác, khách quan và có sự đồng thuận tập thể **[H6.06.03.06]**. Sau khi trúng tuyển, các GV được giao nhiệm vụ biên soạn đề cương bài giảng, thông qua bài giảng ở bộ môn dự giờ các cán bộ giảng dạy khác và tiến hành giảng thử tại bộ môn rồi mới giảng trước Hội đồng của Nhà trường. Trong thành phần Hội đồng luôn có thành viên là các Khoa chuyên môn liên quan. Đối với tuyển dụng GV, ứng viên phải trải qua phần thực hành giảng dạy và trả lời các câu hỏi về chuyên môn của Hội đồng sát hạch, nếu đạt GV mới được lên lớp chính thức. Trong 1 năm tập sự, Khoa cử 1 GV hướng dẫn trực tiếp cho GV **[H6.06.03.07]**.

Do đặc thù của chuyên ngành ÂTDATH là học lý thuyết (kỹ thuật và cảm thụ) và dành nhiều thời gian trải nghiệm thực hành, thực tế thực hành chiếm 50 % các ĐVHT trong CTĐT, do đó Khoa CNĐATH đã mời nhiều chuyên gia đạt thành tựu trong lĩnh vực cộng tác giảng dạy (NSND Bành Bắc Hải, Kỹ sư trưởng Trần Công Chí, Kỹ sư trưởng, phó giám đốc phụ trách kỹ thuật trung tâm sản xuất phim truyền hình VN Hồ Trọng Hữu, Đạo diễn Đào Duy Phúc...) **[H6.06.03.08]**. Tuy nhiên, một số kỹ sư giỏi, có uy tín từ các hãng phim nhà nước, các đài truyền hình, các công ty sản xuất âm thanh đa phần đã nhiều tuổi, nghỉ hưu hoặc bị rào cản bởi quy định bằng cấp khiến việc mời những kỹ sư âm thanh như vậy cộng tác với Khoa ngày càng khó khăn.

Việc bổ nhiệm, điều chuyển GV của chương trình đào tạo ÂTDATH được thực hiện nghiêm túc, đúng quy chế, quy trình và công khai, minh bạch. Việc bổ nhiệm viên chức lãnh đạo, quản lý dựa trên trình độ chuyên môn, kinh nghiệm thực tế và trên cơ sở quy hoạch cán bộ đã được phê duyệt cho từng giai đoạn **[H6.06.03.09]**.

2. Điểm mạnh

Tiêu chí tuyển dụng và lựa chọn GV (bao gồm cả đạo đức và năng lực học thuật) để bổ nhiệm, điều chuyển được xác định một cách rõ ràng và được phổ biến công khai. GV được tuyển dụng, lựa chọn đều đáp ứng các tiêu chí của Trường.

3. Điểm tồn tại

Tiêu chí tuyển dụng và lựa chọn giảng viên để bổ nhiệm có những trở ngại, mâu thuẫn nhất định đối với thực tế nguồn lực của giảng viên chuyên ngành ÂTĐATH trong những năm tới (chỉ bổ nhiệm người đã có trình độ thạc sĩ trở lên), do đó việc tuyển dụng GV đáp ứng tiêu chí đúng chuyên ngành được đào tạo hoặc có thâm niên, tầm ảnh hưởng trong nghề...thường gặp khó khăn. Hiện tại, giảng viên đạt trình độ tiến sĩ của Khoa CNĐATH chưa có.

4. Kế hoạch hành động

Phát huy điểm mạnh: Từ năm học 2022 - 2023, Nhà trường giao cho P.HCTH (TCCB) tiếp tục công khai các thông tin và tiêu chí khi tuyển dụng GV trên các phương tiện truyền thông (Khi có kế hoạch tuyển dụng).

Khắc phục tồn tại: Từ năm học 2022 - 2023, K. CNĐATH phối hợp P.ĐTQLKH&HTQT, P.HCTH rà soát chiến lược phát triển nguồn nhân lực; xây dựng, đề xuất với Bộ VHTTDL những tiêu chí tuyển dụng và bổ nhiệm mang tính đặc thù. Có chính sách thu hút mạnh hơn nữa như thưởng nóng cho các ứng viên đủ tiêu chuẩn và có tầm ảnh hưởng tốt về nghề muốn về công tác tại Trường. Khoa/Phòng HCTH (TCCB) cụ thể hóa tiêu chí tuyển dụng GV bảo đảm đúng yêu cầu tuyển dụng về chuyên ngành được đào tạo để đáp ứng ngay được yêu cầu của chương trình.

5. Tự đánh giá: Tiêu chí đạt (mức 4/7).

Tiêu chí 6.4: Năng lực của đội ngũ giảng viên được xác định và được đánh giá

1. Mô tả hiện trạng

Các ứng viên được tuyển làm giảng viên của Trường ĐHSKĐAHN nói chung đều phải đáp ứng tiêu chuẩn chung về giảng viên đại học. Sau khi trúng tuyển, hằng năm họ đều được cử đi bồi dưỡng các khóa học về kỹ năng và nghiệp vụ chuyên môn do Bộ VHTTDL tổ chức (nếu có). 100% giảng viên của Khoa có chứng chỉ nghiệp vụ sư phạm và chứng chỉ công nghệ thông tin đạt chuẩn của Bộ quy định **[H6.06.04.01]**. Bên cạnh đó, Nhà trường tạo điều kiện cho các GV của Khoa nói chung và GV chuyên ngành ÂTĐATH tham gia mọi hoạt động sáng tác để nâng cao nghiệp vụ, kinh nghiệm **[H6.06.04.02]**.

Đội ngũ giảng viên tích cực tham gia nghiên cứu khoa học dưới hình thức các hoạt động đặc thù của ngành: Tham gia làm phim; tham gia các dự án, hội thảo nghề, hội thảo giáo dục của các tổ chức trong nước, quốc tế, giao lưu giữa các hội thảo, chia sẻ giữa các Khoa trong Trường **[H6.06.04.03]**. GV của Khoa CNĐATH đã có nhiều công trình chất lượng được xã hội ghi nhận **[H6.06.04.04]**.

Trường ĐHSKĐAHN luôn khẳng định GV là nguồn lực rất quan trọng trong việc tạo ra chất lượng đào tạo. Trong định hướng phát triển của Nhà trường, đầu tư phát triển đội ngũ giảng viên cả về số lượng và đặc biệt về chất lượng luôn là một trong những mục tiêu then chốt. Trường đã xây dựng đề án vị trí việc làm, theo đó các tiêu chí xác định năng lực của giảng viên cũng là mục tiêu phấn đấu của các giảng viên Khoa CNĐATH **[H6.06.04.05]**. Trường ĐHSKĐAHN có văn bản quy định về các tiêu chí đánh giá phân loại công chức, viên chức trong đó quy định rõ các tiêu chí phân loại các mức hoàn thành xuất sắc, hoàn thành tốt, hoàn thành nhiệm vụ... với các tiêu chí về phẩm chất chính trị, đạo đức, lối sống, năng lực, trình độ chuyên môn nghiệp vụ, tinh thần thái độ, trách nhiệm trong công việc, khả năng hoàn thành nhiệm vụ, kết quả NCKH... **[H06.06.04.06]**. Nhà trường ban hành quy định đánh giá, phân loại CCVC để xét nâng lương trước niên hạn **[H06.06.04.07]**, các văn bản này được Nhà trường tổ chức cho CBGV thảo luận, thống nhất và được thông báo công khai bằng văn bản **[H06.06.04.08]**.

Hằng năm, Nhà trường đều có thông báo, hướng dẫn cụ thể về phương thức, quy trình đánh giá năng lực của giảng viên **[H6.06.04.09]**. Theo đó, mỗi GV viết báo cáo đánh giá kết quả công tác, tu dưỡng, rèn luyện để bộ môn đánh giá. Kết quả này tiếp tục được kiểm duyệt đánh giá ở cấp Khoa và cấp Trường. Kết quả đánh giá cho thấy 100% giảng viên Khoa CNĐATH hoàn thành nhiệm vụ được giao, trong đó có nhiều giảng viên hoàn thành tốt nhiệm vụ được giao **[H6.06.04.10]**.

Công tác bình xét thi đua - khen thưởng hằng năm được triển khai một cách đa dạng, bên cạnh việc bám sát các tiêu chí khen thưởng đã được ban hành, Nhà trường còn đề nghị Bộ VHTTDL khen tặng đối với giảng viên có thành tích xuất sắc trong các hoạt động nghề nghiệp (được giải trong liên hoan phim, bằng khen của Bộ Văn hóa – Thể thao và Du lịch); hoặc vinh danh các giảng viên có thành tích trong Hội nghị công chức viên chức hằng năm **[H6.06.04.11]**.

Phòng KT&ĐBCLGD có lấy ý kiến phản hồi của người học về hoạt động giảng dạy của GV, kết quả cho thấy đa phần các hoạt động giảng dạy đã đáp ứng được nhu cầu học tập của SV **[H6.06.04.12]**.

Như vậy, năng lực của đội ngũ cán bộ giảng dạy được Nhà trường xác định rõ ràng, nhất quán. Việc đánh giá năng lực GV đa dạng về hình thức và ở nhiều cấp độ khác nhau. Tuy nhiên, Khoa CNĐATH chưa xây dựng bộ tiêu chí đánh giá năng lực giảng viên của Khoa. Giảng viên chưa có nhiều cơ hội tiếp cận công nghệ âm thanh mới. Do đó, năng lực của đội ngũ GV tham gia giảng dạy chuyên ngành ÁTĐATH đôi khi còn đánh giá mang tính định tính.

2. Điểm mạnh

Phần lớn giảng viên của Khoa đều hoàn thành tốt nhiệm vụ các năm học và có kết quả đánh giá về công tác giảng dạy ở mức cao.

3. Điểm tồn tại

Khoa Công nghệ ĐATH chưa xây dựng bộ tiêu chí đánh giá năng lực giảng viên, chưa cụ thể hóa tiêu chí đánh giá để GV có thể phấn đấu đáp ứng yêu cầu đặt ra.

4. Kế hoạch hành động

Phát huy điểm mạnh: Từ năm học 2022 - 2023, Khoa CNĐATH phối hợp với P.HCTH (TCCB) tiếp tục rà soát, hoàn thiện các tiêu chuẩn năng lực GV để làm cơ sở cho quá trình đánh giá kết quả công việc.

Khắc phục tồn tại: Từ năm học 2022 - 2023, Khoa CNĐATH xây dựng bộ tiêu chí đánh giá năng lực giảng viên giảng dạy. Tư vấn với cấp trên để xây dựng lộ trình cập nhật hàng năm kiến thức, kinh nghiệm cho giảng viên chưa có nhiều cơ hội tiếp cận công nghệ âm thanh mới.

5. Tự đánh giá: Tiêu chí đạt (mức 4/7).

Tiêu chí 6.5: Nhu cầu về đào tạo và phát triển chuyên môn của đội ngũ giảng viên, nghiên cứu viên được xác định và có các hoạt động triển khai để đáp ứng nhu cầu đó

1. Mô tả hiện trạng

Nhà trường đã có chính sách, biện pháp tạo điều kiện cho đội ngũ GV, CB của Trường tham gia các hoạt động chuyên môn, nghiệp vụ trong nước và nước ngoài; có chính sách khuyến khích giảng viên nâng cao trình độ chuyên môn, tạo điều kiện về kinh phí đối với giảng viên học thạc sĩ, tiến sĩ, đi đào tạo ở nước ngoài [H06.06.05.01]. Bên cạnh đó, Trường và Khoa luôn công khai thông báo các chương trình học bổng học tập nước ngoài nhằm tạo điều kiện để cán bộ GV trẻ tham gia dự tuyển, có quy định rõ ràng về các hoạt động hợp tác quốc tế của Trường, trong đó hướng dẫn cụ thể cho GV khi tham gia các hoạt động bồi dưỡng chuyên môn, nghiệp vụ...ở nước ngoài. [H06.06.05.02].

Quy định về khen thưởng, hỗ trợ NCKH, đi hội thảo trong nước, nước ngoài; các nội dung chi, mức chi được quy định cụ thể trong các quy chế chi tiêu nội bộ (hỗ trợ chi trả học phí, trả thù lao biên soạn giáo trình, viết chuyên đề NCKH,...) của Nhà trường. [H06.06.05.03].

Ngoài các lớp đào tạo, bồi dưỡng do Trường tổ chức, về cơ bản, hoạt động đào tạo, bồi dưỡng của Khoa chủ yếu là tự đào tạo thông qua hình thức tọa đàm, hội thảo..., [H06.06.05.04].

Tuy nhiên, Khoa CNĐATH chưa tổ chức nghiên cứu, khảo sát/ đánh giá nhu cầu đào tạo/ bồi dưỡng chuyên môn, nghiệp vụ của đội ngũ giảng viên.

2. Điểm mạnh

Giảng viên có nhu cầu đào tạo và phát triển chuyên môn cao. Nhà trường có cơ chế hỗ trợ, khuyến khích giảng viên tham gia các chương trình đào tạo thạc sĩ, tiến sĩ, các khóa đào tạo ngắn hạn (hỗ trợ kinh phí đào tạo, ...). Các hoạt động triển khai các khóa đào tạo, tập huấn cho GV nhanh chóng, hiệu quả.

3. Điểm tồn tại

Khoa CNĐATH chưa tổ chức nghiên cứu, khảo sát/ đánh giá nhu cầu đào tạo/ bồi dưỡng chuyên môn, nghiệp vụ của đội ngũ giảng viên. Kinh phí hỗ trợ GV tham gia các hội nghị, hội thảo quốc tế còn hạn chế.

4. Kế hoạch hành động

Phát huy điểm mạnh: Từ năm học 2022 - 2023, Nhà trường tiếp tục duy trì hoặc nâng cao hơn nữa mức hỗ trợ trong các chính sách, cơ chế để khuyến khích GV học tập nâng cao trình độ.

Khắc phục tồn tại: Từ năm học 2022 - 2023, Khoa CNĐATH phối hợp P.HCTH (TCCB) khảo sát nhằm xác định chính xác nhu cầu đào tạo và nâng cao trình độ chuyên môn của đội ngũ GV cũng như có kế hoạch để triển khai các khóa học. Tăng cường tìm kiếm các nguồn tài trợ từ các tổ chức, doanh nghiệp hoặc dự án để hỗ trợ GV tham gia các hội nghị, hội thảo quốc tế.

5. Tự đánh giá: Tiêu chí đạt (mức 4/7).

Tiêu chí 6.6: Việc quản trị theo kết quả công việc của giảng viên, nghiên cứu viên (gồm cả khen thưởng và công nhận) được triển khai để tạo động lực và hỗ trợ cho đào tạo, nghiên cứu khoa học và các hoạt động phục vụ cộng đồng.

1. Mô tả hiện trạng

Nhà trường đã xây dựng và được Bộ VHTTDL phê duyệt đề án vị trí việc làm, đây là căn cứ để quản trị theo kết quả công việc của giảng viên **[H6.06.06.01]**, theo đó, với từng chức danh công việc, Trường có quy định cụ thể về khối lượng công việc (nghiên cứu, giảng dạy) cho từng loại đối tượng cán bộ. Bên cạnh đó, Nhà trường lấy phiếu phản hồi của người học về hoạt động giảng dạy của giảng viên; kiểm tra việc dự giờ, kế hoạch giảng dạy của GV... làm cơ sở triển khai hoạt động viên chức giảng dạy (giảng viên) theo năng lực làm việc **[H6.06.06.02]**.

Các GV đều phải xây dựng kế hoạch giảng dạy ngay từ đầu mỗi năm học **[H6.06.06.03]**. Hằng năm, Khoa tổng kết đánh giá kết quả thực hiện nhiệm vụ của từng GV theo Hướng dẫn của Trường với những quy định cụ thể về khối lượng công việc cũng như các quy chế về khen thưởng, kỷ luật để làm cơ sở bình xét các hình thức khen thưởng khác nhau **[H6.06.06.04]**.

Nhà trường sử dụng kết quả đánh giá giảng viên để thực hiện quản lý, sử dụng, đào tạo, bồi dưỡng và các chính sách đãi ngộ đối với giảng viên, cụ thể: Những GV hoàn thành tốt công việc giảng dạy, NCKH và các công việc được giao khác sẽ là cơ sở để Khoa bình xét và đề cử danh hiệu thi đua: Lao động tiên tiến, chiến sỹ thi đua cấp cơ sở, cấp bộ; được đề nghị khen thưởng Giấy khen của Hiệu trưởng, Bằng khen của Bộ trưởng, Bằng khen của Thủ tướng Chính phủ,... Việc xem xét khen thưởng cho cán bộ chính là việc ghi nhận thành tích trong quá trình công tác của cá nhân. Những cá nhân có thành tích cao, đột xuất xuất sắc sẽ được nâng lương trước hạn hoặc là cơ sở xem xét để bổ nhiệm vào vị trí quản lý chuyên môn hoặc hành chính. Việc ghi nhận đúng thành tích và khen thưởng kịp thời cho GV sẽ tạo động lực cho GV phát huy hết khả năng trong giảng dạy và nghiên cứu **[H6.06.04.05]**.

Tính đến tháng 12 năm 2021, Nhà trường chưa nhận được đơn khiếu nại về kết quả đánh giá, bình xét thu đua, khen thưởng, nâng lương trước thời hạn cho các GV. Các đánh giá theo kết quả công việc của GV công khai, minh bạch, rõ ràng **[H06.06.06.06]**.

Về nghiên cứu khoa học và phục vụ cộng đồng, giảng viên tích cực tham gia các công tác chuyên môn như làm phim, các chương trình truyền hình, chương trình đa nền tảng, thiết kế âm học và trang âm cho các công trình và hệ thống kỹ thuật âm thanh. Đây là những hoạt động mang lại nhiều ý nghĩa cho phát triển chuyên môn của giảng viên cũng như có giá trị ảnh hưởng, góp phần vào sự phát triển chung của cộng đồng. Do đó, Nhà trường đã có văn bản quy định cụ thể về việc căn cứ vào thành tích nghề nghiệp để tính quy đổi thành điểm nghiên cứu khoa học cho các giảng viên Khoa CNDATH.

Bảng 6.3. Thành tích thi đua và khen thưởng của giảng viên Khoa CNDATH (2017-2022) **(Phụ lục 8)**.

Tuy nhiên, qua nghiên cứu minh chứng cho thấy còn ít GV của Khoa CNDATH được khen thưởng về thành tích NCKH mang tính lý luận (công trình nghiên cứu khoa học cấp cơ sở/ cấp bộ; bài báo đăng tạp chí quốc tế, tạp chí chuyên ngành...).

2. Điểm mạnh

Trường có quy định để thực hiện việc quản trị theo kết quả công việc của GV, tạo ra động lực cho GV phấn đấu hoàn thành tốt nhiệm vụ. Nhiều GV vượt định mức quy định cụ thể về khối lượng công việc và đạt danh hiệu Chiến sỹ thi đua các cấp cũng như các giải thưởng nghề nghiệp.

3. Điểm tồn tại

Trong giai đoạn 2017-2022, các hoạt động nghiên cứu khoa học (mang tính lý luận) của giảng viên Khoa CNDATH chưa nhiều, mới chỉ có các đề tài cấp

Trường, chưa có giảng viên tham gia đề tài cấp Bộ hoặc cấp Nhà nước.

4. Kế hoạch hành động

Phát huy điểm mạnh: Năm 2022, Khoa CNĐATH tổ chức đánh giá về sự đáp ứng của GV Khoa CNĐATH đối với vị trí việc làm để xây dựng kế hoạch phát triển đội ngũ của Khoa. Duy trì các chính sách về chế độ thi đua khen thưởng để tạo động lực cho GV tích cực tham gia NCKH và các hoạt động phục vụ cộng đồng.

Khắc phục tồn tại: Từ năm học 2022 - 2023, Khoa CNĐATH thực hiện khảo sát lấy ý kiến phản hồi từ GV về quy trình và tiêu chí đánh giá kết quả công việc, thi đua khen thưởng. Khảo sát chỉ số quy đổi trong tính điểm NCKH, bổ sung ưu đãi trong chính sách khuyến khích GV tham gia NCKH.

5. Tự đánh giá: Tiêu chí đạt (mức 4/7).

Tiêu chí 6.7: Các loại hình và số lượng các hoạt động nghiên cứu của giảng viên được xác lập, giám sát và đối sánh để cải tiến chất lượng.

1. Mô tả hiện trạng

Viện Sân khấu điện ảnh - Trường Đại học Sân khấu - Điện ảnh Hà Nội là đầu mối xây dựng kế hoạch về KHCN hằng năm của Nhà trường **[H6.06.07.01]**. Nhà trường đã ban hành Quy định rõ ràng về tổ chức thực hiện và quản lý đề tài nghiên cứu khoa học của Trường ĐHSKĐAHN **[H6.06.07.02]**.

Các loại hình và số lượng các hoạt động NCKH của GV được Trường quy định rõ (tham gia đề tài, dự án, viết bài báo, hướng dẫn SV TN) bảo đảm số giờ nghiên cứu phải đảm nhiệm theo chức danh đã quy định, phù hợp với nhiệm vụ Khoa học công nghệ của Trường. Kết thúc năm công tác, Khoa và Trường luôn có hoạt động đánh giá nhằm bảo đảm về số lượng các hoạt động nghiên cứu của GV **[H6.06.07.03]**.

Nhà trường đã có quy định rõ ràng về hướng nghiên cứu các đề tài ứng dụng phục vụ nâng cao chất lượng giảng dạy, các hình thức tham gia hoạt động trong chuyên ngành Âm thanh cho Điện ảnh và Truyền hình đều có các văn bản của Nhà trường hướng dẫn quy đổi sang định mức nghiên cứu khoa học. (Quy định chế độ làm việc của GV có xác định 12 nội dung các tác phẩm nghệ thuật được tính giờ NCKH). Nhiều bài nghiên cứu, tác phẩm, sản phẩm khoa học của Nhà trường được ứng dụng và hợp tác sản xuất với các đài truyền hình, các hội chuyên ngành uy tín như ANTV, VTV,...GV của Khoa CNĐATH đạt được các giải thưởng trong nước và quốc tế **[H6.06.07.04]**.

Bên cạnh đó, Nhà trường có văn bản cụ thể hoá quy định về tiêu chuẩn năng lực và đạo đức trong các hoạt động Khoa học và công nghệ **[H6.06.07.05]**; có các biện pháp để bảo đảm quyền sở hữu trí tuệ **[H6.06.07.06]**. Các công trình

nghiên cứu của đội ngũ cán bộ luôn được thông qua bởi một Hội đồng nghiệm thu với các thành viên là những người am hiểu về lĩnh vực nghiên cứu của GV [H6.06.07.07].

Các hoạt động NCKH và phát triển công nghệ của Nhà trường dưới nhiều hình thức từ đề tài, giáo trình đến tư liệu đã hỗ trợ các hoạt động đào tạo và nâng cao trình độ cho đội ngũ GV của Trường. Tuy nhiên, do đặc thù đào tạo của chuyên ngành ÂTDATH mang tính thực tiễn, các NCKH thể hiện trong các sản phẩm ÂTDATH cụ thể (âm thanh cho phim ảnh và các chương trình truyền hình, truyền thông đa phương tiện), Khoa cũng nhận định rằng, GV chưa có nhiều đề tài nghiên cứu cấp nhà nước, chưa thực hiện đối sánh số lượng và chất lượng các kết quả NCKH; số lượng bài báo được công bố trong các hội thảo và tạp chí quốc tế còn chưa nhiều. Do đó, hiện nay việc đánh giá về mức độ đáp ứng các yêu cầu về số lượng, chất lượng các hoạt động NCKH của GV chưa được Khoa rà soát, điều chỉnh, đối sánh để nâng cao chất lượng của các hoạt động NCKH.

Bảng 6.4. Bảng thống kê số lượng các đề tài nghiên cứu các cấp của GV Khoa CNĐATH (2017 – 2022) (Phụ lục 8)

Bảng 6.5. Bảng thống kê số lượng các bài báo được công bố của GV Khoa CNĐATH

(2017 - 2022) (Phụ lục 8)

Bảng 6.6. Bảng đối sánh giờ NCKH của cán bộ GV K.CNĐATH giai đoạn 2017-2022 (Phụ lục 8)

2. Điểm mạnh

Nhà trường có văn bản quy định cụ thể về các loại hình và số lượng các hoạt động NCKH theo định mức ứng với mỗi vị trí công việc của GV, có chính sách quy đổi giờ NCKH đặc thù.

3. Điểm tồn tại

GV của Khoa CNĐATH chưa có nhiều đề tài nghiên cứu lý luận cấp Trường, Bộ hoặc cấp nhà nước; Khoa đã tổ chức các buổi tọa đàm, hội thảo chuyên đề nhưng chưa thường xuyên. Khoa chưa thực hiện đối sánh số lượng và chất lượng các kết quả NCKH.

4. Kế hoạch hành động

Phát huy điểm mạnh: Từ năm học 2022 - 2023, Khoa CNĐATH phát huy cơ chế hiện có (quy đổi; khen thưởng) để khuyến khích GV hoàn thành tốt nhiệm vụ NCKH.

Khắc phục tồn tại: Từ năm học 2022 - 2023, định kỳ 2 năm 1 lần Khoa CNĐATH tổ chức hội thảo, tọa đàm để tìm ra giải pháp nâng cao chất lượng, số

lượng đề tài NCKH. Thực hiện định kỳ rà soát, đối sánh kết quả và mức độ đáp ứng các yêu cầu về số lượng, chất lượng các hoạt động NCKH của GV để cải tiến chất lượng.

5. *Tự đánh giá*: Tiêu chí đạt (mức 4/7).

Kết luận về Tiêu chuẩn 6

Điểm mạnh nổi bật: Đội ngũ giảng viên trong chuyên ngành ÂTDATH có trình độ chuyên môn cao, năng động và nhiệt huyết, do vậy, công tác giảng dạy; nghiên cứu khoa học; phục vụ cộng đồng của Khoa đã có những thành tích nhất định. Trong giảng dạy, với số lượng người học như hiện tại, đội ngũ giảng viên của Khoa luôn hoàn thành giờ giảng theo quy định và đa số giảng viên có kết quả đánh giá giảng dạy ở mức cao theo thăm dò ý kiến từ sinh viên. Trong NCKH, đội ngũ giảng viên của Khoa đã tích cực tham gia vào tất cả loại hình nghiên cứu, giảng viên được khen thưởng cấp Trường, cấp Bộ, hoặc nhận các giải thưởng danh giá, ví dụ ThS, NSND Bành Bắc Hải đã đạt nhiều giải thưởng Cánh diều vàng về âm thanh, ThS Hoàng Thị Thu Thủy đạt giải Thiết kế Âm thanh xuất sắc nhất phim truyện điện ảnh. Công tác đánh giá, quy hoạch, đào tạo, phát triển đội ngũ giảng viên của Khoa và Nhà trường cụ thể, đáp ứng nhu cầu của giảng viên, phù hợp với chiến lược phát triển của Nhà trường.

Điểm tồn tại cơ bản: Giảng viên của chuyên ngành chưa có nhiều đề tài NCKH cấp bộ hoặc cấp nhà nước mà thiên vào hoạt động thực tiễn.

Kết quả đánh giá về tiêu chuẩn 6: Tiêu chuẩn 6 có 7 tiêu chí đạt, trong đó cả 7 tiêu chí đều đạt mức 4/7 điểm.

Tiêu chí 7: Đội ngũ nhân viên

Mở đầu

Đội ngũ nhân viên Trường ĐHSKĐAHN bao gồm nhân viên làm việc tại phòng chức năng (Phòng hành chính tổng hợp; Phòng đào tạo, quản lý Khoa học và hợp tác quốc tế; Phòng công tác học sinh sinh viên; Phòng khảo thí & Đảm bảo chất lượng giáo dục); Trung tâm thông tin thư viện. Do đặc thù đào tạo, Trường không có phòng thí nghiệm, thay vào đó là Trung tâm thực hành sân khấu - điện ảnh (xưởng phim thực nghiệm, nhà hát thể nghiệm, trung tâm âm thanh ánh sáng) và các bộ phận hỗ trợ sinh viên tại các phòng chiếu phim/ Trường quay/ phòng tin học. Đội ngũ nhân viên của Trường và Khoa được tuyển dụng và đánh giá theo đúng quy định, được hỗ trợ phát triển chuyên môn nghiệp vụ, thực hiện hiệu quả công việc đáp ứng tốt cho các hoạt động của Nhà trường nói chung và Khoa CNĐATH nói riêng.

Tiêu chí: 7.1: Việc quy hoạch đội ngũ nhân viên (làm việc tại thư viện, phòng thí nghiệm, hệ thống công nghệ thông tin và các dịch vụ hỗ trợ khác) được thực hiện đáp ứng nhu cầu về đào tạo, nghiên cứu khoa học và các hoạt động phục vụ cộng đồng

1. Mô tả hiện trạng

Từ năm 2018 trở về trước, việc quy hoạch đội ngũ nhân viên được thực hiện theo quy định của Bộ VHTTDL trong việc tuyển dụng, bồi dưỡng và phát triển đội ngũ nhân viên. Từ năm 2019, Nhà trường có đề án tự tuyển dụng **[H07.07.01.01]**. Số lượng và chất lượng của nhân viên đáp ứng được nhu cầu để thực hiện công tác quản lý đào tạo, NCKH và các hoạt động phục vụ cộng đồng **[H07.07.01.02]**. Việc xác định nhu cầu về đội ngũ nhân viên nhằm đáp ứng nhu cầu về đào tạo, NCKH và các dịch vụ hỗ trợ khác được thể hiện trong Kế hoạch chiến lược phát triển Nhà trường (Phần phát triển đội ngũ) và trong Đề án vị trí việc làm **[H07.07.01.03]; [H07.07.01.04]**.

Bên cạnh đội ngũ nhân viên làm việc tại Trung tâm TTTV Nhà trường, phòng chiếu phim, phòng tin học, trường quay, trung tâm Âm thanh - ánh sáng sân khấu, nhà hát, xưởng Trường, vv..., các đơn vị phòng chức năng (Phòng Đào tạo, QLKH & HTQT; khảo thí & ĐBCLGD, HC-TH; Quản lý HSSV) đều phân công nhân viên trực tiếp phụ trách, hỗ trợ cho Khoa CNĐATH **[H07.07.01.05]**. Nhà trường có chính sách phát triển đội ngũ nhân viên thể hiện trong các văn bản: Quy định tuyển dụng, sử dụng, quản lý viên chức và người lao động của Nhà trường **[H07.07.01.06]**, Quy chế tổ chức và hoạt động của Trường ĐHSKĐAHN **[H07.07.01.07]**, Quy chế chi tiêu nội bộ **[H07.07.01.08]**. Cụ thể, Nhà trường đã thực hiện chuyển đổi ngạch viên chức **[H07.07.01.09]**, chính sách hỗ trợ kinh phí, thời gian cho cán bộ phục vụ tham gia các khoá bồi dưỡng chuyên môn nghiệp vụ, hội nghị hội thảo chuyên ngành và tổ chức các khoá bồi dưỡng chuyên môn nghiệp vụ cho cán bộ phục vụ **[H07.07.01.10]**.

Bên cạnh đội ngũ nhân viên của Trường, Khoa CNĐATH còn có các giảng viên kiêm nhiệm công tác trợ lý, hỗ trợ công tác đào tạo và NCKH và kịp thời hỗ trợ người học hoàn thành tốt nhiệm vụ học tập **[H07.07.01.11]**.

Đội ngũ nhân viên thực hiện quy trình đánh giá chất lượng công việc cũng như mức độ hoàn thành nhiệm vụ được giao, được bình xét thi đua theo đúng các quy định của Nhà trường. Tỷ lệ nhân viên hoàn thành tốt nhiệm vụ đạt tỷ lệ rất cao trên 90 % **[H07.07.01.12]**.

Tuy nhiên, Nhà trường cũng như Khoa CNĐATH chưa thực hiện công tác khảo sát, đánh giá phản hồi của các bên liên quan về mức độ đáp ứng của đội ngũ nhân viên; chưa phân tích, đánh giá nhu cầu về đội ngũ để có các kế hoạch tuyển dụng nhân sự hàng năm.

2. Điểm mạnh

Đội ngũ nhân viên của Trường/Khoa được quy hoạch đáp ứng hiệu quả công việc phục vụ cho việc nâng cao chất lượng đào tạo, NCKH. Trường có kế hoạch tuyển dụng và bồi dưỡng, phát triển đội ngũ nhân viên.

3. Điểm tồn tại

Chưa thường xuyên khảo sát phản hồi của các bên liên quan về mức độ đáp ứng của đội ngũ nhân viên.

4. Kế hoạch hành động

Phát huy điểm mạnh: Từ năm học 2022 - 2023, Khoa CNDATH; các phòng chức năng; Trung tâm thực hành SK-ĐA; Trung tâm TTTV tiếp tục cử các chuyên viên, kỹ thuật viên, NV tham gia các khóa tập huấn để tăng cường nghiệp vụ chuyên môn.

Khắc phục tồn tại: Từ năm học 2022 - 2023, P.Khảo thí &ĐBCLGD, Khoa CNDATH định kỳ hằng năm khảo sát người học, giảng viên về chất lượng phục vụ của đội ngũ nhân viên.

5. Tự đánh giá: Tiêu chí đạt (mức 4/7).

Tiêu chí: 7.2: Các tiêu chí tuyển dụng và lựa chọn nhân viên để bổ nhiệm, điều chuyển được xác định và phổ biến công khai

1. Mô tả hiện trạng

Trường ban hành văn bản liên quan đến công tác tuyển dụng, điều chuyển và bổ nhiệm tuân theo quy định của Bộ VHTTDL và quy định khác của các Bộ liên quan [H07.07.02.01]. Tiêu chí tuyển dụng và lựa chọn đội ngũ nhân viên rõ ràng, cụ thể, trong đó tiêu chuẩn quan trọng nhất là tư cách đạo đức, trình độ chuyên môn, nghiệp vụ [H07.07.02.02].

Chỉ tiêu, tiêu chí tuyển dụng và lựa chọn đội ngũ nhân viên được phổ biến công khai trên các phương tiện truyền thông đại chúng [H07.07.02.03]. Việc bổ nhiệm, điều chuyển nhân viên được thực hiện nghiêm túc, đúng quy chế, quy trình, công khai, minh bạch. Việc bổ nhiệm viên chức lãnh đạo, quản lý còn dựa trên trình độ chuyên môn, kinh nghiệm thực tế và trên cơ sở quy hoạch cán bộ đã được phê duyệt cho từng giai đoạn [H07.07.02.04] [H6.06.03.09.DC].

Trường, Khoa và các đơn vị luôn tuân thủ chặt chẽ các quy định cụ thể về tiêu chuẩn bổ nhiệm chức danh nghề nghiệp chuyên viên [H07.07.02.05]. Bên cạnh đó, trong quá trình làm việc, một số nhân viên có thể được thay đổi sang một vị trí mới phù hợp hơn với nhu cầu và khả năng [H07.07.02.06].

2. Điểm mạnh

Trường có xây dựng các tiêu chí tuyển chọn nhân viên để bổ nhiệm. Các tiêu chí là rõ ràng và được công khai để tuyển chọn.

3. Điểm tồn tại

Trường chưa khảo sát, phân tích nhu cầu và ý kiến góp ý của các bên liên quan về vị trí việc làm.

4. Kế hoạch hành động

Phát huy điểm mạnh: Từ năm học 2022 - 2023, Trường giao Khoa CNĐATH phối hợp P.HCTH (TCCB) và các đơn vị liên quan xây dựng kế hoạch về cơ cấu độ tuổi cho đội ngũ nhân viên trong đề án nhân sự cho giai đoạn tiếp theo của Trường.

Khắc phục tồn tại: Từ năm học 2022 - 2023, định kỳ 2 năm 1 lần Phòng HCTH (TCCB) tổ chức khảo sát, phân tích nhu cầu và ý kiến góp ý của các bên liên quan về vị trí việc làm của đội ngũ nhân viên để đáp ứng yêu cầu tiêu chí tuyển dụng, bổ nhiệm.

5. Tự đánh giá: Tiêu chí đạt (mức 4/7).

Tiêu chí 7.3: Năng lực của đội ngũ nhân viên được xác định và được đánh giá

1. Mô tả hiện trạng

Để đánh giá năng lực của đội ngũ NV, các đơn vị đều triển khai thực hiện đồng bộ quy trình đánh giá do Trường quy định [H07.07.03.01]. Theo đó, căn cứ yêu cầu công việc, mỗi cán bộ NV phòng chức năng, đơn vị trực thuộc Trường đều phải thực hiện đăng ký thi đua hằng năm [H07.07.03.02]. Vào cuối mỗi năm học, các NV đều thực hiện việc tự đánh giá kết quả thực hiện nhiệm vụ năm học [H07.07.03.03]. Việc tự đánh giá căn cứ theo chức danh (nhân viên làm quản lý có tiêu chí đánh giá riêng), nhiệm vụ được giao. Sau đó, lãnh đạo đơn vị thực hiện đánh giá (lãnh đạo đơn vị được đánh giá bởi cấp trên - Ban Giám hiệu), cuối cùng Hội đồng Thi đua - Khen thưởng cấp Trường đánh giá, bình xét xếp loại thi đua. Kết quả đánh giá phản ánh rõ ưu điểm, khuyết điểm, mặt mạnh, mặt yếu, năng lực trình độ chuyên môn nghiệp vụ, kết quả thực hiện nhiệm vụ được giao của đội ngũ cán bộ hỗ trợ [H07.07.03.04].

Hằng năm, các quy định, quy trình đánh giá năng lực NV được cải tiến dựa trên những ý kiến đóng góp của cán bộ NV [H7.07.03.05]. Kết quả bình xét đánh giá mức độ hoàn thành công việc của đội ngũ nhân viên (kể từ năm 2015 đến 2020) đạt nhiều danh hiệu Lao động tiên tiến. Trong đó có cán bộ, nhân viên đạt danh hiệu Chiến sĩ thi đua cấp cơ sở, chiến sĩ thi đua cấp Bộ, Bằng khen của Bộ

trưởng....và được xét để nâng lương trước hạn **[H7.07.03.06]**. Đặc biệt, đội ngũ làm công tác quản lý các phòng chức năng của Trường đa phần có học vị tiến sĩ, bên cạnh đó còn tham gia công tác giảng dạy, góp phần hiểu rõ và phục vụ tốt hơn công tác đào tạo. Đội ngũ trợ lý Khoa Công nghệ Điện ảnh-Truyền hình được đánh giá, cho điểm về công tác phục vụ và được hỗ trợ kinh phí **[H7.07.03.07]**.

2. Điểm mạnh

Năng lực đội ngũ nhân viên của Trường được xác định thông qua tiêu chí tuyển dụng, bản mô tả vị trí việc làm và kết quả làm việc được đánh giá hàng năm. Các nhân viên đều được đánh giá hoàn thành tốt nhiệm vụ được giao.

3. Điểm tồn tại

Hoạt động lấy ý kiến về sự hài lòng của người học đối với đội ngũ nhân viên thực hiện CTĐT chưa được triển khai định kỳ.

4. Kế hoạch hành động

Phát huy điểm mạnh: Từ năm học 2022 - 2023, Phòng HCTH (TCCB), các phòng chức năng, trung tâm thực hành, TTTTTV tiếp tục thực hiện các chính sách bồi dưỡng, nâng cao trình độ cho đội ngũ nhân viên. Duy trì chế độ khen thưởng như xét nâng lương trước hạn, khen thưởng các sáng kiến, cải tiến của đội ngũ nhân viên để khuyến khích sáng tạo, đóng góp cho Trường/ Khoa.

Khắc phục tồn tại: Từ năm học 2022 - 2023, hằng năm, Phòng HCTH (TCCB), Khoa CNĐATH lấy ý kiến đánh giá của người học về thái độ, năng lực làm việc của đội ngũ nhân viên.

5. Tự đánh giá: Tiêu chí đạt (mức 4/7).

Tiêu chí 7.4: Nhu cầu về đào tạo và phát triển chuyên môn, nghiệp vụ của nhân viên được xác định và có các hoạt động triển khai để đáp ứng nhu cầu đó

1. Mô tả hiện trạng

Trường luôn chú trọng đến việc nâng cao trình độ chuyên môn nghiệp vụ cho đội ngũ NV hỗ trợ, các chính sách này được thực hiện từ Bộ VHTTDL **[H7.07.04.01]**. Nhà trường luôn tạo điều kiện cho đội ngũ nhân viên tham gia các khóa học tập huấn, bồi dưỡng chuyên môn, nghiệp vụ **[H7.07.04.02]**. Trên cơ sở đăng ký nhu cầu đào tạo, bồi dưỡng của đội ngũ nhân viên, Trường lập danh sách gửi về Bộ VHTTDL hoặc các đơn vị tổ chức đào tạo, bồi dưỡng, bên cạnh đó, Trường hỗ trợ 100 % kinh phí đào tạo bồi dưỡng **[H7.07.04.03]**. Đội ngũ nhân viên được tham gia các khoá bồi dưỡng chuyên môn, nghiệp vụ theo yêu cầu của Nhà trường. Song, để đáp ứng tốt hơn nhu cầu của người học, Nhà trường/ Khoa

xây dựng kế hoạch đào tạo, bồi dưỡng tới từng vị trí chuyên môn, nghiệp vụ của nhân viên. Các lĩnh vực nâng cao bồi dưỡng được xác định gồm: lý luận chính trị, bồi dưỡng chuyên môn, ngoại ngữ và tin học, an ninh quốc phòng **[H7.07.04.04]**. Các khóa học đáp ứng yêu cầu thực tiễn nên đã thu hút đông đảo cán bộ NV nhiệt tình tham gia. Sau mỗi khóa học, các nhân viên được yêu cầu gửi minh chứng như bằng tốt nghiệp, chứng chỉ, giấy chứng nhận về bộ phận tổ chức cán bộ, đồng thời thực hiện khai bổ sung sơ yếu lý lịch hằng năm **[H7.07.04.05]**. Để đáp ứng nhu cầu đào tạo, phát triển chuyên môn, nghiệp vụ của các nhân viên, hằng năm Trường luôn xác định cụ thể các nội dung cần bồi dưỡng cho nhân viên và có phân bổ ngân sách đào tạo **[H7.07.04.06]**. Từ năm 2015-2020, nhiều nhân viên của Trường đáp ứng đầy đủ các tiêu chuẩn để dự thi nâng ngạch từ chuyên viên lên chuyên viên chính hoặc được cấp bằng thạc sĩ, tiến sĩ **[H7.07.04.07]**.

2. Điểm mạnh

Hằng năm, Trường/ Khoa luôn xác định rõ ràng những nhu cầu về đào tạo và phát triển chuyên môn của đội ngũ nhân viên và có những hình thức để đáp ứng nhu cầu đó. Khoa luôn cử đội ngũ nhân viên của Khoa tham gia đầy đủ các khóa bồi dưỡng theo yêu cầu của Nhà trường.

3. Điểm tồn tại

Các hoạt động đào tạo và phát triển chuyên môn, nghiệp vụ của nhân viên, nhất là bộ phận hỗ trợ cho Khoa CNĐATH còn chưa đa dạng. Kinh phí hỗ trợ cho đội ngũ nhân viên về đào tạo và phát triển chuyên môn còn hạn hẹp.

4. Kế hoạch hành động

Phát huy điểm mạnh: Từ năm học 2022 - 2023, hằng năm Phòng HCTH (TCCB); các phòng chức năng; Trung tâm thực hành; Trung tâm TTTV khuyến khích các nhân viên phòng ban tham gia các khóa tập huấn về nghiệp vụ chuyên môn. Giao các phòng chủ động đề xuất các lớp học, khóa tập huấn có liên quan đến nghiệp vụ của đơn vị.

Khắc phục tồn tại: Từ năm học 2022 - 2023, Phòng HCTH (TCCB), các phòng chức năng, Trung tâm thực hành, Trung tâm TTTTV chủ động khảo sát nhu cầu đào tạo của đội ngũ nhân viên và có kế hoạch triển khai các hoạt động đào tạo nâng cao kỹ năng, nghiệp vụ cho cán bộ hỗ trợ. Nhà trường tổ chức các khóa, lớp bồi dưỡng về chuyên môn, nghiệp vụ cho đội ngũ nhân viên theo nhu cầu.

5. Tự đánh giá: Tiêu chí đạt (mức 4/7).

Tiêu chí 7.5: Việc quản trị theo kết quả công việc của nhân viên (gồm cả khen thưởng và công nhận) được triển khai để tạo động lực và hỗ trợ cho đào tạo, nghiên cứu khoa học và các hoạt động phục vụ cộng đồng

1. Mô tả hiện trạng

Để việc quản trị theo kết quả công việc của nhân viên được triển khai tốt và tạo động lực hỗ trợ cho đào tạo, nghiên cứu khoa học và các hoạt động phục vụ cộng đồng, Nhà trường cũng như Khoa CNDATH triển khai việc theo dõi, giám sát và đánh giá hiệu quả công việc của đội ngũ nhân viên dựa trên mức độ hoàn thành nhiệm vụ được giao thể hiện qua bản mô tả vị trí công việc và các quy định cụ thể trong quy chế thi đua khen thưởng của Trường [H07.07.05.01] [H07.07.05.02]. Nhân viên được phân công phụ trách từng mảng công việc cụ thể phù hợp với năng lực chuyên môn [H07.07.05.03]. Trưởng các đơn vị trực tiếp giám sát hiệu quả công việc của mỗi nhân viên; nhận xét của đồng nghiệp và bản tự nhận xét đánh giá của nhân viên để đánh giá xếp loại vào cuối năm [H07.07.05.04].

Hàng năm, Hội đồng thi đua khen thưởng của Nhà trường dựa vào kết quả đánh giá để đánh giá, ghi nhận và khen thưởng thành quả của từng nhân viên [H07.07.05.05]. Quy trình đánh giá được thực hiện chặt chẽ theo các bước: nhân viên tự đánh giá, lãnh đạo đơn vị đánh giá, họp đơn vị thảo luận kết quả tự đánh giá và đánh giá của thủ trưởng đơn vị, Ban Giám hiệu đánh giá (đối với nhân viên làm công tác quản lý) và Hội đồng thi đua khen thưởng đánh giá. Các tiêu chí đánh giá được xác định rõ ràng, trên cơ sở tổng điểm đánh giá (có mẫu phiếu); nhân viên được đánh giá ở 4 mức là hoàn thành xuất sắc nhiệm vụ; hoàn thành tốt nhiệm vụ; hoàn thành nhiệm vụ và không hoàn thành nhiệm vụ. Yêu cầu đối với mức xuất sắc của nhân viên là phải có sáng kiến kinh nghiệm hoặc công trình Khoa học được đăng trên tạp chí có tính điểm của Hội đồng chức danh Nhà nước, hoặc bài viết tham gia Hội thảo chuyên đề. Kết quả xếp loại viên chức là cơ sở để bình xét các danh hiệu thi đua và xét nâng lương trước hạn [H07.07.05.06] [H07.07.05.07].

Bên cạnh đó, Nhà trường và Khoa còn tích cực tiếp thu ý kiến của đội ngũ nhân viên để hoàn thiện Quy chế thi đua khen thưởng của Trường [H07.07.05.08]. 100% nhân viên của Trường được tham gia xây dựng góp ý trong quá trình xây dựng quy định đánh giá hiệu quả công việc. Hàng năm, Nhà trường đều tổ chức Hội nghị CCVC và có báo cáo của Thanh tra nhân dân, trong đó ghi nhận kết quả giám sát đối với việc thực hiện các chính sách của Nhà trường. Tính đến tháng 10 năm 2022, Nhà trường không nhận được những ý kiến khiếu nại gì về việc quản trị theo kết quả công việc thông qua các hình thức thi đua khen thưởng [H07.07.05.09].

2. Điểm mạnh

Có tiêu chuẩn, quy trình đánh giá rõ ràng, triển khai đồng bộ công tác đánh giá kết quả công việc của NV, kết quả đánh giá đã khích lệ đội ngũ NV thực hiện tốt công tác hỗ trợ hoạt động đào tạo, NCKH và phục vụ cộng đồng.

3. Điểm tồn tại

Đội ngũ nhân viên rất khó khăn để đạt được danh hiệu chiến sĩ thi đua cấp cơ sở (ví dụ: thiếu bài báo - công trình NCKHV hoặc sáng kiến cải tiến kinh nghiệm của đội ngũ nhân viên còn hạn chế.) theo các quy định trong Quy chế thi đua khen thưởng.

4. Kế hoạch hành động

Phát huy điểm mạnh: Từ năm học 2022 - 2023, Phòng HCTH (TCCB); các đơn vị thuộc Trường hoàn thiện chính sách quản trị nguồn nhân lực chú trọng khâu đánh giá kết quả thực hiện bằng cách xây dựng tiêu chí đánh giá rõ ràng, cụ thể để ĐGCL công việc và theo dõi, giám sát thực hiện.

Khắc phục tồn tại: Từ năm học 2022 - 2023, Phòng HCTH (TCCB); các đơn vị thuộc Trường khảo sát sự hài lòng của NV về công tác đánh giá NV. Rà soát bản mô tả vị trí việc làm. Nhà trường bổ sung những chính sách hỗ trợ để tạo điều kiện cho nhân viên đạt danh hiệu chiến sĩ thi đua cấp cơ sở nhằm khuyến khích họ nỗ lực phấn đấu hoàn thành tốt nhiệm vụ.

5. Tự đánh giá: Tiêu chí đạt (mức 4/7).

Kết luận về Tiêu chuẩn 7

Điểm mạnh nổi bật: Trường có đội ngũ nhân viên (cán bộ hỗ trợ) bảo đảm về số lượng, có năng lực chuyên môn và sẵn sàng phục vụ. Đội ngũ này được tuyển dụng, bổ nhiệm đúng quy định và công khai. Nhà trường luôn tạo điều kiện để đội ngũ nhân viên học tập, bồi dưỡng nâng cao nghiệp vụ chuyên môn. Việc đánh giá hiệu quả thực hiện công việc của đội ngũ cán bộ hỗ trợ được thực hiện một cách công bằng, có tác dụng kích thích, động viên lớn.

Điểm tồn tại cơ bản: Bên cạnh đó vẫn còn những điểm tồn tại cần khắc phục như: Nhà trường/ Khoa chưa khảo sát các bên liên quan (nhất là người học) về mức độ đáp ứng của đội ngũ nhân viên; kinh phí hỗ trợ cho đội ngũ nhân viên về đào tạo và phát triển chuyên môn còn hạn hẹp; tiêu chí đánh giá mức độ hoàn thành công việc của nhân viên (cũng như để đạt được mức độ ghi nhận cao nhất) chưa được lượng hóa cụ thể, cơ bản vẫn còn định tính.

Kết quả đánh giá về tiêu chuẩn 7: Tiêu chuẩn 7 có 5 tiêu chí đạt, cả 5 tiêu chí đạt mức 4/7 điểm.

Tiêu chuẩn 8: Người học và hoạt động hỗ trợ người học

Mở đầu

Giai đoạn 2017-2022, Trường đã xây dựng chính sách tuyển sinh rõ ràng, cụ thể; phương pháp tuyển sinh được công khai; hệ thống giám sát sự tiến bộ trong học tập và rèn luyện của người học được triển khai minh bạch; các hoạt động tư vấn và hỗ trợ người học được thực hiện kịp thời, thường xuyên; môi trường tâm lý xã hội tích cực, cảnh quan khuôn viên trường sạch đẹp, trang thiết bị dạy-học hiện đại, tiện ích, từ đó nâng cao chất lượng người học và hoạt động hỗ trợ người học, góp phần nâng cao chất lượng đào tạo nói chung.

Tiêu chí 8.1: Chính sách tuyển sinh được xác định rõ ràng, công bố công khai và được cập nhật

1. Mô tả hiện trạng

Chuyên ngành ATĐATH được tuyển sinh theo quy chế của Bộ GD&ĐT và Đề án tuyển sinh riêng áp dụng cho khối các trường năng khiếu đã được Bộ GD & ĐT phê duyệt **[H08.08.01.01]**. Các thông tin được xác định rõ ràng như: Đối tượng thi tuyển/ xét tuyển, những chính sách ưu tiên, chỉ tiêu, ngành và chuyên ngành đào tạo; điều kiện dự thi; quy trình thi năng khiếu; hồ sơ và lệ phí và thời gian thi tuyển. Hằng năm, thông tin tuyển sinh của Nhà trường được công bố công khai trên Website của Trường, tại địa chỉ <http://skda.edu.vn>; trang facebook của Khoa/ Trường; trong các chương trình tư vấn tuyển sinh do ĐH Bách khoa HN, Sở Giáo dục & Đào tạo; các đơn vị báo chí tổ chức (Ngày hội tuyển sinh) **[H08.08.01.02]**. Ngoài ra thông tin về tuyển sinh còn được gửi văn bản tới các sở GD&ĐT các tỉnh thành phố; trường THPT trên toàn quốc; đơn vị tuyển dụng đặc thù: Đài truyền hình, đài phát thanh, hãng phim, nhà hát, đoàn nghệ thuật trung ương, địa phương **[H08.08.01.03]**.

Bên cạnh quy định về tuyển sinh được cụ thể hóa trong các văn bản của Trường, Khoa CNĐATH còn tổ chức lớp giải đáp thắc mắc để hỗ trợ trực tiếp thông tin cần thiết đến các thí sinh **[H08.08.01.04]**. Để người có nhu cầu học dễ dàng tìm kiếm thông tin; nâng cao hiệu quả quảng bá và đưa thông tin tuyển sinh đến các địa phương khác, Nhà trường thành lập Tổ truyền thông đến từng địa phương để quảng bá về hoạt động tuyển sinh của Nhà trường hoặc tổ chức cho các trường THPT đưa học sinh đến thăm quan hướng nghiệp, trải nghiệm tại Nhà trường **[H08.08.01.05]**.

Chính sách tuyển sinh được Trường rà soát và cập nhật theo đúng quy định hiện hành. Sau khi kết thúc công tác tuyển sinh hằng năm, Nhà trường tổ chức hội nghị tổng kết công tác tuyển sinh nhằm mục đích đánh giá hiệu quả công tác tuyển sinh, từ đó xây dựng kế hoạch tuyển sinh cho năm học tới nhằm nâng cao hiệu quả công tác tuyển sinh hằng năm **[H08.08.01.06]**.

Tuy nhiên, Trường/ Khoa CNĐATH chưa phân tích/ dự báo nhu cầu nhân lực trên cơ sở góp ý của các bên liên quan để làm cơ sở xây dựng chính sách tuyển sinh.

Bảng 8.1: Thống kê tình hình nhập học của người học năm thứ nhất

(từ năm 2017 đến 2022) (Phụ lục 8)

Bảng 8.2: Thống kê số người học đang học CTĐT chuyên ngành Âm thanh ĐATH

(từ năm 2017 đến 2022) (Phụ lục 8)

2. Điểm mạnh

Nhà trường có chính sách tuyển sinh được thực hiện đúng quy chế của Bộ GD & ĐT. Chính sách tuyển sinh cũng được xác định rõ ràng, công bố công khai giúp cho việc tuyển sinh của Trường thuận lợi; đối tượng tuyển sinh được tiếp cận thông tin dễ dàng và đầy đủ.

3. Điểm tồn tại

Việc phân tích/dự báo nhu cầu nhân lực chưa được thực hiện thường niên. Nhà trường chưa có nhiều dữ liệu về ý kiến của các bên liên quan trong việc xây dựng chính sách tuyển sinh.

4. Kế hoạch hành động

Phát huy điểm mạnh: Từ năm học 2022 - 2023, P. ĐTQLKH&HTQT tiếp tục rà soát, hoàn thiện chính sách tuyển sinh, cập nhật và chủ động công bố thông tin và hình ảnh trên Website của Trường/ Khoa; thực hiện tuyển sinh theo đúng quy định của Bộ GD&ĐT. Thành lập Ban truyền thông để thực hiện tốt hơn công tác quảng bá tuyển sinh và các hoạt động chung của Nhà trường.

Khắc phục tồn tại: Từ năm học 2022 - 2023, Khoa CNĐATH, P.CTHSSV, P.ĐTQLKH&HTQT thực hiện khảo sát sinh viên; cựu sinh viên; nhà tuyển dụng, đồng thời thu thập dữ liệu về nhu cầu nhân lực chuyên ngành Âm thanh điện ảnh - truyền hình của xã hội để làm cơ sở xây dựng đề án tuyển sinh.

5.Tự đánh giá: Tiêu chí đạt (mức 4/7).

Tiêu chí 8.2: Tiêu chí và phương pháp tuyển chọn người học được xác định rõ ràng và được đánh giá

1. Mô tả hiện trạng

Trường thực hiện các tiêu chí và phương pháp tuyển chọn người học căn cứ vào quy chế tuyển sinh của Bộ Giáo dục và Đào tạo, đồng thời dựa trên cơ sở đúc kết thực tế tuyển sinh của Trường qua các năm trước [H08.08.02.01]. Thông tin về tiêu chí và phương pháp tuyển chọn người học được thể hiện rõ ràng, đầy đủ, chi tiết trong Đề án tuyển sinh của Trường [H08.08.02.02].

Trường thành lập Hội đồng tuyển sinh, Ban Thư ký, Ban coi thi, bên cạnh đó Hiệu trưởng Nhà trường còn thành lập Ban thanh tra tuyển sinh để thực hiện giám sát toàn bộ quy trình và phương pháp tuyển chọn thí sinh **[H08.08.02.03]**. Trước mỗi kỳ tuyển sinh, Nhà trường đều tổ chức tập huấn công tác tuyển sinh cho toàn bộ lực lượng liên quan đến kỳ thi tuyển **[H08.08.02.04]**.

Sau mỗi kỳ tuyển sinh, để rà soát, đánh giá tiêu chí và phương pháp tuyển chọn người học, Trường tổ chức hội nghị (họp) rút kinh nghiệm, trong đó tham khảo ý kiến của mỗi thành viên hội đồng tuyển sinh; đánh giá điểm mạnh và những điểm cần cải thiện để nâng cao hiệu quả công tác tuyển sinh **[H08.08.02.05]**. Thông tin về kết quả tuyển sinh được thông báo rõ ràng, đầy đủ trên Website của Đại học Sân khấu - Điện ảnh Hà Nội và facebook của Trường **[H08.08.02.06]**. Tính đến thời điểm này, Nhà trường chưa nhận được bất kỳ ý kiến nhận xét nào đánh giá không tốt về tiêu chí và phương pháp tuyển chọn người học **[H08.08.02.07]**. Theo đánh giá của GV Khoa Công nghệ Điện ảnh-Truyền hình. Từ năm 2015, tiêu chí và phương pháp lựa chọn người học chuyên ngành ÂTDATH được thay đổi từ hình thức tuyển sinh từ khối A sang khối S1 bởi một số điều chỉnh của CĐR. Tuy nhiên, Nhà trường/ Khoa chưa lấy ý kiến phản hồi từ các bên liên quan về sự thay đổi này. Tuy nhiên, một trở ngại lớn là khối S1 chỉ duy nhất ở Trường ĐHSKĐAHN và là chuyên môn đặc thù, vì thế cần tuyển sinh người học có khả năng tiếp nhận kiến thức kỹ thuật và nghệ thuật, người học có khả năng thẩm định âm thanh. Một yếu tố nữa cũng cần xác định rõ thế mạnh CĐR của đào tạo đại học khác với đào tạo nghề hay ngắn hạn để định hướng thị phần việc làm cho sinh viên so với các cấp học nghề thấp hơn. Vì vậy dù thị trường việc làm nhiều nhưng nếu Trường, Khoa ít truyền thông, hướng nghiệp, chỉ dẫn thì tỷ lệ HS vừa tốt nghiệp PTTH tham gia tuyển sinh vào chuyên ngành này ngày càng ít. Bên cạnh đó, do bối cảnh dịch bệnh COVID-19, Khoa phải thực hiện biện pháp tuyển chọn người học bằng hình thức trực tuyến.

2. Điểm mạnh

Tiêu chí và phương pháp tuyển chọn người học của Khoa được xác định rõ ràng, theo quy chế tuyển sinh đại học của Bộ GD&ĐT và đề án tuyển sinh của Nhà trường; được đánh giá thường xuyên để bảo đảm tuyển chọn được những thí sinh có đủ năng lực và trình độ vào chuyên ngành ÂTDATH.

3. Điểm tồn tại: Tiêu chí và phương pháp tuyển chọn từ năm 2015 trở lại đây chưa được khảo sát, đánh giá bởi các bên liên quan (trong đó có hình thức tuyển sinh trực tuyến).

4. Kế hoạch hành động

Phát huy điểm mạnh: Từ năm học 2022 - 2023, Khoa CNĐATH phối hợp với P. ĐT, QLKH & HTQT nghiên cứu tiêu chí và phương pháp tuyển sinh mới để có thể thu hút được đa dạng các đối tượng thí sinh, chú trọng xác định năng

lực nền của học sinh phù hợp với ngành học.

Khắc phục tồn tại: Từ năm học 2022 - 2023, Khoa CNĐATH phối hợp P.ĐT, QLKH&HTQT, P.CTHSSV tổ chức tọa đàm, hội thảo để đánh giá tiêu chí và phương pháp tuyển chọn người học trong bối cảnh mới, đặc biệt là khi phải tuyển sinh bằng hình thức trực tuyến.

5. *Tự đánh giá:* Tiêu chí đạt (mức 5/7).

Tiêu chí 8.3: Có hệ thống giám sát phù hợp về sự tiến bộ trong học tập và rèn luyện, kết quả học tập và khối lượng học tập của người học

1. Mô tả hiện trạng

Nhà trường có quy trình, công cụ giám sát sự tiến bộ trong học tập và rèn luyện, kết quả học tập, khối lượng học tập của người học. Nhà trường dựa trên Quy chế đào tạo đại học [H08.08.03.01], đồng thời ban hành những quy định đào tạo riêng của Trường về xây dựng đề cương chi tiết, quy định về tổ chức thi, kiểm tra đánh giá kết thúc học phần, công bố điểm, quy định rõ ràng chuẩn đầu ra tin học, ngoại ngữ, tốt nghiệp các môn lý luận chính trị, giáo dục quốc phòng [H08.08.03.02]. Sự tiến bộ, kết quả học tập và khối lượng học tập, kết quả rèn luyện của sinh viên chuyên ngành ATĐATH được quản lý bởi P.ĐTQLKH & HTQT; P.CTHSSV, KT & ĐBCLGD, trợ lý Khoa CNĐATH, GVCN, giảng viên chuyên môn [H08.08.03.03]. GVCN, các giảng viên trong bộ môn và Khoa căn cứ kết quả học tập để kịp thời khích lệ, tuyên dương cũng như nhắc nhở, tư vấn và hướng dẫn người học điều chỉnh kế hoạch học tập. Trường triển khai hoạt động đánh giá, xếp loại sinh viên, khen thưởng, kỷ luật theo quy định hiện hành [H08.08.03.04].

Để giám sát sự tiến bộ trong học tập và rèn luyện của người học, Nhà trường có bộ phận kiểm tra nề nếp giảng dạy và học tập [H08.08.03.05]. Các thông tin về tình hình học tập và rèn luyện của sinh viên được cập nhật hằng tuần, được công bố trong cuộc họp giao ban hằng tháng giữa trường các đơn vị với Ban Giám hiệu Nhà trường để trao đổi và tìm các biện pháp chấn chỉnh (nếu cần) [H08.08.03.06]. Hiệu trưởng Nhà trường trực tiếp chỉ đạo và giao Phó Hiệu trưởng phụ trách công tác HSSV trực tiếp điều hành kế hoạch kiểm tra nề nếp giảng dạy học tập, trong đó thể hiện việc giám sát về sự tiến bộ trong học tập và rèn luyện của người học cũng như việc thực hiện kế hoạch giảng dạy của giảng viên [H08.08.03.07].

Đầu mỗi năm học, Nhà trường đều công bố thời khóa biểu của từng khoa trong đó có các thông tin về lớp học, giảng viên, thời gian học, môn học [H08.08.03.08]. Điều này cung cấp cho SV thông tin về sự phân bổ hợp lý khối lượng học tập, bảo đảm người có học lực trung bình hoàn thành CTĐT đúng thời hạn. Số lượng môn học/ học phần được phân bổ hợp lý giữa các kỳ, trong đó các

môn học đại cương về lý luận chính trị được phân bổ đều vào các học kì để tránh sự nhàm chán, đặc biệt trong học kỳ đầu tiên khi sinh viên mới vừa nhập học, chương trình phân bổ 1-2 học phần liên quan đến chuyên ngành để các giảng viên của bộ môn tiếp cận sinh viên ngay từ đầu, kịp thời định hướng nghề nghiệp, giải đáp thắc mắc về cơ hội việc làm cũng như tương tác, hỗ trợ, đồng hành với từng cá nhân sinh viên trong từng bài giảng chuyên môn và cả trong đời sống. Do số lượng sinh viên học chuyên ngành ÂTDATH luôn ít hơn các ngành khác, do đó sự dõi theo của GV giúp cho sinh viên có được sự định hướng phát triển và lựa chọn các nhà tuyển dụng ngay cả khi chưa tốt nghiệp. Bên cạnh đó, các học phần trong khung CTĐT của Âm thanh ĐA - TH đã được Khoa CNDATH xây dựng bảo đảm lộ trình phát triển kiến thức và kỹ năng cho người học, trong đó xác định vai trò của chuyên ngành ÂTDATH trong quy trình sản xuất điện ảnh, truyền hình, phát thanh, âm nhạc, media. Vì vậy, hầu hết các bài tập trong các học phần của ÂTDATH đánh giá bài bản. **[H08.08.03.09].**

Các kỳ học được phân bổ hợp lý từ lý thuyết, thực hành, thực tập để người học phát triển đầy đủ kiến thức, kỹ năng, để bảo đảm hầu hết sinh viên có thể tốt nghiệp đúng tiến độ. Sinh viên chuyên ngành ÂTDATH có sự tương tác chặt chẽ với GV trong đào tạo chuyên môn, SV luôn biết chắc chắn bài thi của họ có vấn đề gì và họ được bàn bạc với GV để có ngay giải pháp cả về cơ sở vật chất, nội dung chuyên môn và thủ tục hành chính trong suốt quá trình học. Bên cạnh đó, Nhà trường ban hành sổ tay sinh viên, hỗ trợ các thông tin về Trường ngay từ các buổi học trong tuần giáo dục công dân **[H08.08.03.10].**

Theo kế hoạch của Nhà trường, Khoa tổ chức các buổi sinh hoạt lớp để trợ lý Khoa/ giáo viên chủ nhiệm của Khoa nắm bắt tâm tư, nguyện vọng, quá trình học tập của sinh viên. Qua đó phối hợp với lãnh đạo Khoa để có hướng điều chỉnh và hỗ trợ SV tốt nhất. Sinh viên được đối thoại trực tiếp với toàn bộ giảng viên trong Khoa để giải đáp các thắc mắc của sinh viên về đào tạo, học tập. Qua đó, Khoa và Nhà trường tổng hợp các ý kiến, các đề xuất của người học để kịp thời điều chỉnh, giám sát và hỗ trợ người học (các bản tổng hợp ý kiến này được đưa ra Hội nghị đối thoại với sinh viên). Hằng năm, Nhà trường đều tổ chức hội nghị đối thoại giữa Ban Giám hiệu, trưởng các phòng chức năng (đơn vị hỗ trợ) với sinh viên, nhằm nắm bắt tâm tư, nguyện vọng của sinh viên trong quá trình học tập, rèn luyện. Đồng thời, cung cấp cho sinh viên những thông tin về chủ trương, chính sách của Đảng, pháp luật của Nhà nước, nội quy, quy chế của Nhà trường liên quan tới chế độ, chính sách đối với sinh viên, quyền và nghĩa vụ của sinh viên trong quá trình học tập tại Trường. Qua đó, kịp thời giải quyết những đề nghị, nhu cầu chính đáng của sinh viên nhằm tạo điều kiện tốt nhất cho sinh viên trong quá trình học tập, rèn luyện. **[H08.08.03.11].**

Kết quả học tập của người học được thực hiện lưu trữ theo quy định tại P. DTQLKH&HTQT, **[H08.08.03.12].** Trước mỗi kỳ tốt nghiệp của khóa học,

phiếu điểm (điểm chuyên cần, điểm kiểm tra giữa kỳ, điểm thi, điểm tổng kết học phần) của sinh viên được P. KT & ĐBCLGD kiểm tra, đối chiếu với bảng tổng hợp điểm toàn khóa **[H08.08.03.13]**. Kết quả học tập là cơ sở để xét học bổng, cảnh báo học vụ, danh hiệu được đề xuất, điều kiện lên lớp, điểm rèn luyện, xét điều kiện để được làm bài tốt nghiệp hoặc xét kết nạp vào Đảng CSVN **[H08.08.03.14]**. Trường có những văn bản pháp quy để thực hiện việc giám sát hoạt động của người học, tuy nhiên Nhà trường chưa hệ thống hóa thành quy định về theo dõi sự tiến bộ của người học.

2. Điểm mạnh

Nhà trường có hệ thống giám sát phù hợp nhằm theo dõi và cập nhật tiến độ học tập của người học kịp thời, chính xác. Cán bộ GV trong Khoa CNĐATH là những người giàu kinh nghiệm thực tế, hầu hết là người trẻ, nhiệt huyết, gần gũi với sinh viên nên kịp thời nắm bắt vấn đề của sinh viên gặp phải, sẵn sàng hỗ trợ người học.

3. Điểm tồn tại

Kết quả học tập từng môn học của người học chưa được cập nhật lên hệ thống quản lý trực tuyến để thông báo cho sinh viên. Điều này gây khó khăn cho GVCN trong quá trình theo dõi sự tiến bộ của người học.

4. Kế hoạch hành động

Phát huy điểm mạnh: Từ năm học 2022 - 2023, Khoa CNĐATH, Phòng ĐT, QLKH & HTQT, P. KT & ĐBCLGD theo dõi chặt chẽ tiến độ học tập của người học, đặc biệt là các sinh viên bị cảnh báo học vụ để hỗ trợ kịp thời.

Khắc phục tồn tại: Từ năm học 2022 - 2023, Khoa CNĐATH, P. ĐT, QLKH & HTQT, P. KT & ĐBCLGD, P. CTHSSV xây dựng phần mềm chuyên dụng, đáp ứng yêu cầu đổi mới trong quản lý đào tạo. Cải tiến công cụ giám sát KQHT của sinh viên; cập nhật lên hệ thống quản lý trực tuyến để thông báo cho sinh viên; mở tài khoản điện tử dành cho GVCN để hỗ trợ trong quá trình theo dõi sự tiến bộ của người học.

5. Tự đánh giá: Tiêu chí đạt (mức 4/7).

Tiêu chí 8.4: Hoạt động tư vấn học tập, nghiên cứu khoa học, hoạt động ngoại khóa, thi đua và các dịch vụ hỗ trợ khác, nhằm cải thiện việc học tập và khả năng có việc làm của người học

1. Mô tả hiện trạng

Hoạt động tư vấn học tập, nghiên cứu Khoa học, hoạt động ngoại khóa, thi đua cũng như các dịch vụ hỗ trợ khác đối với người học của Trường ĐHSKĐAHN - Khoa CNĐATH được thực hiện kịp thời ngay từ thời gian đầu ở Trường đại học cho đến khi tốt nghiệp.

Phòng CTHSSV của Trường là đơn vị chức năng chịu trách nhiệm tư vấn học tập, hoạt động ngoại khóa, hoạt động thi đua để hỗ trợ việc học tập của SV, Ban Giám hiệu phân công một Phó Hiệu trưởng phụ trách công tác HSSV **[H8.08.04.01]**. Bên cạnh đó, các hoạt động tư vấn được thực hiện bởi Đoàn TNCSHCM, đội ngũ giảng viên chuyên môn, giáo viên chủ nhiệm và trợ lý của Khoa **[H8.08.04.02]**. Quy trình triển khai các hoạt động động tư vấn, hỗ trợ SV được vận hành ngay khi mỗi khóa đào tạo bắt đầu, Trường có quyết định phân công GVCN cho từng lớp **[H8.08.04.02]**, phân công cán bộ lớp **[H8.08.04.03]**, đây là những đầu mối giao tiếp cơ bản của Trường đối với người học.

Trường tổ chức tuần sinh hoạt công dân đầu khóa **[H8.08.04.03]** giúp SV nắm nhất tiếp cận các quy chế, hướng dẫn phương pháp học tập, cách thức đánh giá cũng như các quy định công dân để nhanh chóng hòa nhập với môi trường học tập mới trong Trường đại học. Bên cạnh đó, Trường cung cấp sổ tay sinh viên để mỗi SV tham khảo và sử dụng khi cần trong suốt quá trình học **[H8.08.04.04]**. Ngoài ra, Trường phân công Khoa CNĐATH tổ chức buổi đón tiếp SV mới với sự tham gia đầy đủ CBGV, đại diện Nhà trường và tất cả SV của Khoa **[H8.08.04.05]**.

Trong suốt quá trình học, người học được hỗ trợ các chính sách như: học bổng, và hỗ trợ thủ tục hành chính trong chương trình vay vốn tín dụng đối với học sinh, sinh viên **[H8.08.04.06]**, miễn giảm học phí theo quy định của Nhà nước (người dân tộc thiểu số thuộc hộ nghèo, cận nghèo, cũng như việc trợ cấp xã hội cho SV) **[H8.08.04.07]**, đăng tải thông tin tuyển dụng cũng như có báo cáo tổng kết đánh giá tình hình việc làm của sinh viên sau khi tốt nghiệp **[H8.08.04.08]**.

Sinh viên chuyên ngành ÂTĐATH còn được tham gia hoạt động ngoại khóa, hỗ trợ trực tiếp cho việc học tập như: tham gia các chuyên đề được thực hiện theo lịch (và đột xuất), chuyên đề về khoa học kỹ thuật mới, hiện đại, tham dự các buổi chiếu phim mở rộng của lớp, của Khoa; tham gia các Liên hoan phim sinh viên trong và ngoài Trường; tham gia cuộc thi tài năng sinh viên của Khoa, các hội thảo, buổi chiếu phim hằng năm, hoặc tham gia trải nghiệm nghề nghiệp **[H8. 08.04.09]**. Những hoạt động hỗ trợ đặc thù này đã giúp cho sinh viên ÂTĐATH được trải nghiệm nghề nghiệp ngay từ khi còn đang theo học tại Trường **[H8. 08.04.10]**.

Để nâng cao hiệu quả học tập cho SV, GV chuyên môn của Khoa chịu trách nhiệm hỗ trợ, theo dõi và hướng dẫn SV trong suốt quá trình học theo quy định của Trường. Bên cạnh đó, trong các cuộc họp giao ban định kỳ hằng tháng, công tác hỗ trợ HSSV được Nhà trường rà soát, P. CTHSSV có báo cáo đánh giá kết quả thực hiện kế hoạch, cũng như những công việc trong tháng để toàn Trường

được biết, Hiệu trưởng Nhà trường đều có kết luận chỉ đạo kịp thời **[H08.08.04.11]**.

Đối với những sinh viên xuất sắc, Khoa CNDATH đề nghị Nhà trường xem xét khen thưởng, tạo động lực cho sinh viên có điều kiện, cơ hội cải thiện việc học tập và cơ hội nghề nghiệp **[H08.08.04.12]**.

Định kỳ mỗi năm một lần, Trường tổ chức Hội nghị đối thoại giữa cán bộ lãnh đạo Nhà trường với SV toàn Trường, nhằm tập trung giải đáp các thắc mắc của SV về các hoạt động liên quan đến đào tạo và hỗ trợ người học, Ngoài ra, Khoa chỉ đạo các lớp tổ chức sinh hoạt lớp hàng tháng, có đại diện Ban giám hiệu, GVCN, trợ lý Khoa tham dự để giải đáp các mối quan tâm của SV và kịp thời hỗ trợ những khó khăn trong học tập, rèn luyện của SV **[H08.08.04.13]**.

Trường, Khoa tích cực chủ động lên danh sách các đơn vị thực tập phù hợp với ngành đào tạo để sinh viên lựa chọn hoặc khuyến khích SV chủ động lựa chọn, tìm kiếm đơn vị thực tập theo mong muốn và có sự hướng dẫn của GV trong quá trình SV thực tập nghề nghiệp, đồng thời thường xuyên cập nhật các chương trình tuyển dụng việc làm cho SV mới tốt nghiệp và kết nối mạng lưới cựu người học để hỗ trợ tìm kiếm cơ hội việc làm cho SV **[H8.08.04.14]**.

Ngoài ra, Đoàn Thanh niên CSHCM Trường thường xuyên tổ chức các hoạt động ngoại khóa như hoạt động thể thao nhằm tạo điều kiện giao lưu giữa SV các khóa, các ngành đào tạo và giữa SV với GV, viên chức Trường, hỗ trợ tích cực việc học tập và nâng cao đời sống tinh thần, thể chất cho SV; hoạt động từ thiện, phục vụ cộng đồng **[H08.08.04.15]**.

Qua mỗi hoạt động SV được trau dồi và rèn luyện thêm kỹ năng mềm đồng thời SV có cơ hội thể hiện sức sáng tạo, nhiệt huyết và bản lĩnh của tuổi trẻ; một số hoạt động được đánh giá thi đua, khen thưởng cho cá nhân và tập thể **[H8.08.04.16]**. Công tác tổ chức các hoạt động ngoại khóa cho SV chuyên ngành Âm thanh ĐATH như kiến tập, thực tập đã có những ảnh hưởng tích cực đến đời sống tinh thần cũng như khuyến khích SV nỗ lực học tập, rèn luyện tốt hơn.

Từ năm 2017-2022, Nhà trường/ Khoa chưa nhận được thông tin nào phản hồi không tốt về các hoạt động tư vấn học tập, hoạt động ngoại khóa, hoạt động thi đua và các dịch vụ hỗ trợ khác từ sinh viên.

2. Điểm mạnh

Nhà trường/ Khoa có nhiều hoạt động hỗ trợ học tập, ngoại khóa, thi đua để cải thiện việc học tập và khả năng có việc làm của người học.

3. Điểm tồn tại

Trong năm 2020, 2021, do tình hình Covid nên hoạt động trao đổi sinh viên với các đơn vị đối tác bị trì hoãn. Nhà trường/ Khoa chưa khảo sát lấy ý kiến

phản hồi của người học, cựu người học về mức độ hài lòng đối với chất lượng, hiệu quả các hoạt động tư vấn học tập, hỗ trợ việc làm.

4. Kế hoạch hành động

Phát huy điểm mạnh: Từ năm học 2022 - 2023, Khoa CNĐATH phối hợp phòng CTHSSV, Đoàn TNCSHCM, tiếp tục tăng cường các hoạt động ngoại khóa, trao đổi sinh viên (bằng cả hình thức trực tuyến).

Khắc phục tồn tại: Từ năm học 2022 - 2023, Khoa CNĐATH không ngừng hỗ trợ cho hoạt động của người học; phối hợp với P. CTHSSV, P.KT &ĐBCLGD định kỳ hằng năm lấy ý kiến phản hồi của người học, cựu người học đánh giá về các hoạt động tư vấn học tập, hoạt động ngoại khóa, hoạt động thi đua và các dịch vụ hỗ trợ khác của Khoa/ Trường.

5. Tự đánh giá: Tiêu chí đạt (mức 4/7).

Tiêu chí 8.5: Môi trường tâm lý, xã hội và cảnh quan tạo điều kiện thuận lợi cho hoạt động đào tạo, nghiên cứu và sự thoải mái cho cá nhân người học

1. Mô tả hiện trạng

Nhằm thiết lập môi trường làm việc, học tập thân thiện, không khí thoải mái tạo điều kiện thuận lợi cho hoạt động đào tạo, Nhà trường luôn có chính sách về bảo đảm môi trường học tập, sức khỏe và an toàn cho người học, các hoạt động này được giao cho Phòng Hành chính, tổng hợp (P.HCTH) chủ trì và phối hợp các đơn vị trong toàn Trường [H08.08.05.01]. Để có được cảnh quan sạch đẹp Nhà trường hợp đồng với công ty vệ sinh làm việc từ 6h30-16h30 tất cả các ngày [H08.08.05.02].

Sơ đồ Trường được bố trí hợp lý các khu giảng đường, khu hành chính, trung tâm thực hành SK-ĐA, phòng chiếu phim, nhà hát, sân tập... Đặc biệt, nhân kỷ niệm 40 năm thành lập Trường (1980-2020), Nhà trường đã thiết kế, trang trí khu nhà B của Trường và khu vực Khoa CNĐATH với việc tái hiện những dấu ấn, khung cảnh mang tính nghệ thuật, sáng tạo [H08.08.05.03]. Bên cạnh đó, Nhà trường được sử dụng khu giáo dục thể chất và ký túc xá thuộc Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch xây dựng riêng cho các Trường văn hóa nghệ thuật. Khu thể chất có sân bóng đá, nhà thi đấu đa năng và khu bể bơi với cảnh quan thoáng mát, tiện nghi cùng nhiều chính sách hỗ trợ internet, thể thao, ăn uống, sinh hoạt [H08.08.05.04]. Đoàn TNCSHCM Trường thường xuyên tổ chức các hoạt động thể dục, thể thao và nhiều cuộc thi bổ ích khác để tạo sân chơi lành mạnh, rèn luyện thể lực cho SV, tăng cường tinh thần giao lưu, đoàn kết trong cộng đồng SV trong Trường [H08.08.05.05].

Nhà trường có sơ đồ, vị trí lắp đặt pano, băng rôn và hình ảnh pano, băng rôn trong đó có các Pano tại các khu giảng đường để mỗi người học, nhân viên

luôn nhận thức được vai trò sứ mệnh của bản thân, có động lực làm việc, học tập, phát triển bản thân **[H08.08.05.06]**.

Nhà trường có phòng y tế tại tòa nhà A2 với một cán bộ phụ trách luôn hỗ trợ sinh viên về vấn đề y tế cơ bản **[H08.08.05.07]**. Giai đoạn 2017-2021, 100% SV Khoa CNĐATH được tham gia bảo hiểm y tế đầy đủ. Hằng năm, SV được thăm khám sức khỏe cơ bản định kỳ và hướng dẫn tham gia các hoạt động tích cực của y tế **[H8.08.05.08]**. SV được cung cấp sổ tay sinh viên và được phổ biến các văn bản về quy tắc ứng xử của cán bộ cũng như học sinh, sinh viên trong Nhà trường **[H8.08.05.09]**. Công tác an toàn học đường/an toàn vệ sinh thực phẩm được Trường, Khoa quan tâm chỉ đạo và giám sát hiệu quả **[H8.08.05.10]**. Hằng năm, Nhà trường tổ chức phun thuốc muỗi để phòng chống dịch sốt xuất huyết; thực hiện nghiêm túc các biện pháp sát khuẩn/ phòng chống dịch theo quy định, nhất là trong giai đoạn phòng chống dịch Covid vừa qua **[H8.08.05.11]**.

Ngoài ra, Trường luôn chú trọng hệ thống phòng cháy, chữa cháy. Hệ thống thiết bị phòng cháy chữa cháy tại các giảng đường, phòng thực hành, các phòng làm việc, được trang bị đầy đủ, được lực lượng cảnh sát phòng cháy chữa cháy kiểm tra định kỳ **[H08.08.05.12]**. Ngoài ra, định kỳ Trường tổ chức khóa tập huấn phòng cháy chữa cháy cho nhân viên để có kỹ năng bảo đảm an toàn về cháy nổ **[H08.08.05.12]**. Nhà trường quy định toàn cán bộ công nhân viên phải đeo thẻ (bảng tên, chức danh) khi làm việc, giữ thái độ hòa nhã và tận tụy với sinh viên và luôn nhấn mạnh văn hóa học đường, ban hành các nội quy giảng đường, phòng thực hành, phòng chiếu phim, nội quy tại TTTT Thư viện **[H08.08.05.13]**.

Thành quả NCKH đặc thù chuyên ngành của Khoa Công nghệ Điện ảnh- Truyền hình như: Sản xuất âm thanh phim, nhạc, vận hành hệ thống âm thanh, nghiên cứu các công nghệ âm thanh mới, các công trình âm học và trang âm. Nhà trường có Trung tâm thực hành sân khấu - điện ảnh, ở đây có đầy đủ các thiết bị để hỗ trợ sinh viên làm bài tập. Thực chất việc làm phim, hoàn thiện, đánh giá kết quả học tập của SV chuyên ngành ÂTDATH là 1 quá trình học tập và NCKH của chính sinh viên **[H08.08.05.14]**.

Định kỳ, Khoa/ Trường tổ chức đối thoại với sinh viên để kịp thời nắm bắt tâm tư, nguyện vọng của sinh viên, từ đó đưa ra giải pháp cho vấn đề sinh viên gặp phải. Đa số sinh viên hài lòng với điều kiện về môi trường tâm lý, xã hội và cảnh quan Nhà trường mang lại **[H08.08.05.15]**.

2. Điểm mạnh

Người học được học tập, NCKH và phát triển đầy đủ về thể chất cũng như tinh thần trong một môi trường đào tạo thuận lợi về an ninh, an toàn, xanh, sạch, đẹp.

3. Điểm tồn tại

Khu thể chất của Trường do Bộ VH-TT-DL quản lý riêng, do đó quản thể để sinh viên rèn luyện thể dục thể thao bị hạn chế. Nhà trường chưa định kỳ lấy phiếu phản hồi của người học về môi trường tâm lý, xã hội và cảnh quan của Trường.

4. Kế hoạch hành động

Phát huy điểm mạnh: Từ năm học 2022 - 2023, Khoa CNĐATH phối hợp với P. CTHSSV, P. HCTH định kỳ lấy phiếu phản hồi của người học về môi trường tâm lý, xã hội và cảnh quan của Trường.

Khắc phục tồn tại: Từ năm học 2022 - 2023, Khoa CNĐATH phối hợp với P. CTHSSV, P. HCTH định kỳ lấy phiếu phản hồi của người học về môi trường ký túc xá, cảnh quan, tâm lý của người học tại Khoa/ Trường.

5. Tự đánh giá: Tiêu chí đạt (mức 5/7).

Kết luận về tiêu chuẩn 8

Điểm mạnh nổi bật: Người học được hỗ trợ thường xuyên và hiệu quả về hoạt động tư vấn học tập, hướng nghiệp, được tạo điều kiện thuận lợi nhất để phát triển năng lực học tập, NCKH và thể chất, tinh thần, nhằm giúp cải tiến các hoạt động nâng cao chất lượng và sự tiến bộ trong học tập, rèn luyện của bản thân.

Điểm tồn tại cơ bản: Chưa có sự phân tích, đánh giá và dự báo chi tiết về nhu cầu nhân lực hàng năm; chưa định kỳ lấy phiếu phản hồi của người học về môi trường tâm lý, xã hội và cảnh quan của Trường.

Kết quả đánh giá về tiêu chuẩn 8: Tiêu chuẩn 8 có 5 tiêu chí đạt, trong đó có 2 tiêu chí đạt mức 5/7 điểm, 3 tiêu chí đạt mức 4/7 điểm.

Tiêu chuẩn 9: Cơ sở vật chất và trang thiết bị

Mở đầu

Trường ĐHSKĐAHN bảo đảm các điều kiện về cơ sở vật chất và trang thiết bị học tập để triển khai các hoạt động đào tạo và nghiên cứu khoa học nhằm đạt được mục tiêu và nhiệm vụ đề ra. Điều này được thể hiện qua hệ thống phòng làm việc, phòng học, phòng thực hành, phòng chiếu phim, Trường quay, phòng thực nghiệm kỹ thuật và hệ thống tài liệu, tư liệu khoa học chuyên ngành được đặt tại Trung tâm Thông tin - Thư viện của Trường, thư viện điện tử (băng đĩa, phim v.v...) Khoa CNĐATH hình đang sử dụng trong hoạt động giảng dạy và nghiên cứu.

Tiêu chí 9.1: Có hệ thống phòng làm việc, phòng học và các phòng chức năng với các thiết bị phù hợp để hỗ trợ các hoạt động đào tạo và nghiên cứu.

1. Mô tả hiện trạng

Trường ĐHSKĐAHN có tổng diện tích: 20.610,8 m², trong đó diện tích nơi học: 11.257 m². Nhà trường có đủ phòng học là 161 phòng học lý thuyết và thực hành thuộc các khu vực giảng đường là nhà A1, A2, khu B, khu C với trung bình tỷ lệ diện tích sàn/sinh viên là 8,77 m². Phòng thực hành/ xưởng thực tập là 4575 m². Thư viện, hội Trường, các phòng chức năng và Khoa có không gian rộng rãi thuận lợi cho cán bộ làm việc cũng như đón tiếp sinh viên **[H09.09.01.01]**.

Hiện nay, hệ thống phòng làm việc của Khoa CNĐATH được đặt tại khu A2, bao gồm 01 văn phòng Khoa và 01 phòng quản lý Khoa. Các phòng này có diện tích khoảng 35 m² (bình quân 8 m²/1 giảng viên), được trang bị đầy đủ bàn làm việc, máy vi tính có kết nối mạng internet, máy in, điều hòa, tủ đựng tài liệu phù hợp yêu cầu công việc **[H9.9.01.02]**. Ngoài các phòng học lý thuyết, sinh viên của Khoa CNĐATH còn được học tại phòng chiếu phim (02 Phòng chiếu nhà D, 02 phòng chiếu nhà A - tầng 5 và 7, sử dụng chung với Khoa Truyền hình, Nhiếp ảnh, Thiết kế Mỹ thuật, Khoa CNĐATH), 1 phòng hòa âm, 1 phòng thu thanh, 3 phòng dựng phim, trường quay (01 trường quay tầng 7 nhà A1, dùng chung với Khoa Truyền hình, Khoa Nghệ thuật Điện ảnh; Khoa Thiết kế Mỹ thuật, Nhiếp ảnh, 1 phòng thực hành điện – điện tử). Các khu giảng đường và các phòng chức năng đều được bố trí đầy đủ thiết bị phòng cháy chữa cháy, nội quy sử dụng phòng **[H09.09.01.02]**. Bên cạnh đó, Trường được sử dụng cơ sở vật chất với quần thể nhà thi đấu thể thao, bể bơi, sân bóng, nhà thi đấu đa chức năng, ký túc xá thuộc Bộ VHTTDL quản lý **[H09.09.01.03]**.

Trường giao cho Phòng Hành chính, Tổng hợp (bộ phận Hành chính, quản trị) quản lý, bảo dưỡng, lập kế hoạch, sửa chữa, quản lý tài sản, trang thiết bị nhằm bảo đảm an toàn, tiết kiệm và sử dụng hiệu quả các phòng làm việc, phòng học và các phòng chức năng **[H09.09.01.04]**; hằng năm Phòng HCTH xây dựng kế hoạch mua mới cơ sở vật chất (CSVCh), thiết bị nhằm bổ sung, bảo trì, thay thế, nâng cấp CSVCh **[H09.09.01.05]**. Nhà trường có Kế hoạch chiến lược phát triển về cơ sở vật chất để định hướng, xác định và triển khai các hoạt động nhằm tăng cường cơ sở vật chất và nâng cao hiệu quả hoạt động đối với các CSVCh hiện có **[H09.09.01.06]**. Hằng năm, trong Hội nghị cán bộ công chức, viên chức (CCVC), Trường luôn công khai kinh phí về các kế hoạch xây dựng, nâng cấp, sửa chữa hệ thống phòng học và các phòng chức năng đến cán bộ và giảng viên **[H09.09.01.07]**.

Trong *Báo cáo đánh giá ngoài* của Trung tâm Kiểm định chất lượng giáo dục- Đại học Quốc gia Hà Nội đã thực hiện kiểm tra thực tế và ghi nhận Nhà trường đạt tiêu chuẩn về việc có đủ số phòng học, giảng đường lớn, phòng thực

hành phục vụ cho dạy, học và nghiên cứu khoa học đáp ứng yêu cầu của từng ngành đào tạo [H09.09.01.08].

Mặc dù CSVC của Trường thường xuyên được Bộ VHTTDL đầu tư, nâng cấp, nhưng do đặc thù của ngành công nghệ luôn luôn thay đổi với khoảng thời gian ngày càng ngắn hơn, chi phí đắt đỏ... điều này là một trở ngại lớn cho Trường khi đầu tư các thiết bị chuyên ngành đáp ứng nhu cầu công tác đào tạo, NCKH.

2. Điểm mạnh

Trường có đủ phòng học, giảng đường lớn, phòng thực hành, phòng chiếu phim, trường quayvới nhiều thiết bị hiện đại, phù hợp với từng chuyên ngành, phục vụ cho dạy, học. CSVC được đầu tư nâng cấp để hỗ trợ các hoạt động đào tạo, nghiên cứu.

3. Điểm tồn tại

Khu nhà C được xây dựng cách đây khá lâu (khoảng 20 năm), do đó kiến thiết cơ bản của cơ sở hạ tầng lạc hậu, xuống cấp; các phòng chiếu phim có màn ảnh lớn đều lạc hậu so với công nghệ hiện nay.

4. Kế hoạch hành động

Phát huy điểm mạnh: Từ năm học 2022 - 2023, Phòng HCTH, Khoa CNĐATH tiếp tục có biện pháp để nâng cao ý thức trong việc giữ gìn trang thiết bị phòng học. Thực hiện bảo dưỡng định kỳ các thiết bị sẵn có để bảo đảm hoạt động tốt, đáp ứng nhu cầu sử dụng của Khoa và sinh viên các lớp.

Khắc phục tồn tại: Từ năm học 2022 - 2023, Phòng HCTH đề xuất với Nhà trường cung cấp đầy đủ phòng sinh hoạt chuyên môn, phòng làm việc phục vụ hoạt động đào tạo và NCKH. Khoa CNĐATH đề xuất với Nhà trường tiếp tục hỗ trợ thêm thiết bị mới; thực hiện bảo dưỡng định kỳ các thiết bị sẵn có để bảo đảm hoạt động tốt, đáp ứng nhu cầu sử dụng của Khoa nói chung và chuyên ngành Âm Thanh ĐATH nói riêng.

5. Tự đánh giá: Tiêu chí đạt (mức 5/7).

Tiêu chí 9.2: Thư viện và các nguồn học liệu phù hợp và được cập nhật để hỗ trợ các hoạt động đào tạo và nghiên cứu.

1. Mô tả hiện trạng

Trung tâm Thông tin, Thư viện của Trường ĐHSKĐAHN được bố trí trên một mặt bằng thuận lợi cho bạn đọc với tổng diện tích sử dụng: 581,4m² [H09.09.02.01]. Thư viện của Trường hiện nay chia thành hai bộ phận: Thư viện sách và thư viện điện tử đặt tại Trường ĐHSKĐAHN phục vụ việc học tập của sinh viên và giảng dạy của viên chức Nhà trường. Tổ chức biên chế của Thư viện thực hiện theo Quyết định số 13/2008/QĐ - BVHTTDL ngày 10/3/2008 của Bộ

VHTTDL ban hành về Quy chế mẫu tổ chức và hoạt động thư viện Trường Đại học **[H09.09.02.02]**. Hiện tại nhân sự của thư viện là 04 cán bộ biên chế, thư viện hoạt động 05 ngày trong tuần từ thứ 2 đến thứ 6, thời gian hoạt động từ 8h-18h.

Về cơ sở hạ tầng: Trung tâm Thông tin thư viện được bố trí tại tầng 6 nhà A1 gồm 05 phòng (A601, A602, A604, A606, A608) với tổng diện tích sử dụng là 581,4m², trong đó 01 phòng đọc mở (A608) bao gồm cả thư viện điện tử có diện tích 190,3m²; toàn bộ diện tích còn lại (391,1m²) bao gồm: Kho sách, tài liệu (A601, A602, A604) và phòng xử lý dữ liệu (A606) **[H09.09.02.03]**. Để đáp ứng nhu cầu phục vụ học tập và nghiên cứu Khoa học. Hằng năm, thư viện đặt báo, tạp chí cho các phòng, ban, Khoa và thư viện; phô tô nhân bản tài liệu, nhập sách tài liệu do các nơi tài trợ như: Nhà xuất bản văn học, Nhà xuất bản Sân khấu, Hội Điện ảnh, Hội nghệ sĩ Nhiếp ảnh, vv. **[H09.09.02.04]**.

Thư viện, phòng đọc được trang bị đầy đủ các trang thiết bị để hoạt động (chỗ ngồi, bàn ghế, máy tính/thiết bị, phần mềm tra cứu, thiết bị in ấn, nội quy/quy định/hướng dẫn, v.v). Thư viện cung cấp đầy đủ giáo trình, tài liệu, sách tham khảo (bản cứng/bản mềm) phù hợp để hỗ trợ các hoạt động đào tạo và nghiên cứu. Có đầy đủ sách, giáo trình chính cho mỗi học phần thuộc CTĐT ÂTĐATH và có tài liệu tham khảo tối thiểu đối với mỗi học phần thuộc CTĐT **[H09.09.02.05]**.

Nhà trường có hệ thống thư viện điện tử với tài liệu số hoá, ebooks, liên kết đến thư viện số, tạp chí online đáp ứng nhu cầu đào tạo và nghiên cứu của GV, người học và các bên liên quan dễ dàng truy cập phục vụ học tập mọi lúc mọi nơi. Thư viện điện tử được nối mạng Internet và mạng Lan với 01 máy chủ và 10 máy trạm (tại Trường ĐHSKĐAHN). Thư viện điện tử lưu giữ các bài giảng của chuyên gia nước ngoài và các giáo sư đầu ngành về nghệ thuật, các phim điện ảnh - truyền hình kinh điển trong nước và nước ngoài, các loại sách và tài liệu phục vụ các chuyên ngành đào tạo và nghiên cứu của Trường, phục vụ nhu cầu nghiên cứu học tập của cán bộ giảng viên và sinh viên **[H09.09.02.06]**.

Hệ thống máy tính trong Trung tâm thông tin, thư viện được nối mạng nội bộ và internet; máy tính tại quầy thủ thư được cài đặt phần mềm quản lý thư viện Ilib ver 4.1 do CMC cung cấp. Phần mềm Ilib bao gồm các module bổ sung, biên mục, lưu thông, mượn trả dành cho thủ thư phòng đọc. Cơ sở dữ liệu về sách, tài liệu và các thông tin về bạn đọc, quá trình lưu thông, mượn trả được lưu trữ thông qua máy chủ Thư viện. Tài liệu được phân loại theo chuẩn DDC14 và mô tả dưới dạng biểu ghi MARC 21, nhập vào cơ sở dữ liệu, sau đó được dán mã vạch và được xếp giá theo phân loại thập phân DDC. Thông tin bạn đọc cũng được nhập các Trường họ, tên, ngày sinh, lớp, ảnh vào cơ sở dữ liệu và phát hành thẻ có mã vạch **[H09.09.02.07]**.

Tại thư viện, tài liệu phục vụ cho chuyên ngành ÂTĐATH là: 110 tựa/ 2212 bản sách, hàng trăm đồ án tốt nghiệp qua các khóa và 02 tạp chí chuyên ngành,

cùng với đầy đủ các tài liệu phục vụ cho khối kiến thức đại cương và cơ sở ngành và các CSDL dùng chung **[H9.09.02.08]**.

Bảng 9.1. Thống kê các tài liệu học tập tại thư viện Trường ĐHSKĐAHN (phụ lục 8)

Bên cạnh nguồn học liệu tại Trung tâm TTTV, hằng năm, các đồ án tốt nghiệp của SV Khoa CNĐATH (chuyên ngành ÂTĐATH, Dựng Phim ĐATH) đều nộp về Thư viện để SV các khóa sau có thể tham khảo. Khoa cũng lưu trữ để các GV minh họa cho bài giảng và cung cấp cho SV mượn **[H9.09.02.09]**.

Bảng 9.2. Thống kê các tài liệu học tập tại văn phòng Khoa CN ĐATH (Phụ lục 8)

Để các nguồn học liệu phong phú và cập nhật, nhằm phục vụ tốt nhu cầu của người sử dụng, hằng năm, Thư viện phối hợp với Khoa trong việc bổ sung giáo trình, tài liệu tham khảo phù hợp với chuyên ngành đào tạo. Quy trình cập nhật tài liệu thể hiện sự phối hợp giữa Thư viện và các Khoa bảo đảm tài liệu phù hợp với các chuyên ngành đào tạo của Trường **[H9.09.02.10]**. Nhà trường đã tổ chức đợt khảo sát thăm dò ý kiến bạn đọc về chất lượng phục vụ của thư viện, hơn 90 % bạn đọc đánh giá chất lượng phục vụ ở mức độ tốt **[H9.09.02.11]**.

Cán bộ Thư viện thường xuyên được đào tạo, bồi dưỡng nâng cao chuyên môn nghiệp vụ và tham gia các lớp bồi dưỡng cán bộ quản lý **[H9.09.02.12]**.

2. Điểm mạnh

Trung tâm TTTV của Trường hiện nay cơ bản có đủ sách, giáo trình, tài liệu tham khảo tiếng Việt và tiếng nước ngoài đáp ứng cơ bản nhu cầu cho người học và giảng viên của Trường nói chung và của chuyên ngành ÂTĐATH - Khoa CNĐATH nói riêng.

3. Điểm tồn tại

Chưa có nhiều sự hợp tác và liên kết với các Thư viện khác để chia sẻ tài nguyên thông tin và kinh nghiệm trong quản lý thư viện.

4. Kế hoạch hành động

Phát huy điểm mạnh: Từ năm học 2022 - 2023, Trung tâm TTTV phối hợp Khoa CNĐATH xây dựng kế hoạch sử dụng hiệu quả nguồn học liệu sách, giáo trình, tài liệu tham khảo phục vụ và đáp ứng yêu cầu học tập, nghiên cứu của CB, GV và NH. Ứng dụng CNTT trong quản lý thư viện, giúp bạn đọc khai thác hiệu quả nguồn tài liệu có sẵn. Giao cho Trung tâm TTTV tiếp tục đầu tư mua thêm sách chuyên ngành, giáo trình, tài liệu đầy đủ cho tất cả các ngành, chuyên ngành đào tạo của Nhà trường.

Khắc phục tồn tại: Từ năm học 2022 - 2023, Trung tâm TTTV căn cứ việc rà soát CTĐT, đề cương các môn học/học phần để đầu tư mua thêm sách chuyên

ngành, giáo trình, tài liệu. Xây dựng chiến lược hợp tác và liên kết với các Thư viện khác để chia sẻ tài nguyên thông tin và kinh nghiệm trong quản lý thư viện.

5. *Tự đánh giá:* Tiêu chí đạt (mức 5/7).

Tiêu chí 9.3: Phòng thí nghiệm, thực hành và trang thiết bị phù hợp và được cập nhật để hỗ trợ các hoạt động đào tạo và nghiên cứu.

1. Mô tả hiện trạng

Trường ĐHKĐAHN có đủ phòng thực hành và trang thiết bị để hỗ trợ các hoạt động đào tạo và nghiên cứu khoa học đáp ứng yêu cầu của từng ngành đào tạo. Do đặc thù của các chuyên ngành đào tạo, Trường không có hệ thống phòng thí nghiệm. Với đặc điểm là một Trường đào tạo nguồn nhân lực cho nhiều ngành trong các lĩnh vực sân khấu, điện ảnh, nhiếp ảnh, múa, thiết kế mỹ thuật và truyền hình có trình độ từ đại học đến sau đại học, do đó để thực hiện công tác đào tạo, Trường có phòng thực hành, sàn tập, phòng chiếu phim, trung tâm thực hành sk-đa, nhà hát (sân khấu biểu diễn), khu thực cảnh (Khu Thủy đình), xưởng vẽ... (sau đây gọi chung là phòng thực hành) và được bố trí phù hợp với yêu cầu thực hành của 11 Khoa **[H09.09.03.01]**.

Những năm gần đây, bên cạnh khu nhà C, B, Nhà trường đã xây mới hai tòa nhà A1, A2 và Nhà hát thể nghiệm A3 (Nhà hát tài năng trẻ). Nhà trường có hội trường lớn 300 chỗ phục vụ cho việc thực hành của sinh viên các Khoa **[H09.09.03.02]**. Trường hiện có 109 phòng học lý thuyết với tổng diện tích: 6682 m². Phần lớn các phòng học đều được trang bị đầy đủ bàn ghế, bảng chống lóa, điều hòa. Thiết bị học tập phục vụ yêu cầu tối thiểu của từng khoa. Các phòng học lớn sử dụng cho việc học tập trung nhiều lớp. Phòng học nhỏ sử dụng cho các lớp học nhóm, học chuyên môn của Khoa CNĐATH, Khoa Nghệ thuật Điện ảnh, Khoa Truyền hình, Khoa Kịch hát dân tộc v.v... Một số phòng học được trang bị máy Projector, bộ máy chiếu DVD phục vụ cho việc xem phim và nghiên cứu của sinh viên. **[H09.09.03.03]**. Nhà trường có 52 phòng thực hành với tổng diện tích 4575 m². Đó là điều kiện cơ bản về cơ sở vật chất đáp ứng được yêu cầu thực hành của sinh viên (đặc biệt là khối nghệ thuật). Một số phòng thực hành như: Trường quay, phòng chụp ảnh, phòng dựng phim, phòng chiếu phim, phòng in tráng phim được sử dụng chung cho các Khoa Công Nghệ ĐATH, Khoa Nghệ thuật Điện ảnh, Khoa Truyền hình, Khoa Nhiếp ảnh. Các phòng thực hành của Khoa CNĐATH được đầu tư để phục vụ việc thực hành của sinh viên như: bộ bàn dựng phim, máy chiếu phim, máy tính, phòng hòa âm, phòng thu thanh, phòng thí nghiệm điện - điện tử... Đặc biệt, năm 2010 Nhà hát thể nghiệm A3 được đưa vào sử dụng, nhà hát có máy chiếu hiện đại, âm thanh, ánh sáng tương đương một sân khấu nhỏ với 320 ghế, phục vụ chiếu phim và biểu diễn nghệ thuật. Với một nhà hát thu nhỏ như vậy trong một Trường nghệ thuật, Nhà trường có CSVN đầy đủ và hiện đại để phục vụ việc học, dạy và thực tập của sinh viên **[H09.09.03.04]**.

Thiết bị trong mỗi phòng thực hành đều có tài liệu hướng dẫn sử dụng và được theo dõi tình trạng làm việc và ghi chú trong sổ ghi chép giám sát **[H09.09.03.05]**. Trường/ Khoa thường xuyên phổ biến đến người làm việc trong phòng thực hành các quy định, nội quy phòng, quy tắc an toàn và phòng chống cháy nổ **[H09.09.03.06]**. Các phòng thực hành được thiết kế khoa học, bảo đảm an toàn điện, an toàn cháy nổ. Giảng viên và sinh viên làm việc tại phòng thực hành luôn được học và kiểm tra các quy tắc an toàn trước khi học tập tại đây. Phòng thực hành có nội quy phòng, hướng dẫn sử dụng thiết bị phòng thực hành. Hoạt động dạy học, nghiên cứu khoa học của SV được thực hiện dưới sự hướng dẫn của GV và cán bộ phụ trách phòng thực hành, bảo đảm việc sử dụng hiệu quả **[H09.09.03.07]**.

Để bảo đảm các trang thiết bị trong phòng thực hành, Trường giao cho Phòng Hành chính quản trị làm đầu mối quản lý (hiện nay là bộ phận hành chính, quản trị), Phòng có kế hoạch thường xuyên duy tu, bảo dưỡng, bổ sung, nâng cấp và đầu tư mới thiết bị để đáp ứng nhu cầu về đào tạo và nghiên cứu **[H09.09.03.08]**. Vào đầu mỗi năm học, Phòng HCTH (HCQT) đều có kế hoạch và thông báo đến các đơn vị trong toàn Trường về việc mua sắm trang thiết bị, cơ sở vật chất. Khoa CNTT căn cứ nhu cầu đào tạo đề xuất mua sắm thiết bị **[H09.09.03.09]**. Trường có hồ sơ theo dõi, quản lý, đánh giá hiệu quả sử dụng các trang thiết bị **[H09.09.03.10]**. Hằng năm, Nhà trường có kế hoạch và phân bổ kinh phí cho bảo dưỡng các trang thiết bị; đầu tư mua sắm trang thiết bị để thay thế, cập nhật đáp ứng yêu cầu CTĐT **[H09.09.03.11]**. Bên cạnh đó, Trường còn có mối quan hệ mật thiết với các nhà hát, hãng phim, đài truyền hình. Các đơn vị này luôn tạo điều kiện thuận lợi cho sinh viên của Trường về thực hành, thực tập tốt nghiệp (Các hãng phim Nhà nước và Tư nhân đã tài trợ các thiết bị, tham quan cập nhật công nghệ, các môn học liên quan thiết bị công nghệ hiện mới có sự hỗ trợ từ hãng phim Truyện VN, Hãng phim TLKHTW, đài truyền hình VN, Đài TH Quốc phòng, Nhà hát lớn, Công ty Phù Sa lab; Trung tâm chiếu phim Quốc gia.. Ngoài ra, do đặc thù đào tạo, Khoa Công Nghệ ĐATH còn sử dụng chung các trang thiết bị được hỗ trợ cho các Khoa khác trong Trường (Nâng cấp Máy chiếu phòng chiếu tầng 3 nhà D (2016); 1 bộ Camera RED chuẩn Điện ảnh (2019), nâng cấp hệ thống hòa âm, thu thanh, dựng phim. **[H09.09.03.12]**.

Nhà trường đã tiến hành khảo sát mức độ đáp ứng về phòng thực hành đối với nhu cầu dạy học và NCKH. Kết quả cho thấy trên đa số cán bộ, giảng viên và người học không có ý kiến phản nản về tình trạng thiếu phòng thực hành **[H09.09.03.13]**. Trên cơ sở phản hồi của các đơn vị, Nhà trường xem xét, kiểm tra thực tế và tiến hành cập nhật trang thiết bị **[H09.09.03.14]**. Tuy nhiên, một số tiêu chuẩn về phương tiện thiết bị hỗ trợ học đặc thù về hình ảnh (để trình chiếu phim bài tập định dạng hình ảnh có độ nét cao và âm thanh tiêu chuẩn rạp chiếu phim, có định dạng 5.1) hiện còn là yêu cầu cần thiết của Khoa Công Nghệ ĐATH.

Việc đầu tư ngày càng hạn chế do cắt giảm ngân sách công, dẫn đến những trở ngại trong đầu tư trang thiết bị phù hợp cũng như việc được cập nhật để hỗ trợ các hoạt động đào tạo và nghiên cứu. Việc hỗ trợ từ các đơn vị tuyển dụng hiện tại mang dấu ấn liên hệ cá nhân. (hiện tại, sự hỗ trợ ngày càng khó khăn và có nhiều trở ngại do lịch chiếu phim để kinh doanh nên Trung tâm chiếu phim Quốc gia chỉ có thể bố trí giờ vào sáng sớm từ 6h00 - 8h30 hoặc sau 11h đêm nên không thể thuận lợi cho công việc giảng dạy).

2. Điểm mạnh

Khoa Công Nghệ ĐATH có phòng thực hành được bố trí hợp lý và các trang bị hiện đại được đầu tư thường xuyên. Khoa luôn nhận được sự hỗ trợ của Nhà trường về đầu tư mua sắm, cải tạo và sửa chữa; các đơn vị tuyển dụng hỗ trợ thực hành.

3. Điểm tồn tại

Công tác quản lý trang thiết bị tại một số phòng thực hành còn chưa tốt, chưa đúng quy trình. Thiết bị chuyên ngành đầu tư còn hạn chế; việc cập nhật thực hiện quy trình công nghệ làm phim khép kín chưa bắt nhịp với trình độ tiên tiến trên thế giới.

4. Kế hoạch hành động

Phát huy điểm mạnh: Từ năm học 2022 - 2023, Trường tăng cường công tác quản lý trang thiết bị theo đúng chức năng nhiệm vụ của các đơn vị; tiếp tục thực hiện bảo dưỡng định kỳ các trang thiết bị sẵn có để bảo đảm hoạt động tốt, đáp ứng nhu cầu sử dụng.

Khắc phục tồn tại: Từ năm học 2022 - 2023, định kỳ 02 năm một lần thực hiện khảo sát sự hài lòng về chất lượng của hệ thống các phòng học và phòng thực hành, hệ thống thiết bị. Giao cho P. HCTH tham mưu và phối hợp Khoa CNĐATH để xây dựng cơ chế phối hợp với nhà tuyển dụng, các đơn vị có thiết bị thực hành hiện đại nhằm nâng cao hiệu quả việc hỗ trợ các hoạt động đào tạo và nghiên cứu.

5. Tự đánh giá: Tiêu chí đạt (mức 5/7).

Tiêu chí 9.4: Hệ thống công nghệ thông tin (bao gồm cả hạ tầng cho học tập trực tuyến) phù hợp và được cập nhật để hỗ trợ các hoạt động đào tạo và nghiên cứu.

1. Mô tả hiện trạng

Trường ĐH SKĐAHN được trang bị cơ bản đầy đủ thiết bị tin học để hỗ trợ hiệu quả các hoạt động dạy học và NCKH. Hệ thống máy tính của Nhà trường gồm máy chủ với 229 máy tính, trong đó 129 máy tính dành cho phòng làm việc, văn phòng Khoa và 100 máy tính đặt tại 02 phòng máy phục vụ giảng dạy và học tập [H09.09.04.01]. Khuôn viên Trường, thư viện, KTX đều được phủ sóng wifi;

tất cả các máy tính được kết nối với hệ thống internet 24/24 giờ phục vụ quản lý, học tập, NCKH. Nhà trường có các phần mềm chuyên dụng quản lý điều hành văn bản và trao đổi công việc, quản lý người học, tài chính và nhân sự; bản quyền sử dụng do đơn vị cung cấp chịu trách nhiệm **[H09.09.04.02]**. Thư viện Trường có hơn 20 máy tính được nối mạng Internet đáp ứng yêu cầu tra cứu, truy cập và sử dụng tài liệu online cho người học. Cán bộ giảng viên toàn Trường được cung cấp địa chỉ email mang tên miền riêng ...@skda.edu.vn. **[H09.09.04.03]**.

Trong các phòng học lý thuyết được trang bị 06 máy projector tạo điều kiện thuận lợi, hiệu quả cho công tác giảng dạy và học tập. Thư viện điện tử của Trường được kết nối internet, để truy cập những thông tin cần thiết, khai thác tài liệu phục vụ cho công tác chuyên môn, NCKH, giảng dạy và học tập; gửi, nhận email của các phòng ban, Khoa trong Trường nhằm nâng cao hiệu quả và chất lượng trong công việc. **[H09.09.04.04]**. Nhà trường đã thành lập Ban quản trị trang thông tin điện tử năm 2015, 2016. Ban biên tập Website được giao trách nhiệm xây dựng, cập nhật thông tin về các hoạt động của Nhà trường. Năm 2020, Nhà trường đã kiện toàn Ban biên tập Website, phân công nhiệm vụ thực hiện, trang web đã được cập nhật thông tin kịp thời, phản ánh các hoạt động của Trường. Nhà trường đã ban hành quy chế quản lý, tổ chức hoạt động, sử dụng thư điện tử và trang thông tin điện tử, đáp ứng yêu cầu về quản trị mạng **[H09.09.04.05]**.

Nhà trường có kế hoạch bảo trì, bảo dưỡng, nâng cấp hệ thống công nghệ thông tin **[H09.09.04.06]**. Để thực hiện quản lý hệ thống tin học, Nhà trường giao nhiệm vụ cho bộ phận đầu mối là Phòng HCTH (bộ phận HCQT) và đơn vị chuyên môn phối hợp quản lý với 01 kỹ thuật viên (trình độ trung cấp) và các kỹ thuật viên tại các đơn vị chuyên môn có năng lực chuyên môn hỗ trợ, hướng dẫn cán bộ, người học sử dụng. Để quản lý và khai thác tối đa hiệu quả các trang thiết bị tin học trong các hoạt động dạy học, NCKH và quản lý, tại các phòng máy tính có nội quy sử dụng, sổ sách theo dõi, quản lý và nhật ký sử dụng các trang thiết bị tin học một cách quy chuẩn **[H09.09.04.07]**.

Nhà trường quan tâm đầu tư các phần mềm chống virus, lưu trữ dữ liệu với các công ty bên ngoài giúp bảo đảm an toàn dữ liệu và xử lý các vấn đề phát sinh liên quan đến hệ thống công nghệ thông tin. Năm 2017, theo ghi nhận của *Báo cáo đánh giá ngoài* Trường Đại học SKĐAHN do Trung tâm KĐCLGD - ĐHQGHN kiểm định, Trường có đầu tư sửa chữa nâng cấp hệ thống máy chủ, máy trạm và trang bị thêm một số phần mềm mới; kinh phí đầu tư khoảng 400 triệu đồng/năm **[H09.09.04.08]**. Bên cạnh đó, việc tập huấn công nghệ thông tin cho cán bộ cũng được tổ chức thường xuyên **[H09.09.04.09]**. Tuy nhiên, do số lượng người dùng lớn, khối lượng và số lượng các hoạt động nhiều, nên có lúc việc truy cập vào internet bị chậm. Năm 2016, Nhà trường đã lấy ý kiến phản hồi của người học và các bên liên quan về mức độ đáp ứng nhu cầu về đào tạo và nghiên cứu của hệ thống công nghệ thông tin. Kết quả phản hồi cho thấy giảng viên, người

học cơ bản hài lòng về mức độ đáp ứng của hệ thống công nghệ thông tin của Nhà trường [**H09.09.04.10**].

Năm học 2020-2021 nhằm bảo đảm an toàn cho SV trước những diễn biến phức tạp của dịch Covid-19, Nhà trường đã thực hiện chuyển từ hình thức học tập trung sang trực tuyến. Ban Giám hiệu Nhà trường đã triển khai kế hoạch giảng dạy mới theo yêu cầu của Bộ GD & ĐT. Nhà trường ban hành nhiều văn bản hướng dẫn cách sử dụng phần mềm dạy học trực tuyến để giảng viên, SV, học viên cập nhật. GV của Trường đã được tập huấn và thực hiện hoạt động giảng dạy trực tuyến thông qua phần mềm Zoom. Khoa CNĐATH đã xây dựng kế hoạch học tập phục vụ tốt việc dạy học online. Sinh viên chuyên ngành ÂTĐATH có thể làm các bài tập trực tuyến theo sự hướng dẫn của giảng viên, khoá học tốt nghiệp năm 2021 đã được thực hiện bảo đảm đúng quy định [**H09.09.04.11**].

Mặc dù đã được đầu tư về CSVC cho việc đào tạo, tuy nhiên các thiết bị như tivi tại khu phòng học Nhà C đã quá cũ, quá nhỏ và không đáp ứng đủ điều kiện tái hiện hình ảnh (đặc thù cần chất lượng khá của SV học về ÂTĐATH và Dựng Phim ĐATH). Đặc biệt, CSVC không đáp ứng được khi lớp ghép 40 SV vì những SV ngồi từ nửa lớp về cuối không nhìn rõ hình ảnh, không đủ thiết bị hoặc thiết bị hỏng hóc, lỗi thời. Máy tính tại phòng dựng cần có cấu hình cao để đáp ứng việc học của chuyên ngành Âm Thanh ĐATH.

2. Điểm mạnh

Các hoạt động giảng dạy, học tập, NCKH và quản lý của Nhà trường được tin học hóa sử dụng hệ thống thông tin điện tử. Hệ thống công nghệ thông tin (máy chủ, máy tính tại các phòng chức năng, hệ thống wifi) được chú trọng đầu tư và nâng cấp.

3. Điểm tồn tại

Việc áp dụng CNTT trong quản lý đào tạo, thư viện, trong lưu trữ,... còn hạn chế. Đôi khi, tín hiệu mạng wifi tại một số vị trí trong Nhà trường còn yếu và không ổn định. Việc bảo dưỡng, nâng cấp các máy tính tất cả các phòng dựng phim (một môn học thực hành rất quan trọng của SV ÂTĐATH và Dựng Phim ĐATH) chưa thường xuyên. Việc khảo sát ý kiến của các bên liên quan học về tính hiệu quả sử dụng của các thiết bị trong giảng dạy /học tập, NCKH, quản lý chưa được thực hiện định kỳ.

4. Kế hoạch hành động

Phát huy điểm mạnh: Từ năm học 2022 - 2023, P.HCTH thực hiện bảo dưỡng định kỳ các trang thiết bị sẵn có để bảo đảm hoạt động tốt, đáp ứng nhu cầu sử dụng.

Khắc phục tồn tại: Từ năm học 2022 - 2023, P.HCTH tăng cường công tác quản lý trang thiết bị theo đúng chức năng nhiệm vụ của các đơn vị. Định kỳ 02 năm một lần thực hiện khảo sát sự hài lòng về chất lượng của hệ thống các phòng

học và phòng thực hành, hệ thống thiết bị. Đầu tư nâng cấp hệ thống máy tính để hỗ trợ giảng dạy nâng cao đối với chuyên ngành đào tạo ÂTĐATH.

5. *Tự đánh giá:* Tiêu chí đạt (mức 5/7).

Tiêu chí 9.5: Các tiêu chuẩn về môi trường, sức khỏe, an toàn được xác định và triển khai có lưu ý đến nhu cầu đặc thù của người khuyết tật.

1. Mô tả hiện trạng

Trường ĐHSKĐAHN xác định việc xây dựng môi trường giáo dục an toàn, lành mạnh, thân thiện là trách nhiệm của toàn thể cán bộ công chức viên chức, người lao động, người học trong Trường. Nhà trường luôn bám sát các quy định hiện hành của Nhà nước về môi trường, sức khỏe, an toàn và triển khai thực hiện bằng những hành động cụ thể **[H09.09.05.01]**.

Về môi trường, Trường ĐHSKĐAHN luôn quan tâm xây dựng cảnh quan và môi trường học tập, làm việc nhằm thiết lập đến việc xây dựng môi trường lành mạnh, thúc đẩy phát triển sức khỏe và an toàn cho CBGV và người học của Nhà trường. Do đặc thù đào tạo của Nhà trường, trong quy chế tuyển sinh không có người khuyết tật. Nhà trường có khuôn viên được trồng cây xanh, trồng hoa, có hồ nước thả hoa súng tạo nên một khuôn viên học tập lý tưởng cho người học (Khu thủy đình) **[H09.09.05.02]**. Để tạo thuận lợi cho cán bộ, GV và NH trong quá trình làm việc, học tập cũng như khách đến liên hệ công tác, Trường có sơ đồ chỉ dẫn đến các khu làm việc, phòng học, phòng thực hành. Gắn biển “cấm hút thuốc”; treo panô, áp phích về xây dựng môi trường không khói thuốc ở các vị trí dễ quan sát trong Nhà trường **[H09.09.05.03]**.

Bên cạnh đó, Nhà trường ký hợp đồng với công ty vệ sinh môi trường làm việc hằng ngày để bảo đảm vệ sinh các phòng học, các khu giảng đường trong khuôn viên toàn Trường. **[H09.09.05.04]**. Ngoài ra, Nhà trường đã tổ chức kiểm tra về công tác nước sạch và vệ sinh môi trường **[H09.09.05.05]**.

Hằng năm, để phòng chống dịch bệnh, Nhà trường đều tiến hành công tác phun thuốc phòng dịch. Năm 2020, khi xuất hiện dịch bệnh Covid 19, Nhà trường đã khẩn trương thực hiện các biện pháp phòng chống dịch theo quy định của Chính phủ **[H09.09.05.06]**. Nhà trường có phòng y tế riêng, với một cán bộ y tế phụ trách, theo dõi tình hình sức khỏe cho sinh viên và CB, NV, GV phối hợp thường xuyên với các bệnh viện để thực hiện định kỳ khám sức khỏe và bảo đảm công tác khám chữa bệnh ban đầu cho CB, NV, GV và NH **[H09.09.05.07]**. Hằng năm, Nhà trường tổ chức khám sức khỏe cho sinh viên năm nhất; cung cấp dịch vụ bảo hiểm y tế cho sinh viên **[H09.09.05.08]**.

Nhà trường có tường rào bao quanh, cách ly với khu dân cư. Bên cạnh đó, Trường đã phối hợp có hiệu quả với các đơn vị chức năng của công an quận Cầu Giấy tổ chức hội nghị triển khai công tác bảo vệ, an toàn cơ quan, tập huấn nghiệp

vụ cũng như các phương án bảo vệ chính trị nội bộ, phòng cháy chữa cháy cho cán bộ viên chức, nhân viên. Để nâng cao tinh thần cảnh giác, bảo vệ tài sản cơ quan và mỗi cá nhân. Hằng năm, Trường tổ chức cam kết thi đua giữa các phòng, khoa và các lớp SV. Trường thông báo về các quy định an toàn khi nghỉ lễ, tết và có quy định về việc tiết kiệm điện, nước. **[H09.09.05.09].**

Nhà trường tổ chức Hội thảo về xây dựng văn hóa ứng xử trong Trường để góp phần nâng cao ý thức xây dựng môi trường, sức khỏe, an toàn **[H09.09.05.10].**

Công tác phòng chống bão lụt, phòng cháy - chữa cháy của Nhà trường luôn được bảo đảm và thực hiện triệt để trong khuôn viên toàn Trường. Nhà trường có thành lập Ban chỉ huy phòng chống bão lụt, cháy nổ **[H09.09.05.11];** điều động sinh viên tham gia phòng chống bão lụt, cháy nổ Tất cả các tòa nhà đều được bố trí hệ thống phòng cháy chữa cháy. Mọi hoạt động phòng cháy, chữa cháy, cứu hộ, cứu nạn trước hết phải được thực hiện bằng lực lượng và phương tiện tại chỗ. Nhà trường sẵn sàng lực lượng, phương tiện, phương án và các điều kiện để ứng phó kịp thời khi có cháy nổ để hạn chế thấp nhất các hậu quả về người và tài sản. **[H09.09.05.12].**

Công tác bảo đảm an ninh, trật tự an toàn xã hội trong Trường học được ban giám hiệu quan tâm. Nhà trường có bộ phận Bảo vệ thường xuyên được bồi dưỡng về nghiệp vụ, chuyên môn để bảo vệ trật tự, an toàn, an ninh cho Nhà trường. Bộ phận này thường xuyên được cung cấp thông tin về tình hình trật tự, an ninh của địa phương nơi Trường đóng qua hội nghị tổng kết công tác an ninh cụm. Nhà trường có các quy định rõ ràng, cụ thể về chức năng, nhiệm vụ của Phòng Bảo vệ **[H09.09.05.13].** Nhân viên bảo vệ được trang bị phương tiện và trang phục đáp ứng yêu cầu của công việc. Đội ngũ chuyên trách bảo vệ làm việc theo đúng quy định và yêu cầu của Trường, thường trực 24/24 giờ trong ngày. Bên cạnh đó, Trường còn lắp đặt hệ thống camera bảo vệ tại các điểm trọng yếu trong khuôn viên Trường và các phòng học. Công tác bảo vệ trật tự, an toàn, an ninh được lên kế hoạch rõ ràng **[H09.09.05.14].**

Nhà trường xây dựng các quy định, nội quy giảng đường, phòng thực hành, nhà xe, hội Trường và quy định về việc đeo thẻ cho cán bộ, giảng viên, người học thống nhất thực hiện trong toàn Trường **[H09.09.05.15].** Giai đoạn 2015-2021, Nhà trường chưa nhận được phản hồi nào không tích cực về các công tác kể trên.

2. Điểm mạnh

Trường quan tâm đến công tác vệ sinh môi trường, sức khỏe, an toàn cho cán bộ và sinh viên; có phòng y tế độc lập phục vụ tốt nhu cầu y tế của cán bộ và sinh viên.

3. Điểm tồn tại

Nhà trường chưa định kỳ tổ chức khảo sát lấy ý kiến phản hồi GV, CBVC,

người lao động, NH về công tác bảo vệ, trật tự, an ninh và PCCC để có những điều chỉnh, bổ sung các chủ trương quy định của công tác này phù hợp với thực tiễn. Việc khuyến khích các hoạt động thể thao, rèn luyện sức khỏe cho SV và cán bộ (thực hiện ngay trong khuôn viên của Trường) còn hạn chế vì trang thiết bị về thể thao và khu nhà tập sử dụng chung với các Trường thuộc khối VHNT.

4. Kế hoạch hành động

Phát huy điểm mạnh: Từ năm học 2022 - 2023, Trường tiếp tục xây dựng, triển khai kế hoạch tuyên truyền, phổ biến nội quy bảo vệ cơ quan, các phương án PCCC cũng như trách nhiệm của các bộ phận chức năng trong công tác bảo vệ trật tự, an toàn, an ninh trong khuôn viên đơn vị cho GV, CBVC, người lao động, người học. Đẩy mạnh hơn nữa công tác vệ sinh môi trường, sức khỏe và an toàn.

Khắc phục tồn tại: Từ năm học 2022 - 2023, Trường Quy hoạch khu nhà B với khuôn viên hợp lý bảo đảm hơn các tiêu chuẩn về môi trường, sức khỏe, an toàn.

Tự đánh giá: Tiêu chuẩn đạt (mức 5/7).

Kết luận về Tiêu chuẩn 9

Điểm mạnh nổi bật: Trường ĐHSKĐAHN có hệ thống phòng làm việc, phòng học và các phòng chức năng với các trang thiết bị phù hợp để hỗ trợ các hoạt động đào tạo và nghiên cứu. Thư viện và các nguồn học liệu phù hợp và được cập nhật để hỗ trợ các hoạt động đào tạo và nghiên cứu cho các ngành; phòng thực hành được trang bị hiện đại để hỗ trợ các hoạt động đào tạo và nghiên cứu; hệ thống công nghệ thông tin đã và đang phát huy hiệu quả để hỗ trợ các hoạt động đào tạo và nghiên cứu. Tiêu chuẩn về môi trường, sức khỏe, an toàn đạt yêu cầu của CB, GV và NH của Trường.

Điểm tồn tại cơ bản: Thiết bị cho chuyên ngành ÂTDATH vẫn chậm cập nhật với sự phát triển của thế giới, tài liệu với chuyên ngành ÂTDATH còn hạn chế và chưa được cập nhật thường xuyên; chưa có phòng học hiện đại theo tiêu chuẩn quốc tế.

Kết quả đánh giá về tiêu chuẩn 9: Tiêu chuẩn 9 có 5 tiêu chí đạt, trong đó cả 5 tiêu chí đạt mức 5/7 điểm.

Tiêu chuẩn 10: Nâng cao chất lượng

Mở đầu

Chất lượng đào tạo là một nội dung cơ bản thể hiện uy tín và quyết định sự tồn tại, phát triển nền giáo dục của một cơ sở đào tạo. Do đó, để bảo đảm SV đạt được chuẩn đầu ra (CDR) chuyên ngành ÂTDATH, đáp ứng nhu cầu của xã hội và nhà tuyển dụng, Trường ĐHSKĐAHN nói chung và Khoa CNĐATH

nói riêng đã và đang thực hiện các quy trình quản lý nâng cao chất lượng một cách chặt chẽ và có hệ thống, từ việc thu nhận thông tin phản hồi và nhu cầu của các bên liên quan (giảng viên, người học, cựu SV, nhà tuyển dụng) để thiết kế và phát triển chương trình dạy học (CTDH) đến việc bảo đảm chất lượng trong kiểm tra, đánh giá, áp dụng các kết quả nghiên cứu khoa học để cải tiến việc dạy và học cũng như đáp ứng các dịch vụ hỗ trợ và tiện ích, tạo cơ chế phản hồi cho các bên liên quan.

Tiêu chí 10.1: Thông tin phản hồi và nhu cầu của các bên liên quan được sử dụng làm căn cứ để thiết kế và phát triển chương trình

1. Mô tả hiện trạng

Để có CTĐT đáp ứng nhu cầu của xã hội, bảo đảm tính hội nhập quốc tế, phù hợp với điều kiện của Nhà trường về cơ sở vật chất và đội ngũ, và khả năng làm việc của SV sau khi tốt nghiệp đồng thời bảo đảm sự liên thông giữa các ngành và giữa các bậc đại học, năm học 2018-2019, Nhà trường tiến hành rà soát, điều chỉnh CTĐT của tất cả các Khoa/ trung tâm đào tạo, trong đó có Khoa CNĐATH [H10.10.01.01]. Bên cạnh đó, năm học 2019-2020, để thực hiện chương trình đào tạo tài năng, Khoa đã tổ chức hội thảo lấy ý kiến của các bên liên quan để bổ sung, phát triển CTĐT chuyên ngành ÂTĐATH [H10.10.01.02].

Việc rà soát, điều chỉnh CTĐT, CTDH, CDR được thực hiện theo quy trình cụ thể theo các hướng dẫn của Bộ GD & ĐT, văn bản hướng dẫn rà soát và điều chỉnh chương trình đào tạo của Trường ĐHSKĐAHN [H10.10.01.03]. Năm 2016, thực hiện công tác kiểm định CLGD Trường cũng như Khoa CNĐATH đã xây dựng được hệ thống thu thập thông tin phản hồi từ các bên liên quan (gồm chuyên gia, cán bộ quản lý, GV, nghiên cứu viên, nhân viên, người học, đại diện của các tổ chức xã hội - nghề nghiệp, nhà sử dụng lao động và người học đã tốt nghiệp) [H10.10.01.04].

Để việc khảo sát được hiệu quả, Khoa đã xây dựng quy trình, lập kế hoạch thực hiện, phân công nhiệm vụ cho cán bộ thực hiện khảo sát, thu thập thông tin liên quan đến việc xây dựng và phát triển CTĐT [H10.10.01.05]. Hoạt động khảo sát chưa được tổ chức định kỳ hằng năm, cũng như việc Khoa chưa tổ chức lấy ý kiến phản hồi từ SV tốt nghiệp sau mỗi khóa học về chất lượng CTĐT chuyên ngành ÂTĐATH.

Hiện nay, công tác khảo sát người học về hoạt động giảng dạy của giảng viên đang được Nhà trường tiến hành thường xuyên, các ý kiến của người học được Nhà trường/ Khoa xem xét điều chỉnh CTDH. Thông qua các đợt khảo sát lấy ý kiến phản hồi của SV về hoạt động giảng dạy của GV, tổng hợp số liệu ý kiến người học về hoạt động giảng dạy của GV, Khoa thực hiện thảo luận về điểm mạnh, điểm tồn tại và các biện pháp khắc phục và lập kế hoạch nâng cao chất lượng hoạt động GD của GV. Các kết quả đánh giá này được gửi đến tài khoản cá

nhân của GV để họ nắm tình hình đánh giá của SV, trên cơ sở đó, GV tự rút kinh nghiệm, điều chỉnh hoạt động cá nhân. **[H10.10.01.06]**. Nhà trường tổ chức kiểm tra việc đào tạo của Khoa trong đó có nội dung về điều chỉnh của giảng viên sau khi nhận được phản hồi của người học. **[H10.10.01.07]**. Trường đang xây dựng dự thảo quy định/quy trình về công tác lấy ý kiến phản hồi của các bên liên quan.

2. Điểm mạnh

Thông tin phản hồi và nhu cầu của các bên liên quan (sinh viên, cựu sinh viên, người sử dụng lao động, giảng viên, nhà quản lý) đã được tiến hành qua hình thức bảng câu hỏi khảo sát và phỏng vấn để làm cơ sở thiết kế và phát triển chương trình, đồng thời Khoa CNDATH thực hiện rà soát CTĐT theo phản hồi trực tiếp của người học được thực hiện hằng năm.

3. Điểm tồn tại

Công tác lấy ý kiến phản hồi các bên liên quan về CTĐT chưa được thực hiện thường xuyên, định kỳ. Nhà trường và Khoa tuy đã có mối quan hệ hợp tác với các doanh nghiệp, đơn vị sử dụng lao động trong công tác đào tạo nguồn nhân lực đáp ứng nhu cầu của nhà tuyển dụng, song việc ký kết, ghi nhớ thường xuyên đối với các nhà tuyển dụng về hoạt động khảo sát chuyên ngành ÂTĐATH còn hạn chế.

4. Kế hoạch hành động

Phát huy điểm mạnh: Từ năm học 2022 - 2023, Trường giao cho Khoa CNDATH quy định bài bản hơn đối với việc lưu trữ thông tin về người học, cựu sinh viên, các nhà sử dụng lao động để xây dựng nguồn dữ liệu đối tượng khảo sát phong phú hơn, đồng thời quy định trách nhiệm đối với từng thành viên trong Khoa về việc lưu trữ và phát triển cơ sở dữ liệu nói trên.

Khắc phục tồn tại: Từ năm học 2022 - 2023, Trường giao cho Khoa CNDATH phối hợp với P. ĐT QLKH & HTQT hoàn thiện dự thảo quy định (trong đó có quy trình) về công tác lấy ý kiến phản hồi của các bên liên quan; lập kế hoạch định kỳ rà soát CTĐT (2 năm/ lần) để thu thập thông tin phản hồi và nhu cầu của các bên liên quan làm căn cứ để rà soát, thiết kế, điều chỉnh và phát triển chương trình. Nghiên cứu triển khai cách thức lấy ý kiến phản hồi theo hình thức online.

5. Tự đánh giá: Tiêu chí đạt (mức 4/7).

Tiêu chí 10.2: Việc thiết kế và phát triển chương trình dạy học được thiết lập, được đánh giá và cải tiến

1. Mô tả hiện trạng

Chương trình dạy học (CTDH) là cốt lõi của CTĐT. CTDH của một CTĐT ở một trình độ cụ thể bao gồm: Mục tiêu chung, mục tiêu cụ thể và CDR của mỗi học phần; nội dung đào tạo, phương pháp đánh giá, thời lượng của CTĐT và mỗi

học phần. CTĐT chuyên ngành ÂTĐATH được thiết kế theo 3 khối: kiến thức cơ bản, kiến thức cơ sở ngành; kiến thức chuyên ngành, và được sắp xếp theo 2 phần: học kỳ chung với các chuyên ngành và học kỳ đặc thù từng chuyên ngành. Trường/ Khoa thực hiện quy trình xây dựng và phát triển CTĐT theo quy định của Bộ GD&ĐT, thể hiện rõ cấu trúc, khối lượng, kiến thức và CDR cần đạt được của người học **[H10.10.02.01]**. Nhà trường giao cho Phòng Đào tạo, quản lý KH & HTQT là đầu mối tổ chức chỉ đạo các Khoa việc thực hiện xây dựng và phát triển CTĐT **[H10.10.02.02]**. Khoa là đơn vị trực tiếp xây dựng, thiết kế và phát triển CTĐT theo hướng dẫn. Việc thiết kế và phát triển CTDH được tuân thủ theo quy trình chặt chẽ, logic từ việc xác định mục tiêu, CDR đến việc tổ chức thực hiện, đánh giá **[H10.10.02.03]**. CTĐT trình độ đại học chuyên ngành Âm thanh ĐA - TH được thiết kế dựa vào ý kiến đóng góp của các bên liên quan. Căn cứ vào các CDR được ban hành trước năm 2015. Năm 2017, sau đánh giá ngoài Nhà trường đã triển khai rà soát, điều chỉnh CTĐT, năm 2018 hoạt động này được thực hiện trong toàn Trường, như vậy định kỳ 02 năm một lần, CTĐT trình độ đại học chuyên ngành ÂTĐATH được điều chỉnh, cập nhật **[H10.10.02.04]**. Việc xây dựng đề cương chi tiết các học phần mới điều chỉnh, sửa chữa, cập nhật được thực hiện theo văn bản hướng dẫn Nhà trường ban hành **[H10.10.02.05]**; Bộ môn phụ trách xây dựng đề cương chi tiết theo hướng dẫn; Hội đồng KHĐT của Khoa, Trường họp và thông qua đề cương chi tiết các học phần. Nội dung được cải tiến chủ yếu hướng vào việc đạt được CDR CTĐT **[H10.10.02.06]**. Quá trình rà soát, điều chỉnh ĐCCT và CTDH có sự đóng ý kiến của các chuyên gia và các bên liên quan, Nhà trường lấy ý kiến của toàn thể các đơn vị trong Trường đối với CTĐT đã được điều chỉnh trước khi ban hành, có quyết định ban hành rõ ràng **[H10.10.02.07]**. Việc rà soát, đánh giá CTDH được thực hiện nghiêm túc nhằm bảo đảm chất lượng dạy và học.

2. Điểm mạnh

Việc thiết kế và phát triển CTDH được thiết lập trên cơ sở mục tiêu đào tạo rõ ràng. CTDH được xây dựng và triển khai một cách khoa học, hiệu quả, được đánh giá, cải tiến thông qua khảo sát ý kiến của các bên liên quan.

3. Điểm tồn tại

Hoạt động cải tiến chất lượng, các hướng phát triển chương trình, đối sánh trong nước, quốc tế chưa được thực hiện thường xuyên đối với chuyên ngành Âm thanh ĐA - TH. Chưa định kỳ tiến hành rà soát và đánh giá, cải tiến quy trình thiết kế và phát triển CTDH; việc lấy ý kiến phản hồi của giảng viên và các bên liên quan về quy trình thiết kế và phát triển CTDH.

4. Kế hoạch hành động

Phát huy điểm mạnh: Từ năm học 2022-2023, định kỳ 2 năm một lần, Khoa phối hợp với Phòng Đào tạo, QLKH & HTQT, phòng CTHSSV thực hiện việc thu

thập ý kiến phản hồi từ GV, SV, cựu SV và nhà tuyển dụng về quy trình thiết kế, đánh giá và cải tiến CTDH nhằm giúp SV đạt được CDR của CTĐT chuyên ngành ÂTĐATH.

Khắc phục tồn tại: Từ năm học 2022 - 2023, Khoa CNĐATH tiếp tục khảo sát các bên liên quan để có nhiều góp ý hơn cho việc thiết kế và phát triển CTĐT chuyên sâu của chuyên ngành ÂTĐATH. Xây dựng kế hoạch và hoàn thành công tác rà soát, phát triển CTĐT của đơn vị mình ngay cả trong điều kiện học trực tuyến.

5. Tự đánh giá: Tiêu chí đạt (mức 4/7).

Tiêu chí 10.3: Quá trình dạy và học, việc đánh giá kết quả học tập của người học được rà soát và đánh giá thường xuyên để đảm bảo sự tương thích và phù hợp với chuẩn đầu ra

1. Mô tả hiện trạng

Việc kiểm tra đánh giá kết quả học tập của SV được quy định chặt chẽ trong “*Quy định về công tác khảo thí của Trường ĐHSKĐAHN*” và Quy chế đào tạo của Trường ĐHSKĐAHN [H10.10.03.01]; trong đó quy định về quy trình kiểm tra phù hợp với CDR, cũng như các tiêu chí để đánh giá kết quả đạt được của người học. Hằng năm, Phòng KT&ĐBCLGD của Nhà trường làm nhiệm vụ tiếp nhận ngân hàng câu hỏi thi, đề thi, yêu cầu các Khoa trong toàn Trường rà soát, cập nhật, xây dựng câu hỏi thi, đề thi bảo đảm chất lượng đào tạo [H10.10.03.02].

Bên cạnh đó, để làm tốt công tác đánh giá kết quả học tập của chuyên ngành ÂTĐATH, Khoa CNĐATH cũng đề ra quy trình đánh giá học phần [H10.10.03.03] dựa trên mẫu phiếu đánh giá học phần đối với đánh giá cuối kỳ [H10.10.03.04]. Các hình thức kiểm tra đánh giá đều có bảng tiêu chí đánh giá và thang điểm cụ thể. Giảng viên sẽ dựa vào những tiêu chí trong các mẫu để đánh giá SV một cách khách quan, minh bạch. Ngoài ra, đề cương học phần cũng chỉ rõ hình thức, thời gian (theo từng tuần trong một học kỳ) và trọng số của hình thức kiểm tra đánh giá cho từng lần kiểm tra đánh giá cụ thể của từng học phần. Các lần kiểm tra đánh giá trong một học kỳ bao gồm: tham dự giờ học, đánh giá thường xuyên, đánh giá giữa kỳ và đánh giá cuối kỳ [H10.10.03.05]. Kết quả thu được cho thấy chất lượng giảng dạy cũng như quy trình đánh giá kết quả học tập được SV đánh giá cao. Ngoài ra, SV có thể phản hồi và cập nhật thường xuyên ý kiến về chất lượng giảng dạy cũng như các hoạt động khác liên quan tới việc đánh giá kết quả học tập thông qua hoạt động lấy kiến phản hồi của người học đối với hoạt động giảng dạy của giảng viên do Phòng KT & ĐBCLGD của Nhà trường phối hợp với Khoa thực hiện hằng năm. 100% các học phần trong CTĐT trình độ đại học chuyên ngành ÂTĐATH đều được lấy ý kiến [H10.10.03.06]. Sau khi thu thập đủ dữ liệu và đưa ra phân tích tất cả các ý kiến phản hồi từ người học và người dạy, Nhà trường, Khoa và bộ môn sẽ có báo cáo tổng thể ở các cuộc họp

cấp Trường cũng như cấp bộ môn; qua đó giảng viên xác định được những điểm mạnh và những mặt còn tồn tại cần khắc phục. Kết quả phản hồi của người học về hoạt động giảng dạy của GV được công khai trên trang Web của Nhà trường. Bên cạnh đó, Nhà trường tổ chức kiểm tra hoạt động đào tạo của Khoa CNĐATH với các nội dung như: Kế hoạch học tập, hình thức thi, đề thi, giáo án, giáo trình của giảng viên hồ sơ giảng viên chủ nhiệm, các văn bản ghi chép họp lớp, trong đó có công tác chủ nhiệm, lý lịch Khoa học của giảng viên. Hoạt động kiểm tra này giúp Nhà trường nắm được tình hình dạy học, công tác NCKH, công tác phát triển và chuyển đổi CTĐT để điều chỉnh kịp thời **[H10.10.03.07]**.

Đầu mỗi năm học, giảng viên của Khoa đều xây dựng kế hoạch giảng dạy và gửi về P. KT & ĐBCLGD, phòng dựa trên kế hoạch để giám sát, kiểm tra tiến độ. Một kênh truyền thống khác để theo dõi khối lượng giờ dạy của giảng viên là sổ đầu bài **[H10.10.03.08]**. Sổ ghi chép này còn là một công cụ quan trọng để Bộ môn và Khoa giám sát nội dung giảng dạy của tất cả các học phần. Cuối mỗi học kỳ, căn cứ trên những thông tin (về thời gian, nội dung và tình hình lớp học) được ghi trong sổ, Bộ môn và Khoa so sánh tình hình giảng dạy thực tế của từng học phần với kế hoạch đã được thiết kế trong đề cương, từ đó có những nhắc nhở và biện pháp xử lý kịp thời.

2. Điểm mạnh

Quá trình dạy-học và đánh giá kết quả học tập của người học được rà soát và đánh giá thường xuyên dựa trên những quy định, quy trình chặt chẽ có hệ thống từ cấp Trường đến từng bộ môn. Các ý kiến phản hồi được thu thập và tổng hợp một cách khách quan, trung thực, minh bạch nhằm đưa ra những điểm mạnh, điểm tồn tại để tìm hướng cải tiến, bảo đảm sự tương thích và phù hợp với CĐR. Các hình thức kiểm tra đánh giá đa dạng, linh hoạt, phù hợp với đặc thù của việc đào tạo cử nhân chuyên ngành ÂTĐATH. Việc đánh giá chất lượng dạy và học, các cơ chế phát huy tính chủ động, sáng tạo của cả GV và NH góp phần nâng cao chất lượng đào tạo của ngành.

3. Điểm tồn tại

Việc đánh giá chất lượng giảng dạy của giảng viên chưa được mở rộng mà mới chỉ dựa vào ý kiến đánh giá của SV là chủ yếu. Phòng KT & ĐBCLGD chưa thực hiện thống kê tỷ lệ điểm và trả kết quả kiểm tra - thi để có sự đối sánh về chất lượng giảng dạy, qua đó kịp thời điều chỉnh đề kiểm tra-thi. Chưa thực hiện đầy đủ các phân tích cũng như hệ thống hóa các thông tin ở các kênh giám sát một cách hiệu quả; việc lấy ý kiến đánh giá chất lượng giảng dạy mới chỉ dựa vào SV, chưa có sự trao đổi chủ động giữa GV với GV.

4. Kế hoạch hành động

Phát huy điểm mạnh: Từ năm học 2022 - 2023, Khoa CNĐATH tiếp tục

bám sát các quy định, quy trình để thực hiện tốt hơn nữa việc đánh giá quá trình dạy và học; việc đánh giá kết quả học tập của người học nhằm bảo đảm sự tương thích và phù hợp với chuẩn đầu ra.

Khắc phục tồn tại: Từ năm học 2022 - 2023, Nhà trường và Khoa CNĐATH mở rộng việc lấy ý kiến đánh giá về chất lượng giảng dạy của giảng viên như lấy ý kiến đánh giá từ đồng nghiệp, giáo viên chủ nhiệm, chủ nhiệm bộ môn thông qua các hoạt động dự giờ, thăm lớp để hoạt động đánh giá chất lượng giảng dạy của giảng viên được thực chất hơn; đồng thời nghiên cứu xây dựng quy trình thống kê tỷ lệ điểm và trả kết quả kiểm tra - thi để có sự điều chỉnh kịp thời về chất lượng đề thi.

5. *Tự đánh giá:* Tiêu chí đạt (mức 4/7).

Tiêu chí 10.4: Các kết quả nghiên cứu khoa học được sử dụng để cải tiến việc dạy và học

1. *Mô tả hiện trạng*

Trường ĐHSKĐAHN là trường đại học đào tạo nghệ thuật, do đó hoạt động nghiên cứu khoa học có đặt thù riêng, như việc dựng vở diễn, làm một bộ phim, một chương trình truyền hình... và kinh nghiệm tích lũy được từ các hoạt động này được coi là một trong những hoạt động mũi nhọn trong việc nâng cao chất lượng dạy và học của Nhà trường [H10.10.04.01]. Hằng năm, GV và SV của Khoa tiến hành các hoạt động nghề nghiệp cụ thể để tạo ra sản phẩm công nghệ ĐATH, đây được coi là hình thức nghiên cứu đề tài Khoa học, giúp GV, SV không những bổ sung thường xuyên và chuyên sâu kiến thức mà còn có thể sử dụng những nghiên cứu đó để phục vụ thiết thực cho việc dạy-học [H10.10.04.02].

Khoa CNĐATH có các đề tài NCKH liên quan đến việc dạy và học, đó là một danh sách những tác phẩm đạt giải thưởng, công bố trên các phương tiện truyền thông của GV Khoa CNĐATH. [H10.10.04.03], [H10.10.04.04].

Kết quả NCKH được áp dụng/chuyển tải thành nội dung/chuyên đề giảng dạy trong CTDH được thực hiện bởi nhiều hình thức [H10.10.04.05]. Về chủ quan, những tác phẩm đạt giải hay những đánh giá của dư luận về khả năng nghề của GV - có dấu ấn đóng góp của GV Khoa CNĐATH sẽ là minh họa thuyết phục nhất cho SV ví dụ bài báo viết về cô Hoàng Thị Thu Thủy, thầy Bành Bắc Hải về nghiệp vụ sản xuất âm thanh phim... [H10.10.04.06]. Nhà trường có quy định và văn bản hướng dẫn việc hỗ trợ hay công nhận đề tài có chất lượng tốt để phục vụ việc dạy-học [H10.10.04.07]. Ngoài ra, Nhà trường tổ chức hội nghị, hội thảo khoa học với những đề tài nghiên cứu thiết thực trong giảng dạy nhằm khơi dậy tinh thần hăng say làm khoa học của GV và người học trong toàn Trường [H10.10.04.08].

Việc sử dụng các kết quả NCKH để cải tiến hoạt động giảng dạy của giảng

viên và hoạt động học tập của người học được thể hiện đa dạng, tùy theo yêu cầu nội dung bài học, ví dụ qua việc tổng kết kinh nghiệm từ việc xử lý âm thanh, các giảng viên đạt giải thưởng sẽ dùng chính những nội dung mình đạt giải để làm ví dụ cho bài giảng của mình, các sinh viên đánh giá, phân tích những bộ phim đó về các mặt nội dung, hình thức phim, kỹ thuật âm thanh, nghệ thuật chuyển tải âm thanh.... để nâng cao nhận thức cũng như kỹ năng làm nghề của mình. Các bài viết được đăng tải trên tạp chí của Nhà trường và nhiều tạp chí, báo khác **[H10.10.04.09]**. Hằng năm, GV Khoa CNDATH luôn tích cực tham gia các hoạt động trao đổi học thuật nhằm nâng cao tinh thần học hỏi, giao lưu giữa các GV cũng như người học trong toàn Khoa với những GV, chuyên gia từ nhiều nước trên thế giới **[H10.10.04.10]**. Công tác xuất bản sách, giáo trình phục vụ học tập cũng được GV đặc biệt quan tâm. Năm 2010, Khoa CNDATH đã có 1 giáo trình được xuất bản của ThS Nguyễn Đình Nin; 2 cuốn sách *Âm thanh lập thể - Nguyên lý và công nghệ*, *Công nghệ âm thanh số*, tác giả Trần Công Chí... Những giáo trình, sách này là tâm huyết của các GV Khoa CNDATH nhằm mang lại cho người học những tài liệu học có sự đầu tư chính chu về mặt chất lượng, đây là những cuốn sách “gối đầu giường” của những người làm nghề. Cuốn sách không chỉ đáp ứng được vấn đề thiếu giáo trình chuyên sâu trong chương trình giảng dạy của Khoa CNDATH mà còn phù hợp với môi trường giảng dạy của Khoa, từ đó mang lại sự tiếp cận dễ dàng hơn cho SV đối với một môn học khó.

Ngoài ra, sau những giải thưởng được ghi nhận, các GV được Nhà trường vinh danh tại các Hội nghị của Trường (ngày 20-11; 17-12; 15-3...) các GV chia sẻ những kinh nghiệm làm nghề cho SV, đây có thể nói là tác động rất tích cực đối với việc truyền kiến thức cũng như thuyết phục người học.

Tuy nhiên, Nhà trường mới ban hành quy định về hoạt động NCKH của SV chưa tổ chức đánh giá hiệu quả của quy định gắn với quản lý sản phẩm KHCN đặc thù riêng của từng ngành trong đó có chuyên ngành ÂTDATH.

2. Điểm mạnh

Khoa CNDATH có đội ngũ giảng viên tích cực tham gia các hoạt động nghề nghiệp đặc thù. Trường có cơ chế khuyến khích sự tham gia của GV cũng như SV trong Khoa phát huy tinh thần sáng tạo, say mê nghiên cứu Khoa học / hoạt động nghề nghiệp bên ngoài Nhà trường theo hướng ứng dụng, phục vụ công tác giáo dục và đào tạo chuyên ngành ÂTDATH.

3. Điểm tồn tại

Do đặc thù đào tạo, chuyên ngành ÂTDATH chưa có những đề tài lý luận Khoa học cấp nhà nước; chưa tổ chức thường xuyên hội thảo trong nước và quốc tế theo định kỳ hằng năm để thúc đẩy động lực thực hiện đề tài nghiên cứu khoa học ứng dụng vào thực tiễn dạy-học. Số lượng các công trình nghiên cứu khoa học được công bố trên các tạp chí trong và ngoài nước hầu như không có. Hầu

hết các đề tài nghiên cứu khoa học là những bộ phim, đều gắn kết chặt chẽ với các nhiệm vụ đào tạo và có ý nghĩa thực tiễn là phục vụ cộng đồng.

4. Kế hoạch hành động

Phát huy điểm mạnh: Từ năm học 2022 - 2023, Khoa phối hợp với Nhà trường trong việc tham mưu Bộ VHTTDL về việc tính điểm nghiên cứu khoa học đối với những sản phẩm văn hóa như một bộ phim/ hoặc công đoạn trong một bộ phim. Nhà trường cần tính đến việc thực hiện phân tầng đại học, để triển khai các đề tài NCKH phục vụ công tác đào tạo cũng như hỗ trợ các giảng viên trẻ và SV thực hiện các đề tài NCKH theo hướng ứng dụng (hoặc thực hành).

Khắc phục tồn tại: Từ năm học 2022 - 2023, Trường giao cho Viện SK – ĐA, Khoa CNĐATH tham mưu cho Hiệu trưởng Nhà trường ban hành các văn bản để tổ chức và quản lý tốt, hiệu quả hoạt động KH&CN trong Trường; xây dựng chính sách hỗ trợ cho cán bộ, giảng viên tham dự hội nghị, hội thảo khoa học quốc gia và quốc tế.

5. Tự đánh giá: Tiêu chí đạt (mức 5/7).

Tiêu chí 10.5: Chất lượng các dịch vụ hỗ trợ và tiện ích (tại thư viện, phòng thí nghiệm, hệ thống công nghệ thông tin và các dịch vụ hỗ trợ khác) được đánh giá và cải tiến

1. Mô tả hiện trạng

Trường ĐHSKĐAHN luôn xác định chất lượng các dịch vụ hỗ trợ và tiện ích tại thư viện, phòng thực hành, hệ thống công nghệ thông tin và các dịch vụ hỗ trợ khác có vai trò rất lớn trong việc bảo đảm chất lượng các CTĐT của Nhà trường. Do đó, việc đánh giá và cải tiến các nhân tố này đã được Nhà trường đặc biệt chú trọng thực hiện, góp phần tạo nên văn hóa chất lượng trong công tác hỗ trợ giảng dạy, học tập và NCKH. Nhà trường thực hiện việc đánh giá và cải tiến bằng quy định các đơn vị trong Trường báo cáo trực tiếp tiến độ kế hoạch công tác trong cuộc họp giao ban hằng tháng. Tại cuộc họp này các đơn vị có chức năng hỗ trợ trong toàn Trường sẽ báo cáo kế hoạch cụ thể trong tháng tới, đồng thời ghi nhận sự phản ánh của các đơn vị Khoa/ Trung tâm đào tạo, sau khi thảo luận thống nhất, Hiệu trưởng Nhà trường sẽ kết luận cụ thể từng vấn đề. Từ đó, chất lượng các dịch vụ hỗ trợ và tiện ích của Trường ngày càng được cải tiến **[H10.10.05.01]**.

Khoa CNĐATH có trợ lý đào tạo, đội ngũ giáo viên chủ nhiệm lớp và đội ngũ chuyên viên hỗ trợ vững chuyên môn, nghiệp vụ, nhiệt huyết trong công tác hỗ trợ người học. Để nâng cao chất lượng các dịch vụ và phù hợp với nguyện vọng của cán bộ công nhân viên chức và của người học, Nhà trường và Khoa thường xuyên ghi nhận ý kiến phản hồi thông qua nhiều hội nghị và nhiều kênh khác nhau. SV chuyên ngành ÁTĐATH có thể thực hiện ý kiến phản hồi thông qua Website / facebook của Khoa và thông qua cuộc họp của cán bộ lớp đầu năm,

các cuộc họp với phòng quản lý HSSV, sinh hoạt lớp theo định kỳ hàng tháng, hội nghị đối thoại với lãnh đạo Nhà trường v.v [H10.10.05.02].

Việc đánh giá tình hình sử dụng và khai thác CSVC được theo dõi thông qua sổ theo dõi thường xuyên và kiểm kê tài sản cuối năm [H10.10.05.03]. Căn cứ vào kết quả đánh giá, Nhà trường phân bổ kinh phí hằng năm nâng cao chất lượng cơ sở vật chất và các dịch vụ hỗ trợ. Hằng năm, để toàn Trường được biết và giám sát về kinh phí chi đầu tư xây dựng, sửa chữa, mua sắm trang thiết bị, Nhà trường có báo cáo công khai tài chính tại hội nghị cán bộ, công chức, viên chức [H10.10.05.04].

Trong quá trình sử dụng các trang thiết bị hỗ trợ tại thư viện, phòng thực hành, nếu phát sinh hư hỏng, các cán bộ phụ trách đề nghị Phòng HCTH (bộ phận hành chính quản trị) kiểm tra để có biện pháp sửa chữa hoặc mua mới thay thế phù hợp. Việc sửa chữa, thay thế trang thiết bị được tiến hành kịp thời, bảo đảm hiệu quả sử dụng trong dạy-học phục vụ cho CTĐT. Đặc biệt, các bộ phận phụ trách cơ sở vật chất của Nhà trường cũng thường xuyên rà soát để xử lý các vấn đề phát sinh kịp thời. Căn cứ vào nhu cầu của các đơn vị trong Trường, Nhà trường dự toán kinh phí bảo đảm cho các đơn vị thực hiện nhiệm vụ trong năm. Hằng năm, Nhà trường lập dự toán dự kiến đầu tư trang bị, nâng cấp cho các xưởng thực hành, thực tập của các Khoa để các đơn vị chủ động trong công tác đào tạo như: Cải tạo các phòng thực hành, thực tập, bổ sung, nâng cấp thiết bị cho phù hợp với sự phát triển của Khoa học và ứng dụng công nghệ mới vào công tác giảng dạy, học tập của Nhà trường [H10.10.05.05].

Năm 2015, Nhà trường đã thực hiện khảo sát ý kiến của giảng viên, người học về cơ sở vật chất của Nhà trường. Trong đó, chủ yếu khảo sát mức độ hài lòng của người sử dụng (cán bộ, giảng viên, người học) về các trang thiết bị phục vụ nhu cầu giảng dạy/ học tập và nghiên cứu khoa học của họ, kết quả cho thấy 85% cán bộ, giảng viên nhận xét ở mức độ tốt, 10% đánh giá ở mức khá, 5% đánh giá mức trung bình với ý kiến nhận xét và đề nghị sửa chữa khu nhà B [H10.10.05.06]. Hằng năm, Khoa đề xuất Nhà trường bổ sung, cập nhật cho thư viện vốn tài liệu, sách cần cho việc giảng dạy và học tập, nghiên cứu [H10.10.05.07]. Hiện nay, Nhà trường đang thực hiện chính sách xã hội hoá để đầu tư toàn bộ hệ thống điều hoà cho các phòng học khu nhà C. [H10.10.05.08].

Bên cạnh đó, Nhà trường đã xây dựng quy hoạch tổng thể phát triển Nhà trường năm 2012 đến năm 2020 và tầm nhìn đến năm 2030, trình Bộ VHTTDL phê duyệt. Đây là khung pháp lý để Nhà trường xây dựng và phát triển trong những năm tiếp theo [H10.10.05.09]. Năm 2015, Trường đã được Bộ VHTTDL phê duyệt đề án Xây dựng Trường ĐHSKĐAHN thành trường trọng điểm quốc gia. Đây cũng là mục tiêu lớn của Nhà trường với hướng kinh phí mới để đầu tư các trang thiết bị hiện đại phục vụ công tác đào tạo của Khoa [H10.10.05.10].

2. Điểm mạnh

Nhà trường có hệ thống phòng học (nhà A1, A2) được trang bị những thiết bị cơ bản nhất phục vụ cho việc học tập như máy chiếu, micro, ánh sáng, v.v... Có các phòng thực hành phục vụ cho hoạt động dạy học chuyên ngành mang tính đặc thù của CNTT. Về tư liệu, Nhà trường có hệ thống thư viện hiện đại với nguồn học liệu đa dạng, phong phú và tiện ích, hệ thống công thông tin và các dịch vụ hỗ trợ được Nhà trường xây dựng. Nhà trường và Khoa đã tận dụng triệt để các nguồn lực để đầu tư và cải tiến cơ sở vật chất.

3. Điểm tồn tại

Ngân sách đầu tư CSVC của Trường chủ yếu phụ thuộc vào phân bổ kinh phí của Bộ VHTTDL gây trở ngại cho việc chủ động đầu tư cơ sở vật chất của Trường. Trang thiết bị của một số phòng thực hành, hệ thống máy tính chưa hiện đại hóa để đáp ứng hoạt động giảng dạy và học tập của của Khoa. Ngoài ra, một số phản hồi của các bên liên quan về cơ sở vật chất, tiện ích chưa thể kịp thời đáp ứng do còn phụ thuộc vào kế hoạch ngân sách và quy hoạch tổng thể chung của Nhà trường.

4. Kế hoạch hành động

Phát huy điểm mạnh: Năm 2022-2023, Nhà trường giao cho Phòng HCTH quy hoạch lại không gian riêng cho bố trí không gian riêng cho SV ngành; khuyến khích SV đến thư viện Trường để cập nhật những tư liệu mới, đồng thời quán triệt cán bộ giảng viên kiêm nhiệm hỗ trợ SV, đội ngũ chuyên viên đồng hành cùng SV cả trong học tập cũng như nắm bắt những khó khăn trong cuộc sống hằng ngày để có hướng khắc phục và giúp đỡ SV kịp thời trong học tập.

Khắc phục tồn tại: Từ năm học 2022 - 2023, định kỳ 2 năm 1 lần, Khoa CNTT tổ chức lấy ý kiến của các bên liên quan về chất lượng các dịch vụ hỗ trợ. Từ năm học 2022 - 2023, Nhà trường yêu cầu phòng chức năng xây dựng các quy trình công tác để hỗ trợ hiệu quả hơn cho CTĐT.

5. Tự đánh giá: Tiêu chí đạt (mức 4/7).

Tiêu chí 10.6: Cơ chế phản hồi của các bên liên quan có tính hệ thống, được đánh giá và cải tiến

1. Mô tả hiện trạng

Xây dựng cơ chế phản hồi, thu thập phản hồi, phân tích dữ liệu từ phản hồi, từ đó đưa ra những giải pháp cụ thể, thiết thực và kịp thời là một trong những nhiệm vụ đặc biệt quan trọng của Trường ĐHSKĐAHN nói chung và Khoa CNTT nói riêng. Những nội dung phản hồi có thể liên quan tới tất cả những hoạt động của Nhà trường bao gồm công tác dạy và học, hoạt động ngoại khóa, các dịch vụ tiện ích đang được sử dụng trong Nhà trường. Trong năm 2014,

Trường chính thức thành lập P.KT&ĐBCLGD (tiền thân là Ban thanh tra đào tạo) để chuyên trách công tác đo lường đánh giá kết quả đào tạo và bảo đảm chất lượng giáo dục **[H10.10.06.01]**. P.KT&ĐBCLGD được thành lập trên cơ sở nhân lực của Ban thanh tra và Bảo đảm chất lượng đào tạo, được quy định rõ ràng, cụ thể trong quy chế tổ chức hoạt động, Phòng có nhiệm vụ tham mưu giúp Hiệu trưởng trong việc quản lý, tổ chức thực hiện công tác khảo thí và bảo đảm chất lượng giáo dục của Trường đúng với các quy định của Nhà nước **[H10.10.06.02]**.

Phòng KT&ĐBCLGD là đầu mối để triển khai hoạt động đánh giá chất lượng giáo dục cấp Trường, đánh giá chất lượng các CTĐT và thực hiện các hoạt động đánh giá chất lượng thông qua phản hồi của các bên liên quan. Phòng có nhiệm vụ tham mưu cho Nhà trường các hoạt động ĐBCL: tự đánh giá CSGD, CTĐT, đánh giá hoạt động GD của GV, khảo sát lấy ý kiến phản hồi của các bên liên quan về các hoạt động của Nhà trường, khảo sát về cơ sở vật chất, thư viện của Nhà trường; tư vấn, hướng dẫn các đơn vị xây dựng kế hoạch hành động **[H10.10.06.03]**. Ngoài ra, Khoa CNDATH còn phối hợp với Phòng KT&ĐBCLGD thực hiện hoạt động lấy ý kiến phản hồi của người học về hoạt động giảng dạy của giảng viên. Nhà trường ban hành quy định, quy định và hướng dẫn thu thập thông tin phản hồi của người học một cách cụ thể, rõ ràng với cơ chế phản hồi mang tính hệ thống **[H10.10.06.04]**. Hiện nay, theo quy định và Hướng dẫn của ĐHSKĐAHN, vào cuối năm học hằng năm, tất cả các giảng viên cơ hữu của Khoa CNDATH phải thực hiện hoạt động tự đánh giá 4 nhiệm vụ: nhiệm vụ giảng dạy; nhiệm vụ nghiên cứu khoa học và nhiệm vụ chuyển giao công nghệ; nhiệm vụ quản lý đào tạo và nhiệm vụ học tập, bồi dưỡng nâng cao trình độ chuyên môn **[H10.10.06.05]**. Từ năm 2017 trở đi, Nhà trường và Khoa CNDATH đã đa dạng hóa hình thức lấy ý kiến phản hồi và mở rộng đối tượng được lấy ý kiến phản hồi thông qua việc thu thập ý kiến phản hồi từ cấp Khoa, phòng ban và đến các cấp lãnh đạo thông qua các phiếu khảo sát, “Hội nghị đối thoại giữa lãnh đạo Nhà trường với sinh viên”; “Hội nghị công chức, viên chức”, “Diễn đàn trao đổi với nhà tuyển dụng”, trang web, Facebook của Nhà trường và của Khoa, vv... Để những vấn đề tồn đọng được giải quyết triệt để, hàng tháng Nhà trường tiến hành cuộc họp giao ban, Khoa báo cáo, tổng hợp những vấn đề cần giải quyết và có những giải pháp cụ thể, hiệu quả **[H10.10.06.06]**.

2. Điểm mạnh

Cơ chế lấy ý kiến phản hồi được Nhà trường và Khoa bước đầu được thiết lập, có tính hệ thống, được đánh giá và cải tiến.

3. Điểm tồn tại

Chưa xây dựng quy trình lấy ý kiến phản hồi của các bên liên quan. Các hình thức thu thập ý kiến phản hồi của các bên liên quan chưa đa dạng. Số lượng đối tượng khảo sát ngoài Trường còn hạn chế.

4. Kế hoạch hành động

Phát huy điểm mạnh: Từ năm học 2022 - 2023, Trường/ Khoa CNDATH tiếp tục duy trì các hình thức khảo sát hiện có; thực hiện việc thu thập thông tin phản hồi từ doanh nghiệp/ nhà tuyển dụng tạo nguồn thông tin quan trọng để Khoa có chiến lược phù hợp nhằm nâng cấp hiệu chỉnh CTĐT.

Khắc phục tồn tại: Từ năm học 2022 - 2023, Khoa CNDATH phối hợp các phòng chức năng hoàn thành dự thảo quy trình lấy ý kiến phản hồi của các bên liên quan; xây dựng văn hóa bảo đảm chất lượng giáo dục thông qua cơ chế lấy ý kiến phản hồi.

5. Tự đánh giá: Tiêu chí đạt (mức 4/7).

Kết luận về tiêu chuẩn 10

Điểm mạnh nổi bật: Việc thu thập các thông tin phản hồi từ nhà quản lý giáo dục, giảng viên, người học, nhà tuyển dụng và cựu người học được chú trọng và thực hiện đầy đủ. Các thông tin phản hồi là cơ sở để xây dựng, hoàn thiện và cải tiến CTĐT. Quá trình dạy và học, việc đánh giá kết quả học tập của người học được rà soát và đánh giá thường xuyên để bảo đảm sự tương thích và phù hợp với CDR. Các hoạt động nghề nghiệp tương đương nghiên cứu khoa học được giảng viên và SV quan tâm và được sử dụng trong cải tiến chất lượng dạy và học. Chất lượng các dịch vụ hỗ trợ và tiện ích thường xuyên được rà soát và nâng cao chất lượng dịch vụ nhằm tạo điều kiện tốt nhất cho giảng viên và người học trong dạy-học và nghiên cứu khoa học.

Điểm tồn tại cơ bản: Việc lấy thông tin phản hồi từ các bên liên quan, trong đó có các GV về cả CTĐT và các dịch vụ hỗ trợ còn khó khăn và chưa đầy đủ; việc thực hiện các đề tài Khoa học lớn gắn với việc cải tiến CTĐT và ứng dụng kết quả nghiên cứu vào công tác đào tạo chưa nhiều.

Kết quả đánh giá về tiêu chuẩn 10: Tiêu chuẩn 10 có 6 tiêu chí đạt, trong đó có 1 tiêu chí đạt mức 5/7 điểm, 5 tiêu chí đạt mức 4/7 điểm.

Tiêu chuẩn 11. Kết quả đầu ra

Mở đầu

Chuyên ngành ÂTDATH là một ngành đào tạo đặc thù, số lượng sinh viên không nhiều như các ngành học khác trong Trường, tính từ Khóa đào tạo Cao đẳng đầu tiên từ năm 1997 và Đại học đầu tiên 2005 đến nay - Khoa CNDATH đã đào tạo khoảng 300 SV hệ đại học chính quy. SV những khóa đầu tiên sau gần hơn năm ra Trường đã hầu hết trở thành các kỹ sư âm thanh đã và đang là những cán bộ chủ chốt lĩnh vực công nghệ âm thanh của ngành ĐA, truyền hình, phát thanh, âm nhạc, xử lý và thiết kế âm học, thiết kế và lắp đặt hệ thống trang âm.

Quan trọng hơn, họ đã góp sức vào phát triển chất lượng sản xuất của ngành trong giai đoạn này. Hiện nay, chuyên ngành ÂTDATH của Khoa vẫn là nơi đào tạo duy nhất cử nhân ÂTDATH của quốc gia. Tuy nhiên, 7 năm trở lại đây số lượng thí sinh dự tuyển chưa duy trì ở số lượng cao vì lý do truyền thông khi chuyển khối thi sang S1 và một số lý do khác quan khác. Số lượng học viên chuyên ngành ÂTDATH đang học tại Khoa CNDATH được đào tạo bởi đội ngũ GV từng là sinh viên của Khoa CNDATH, đội ngũ giảng viên thỉnh giảng là các kỹ sư âm thanh được đào tạo bài bản tại các nước Đức, Nga...các giảng viên tham gia từ các Trường Học viện Kỹ thuật Quân sự, Đại học Bách Khoa HN, Cao đẳng truyền hình, Đài truyền hình Việt Nam, Đài Phát thanh Việt Nam. Khung CTĐT được xây dựng trên nền tảng học thuật bài bản, vững chắc cho trình độ đại học. Ngành thu hút được sự quan tâm của người học và nhu cầu sử dụng lao động có trình độ cử nhân ở ngành này càng ngày càng tăng. Nguồn tuyển sinh đầu vào của ngành là các học sinh đã tốt nghiệp PTTH, một số đã học xong 1 ngành học khác hoặc đang công tác ở những lĩnh vực liên quan. Sau khi trúng tuyển, sinh viên được đào tạo bài bản, được thực hành, thực tập thực tế có sự đánh giá giám sát chặt chẽ trong suốt quá trình học tại Trường, Khoa. Hằng năm, Nhà trường và Khoa CNDATH đã thực hiện giám sát việc đạt chuẩn đầu ra (CĐR), tổ chức thống kê tỷ lệ SV tốt nghiệp, thời gian bình quân để tốt nghiệp, tỷ lệ SV thôi học và cơ hội tìm việc làm của SV làm cơ sở để cải tiến chất lượng.

Các hoạt động nghiên cứu khoa học của sinh viên ÂTDATH mang tính đặc thù, không phải là các bài báo, công trình nghiên cứu khoa học các cấp, mà là một đồ án thiết kế âm học, thiết kế trang âm hệ thống công nghệ âm thanh, nghiên cứu tính năng chuyên sâu của hệ thống công nghệ, áp dụng công nghệ trong sản xuất âm thanh cho phim, chương trình truyền hình, phát thanh....Các hoạt động này của SV được quy định với trình tự chặt chẽ, bảo đảm phù hợp với CĐR của CTĐT chuyên ngành ÂTDATH, thể hiện đặc thù của Khoa, sứ mạng của Nhà trường. Trường, Khoa bước đầu thực hiện các hoạt động thu thập thông tin, phân tích và đo lường sự hài lòng của giảng viên, người học, cựu người học, thị Trường lao động và lấy đó làm cơ sở thực tiễn cho việc cải tiến CTĐT, chương trình dạy học và phát triển hệ thống bảo đảm chất lượng.

Tiêu chí 11.1: Tỷ lệ thôi học, tốt nghiệp được xác lập, giám sát và đối sánh để cải tiến chất lượng

1. Mô tả hiện trạng

Trường ĐHSKĐAHN có bộ phận, quy trình/công cụ để theo dõi, cập nhật danh sách, tỷ lệ thôi học, tốt nghiệp. Theo Quy chế tổ chức hoạt động của Trường, quy trình quản lý và giải quyết công việc của các đơn vị, phòng CT HSSV được Trường giao nhiệm vụ theo dõi và giám sát tỷ lệ SV thôi học, tốt nghiệp [H11.11.01.01]. Bên cạnh đó, tình hình của sinh viên chuyên ngành ÂTDATH

luôn được giáo viên chủ nhiệm, Trợ lý Khoa, phòng Đào tạo, QLKH & HTQT cập nhật thông qua những buổi sinh hoạt lớp hàng tháng và thông tin phản hồi từ Ban cán sự lớp, Ban Chấp hành chi đoàn, qua đó có những báo cáo kịp thời lên Ban Chủ nhiệm Khoa để có những hướng giải quyết phù hợp khi có tình hình phát sinh **[H11.11.01.02]**. Hằng năm, Nhà trường tổ chức xét lên lớp, xét điều kiện tốt nghiệp xét kỷ luật **[H11.11.01.03]**. Do đó, với những SV thôi học, đều có sự trao đổi để nắm tình hình, qua đó hiểu được những khó khăn vướng mắc của SV để có những tư vấn phù hợp cho SV, cũng như có những đề xuất kịp thời với Khoa và Nhà trường. Quyết định SV thôi học được lưu trong hồ sơ của phòng CTHSSV **[H11.11.01.04]**. Ban cán sự lớp và Ban chấp hành chi đoàn đều nắm được tình hình SV thôi học. Bên cạnh đó, SV tốt nghiệp và thôi học được quản lý đầy đủ thông tin tại phòng Đào tạo, QLKH & HTQT, phòng CTHSSV của Nhà trường. Điều này thuận tiện cho việc giám sát tình hình SV trong quá trình đào tạo **[H11.11.01.05]**. Căn cứ vào các quy định về đào tạo, về quản lý HSSV, hằng năm, Trường thực hiện thống kê danh sách, tỷ lệ thôi học, tốt nghiệp. Tỷ lệ tốt nghiệp và thôi học của SV chuyên ngành ÂTĐATH được xác lập và giám sát chặt chẽ dựa trên các Quy định về điều kiện tốt nghiệp, Quy định về thi tốt nghiệp, đánh giá kết quả thi tốt nghiệp và thông qua Hội đồng xét, xử lý học sinh, sinh viên thôi học, bỏ học hằng năm **[H11.11.01.06]**. Cụ thể, thông tin về tỷ lệ tốt nghiệp và tỷ lệ SV bỏ học của 5 khóa gần đây được thể hiện qua cơ sở dữ liệu về người học trong đó có số liệu thống kê, theo dõi, báo cáo tổng kết, đánh giá tỷ lệ tốt nghiệp, thôi học của người học trong 05 năm gần nhất bao gồm: năm nhập học, tổng số người học nhập học, số người học tốt nghiệp trước hạn, đúng hạn, quá hạn (hạn được hiểu là thời gian quy định của khóa học), số người học thôi học sau 1, 2, 3, 4 năm **[H11.11.01.07]** được tóm tắt bằng bảng số liệu sau:

Bảng 11.1. Tỷ lệ tốt nghiệp, thời gian tốt nghiệp trung bình và tỷ lệ thôi học của SV chuyên ngành ÂTĐATH từ khóa tuyển sinh 2012 đến 2016 (Phụ lục 8)

Số liệu trên cho thấy đa số SV chuyên ngành ÂTĐATH hoàn thành CTĐT đúng thời hạn. Khoa luôn giám sát chặt chẽ tiến độ học tập của SV thông qua Giáo viên chủ nhiệm, Trợ lý Khoa (đào tạo). Ban chủ nhiệm Khoa có các buổi họp với cán sự lớp, giáo viên chủ nhiệm, trợ lý đào tạo vào các kỳ học để nắm được tình hình học tập của SV.

Trường thực hiện tìm hiểu, phân tích nguyên nhân thôi học, đề xuất các biện pháp giảm thiểu tỷ lệ thôi học. Theo số liệu thống kê trên, tỷ lệ thôi học của sinh viên chuyên ngành ÂTĐATH hằng năm chiếm tỷ lệ rất nhỏ so với tổng SV của toàn khóa. Nhìn chung, SV của Khoa thôi học là do các nguyên nhân như: đi du học, tiếp tục cùng chuyên ngành ÂTĐATH; quá khó khăn về tài chính, hoặc các em tìm được việc làm ổn định trong năm thứ 2,3 hoặc hết hạn bảo lưu mà không có điều kiện học tiếp; một số SV không cần làm TN **[H11.11.01.08]**.

Trong thời gian bị ảnh hưởng bởi dịch Covid 19, Nhà trường đã triển khai hệ thống học tập trực tuyến nhằm bảo đảm tiến độ học tập cho sinh viên kịp tốt nghiệp **[H11.11.01.09]**. Hệ thống GVCN, GV bộ môn, Khoa và Trường thường xuyên giám sát chặt chẽ tình hình học tập của sinh viên và có những biện pháp cụ thể để hỗ trợ sinh viên hoàn thành chương trình học như gặp gỡ trao đổi trực tiếp hoặc tư vấn khi người học gặp khó khăn, duy trì chế độ sinh hoạt lớp định kỳ hằng tháng **[H11.11.01.10]**.

Tuy nhiên, Trường chưa thực hiện việc đối sánh, phân tích nguyên nhân giảm tỷ lệ tốt nghiệp, đề xuất các biện pháp khả thi để hỗ trợ người học tốt nghiệp hiệu quả. Nhà trường chưa ứng dụng CNTT trong quản lý và giám sát kết quả học tập của SV để có thể thường xuyên thống kê và cập nhật chính xác tỷ lệ SV thôi học, bỏ học cũng như nguyên nhân và tỷ lệ SV tốt nghiệp.

2. Điểm mạnh

Nhà trường/ Khoa duy trì cơ chế kiểm tra nề nếp hằng tháng để thông báo, nhắc nhở kịp thời tình hình học tập của SV, đồng thời nắm bắt những khó khăn vướng mắc của SV để có những tư vấn phù hợp và có những đề xuất kịp thời đối với Nhà trường. Tỷ lệ người học chuyên ngành ÂTĐATH bị buộc thôi học ít, tỷ lệ người học tốt nghiệp ra Trường đúng thời hạn cao do có sự giám sát chặt chẽ của Khoa và Nhà trường.

3. Điểm tồn tại

Mặc dù Nhà trường và Khoa thực hiện giám sát tỷ lệ SV tốt nghiệp hằng năm nhưng Nhà trường chưa tìm hiểu, phân tích xác đáng nguyên nhân tốt nghiệp không đúng hạn và thôi học; chưa có phân tích dự báo tỷ lệ SV thôi học của chuyên ngành để có những cơ chế, chính sách hỗ trợ, khích lệ SV thực hiện kết quả đầu ra như mong muốn. Bên cạnh đó trong quá trình xây dựng kế hoạch, chiến lược đào tạo hằng năm Khoa cũng chưa xác lập và phân tích dự đoán được tỷ lệ tốt nghiệp, thôi học và chưa thực hiện việc đối sánh tỷ lệ tốt nghiệp, thôi học.

4. Kế hoạch hành động

Phát huy điểm mạnh: Từ năm học 2022 - 2023, Phòng CTHSSV, Phòng ĐT, QLKH & HTQT, Khoa CNDATH tiếp tục giám sát chặt chẽ các chỉ tiêu SV tốt nghiệp, thôi học của SV chuyên ngành ÂTĐATH. Phát huy hơn nữa vai trò của GVCN trong việc liên hệ, theo dõi sát sao tình hình SV nhất là các SV thôi học để kịp thời động viên, giúp đỡ SV tiếp tục việc học; cập nhật tình hình để báo cáo kịp thời Khoa và lãnh đạo Trường, đồng thời có phân tích, báo cáo thường xuyên về tiến độ học tập của SV, qua đó nhắc nhở, tư vấn cho SV hoàn thành các điều kiện chuẩn đầu ra, bảo đảm việc tốt nghiệp đúng thời hạn.

Khắc phục tồn tại: Từ năm học 2022 - 2023, Khoa CNDATH; P. CTHSSV thúc đẩy tỷ lệ tốt nghiệp đúng hạn và giảm tỷ lệ thôi học, cần làm cho người học

yêu ngành học đã chọn và nắm rõ các điều kiện để được công nhận tốt nghiệp. Khoa CNĐATH phối hợp với P. CTHSSV đưa vào kế hoạch, chiến lược đào tạo các phân tích dự đoán tỷ lệ tốt nghiệp, thôi học từ đó tìm ra biện pháp cải tiến chất lượng đào tạo.

5. *Tự đánh giá*: Tiêu chí đạt (mức 4/7).

Tiêu chí 11.2. Thời gian tốt nghiệp trung bình được xác lập, giám sát và đối sánh để cải tiến chất lượng

1. Mô tả hiện trạng

Thời gian tốt nghiệp là khoảng thời gian cần thiết để sinh viên hoàn thành chương trình học tập của mình để được cấp bằng tốt nghiệp. Nhà trường giao cho P. Đào tạo, QLKH & HTQT chủ trì phối hợp với P. CTHSSV, Khoa CNĐATH và các đơn vị khác (Khảo thí & ĐBCLGD, HCTH) để theo dõi/thống kê thời gian tốt nghiệp trung bình của khóa học thuộc CTĐT ÂTĐATH. Để tốt nghiệp, sinh viên phải có đủ điều kiện về điểm, phim tốt nghiệp, và điều kiện khác (đã đạt điểm đầu ra ngoại ngữ, điểm đạt tốt nghiệp môn LLCT... thực hiện đào tạo theo niên chế nên thời gian tốt nghiệp trung bình của SV hệ ĐH chính qui của Khoa CNĐATH là 4 năm (Quy chế 25 và những quy định riêng của Trường). Đặc thù chuyên ngành ÂTĐATH là tốt nghiệp bằng một đồ án thiết kế âm học, thiết kế trang âm hệ thống công nghệ âm thanh, sản xuất âm thanh cho phim, chương trình truyền hình, phát thanh, một sản phẩm mang tính đặc thù công nghệ cao và được làm ra bởi 1 tập thể. Dù chuyên môn âm thanh là một mắt xích nằm trong ekip đông người tỷ lệ SV hoãn TN rất ít, điều này đã giúp cho công tác tổ chức của Khoa luôn được thực hiện đúng tiến độ, đảm bảo chất lượng Đào tạo [H11.11.02.01]. Thời gian tốt nghiệp trung bình của sinh viên các khóa tuyển sinh từ 2012 đến 2016 của chuyên ngành ÂTĐATH được thể hiện ở cột thứ 5 của Bảng 11.1. [H11.11.02.02]. Trong 5 năm học gần đây, trung bình hằng năm có khoảng 95% SV chuyên ngành ÂTĐATH hoàn thành chương trình và được cấp bằng cử nhân ÂTĐATH.

Một số ít nguyên nhân khiến sinh viên tốt nghiệp không đúng hạn có thể kể đến như: Gặp khó khăn về thực hiện đề tài, đi làm việc trong quá trình học tập dẫn đến không đảm bảo đúng tiến độ thực hiện nên giảng viên hướng dẫn không duyệt thông qua đồ án, lý do khác là sinh viên không đảm bảo sức khỏe để hoàn thành bài tốt nghiệp [H11.11.02.03]. Ví dụ như, trong những năm dịch bệnh covid19, sinh viên đã không thể thực hiện thực tập tốt nghiệp đúng tiến độ để thu thập dữ liệu tại các cơ sở sản xuất cho mục đích làm đồ án tốt nghiệp. Vì thế Nhà trường và Khoa đề ra những biện pháp giúp sinh viên hoàn thành các học phần bằng cách kéo dài thêm thời gian tốt nghiệp [H11.11.02.04].

Để hỗ trợ người học bảo đảm CTĐT, Nhà trường có quy định cho SV bảo lưu, hoặc học riêng với GV (không đợi khoá sau) đối các SV còn nợ môn mà hết thời gian đào tạo hoặc đã đến thời gian xét điều kiện thi tốt nghiệp [H11.11.02.05].

Nhà trường gặp khó khăn khi tìm kiếm thông tin để đối sánh vì các đơn khác không công khai các thông tin này.

2. Điểm mạnh

SV có ý thức với tiến độ học tập của bản thân; Ban Chủ nhiệm Khoa luôn nắm được tiến độ học tập của SV thông qua trợ lý Khoa, giáo viên chủ nhiệm, các giảng viên bộ môn để hỗ trợ SV kịp thời. Nhà trường đã có hệ thống quản lý, giám sát kế hoạch học tập và thời gian tốt nghiệp của sinh viên; Nhà trường đã có những chính sách, giải pháp hợp lý để giúp SV bảo đảm tiến độ học tập.

3. Điểm tồn tại

Do đặc thù của công tác tốt nghiệp chuyên ngành ÂTDATH cần nhiều thời gian để nghiên cứu tài liệu, thực tiễn để làm bài tốt nghiệp nên thời gian tốt nghiệp của sinh viên có thể bị kéo dài để đạt được chất lượng đào tạo. Tuy nhiên, SV sẽ bị vi phạm quy chế do kéo dài thời gian học và ảnh hưởng đến việc được công nhận tốt nghiệp. Nhà trường chưa thực hiện đối sánh như yêu cầu của mốc chuẩn tham chiếu trong hướng dẫn tự đánh giá CTĐT của Bộ GD & ĐT.

4. Kế hoạch hành động

Phát huy điểm mạnh: Từ năm học 2022 - 2023, Khoa CNĐATH, Phòng ĐT, QLKH & HTQT tiếp tục nâng cao hiệu quả của hệ thống giám sát và quản lý học tập cùng với các GVCN, GV bộ môn, GV hướng dẫn có định hướng và hỗ trợ sinh viên trong việc xây dựng kế hoạch học tập và hỗ trợ người học hoàn thành bài tốt nghiệp.

Khắc phục tồn tại: Từ năm học 2022 - 2023, Khoa CNĐATH, Phòng ĐT, QLKH & HTQT phối hợp nghiên cứu: Rà soát kế hoạch học tập; nghiên cứu phương thức, cơ chế đối sánh về thời gian tốt nghiệp trung bình của người học trong cùng một CTĐT, hình thức đào tạo; báo cáo đánh giá, dự đoán xu thế về thời gian tốt nghiệp trung bình của người học trong cùng CTĐT và các biện pháp cải tiến chất lượng phù hợp.

5. Tự đánh giá: Tiêu chí đạt (mức 4/7).

Tiêu chí 11.3. Tỷ lệ có việc làm sau tốt nghiệp được xác lập, giám sát và đối sánh để cải tiến chất lượng

1. Mô tả hiện trạng

Tỷ lệ có việc làm sau tốt nghiệp được xác lập. Người học luôn đặt ra mục tiêu sau khi ra Trường có việc làm phù hợp ngành nghề đào tạo, thu nhập phù hợp và môi trường làm việc ổn định. Đây cũng là một trong những mục tiêu của Khoa và Trường đặt ra trong CTĐT. Từ năm 2017, theo quy định của Bộ GD & ĐT **[H11.11.03.01]**, Nhà trường đã phân công Phòng CTCT&HSSV (nay là Phòng Công tác học sinh, sinh viên) phụ trách công tác hỗ trợ người học cũng như thực hiện khảo sát tình hình việc làm của sinh viên tốt nghiệp, từ đó cho đến nay, hoạt động đó được thực hiện nghiêm túc, đúng quy định **[H11.11.03.02]**. Hình thức tổ

chức khảo sát bao gồm gọi điện thoại, khảo sát qua mạng internet (đăng mẫu phiếu lên Website Nhà trường, cung cấp đường link cho các đối tượng sinh viên tốt nghiệp truy cập và trả lời phiếu, gửi chuyên kết quả trực tiếp vào hộp thư của ban khảo sát. Việc gửi đường link có thể thông qua mạng xã hội (facebook,...), qua email hoặc tin nhắn điện thoại. Đây là hình thức triển khai chủ yếu), khảo sát qua gửi thư (gửi phiếu khảo sát trực tiếp theo địa chỉ do sinh viên cung cấp trước khi tốt nghiệp); tiếp nhận phiếu và nhập thông tin phản hồi vào phần mềm khảo sát) và khảo sát qua phỏng vấn ... **[H11.11.03.03]**.

Tỷ lệ có việc làm sau tốt nghiệp được giám sát. Nhà trường có mối liên hệ gắn bó mật thiết với các sở hữu hoạt động nghệ thuật về Sân khấu, Điện ảnh và Truyền hình, Phát thanh trong cả nước, với điều kiện thuận lợi như vậy, sinh viên tốt nghiệp của Trường nhìn chung đều có việc làm ngay sau khi tốt nghiệp, đây cũng là các đơn vị mà Nhà trường thực hiện việc lấy thông tin về việc làm của SV, thực hiện giám sát tỷ lệ có việc làm sau tốt nghiệp. **[H11.11.03.04]**.

Cần phải nói thêm về đặc thù của Khoa CNDATH, sinh viên ra Trường không thể ngày một ngày hai trở thành kỹ sư âm thanh vận hành hệ thống thiết bị thành thạo hoặc có việc làm theo đúng mong muốn, SV được gọi là có việc làm được hiểu theo nghĩa rộng, họ có thể không làm đúng ngành đào tạo nhưng có thể làm những công việc liên quan như trợ lý âm thanh, làm ở bộ phận "Sáng tạo" của các công ty truyền thông...vv. Những việc làm đó là một quá trình tất yếu để chuẩn bị làm nên kỹ sư âm thanh vững tay nghề trong tương lai (số tuổi thành danh của nghề này từ 25-35). ÂTDATH là một hoạt động đặc thù bởi người làm cần có đủ hai phẩm chất về kỹ thuật công nghệ và thẩm mỹ nghệ thuật, vì vậy cần có thời gian để hoàn thiện kỹ năng chuyên nghiệp trong lĩnh vực. *Do đó, ngay cả việc thống kê tỷ lệ sinh viên có việc làm cũng cần có một cách đánh giá "đặc thù".* Thực tế cho thấy, việc SV tốt nghiệp ÂTDATH trở thành người làm ở các vị trí như kỹ sư âm thanh trong thiết kế âm học, trang âm, sản xuất âm thanh (Hết năm thứ 4, khung CTĐT có nội hàm gần giống với ngành “kỹ sư ÂTDATH” của TG, trong đó trang bị cho người học các kiến thức khoa học âm thanh, âm học, trang âm, công nghệ âm thanh và chuyên sâu vào sản xuất âm thanh trên các lĩnh vực điện ảnh, truyền hình, phát thanh. *Những phân tích trên cho thấy việc đối sánh tỷ lệ có việc làm sau tốt nghiệp để cải tiến chất lượng đang là một trở ngại, khó khăn cho Khoa CNDATH.*

2. Điểm mạnh

Đa số SV tốt nghiệp chuyên ngành ÂTDATH đều có việc làm phù hợp sau khi tốt nghiệp; lĩnh vực nghề nghiệp và môi trường làm việc gắn kết chặt chẽ với CTĐT ngành; Nhà trường và Khoa coi trọng năng lực thực hành thực tế, giúp SV có nhiều cơ hội được trải nghiệm thực hành nghề nghiệp và có nhiều cơ hội có việc làm phù hợp sau khi tốt nghiệp.

3. Điểm tồn tại

Bên cạnh những ưu điểm nêu trên, có một tỷ lệ nhất định SV chuyên ngành ÂTĐATH làm trái ngành trái nghề sau khi tốt nghiệp. Điều này cũng phản ánh tình trạng chung của xã hội, và những điểm đặc thù về nghề âm thanh đã phân tích ở trên. Khoa và Nhà trường chưa tiến hành khảo sát đối với tất cả các khóa SV tốt nghiệp để có thông tin đầy đủ về tình trạng tốt nghiệp, chưa khảo sát được mức bình quân thu nhập của các sinh viên ở các môi trường làm việc. Việc xác định nguyên nhân chưa có việc làm của sinh viên còn chưa được thực hiện thường xuyên. Việc đối sánh căn cứ từ tỷ lệ có việc làm của sinh viên để cải tiến chất lượng còn gặp nhiều trở ngại do các đơn vị đào tạo khác có cùng CTĐT không công khai các số liệu này.

4. Kế hoạch hành động

Phát huy điểm mạnh: Từ năm học 2022 - 2023, Khoa và Trường tổ chức liên kết với các đơn vị/ doanh nghiệp để giúp sinh viên có cơ hội tìm kiếm việc làm đúng chuyên ngành đào tạo dễ dàng hơn sau khi tốt nghiệp.

Khắc phục tồn tại: Từ năm học 2022 - 2023, Khoa phối hợp với P.CTHSSV lập kế hoạch khảo sát về tình trạng việc làm của sinh viên ngành thuộc Khoa CNDATH đã tốt nghiệp ở các khóa từ đó có thông tin đầy đủ để giám sát và đối sánh nhằm cải tiến chất lượng đào tạo. Tổ chức liên kết với các đơn vị/ doanh nghiệp để giúp sinh viên có cơ hội tìm kiếm việc làm đúng chuyên ngành đào tạo dễ dàng hơn sau khi tốt nghiệp.

5. Tự đánh giá: Tiêu chí đạt (mức 4/7).

Tiêu chí 11.4: Loại hình và số lượng các hoạt động nghiên cứu của người học được xác lập, giám sát, đối sánh để cải tiến chất lượng

1. Mô tả hiện trạng

Trường ĐHSKĐAHN tạo điều kiện thuận lợi và khuyến khích sinh viên tham gia nghiên cứu khoa học **[H11.11.04.01]**. Hoạt động nghiên cứu khoa học của sinh viên được thực hiện theo quy định hiện hành **[H11.11.04.02]**.

Hằng năm, Nhà trường chú trọng đầu tư nguồn học liệu để hỗ trợ SV học tập và nghiên cứu khoa học. Hoạt động khoa học và công nghệ được Nhà trường quan tâm như: tìm kiếm, thu thập, xử lý các dữ liệu, số liệu, dữ kiện, tin tức, tri thức nhằm tạo lập nguồn tin khoa học và công nghệ **[H11.11.04.03]**.

Do đặc thù của chuyên ngành ÂTĐATH, sản phẩm nghiên cứu khoa học không như những sản phẩm thông thường. Như đã phân tích tại tiêu chí 10.4 “Trường ĐHSKĐAHN là trường đại học đào tạo nghệ thuật, do đó hoạt động nghiên cứu khoa học có đặt thù riêng, như việc dựng vở diễn, làm một bộ phim, ... và kinh nghiệm tích lũy được từ các hoạt động này được coi là một một trong những hoạt động mũi nhọn trong việc nâng cao chất lượng dạy và học của Nhà

trường” **[H10.10.04.01]**. Hằng năm, GV và SV của Khoa tiến hành các hoạt động nghề nghiệp cụ thể để tạo ra sản phẩm nghệ thuật, đây được coi là hình thức nghiên cứu đề tài khoa học, giúp GV, SV không những bổ sung thường xuyên và chuyên sâu kiến thức mà còn có thể sử dụng những nghiên cứu đó để phục vụ thiết thực cho việc dạy-học **[H10.10.04.04]**.

Do đặc thù nghề nghiệp kỹ thuật và sáng tạo nên lĩnh vực này không có nhiều cơ hội thi tài năng như các chuyên ngành nghệ thuật khác, nhưng sinh viên có các giải thưởng về âm nhạc, công nghệ **[H11.11.04.04]**, đây là những sản phẩm nghiên cứu khoa học đặc thù. Giải thích cho tính đặc thù này, cùng một nội dung câu chuyện nhưng mỗi sinh viên có một suy nghĩ, cảm nhận khác nhau nên sinh viên tạo ra các sản phẩm thực hành khác nhau. Do đó, cùng với GV, thời gian tương tác của SV và GV suốt học phần là một quá trình hoạt động nghiên cứu, phát triển kỹ năng. Lớp có bao nhiêu SV là có bấy nhiêu hoạt động nghiên cứu và hình thức trả bài tập trước các GV và toàn bộ sinh viên trong lớp thật sự là một biện pháp giúp SV và GV phản biện, đối sánh kiến thức và kết quả học và dạy của chuyên ngành (mở rộng việc trả các bài tập quan trọng thì quy mô mở rộng ở cả các chuyên ngành khác trong Khoa). Hầu hết trong toàn bộ học phần nghiệp vụ Âm thanh của chuyên ngành học KHÔNG có học phần nào là lý thuyết thuần túy. Nhiều bài thực hành có trước trong chương trình học để SV rút ra, chứng minh cho lý thuyết nghề nghiệp.” Với phân tích trên cho thấy giảng viên và sinh viên chuyên ngành ÂTDATH đã thực hiện phương châm “giảng dạy kết hợp với thực nghiệm và NCKH”. Nhà trường có quy định cụ thể về việc khen thưởng đối với sinh viên đạt giải trong các cuộc thi mà SV của Trường tham gia được giải **[H11.11.04.05]**.

Bên cạnh đó, Khoa cũng thường xuyên tổ chức các tọa đàm, hội nghị, hội thảo Khoa học với sự tham gia của các cán bộ, SV trong Khoa. Ví dụ như cuộc thi tài năng sinh viên được tổ chức hàng năm, nhằm khuyến khích sự tìm tòi sáng tạo, chất lượng nghề nghiệp xử lý aamt hanh, qua đó, thúc đẩy phong trào học tập trong sinh viên toàn Khoa **[H11.11.04.06]**. Hay các hoạt động, thực tập, kiến tập tại các cơ sở sản xuất ví dụ như thực tế tại khu in tráng phim nhựa thuộc Trung tâm kỹ thuật điện ảnh, Trung tâm sản xuất phim truyền hình – Đài THVN, Kênh truyền hình Quốc phòng, Nhà hát Lớn... **[H11.11.04.07]**. Động viên SV làm nghề, tham gia công việc của hoạt động nghề nghiệp có ý nghĩa rất quan trọng đối với việc nâng cao chất lượng đào tạo. Mỗi SV kết thúc 1 trải nghiệm đều có cho mình những kinh nghiệm tốt để làm nghề, truyền cảm hứng nuôi dưỡng ý chí nghề nghiệp. Công việc này trải dài toàn bộ cuộc đời làm nghề của họ (tích lũy kinh nghiệm, trải nghiệm).

2. Điểm mạnh

Một số giảng viên cũng như giảng viên thỉnh giảng của Khoa là những kỹ sư âm thanh, dựng phim, công nghệ ĐATH có chuyên môn cao và nhiều kinh

nghiệm trong nghề. Đây là điều kiện thuận lợi trong việc hướng dẫn các đồng nghiệp và sinh viên NCKH/ sáng tác. Hằng năm, Khoa có cơ chế khuyến khích SV tham gia NCKH/ sáng tác thông qua các hoạt động hỗ trợ như tổ chức tài năng sinh viên, sinh hoạt khoa học, hướng nghiệp như đã đề cập ở phần mô tả.

3. Điểm tồn tại

Nhà trường mới xây dựng Quy định về hoạt động nghiên cứu khoa học của sinh viên nên chưa tổ chức đánh giá tính hiệu quả và làm rõ các nội dung liên quan đến công tác NCKH trong sinh viên của Trường.

4. Kế hoạch hành động

Phát huy điểm mạnh: Từ năm học 2022 - 2023, Khoa CNĐATH phối hợp với P. ĐT, QLKH & HTQT, Viện NCSKĐA, P. CTHSSV thực hiện Quy định về hoạt động nghiên cứu khoa học của sinh viên Trường ĐHSKĐAHN (trong đó có tiêu chí cho Khoa CNĐATH), thể hiện được đặc thù của chuyên ngành ÂTĐATH, có thể quy đổi loại hình NCKH thành các tác phẩm video/audio được công bố đại chúng.

Khắc phục tồn tại: Từ năm học 2022 - 2023, Phòng CTHSSV là đơn vị tham mưu giúp Hiệu trưởng thống nhất quản lý, chỉ đạo các hoạt động về NCKH sinh viên. Hằng năm lập kế hoạch về nội dung hoạt động NCKH sinh viên trình Hiệu trưởng duyệt, sau đó thống nhất chỉ đạo tổ chức thực hiện. Hội đồng KHĐT và các Bộ môn của Khoa đẩy mạnh việc NCKH trong sinh viên bằng cách tuyên truyền, phổ biến về công tác NCKH của SV, đồng thời thành lập Hội đồng tư vấn đề tài NCKH và phát huy công tác hỗ trợ, hướng dẫn của các nhóm NCKH từ giảng viên đối với SV và đổi mới cơ chế, chính sách động viên khích lệ SV thực hiện các đề tài NCKH. Ngoài ra Nhà trường cũng đầu tư kinh phí cho các đề tài nghiên cứu khoa học được chọn.

5. Tự đánh giá: Tiêu chí đạt (mức 4/7).

Tiêu chí 11.5: Mức độ hài lòng của các bên liên quan được xác lập, giám sát và đối sánh để cải tiến chất lượng

1. Mô tả hiện trạng

Hằng năm, Nhà trường tổ chức Hội nghị cán bộ, viên chức và Hội nghị cán bộ chủ chốt để lấy ý kiến đóng góp về việc đánh giá kết quả thực hiện nhiệm vụ năm học và kế hoạch năm học mới **[H11.11.05.01]** nhằm cải tiến chất lượng các hoạt động của Nhà trường, đặc biệt là trong công tác tổ chức và quản lý đào tạo. Giảng viên và chuyên viên của Khoa được tham dự các Hội nghị cán bộ viên chức giữa lãnh đạo Nhà trường, lãnh đạo Khoa với cán bộ viên chức để tạo môi trường dân chủ, thẳng thắn đóng góp ý kiến của cán bộ trong việc hoạch định chính sách, trong đó đặc biệt lưu ý đến việc nâng cao chất lượng CTĐT. Hội đồng KHĐT Trường tổ chức họp theo định kỳ để xem xét chiến lược đào tạo mà các cán bộ

giảng viên của các đơn vị trong đó có Khoa CNĐATH kiến nghị.

Mỗi học kỳ, Trường và Khoa đã tiến hành khảo sát lấy ý kiến phản hồi của SV về chất lượng giảng dạy các học phần nhằm thu thập thông tin phản hồi để làm cơ sở phân tích, đánh giá học phần và CTĐT cũng như các dịch vụ công để có sự điều chỉnh, cải tiến chương trình dạy học và dịch vụ hỗ trợ **[H11.11.05.02]**. Để hoạt động khảo sát, lấy ý kiến phản hồi của người học và các bên liên quan đi vào chiều sâu và thực chất, năm 2021, Nhà trường ban hành quy định công tác lấy ý kiến phản hồi của các bên liên quan **[H11.11.05.03]**.

Ngoài ra, hàng tháng, Khoa chỉ đạo SV tổ chức sinh hoạt lớp để lắng nghe các ý kiến đóng góp, phản hồi từ SV một cách thẳng thắn, công khai và có sự giải trình, tiếp thu nghiêm túc của giáo viên chủ nhiệm, trợ lý Khoa **[H11.11.05.04]** để báo cáo Ban chủ nhiệm Khoa, Hội đồng KHĐT của Khoa và các Bộ môn nhằm kịp thời cải tiến chất lượng và phản hồi tới người học về sự cải tiến. Để tạo điều kiện thuận lợi cho việc thu thập thông tin phản hồi từ các cựu người học, Nhà trường và Khoa đã xây dựng mạng lưới liên kết cựu người học nhằm lấy ý kiến của cựu SV về CTĐT và CĐR của CTĐT **[H11.11.05.05]** để làm cơ sở đánh giá, cải tiến CTĐT và CĐR của ngành.

Bên cạnh đó, Trường và Khoa CNĐATH hằng năm cũng tiến hành khảo sát việc làm của cựu SV, gửi bảng khảo sát đến các đơn vị đã, đang và sẽ tuyển dụng các SV ra Trường của Khoa để thu thập thông tin đánh giá về năng lực của người lao động do Khoa đào tạo và nhu cầu tuyển dụng của nhà tuyển dụng. **[H11.11.05.06]**. Nhìn chung, đa số các nhà tuyển dụng đều đánh giá cao năng lực hoạt động nghề nghiệp của cử nhân chuyên ngành ÂTĐATH, Khoa CNĐATH. Tuy nhiên nhà tuyển dụng cũng bổ sung những kỹ năng nghề nghiệp cần đưa vào CTĐT để đáp ứng yêu cầu về vị trí việc làm đối với SV ngành. Đây là một nguồn thông tin quan trọng để Trường và Khoa cải tiến CTĐT và cải thiện chất lượng giáo dục cho phù hợp với yêu cầu thực tiễn của xã hội và nhà tuyển dụng. Kết quả khảo sát mức độ hài lòng của Nhà tuyển dụng cho thấy tỷ lệ đáp ứng được yêu cầu công việc ngày càng cao.

2. Điểm mạnh

CTĐT và CĐR của CTĐT chuyên ngành ÂTĐATH được tiến hành lấy ý kiến phản hồi của các bên liên quan với nhiều hình thức thực chất. Đại đa số các bên liên quan hài lòng về CTĐT và CĐR của CTĐT. Các ý kiến phản biện từ các bên liên quan được Khoa và Trường nghiêm túc tiếp thu và thực hiện phân tích, đối sánh để có những đánh giá, điều chỉnh, bổ sung và cải tiến CTĐT và CĐR của ngành.

3. Điểm tồn tại

Hoạt động khảo sát lấy ý kiến các bên liên quan đối với các hoạt động của

Nhà trường, Khoa, ngành mới được thực hiện, chưa tổ chức định kỳ, thường xuyên. Mẫu biểu khảo sát, bảng hỏi chưa được cập nhật, điều chỉnh để bảo đảm đánh giá đúng thực chất và yêu cầu của các bên liên quan về CTĐT và các hoạt động liên quan đến đào tạo.

4. Kế hoạch hành động

Phát huy điểm mạnh: Từ năm học 2022 - 2023, P. KT & ĐBCLGD căn cứ Quy định công tác lấy ý kiến phản hồi của các bên liên quan hướng dẫn Khoa CNĐATH thực hiện hoạt động tìm hiểu mức độ hài lòng của các bên liên về CTĐT.

Khắc phục tồn tại: Từ năm học 2022 - 2023 trở đi, Khoa CNĐATH lập kế hoạch phối hợp với P.KT& ĐBCLGD tổ chức lấy ý kiến phản hồi của các bên liên quan đồng thời điều chỉnh các tiêu chí đánh giá ở các mẫu phiếu để bảo đảm tính cập nhật và phù hợp với mong muốn của đối tượng được khảo sát.

5. Tự đánh giá: Tiêu chí đạt (mức 4/7).

Kết luận về Tiêu chuẩn 11

Điểm mạnh nổi bật: Sinh viên chuyên ngành ÂTĐATH có tỷ lệ tốt nghiệp cao, nắm vững các kiến thức được học để có thể tham gia vào thị trường lao động. Giảng viên, sinh viên, cựu sinh viên và nhà tuyển dụng đánh giá hài lòng về CTĐT.

Điểm tồn tại cơ bản: Quy định về hoạt động nghiên cứu khoa học của sinh viên Trường ĐHSKĐAHN chưa được đánh giá việc thực hiện. Hoạt động NCKH của SV chuyên ngành ÂTĐATH đánh giá còn định tính (bằng hình thức làm sản phẩm âm thanh).

Kết quả đánh giá về tiêu chuẩn 11: Tiêu chuẩn 11 có 5 tiêu chí, trong đó cả 5 tiêu chí đạt mức 4/7 điểm.

PHẦN III. KẾT LUẬN

Căn cứ vào sứ mạng của Trường ĐHSK- ĐAHN là trường đào tạo nhân lực cho ngành sân khấu, điện ảnh, truyền hình lớn nhất khu vực phía Bắc; là một cơ sở đào tạo nghệ thuật sân khấu và điện ảnh, truyền hình bậc đại học và sau đại học duy nhất của cả nước. Trường có sứ mạng rõ ràng, phù hợp với chức năng, nguồn lực của Trường. Trường đã góp phần rất lớn trong việc đáp ứng nhu cầu nhân lực của ngành văn hóa, thể thao và du lịch nói riêng và cả nước nói chung cũng như trong việc thực hiện những kế hoạch, chiến lược về giáo dục và đào tạo của Chính phủ. CTĐT chuyên ngành ÂTDATH được xem là một trong những chương trình then chốt của Nhà trường. Do đó việc đánh giá chương trình là tất yếu nhằm không ngừng cải tiến chất lượng đào tạo trên cơ sở đổi mới chương trình, nội dung giáo dục, phương pháp dạy học và tạo điều kiện tốt nhất cho người học; nâng cao hiệu quả của hệ thống ĐBCL và định kỳ tham gia kiểm định chất lượng.

Trên cơ sở những nội dung đã trình bày ở phần mô tả, hiệu quả các hoạt động của CTĐT được phân tích, đánh giá chi tiết theo từng tiêu chuẩn, tiêu chí. CTĐT cử nhân chuyên ngành ÂTDATH trong vòng 5 năm qua (2017 - 2021) đã đào tạo cơ bản đội ngũ cung cấp cho thị trường việc làm.

Mục tiêu và CĐR của CTĐT chuyên ngành ÂTDATH đã xác định rõ ràng các hướng đào tạo chuyên sâu đáp ứng nhu cầu ngày càng cao của xã hội. Mục tiêu được cụ thể hóa thành các nhiệm vụ, kế hoạch đào tạo theo từng năm học, từng học kỳ và được quán triệt đến từng cán bộ, GV nhằm hoàn thành tốt nhất mục tiêu đề ra. CĐR của CTĐT được thiết kế phát huy năng lực chủ động, sáng tạo của SV, đồng thời tạo môi trường thuận lợi cho SV giao lưu, hợp tác trong học tập, tìm hiểu thông tin và nhận hỗ trợ từ phía GV hoặc cố vấn học tập. SV qua đó có điều kiện phát triển kiến thức chuyên môn, kỹ năng nghề nghiệp cũng như phẩm chất cá nhân cần thiết. CĐR chuyên ngành ÂTDATH được công bố công khai đến từng sinh viên thông qua trang học tập cá nhân trên hệ thống Website của Trường ở mỗi kì học, mỗi năm học.

Thông tin trong bản mô tả CTĐT chuyên ngành ÂTDATH được công bố rõ ràng, đầy đủ và tường minh. Bản mô tả CTĐT thường xuyên được điều chỉnh, cập nhật theo các xu hướng đào tạo và nghiên cứu mới về lĩnh vực CNĐATH..... Quá trình bổ sung, điều chỉnh của Khoa đều dựa trên nhiều nguồn thông tin khác nhau như đóng góp, xây dựng của hội đồng KHĐT Khoa, cựu SV, giảng viên, các đơn vị tuyển dụng, các nhà chuyên môn. Bản mô tả CTĐT được cụ thể hóa trong các đề cương học phần của chương trình. Đề cương của các học phần được chuẩn

hóa theo quy định của Trường ĐHSKĐAHN. Mọi thông tin liên quan đến bản mô tả CTĐT, đến học phần, cấu trúc, nội dung, phương pháp kiểm tra đánh giá, ... của học phần đều được cung cấp đầy đủ, được công bố công khai và dễ tiếp cận để SV lựa chọn hợp lý cho lộ trình, kế hoạch học tập của bản thân theo từng học kỳ, từng năm và toàn khóa học.

CTDH của chuyên ngành ÂTDATH được thiết kế với các học phần có nội dung bao trùm các CDR của CTĐT. Hội đồng KH&ĐT của Khoa CNĐATH đã chú ý tới tính logic và tính tích hợp của các học phần trong CTDH nhằm bảo đảm cho SV được tiếp cận các kiến thức theo trình tự từ cơ bản đến chuyên sâu, từ đơn giản đến phức tạp, từ kiến thức chung đến kiến thức ngành hẹp. Bên cạnh đó, chương trình còn nhấn mạnh đến việc rèn luyện các kỹ năng cần thiết và năng lực phát triển nghề nghiệp cho SV. Nội dung của các học phần kiến thức cơ sở và kiến thức chuyên ngành phù hợp, bổ trợ lẫn nhau. CTDH được thiết kế logic, theo trình tự hợp lý và có hệ thống, mang tính tích hợp cao và đáp ứng xu hướng phát triển liên quan đến chuyên ngành ÂTDATH trong khu vực và trên thế giới. CTDH thể hiện được năng lực của SV tốt nghiệp. Các học phần được thiết kế đề cao tính ứng dụng; các học phần kiến thức, kỹ năng chuyên sâu được xây dựng có tác dụng bổ trợ lẫn nhau, giúp SV lĩnh hội sâu sắc đầy đủ kiến thức lý thuyết và thực hành.

Phương pháp tiếp cận trong dạy và học của CTĐT chuyên ngành ÂTDATH phù hợp, rõ ràng và được công bố công khai, rộng rãi. Các hoạt động giảng dạy và học tập đa dạng như bài giảng lý thuyết, thực hành, thảo luận, thuyết trình, thực tập, tự học và tự nghiên cứu thuật giúp SV có khả năng học tập suốt đời. Có sự tương tác hỗ trợ giữa người dạy với người học. Môi trường học cởi mở và thân thiện, có sự tương tác hiệu quả giữa GV và SV; các GV luôn tôn trọng và giúp đỡ người học.

Việc đánh giá kết quả học tập của SV chuyên ngành ÂTDATH, Khoa CNĐATH được thực hiện một cách chuyên nghiệp, bám sát các quy định, hướng dẫn của Trường ĐHSKĐAHN để bảo đảm tính công khai, minh bạch và công bằng trong đánh giá kết quả học tập của SV. Khoa CNĐATH luôn tập trung sâu vào đánh giá năng lực của người học thông qua các kỳ thi, kiểm tra, đặc biệt trong việc đo lường được mức độ đạt được chuẩn đầu ra của môn học và CTĐT, đa dạng hóa các phương thức đánh giá, phản hồi đến người học để người học xác định và điều chỉnh kế hoạch học tập.

Đội ngũ giảng viên trong chuyên ngành ÂTDATH có trình độ chuyên môn cao, năng động và nhiệt huyết, do vậy, công tác giảng dạy và nghiên cứu khoa học của Khoa đã có những thành tích nhất định.

Trong giảng dạy, với số lượng người học như hiện tại, đội ngũ giảng viên

của Khoa luôn hoàn thành vượt mức giờ giảng theo quy định và đa số giảng viên có kết quả đánh giá giảng dạy ở mức cao theo thăm dò ý kiến từ sinh viên. Trong NCKH, tuy vẫn còn tồn tại một số hạn chế nhưng đội ngũ giảng viên của Khoa cũng đã tích cực tham gia vào tất cả loại hình nghiên cứu, nhiều giảng viên được khen thưởng hoặc nhận các giải thưởng danh giá. Công tác đánh giá, quy hoạch, đào tạo, phát triển đội ngũ giảng viên của Khoa và Nhà trường cụ thể, đáp ứng nhu cầu của giảng viên, phù hợp với chiến lược phát triển của Nhà trường. Đội ngũ nhân viên hỗ trợ cho CTĐT chuyên ngành ÂTĐATH có trình độ chuyên môn cơ bản đáp ứng được nhu cầu công việc. Ngoài ra, đội ngũ này cũng rất năng động và nhiệt huyết, do vậy, công việc luôn được triển khai và hoàn thành tốt. Ngoài ra, Trường luôn có những chế độ khen thưởng và kỷ luật phù hợp để quản lý công việc của đội ngũ này. Công tác đánh giá, quy hoạch, đào tạo, phát triển đội ngũ nhân viên của Khoa và Nhà trường cụ thể, đáp ứng nhu cầu của ngành và phù hợp với chiến lược phát triển của Nhà trường.

Việc tuyển sinh được thực hiện một cách công khai, nghiêm túc, vì thế hằng năm chuyên ngành ÂTĐATH tuyển chọn được một số lượng sinh viên có năng lực đạt yêu cầu đầu vào. Bên cạnh đó, người học được hỗ trợ thường xuyên và hiệu quả của Khoa và Nhà trường về hoạt động tư vấn học tập, hướng nghiệp, được tạo điều kiện thuận lợi nhất để phát triển năng lực học tập, NCKH và thể chất, tinh thần, nhằm giúp cải tiến các hoạt động nâng cao chất lượng và sự tiến bộ trong học tập, rèn luyện của bản thân. Tuy nhiên, do các hoạt động tiếp cận đề giới thiệu, truyền thông tới thí sinh về chuyên ngành còn nhiều hạn chế, vì thế, số lượng thí sinh đăng ký dự thi còn ít nên hàng năm Khoa không tuyển sinh đủ chỉ tiêu cho chuyên ngành này.

Trường ĐHSKĐAHN có hệ thống phòng làm việc, phòng học và các phòng thực hành với các trang thiết bị phù hợp để hỗ trợ các hoạt động đào tạo và nghiên cứu. Thư viện và các nguồn học liệu phù hợp và được cập nhật để hỗ trợ các hoạt động đào tạo và nghiên cứu cho các ngành. Hệ thống công nghệ thông tin đã và đang phát huy hiệu quả để hỗ trợ các hoạt động đào tạo và nghiên cứu. Các tiêu chuẩn về môi trường, sức khỏe, an toàn đạt yêu cầu của cán bộ, giảng viên và người học của Trường.

Thứ chín, công tác nâng cao chất lượng đào tạo chuyên ngành ÂTĐATH được Nhà trường và Khoa hết sức quan tâm nhằm đáp ứng yêu cầu ngày càng cao về nguồn nhân lực của xã hội và nhà tuyển dụng. Việc thu thập các thông tin phản hồi từ nhà quản lý giáo dục, giảng viên, người học, nhà tuyển dụng và cựu người học được chú trọng và thực hiện đầy đủ. Các thông tin phản hồi là cơ sở để xây dựng, hoàn thiện và cải tiến CTĐT. Quá trình dạy và học, việc đánh giá kết quả

học tập của người học được rà soát và đánh giá thường xuyên để bảo đảm sự tương thích và phù hợp với CDR. Các hoạt động nghề nghiệp tương đương nghiên cứu khoa học được giảng viên và SV quan tâm và được sử dụng trong cải tiến chất lượng dạy và học.

Chất lượng các dịch vụ hỗ trợ và tiện ích thường xuyên được rà soát và nâng cao chất lượng dịch vụ nhằm tạo điều kiện tốt nhất cho giảng viên và người học trong dạy- học và nghiên cứu khoa học .

Sinh viên chuyên ngành ÂTDATH có tỷ lệ tốt nghiệp cao, nắm vững các kiến thức được học để có thể tham gia vào thị trường lao động. Giảng viên, sinh viên, cựu sinh viên và nhà tuyển dụng đánh giá hài lòng về CTĐT.

Bên cạnh những điểm nổi bật đã nêu trên, CTĐT cử nhân chuyên ngành ÂTDATH cũng cũng có một số tồn tại sau:

Việc rà soát, điều chỉnh và cập nhật mục tiêu, CDR của CTĐT mới chỉ được thực hiện theo hướng dẫn, quy định của Nhà trường. Khoa chưa chủ động tiến hành công việc này theo từng năm học, cũng như chưa thiết lập được kênh thông tin riêng như Website của Khoa để tạo thuận lợi cho việc trao đổi, hợp tác với các đối tác, sự phản hồi của cựu SV, SV.

Thiết bị cho chuyên ngành ÂTDATH vẫn chậm được cập nhật với sự phát triển của thế giới, tài liệu, giáo trình được dịch ra tiếng Việt vẫn còn hạn chế và chưa được cập nhật thường xuyên. Phòng thực hành chưa được trang bị với xu thế cập nhật công nghệ như thực tiễn sản xuất để hỗ trợ các hoạt động đào tạo và nghiên cứu.

Việc cung cấp thông tin bản mô tả CTĐT và các đề cương học phần đến các bên có liên quan còn đang được thực hiện một cách hạn hẹp, và không chuyên nghiệp. Khoa thiếu cơ sở dữ liệu cập nhật về việc lấy ý kiến của nhà tuyển dụng, của cựu SV để bổ sung, điều chỉnh và cập nhật bản mô tả CTĐT, các đề cương học phần. Phạm vi, đối tượng lấy ý kiến phản hồi chưa rộng. CDR của một số học phần chưa thực sự rõ ràng và tính định lượng chưa cao dẫn đến khó khăn cho GV khi thực hiện và đánh giá học phần. Một số nội dung và tiêu chí đánh giá học phần cần phải thay đổi để phù hợp hơn nữa với CDR của CTĐT.

Hoạt động thực hành và trải nghiệm chưa thực sự đáp ứng được yêu cầu thực tiễn. Số ít SV chưa xác định được động cơ học tập đúng đắn, còn thụ động, thiếu kỹ năng tự học và tự nghiên cứu.

Việc rà soát, điều chỉnh và cập nhật mục tiêu chưa được tiến hành một cách kỹ lưỡng về tính phù hợp với nhu cầu xã hội hiện nay; Khoa mới thực hiện rà soát và điều chỉnh CDR của CTĐT theo hướng dẫn, quy định của Nhà trường mà chưa

chủ động tiến hành công việc này theo từng năm học; chưa có sự liên hệ thật sự chặt chẽ trong quá trình SV thực tập tại cơ sở, các ký kết với cơ sở thực tế chưa có những ràng buộc liên quan nhiều đến chuẩn đầu ra theo từng năm học và từng chuyên ngành mà SV phải đạt tới; Khoa chưa thiết lập được kênh thông tin riêng trên Website của Khoa để tạo thuận lợi cho việc trao đổi, hợp tác với các đối tác, sự phản hồi của cựu SV, SV.

CĐR của một số học phần chưa rõ ràng và tính định lượng chưa cao dẫn đến khó khăn cho GV khi thực hiện và đánh giá học phần. Một số nội dung và tiêu chí đánh giá học phần cần phải thay đổi để phù hợp hơn nữa với CĐR của chương trình đào tạo.

Nhiều SV chưa xác định được động cơ học tập đúng đắn, còn thụ động, thiếu kỹ năng tự học và tự nghiên cứu.

Với những điểm nổi bật và một số tồn tại đã nêu ra ở trên, kết quả tự đánh giá CTĐT cử nhân chuyên ngành ÂTDATH được thể hiện thông qua bảng sau:

BẢNG TỔNG HỢP KẾT QUẢ TỰ ĐÁNH GIÁ CTĐT
CỬ NHÂN CHUYÊN NGÀNH ÂM THANH ĐIỆN ẢNH - TRUYỀN HÌNH

Tên cơ sở giáo dục: **Trường Đại học Sân khấu - Điện ảnh Hà Nội**

Mã: **7210235A**

Tên CTĐT: **Cử nhân Âm thanh điện ảnh – truyền hình**

Mã CTĐT: **7210235A**

Tiêu chuẩn, tiêu chí	Thang đánh giá							Tổng hợp theo tiêu chuẩn		
	Chưa đạt			Đạt				Mức trung bình	Số tiêu chí đạt	Tỷ lệ số tiêu chí đạt (%)
	1	2	3	4	5	6	7			
Tiêu chuẩn 1								4,33	3	100 (3/3)
Tiêu chí 1.1					x					
Tiêu chí 1.2				x						
Tiêu chí 1.3				x						
Tiêu chuẩn 2								4,00	3	100 (3/3)
Tiêu chí 2.1				x						
Tiêu chí 2.2				x						
Tiêu chí 2.3				x						
Tiêu chuẩn 3								4,00	3	100 (3/3)
Tiêu chí 3.1				x						
Tiêu chí 3.2				x						
Tiêu chí 3.3				x						
Tiêu chuẩn 4								4,00	3	100 (3/3)
Tiêu chí 4.1				x						
Tiêu chí 4.2				x						
Tiêu chí 4.3				x						
Tiêu chuẩn 5								4,00	5	100 (5/5)
Tiêu chí 5.1				x						
Tiêu chí 5.2				x						
Tiêu chí 5.3				x						
Tiêu chí 5.4				x						
Tiêu chí 5.5				x						
Tiêu chuẩn 6								4,00	7	100 (7/7)
Tiêu chí 6.1				x						
Tiêu chí 6.2				x						
Tiêu chí 6.3				x						
Tiêu chí 6.4				x						
Tiêu chí 6.5				x						
Tiêu chí 6.6				x						
Tiêu chí 6.7				x						

Tiêu chuẩn 7								4,00	5	100 (5/5)
Tiêu chí 7.1				x						
Tiêu chí 7.2				x						
Tiêu chí 7.3				x						
Tiêu chí 7.4				x						
Tiêu chí 7.5				x						
Tiêu chuẩn 8								4,40	5	100 (5/5)
Tiêu chí 8.1				x						
Tiêu chí 8.2					x					
Tiêu chí 8.3				x						
Tiêu chí 8.4				x						
Tiêu chí 8.5					x					
Tiêu chuẩn 9								5,00	5	100 (5/5)
Tiêu chí 9.1					x					
Tiêu chí 9.2					x					
Tiêu chí 9.3					x					
Tiêu chí 9.4					x					
Tiêu chí 9.5					x					
Tiêu chuẩn 10								4,16	6/6	100 (6/6)
Tiêu chí 10.1				x						
Tiêu chí 10.2				x						
Tiêu chí 10.3				x						
Tiêu chí 10.4					x					
Tiêu chí 10.5				x						
Tiêu chí 10.6				x						
Tiêu chuẩn 11								4,00	5/5	100 (5/5)
Tiêu chí 11.1				x						
Tiêu chí 11.2				x						
Tiêu chí 11.3				x						
Tiêu chí 11.4				x						
Tiêu chí 11.5				x						
Đánh giá chung CTĐT								4,17	50/50	100%

Hà Nội, ngày 22 tháng 12 năm 2022


HIỆU TRƯỞNG
PGS.TS. Nguyễn Đình Thi

PHẦN IV. PHỤ LỤC

1. Cơ sở dữ liệu kiểm định chất lượng CTĐT (Phụ lục 7):

Thời điểm báo cáo: Tính đến ngày 15/10 /2022.

I. Thông tin chung về cơ sở giáo dục

1. Tên cơ sở giáo dục (theo Quyết định thành lập)

Tiếng Việt: Trường Đại học Sân Khấu - Điện Ảnh Hà Nội

Tiếng Anh: Hanoi Academy of Theatre and Cinema

2. Tên viết tắt của cơ sở giáo dục

Tiếng Việt:

Tiếng Anh:

3. Tên trước đây (nếu có):

4. Cơ quan quản lý trực tiếp: Bộ Văn hóa Thể thao & Du lịch

5. Địa chỉ: Khu văn hóa nghệ thuật, P Mai Dịch, Q Cầu Giấy, TP Hà Nội

6. Thông tin liên hệ: Điện thoại 84.4.37643397

E-mail: skd@moet.edu.vn Website: www.skda.edu.vn

7. Năm thành lập cơ sở giáo dục (theo Quyết định thành lập): 1980

8. Thời gian bắt đầu đào tạo khóa I: 1980

9. Thời gian cấp bằng tốt nghiệp cho khoá I: 1984

10. Loại hình cơ sở giáo dục:

Công lập ☒ Bán công ☐ Dân lập ☐ Tư thực ☐

11. Loại hình khác (đề nghị ghi rõ).....

II. Thông tin chung về cơ sở giáo dục thực hiện chương trình đào tạo

12. Tên Khoa/Bộ môn thực hiện CTĐT (theo Quyết định thành lập)

Tiếng Việt: Khoa Công nghệ Điện ảnh – Truyền hình

Tiếng Anh: Department of Cinema and Television Technology

13. Tên viết tắt của Khoa/Bộ môn thực hiện CTĐT:

Tiếng Việt: (Không)

Tiếng Anh: (Không)

14. Tên trước đây (nếu có)

Tiếng Việt: Khoa Kinh tế, Kỹ thuật Điện ảnh – Truyền hình; Khoa Kỹ thuật, Công nghệ Điện ảnh – Truyền hình

Tiếng Anh: Department of Film and Television Production and Technic;
Department of Film and Television Technic and Technology

15. Mã CTĐT: 7210302B

16. Tên trước đây của CTĐT (nếu có): (không)

17. Địa chỉ của Khoa/Bộ môn thực hiện CTĐT: Tầng 6 nhà A2, Trường ĐHSKĐAHN, Khu văn hóa nghệ thuật, P Mai Dịch, Q Cầu Giấy, TP Hà Nội

18. Số điện thoại liên hệ: 02437648631; Email: cndath@gmail.com Website:

19. Năm thành lập Khoa/Bộ môn (theo Quyết định thành lập): 1995

20. Thời gian bắt đầu đào tạo khóa I (của CTĐT): 2005

21. Thời gian cấp bằng tốt nghiệp cho khóa I (của CTĐT): 2009

III. Giới thiệu khái quát về đơn vị thực hiện chương trình đào tạo

22. Khái quát về lịch sử phát triển, tóm tắt thành tích nổi bật của đơn vị thực hiện CTĐT (nêu tóm tắt các giai đoạn phát triển, tổng số ngành, chương trình, ... quan hệ hợp tác, thành tích nổi bật):

Khoa Công nghệ Điện ảnh Truyền hình – tiền thân là Trường Điện ảnh Việt Nam được thành lập vào ngày 31/10/1959. Ngày 30/3/2005, Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo đã ký quyết định số 1337/QĐ/BGDĐT ban hành chương trình đào tạo đại học và cho phép Trường được tuyển sinh đào tạo 02 ngành: Công nghệ điện ảnh – truyền hình và Công nghệ kỹ thuật điện, điện tử. Từ năm 2005 đến 2012, Khoa liên tục tuyển sinh trình độ đại học chính quy của 2 ngành trên, nhưng không tuyển sinh hệ cao đẳng. Ngoài ra, từ năm 2010 đến năm 2012, Khoa tiếp tục tuyển thêm hệ cao đẳng ngành Công nghệ điện ảnh – truyền hình.

Bắt đầu từ năm 2013, để đáp ứng theo nhu cầu thực tiễn của ngành điện ảnh – truyền hình, Khoa đào tạo theo 2 chuyên ngành là Công nghệ dựng phim và Âm thanh điện ảnh- truyền hình thuộc ngành Công nghệ điện ảnh – truyền hình.

Chuyên ngành Công nghệ Dựng phim nhằm đào tạo sinh viên thành những cử nhân chuyên ngành công nghệ dựng phim. Sinh viên sau khi tốt nghiệp có khả năng ứng dụng kỹ thuật chuyên sâu về công nghệ dựng phim kết hợp với kiến thức cơ bản về nghệ thuật điện ảnh để đảm nhận các công việc về dựng phim điện ảnh – truyền hình tại các hãng phim, các đài truyền hình, các công ty truyền thông đa phương tiện.

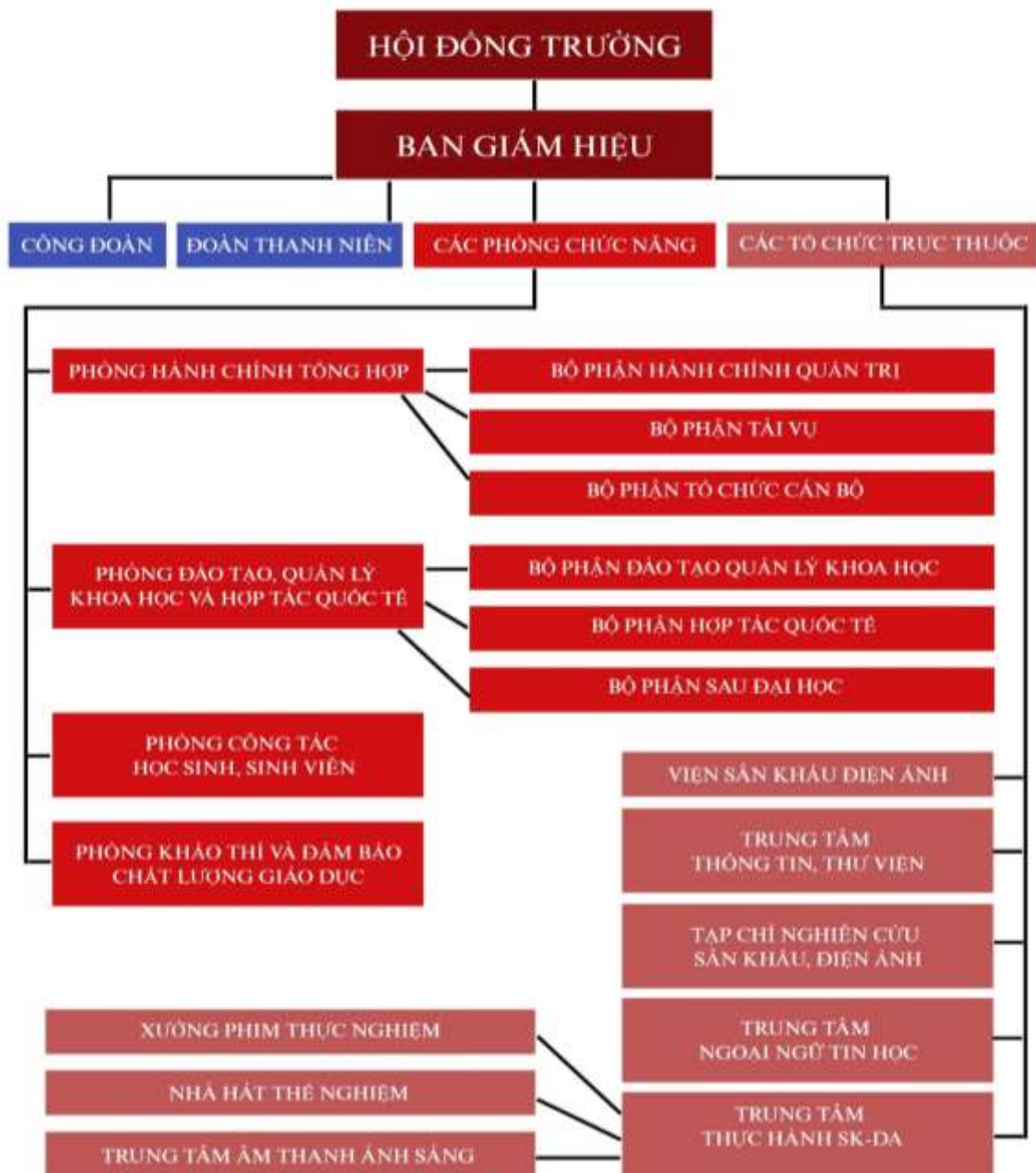
Chuyên ngành Âm thanh điện ảnh – truyền hình nhằm đào tạo sinh viên thành những cử nhân chuyên ngành âm thanh điện ảnh – truyền hình. Sinh viên sau khi tốt nghiệp có khả năng ứng dụng kỹ thuật chuyên sâu về công nghệ âm thanh điện ảnh – truyền hình kết hợp với kiến thức cơ bản về nghệ thuật điện ảnh để đảm nhận các công việc thuộc lĩnh vực làm âm thanh trong phim, trong các tác phẩm điện ảnh – truyền hình tại các hãng phim, các đài truyền hình, các công ty truyền thông đa phương tiện.

Được sự quan tâm của Bộ Văn hoá, Thể thao và Du lịch cùng Ban Giám hiệu Nhà trường, trong nhiều năm qua, Khoa Khoa Công nghệ Điện ảnh Truyền hình đã được đầu tư về trang thiết bị, cơ sở vật chất, phòng thí nghiệm, phòng thực hành, thuộc các lĩnh vực: kỹ thuật điện tử; thiết bị chiếu phim nhựa; thiết bị chiếu phim video; thiết bị dựng phim video; thiết bị dựng âm thanh; hòa âm, đáp ứng nhu cầu đào tạo với số lượng 200 sinh viên / năm / các khoá học. Các phòng học được xây dựng mới, đảm bảo đúng quy chuẩn của Bộ.

Sự nghiệp phát triển đào tạo của Khoa được gắn liền và đồng hành với ngành điện ảnh – truyền hình Việt Nam. Khoa Công nghệ Điện ảnh Truyền hình là nơi đào tạo nguồn nhân lực cho ngành. Nhiều thế hệ sinh viên của Trường, của Khoa đã trưởng thành và có nhiều đóng góp cho sự phát triển của ngành điện ảnh – truyền hình ngày nay.

23. Cơ cấu tổ chức hành chính của cơ sở giáo dục và đơn vị thực hiện CTĐT (vẽ sơ đồ riêng).

SƠ ĐỒ CƠ CẤU TỔ CHỨC TRƯỜNG ĐẠI HỌC SÂN KHẤU ĐIỆN ẢNH HÀ NỘI



24. Danh sách Ban lãnh đạo cơ sở giáo dục và danh sách cán bộ lãnh đạo chủ chốt của đơn vị thực hiện CTĐT:

Danh sách Ban lãnh đạo cơ sở giáo dục

- PGS.TS.NGND Nguyễn Đình Thi: Hiệu trưởng
- ThS Nguyễn Thị Thanh Quế: Phó Hiệu trưởng
- TS Phạm Đắc Thi: Phó Hiệu trưởng

Danh sách cán bộ lãnh đạo chủ chốt của đơn vị thực hiện CTĐT

- ThS. Hoàng Thị Thu Thủy: Phó Trưởng Khoa Công nghệ Điện ảnh - Truyền hình (từ tháng 4.2017).

- ThS. Trần Nguyên Anh: Phó Trưởng Khoa Công nghệ Điện ảnh - Truyền hình (tháng 6.2021).

(Riêng Ban lãnh đạo đơn vị thực hiện CTĐT ghi đầy đủ cả cấp trưởng, phó, còn lại các bộ phận khác chỉ ghi cấp trưởng).

TT	Các bộ phận	Họ và tên	Năm sinh	Học vị, chức danh, chức vụ	Điện thoại	Email
	Ban lãnh đạo cơ sở giáo dục					
1	Hiệu trưởng	Nguyễn Đình Thi	1964	PGS.TS.NGND	0913588863	thidinhnguyen@hotmail.com
2	Phó hiệu trưởng	Nguyễn Thị Thanh Quế	1967	ThS	0985577500	thanhque2001@gmail.com
3	Phó hiệu trưởng	Phạm Đắc Thi	1970	TS	0912312989	pdthi2012@gmail.com
	Đơn vị thực hiện CTĐT					
I.	Lãnh đạo chủ chốt của đơn vị					
1.	Phó Trưởng Khoa	Hoàng Thị Thu Thủy	1978	ThS	0983185629	hoangthuyskda@gmail.com
2.	Phó trưởng Khoa	Trần Nguyên Anh	1969	ThS	0983197560	nguyenanhskda@gmail.com
II.	Các tổ chức Đảng, Đoàn TN, Công đoàn, Hội					

1.	Bí thư Đảng ủy	Nguyễn Đình Thi	1964	PGS.TS.NGND	0913588863	thidinhnguyen@hotmail.com
2.	Chủ tịch công đoàn Trường	Hoàng Dạ Vũ	1985	ThS	0983290885	hoangdavu2908@gmail.com
3.	Bí thư đoàn thanh niên	Lê Thị Ly Như	1984	ThS	0985875665	lynhu1984@gmail.com
III.	Các phòng, ban					
1.	Trưởng phòng ĐT QLKH và HTQT	Nguyễn Thị Hồng Hiền	1980	TS	0912798888	nguyenhonghien0110@gmail.com
2.	Trưởng phòng CTHSSV	Trần Thị Tuyết Hồng	1983	ThS	0982387183	tuyethongpdt.skda@gmail.com
3.	Trưởng phòng Hành chính tổng hợp	Nguyễn Thị Thu Hiền	1983	TS	0906113599	nguyenhienskda@gmail.com
4.	Trưởng phòng Khảo thí và ĐBCLGD	Trịnh Thúy Hương	1981	TS	0912804603	trinh.thuyhuong81@gmail.com
IV.	Các bộ môn					
1.	Tổ trưởng tổ bộ môn Âm thanh ĐATH	Nguyễn Hữu Mỹ	1982	ThS	0984585809	huumynguyen@gmail.com
2.	Tổ trưởng tổ bộ môn Công nghệ Dựng phim	Hoàng Thị Thu Thủy	1978	ThS	0983185629	hoangthuyskda@gmail.com

(Kéo dài Bảng biểu theo quy mô của đơn vị thực hiện CTĐT)

25. Các ngành/chuyên ngành đào tạo của đơn vị thực hiện CTĐT: 02

26. Số lượng chuyên ngành đào tạo tiến sĩ: Không

27. Số lượng chuyên ngành đào tạo thạc sĩ: Không

28. Số lượng ngành đào tạo đại học: 02

29. Số lượng ngành đào tạo cao đẳng: Không

30. Số lượng ngành (chuyên ngành) đào tạo khác (đề nghị nêu rõ): Không

(Đơn vị thực hiện CTĐT cần có cơ sở dữ liệu các ngành, chuyên ngành đào tạo theo bậc học để cung cấp thông tin cho mục 27).

31. Các loại hình đào tạo của đơn vị thực hiện CTĐT (đánh dấu x vào các ô tương ứng)

	Có	Không
Chính quy	☒	☐
Không chính quy	☐	☐
Từ xa	☐	☐
Liên kết đào tạo với nước ngoài		☐
Liên kết đào tạo trong nước	☐	☐

Các loại hình đào tạo khác (nếu có, ghi rõ từng loại hình):

32. Tổng số các ngành đào tạo: 02

IV. Cán bộ quản lý, giảng viên, nhân viên của đơn vị thực hiện chương trình đào tạo

33. Thống kê số lượng cán bộ quản lý, giảng viên và nhân viên của đơn vị thực hiện CTĐT

TT	Phân loại	Nam	Nữ	Tổng số
I	Đội ngũ cơ hữu¹ <i>Trong đó: 2 cán bộ quản lý điều ngạch giảng viên. Cả 8 giảng viên đều trong biên chế</i>	6	2	8
I.1	Đội ngũ trong biên chế	6	2	8
I.2	Đội ngũ hợp đồng dài hạn (từ 1 năm trở lên) và hợp đồng không xác định thời hạn	0	0	0
II	Các đối tượng khác Hợp đồng ngắn hạn (dưới 01 năm, bao gồm cả giảng viên thỉnh giảng ²)	0	0	0
	Tổng số			8

(Đơn vị thực hiện CTĐT cần có cơ sở dữ liệu về đội ngũ của đơn vị, bao gồm cả cơ hữu và hợp đồng ngắn hạn. Từ cơ sở dữ liệu lấy ra các thông tin trên).

¹ Đội ngũ cơ hữu là cán bộ quản lý, giảng viên, nhân viên trong biên chế và cán bộ hợp đồng dài hạn (từ 1 năm trở lên) hoặc cán bộ hợp đồng không xác định thời hạn theo quy định của Luật lao động sửa đổi.

² Giảng viên thỉnh giảng là cán bộ ở các cơ quan khác hoặc cán bộ nghỉ hưu hoặc diện tự do được đơn vị thực hiện CTĐT mời tham gia giảng dạy theo những chuyên đề, khoá học ngắn hạn hoặc theo các học phần, thông thường được ký các hợp đồng thời vụ, hợp đồng ngắn hạn (dưới 1 năm) theo quy định của Luật lao động sửa đổi.

34. Thống kê, phân loại giảng viên

TT	Trình độ, học vị, chức danh	Số lượng GV	Giảng viên cơ hữu (GV)			GV thỉnh giảng trong nước	GV quốc tế
			GV trong biên chế trực tiếp giảng dạy	GV hợp đồng dài hạn ³ trực tiếp giảng dạy	GV kiêm nhiệm là cán bộ quản lý		
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)	(8)
1	Giáo sư, Viện sĩ	0	0	0	0	0	0
2	Phó Giáo sư (NSND/NSUT)	8	1	0	0	0	0
3	Tiến sĩ Khoa học	0	0	0	0	0	0
4	Tiến sĩ	2	0	0	0	2	0
5	Thạc sĩ	8	8	0	0	8	0
6	Đại học	0	0	0	0	0	0
7	Cao đẳng	0	0	0	0	0	0
8	Trình độ khác	0	0	0	0	0	0
	Tổng số	0	0	0	0	0	0

(Khi tính số lượng các TSKH, TS thì không bao gồm những giảng viên vừa có học vị vừa có chức danh Khoa học vì đã tính ở 2 dòng trên)

Tổng số giảng viên cơ hữu = Cột (3) - cột (7) - cột (8) = 8 người

Tỷ lệ giảng viên cơ hữu trên tổng số cán bộ cơ hữu: 8/8

35. Quy đổi số lượng giảng viên của đơn vị thực hiện CTĐT theo quy định hiện hành của Bộ GDĐT (nếu đơn vị có giảng viên có trình độ TSKH nhưng không có học hàm thì tính ngang với Phó Giáo sư theo thứ tự như cột 3 trong Bảng 35).

³Hợp đồng dài hạn (sử dụng ở đây) bao gồm hợp đồng dài hạn (từ 1 năm trở lên) và hợp đồng không xác định thời hạn.

Số liệu Bảng 35 được lấy từ Bảng 35 nhân với hệ số quy đổi (Ví dụ đối với cơ sở giáo dục đại học, học viện: áp dụng Thông tư số 06/2018/TT-BGDĐT ngày 28/02/2018 của Bộ trưởng Bộ GDĐT).

TT	Trình độ, học vị, chức danh	Hệ số quy đổi	Số lượng GV	GV cơ hữu			GV thỉnh giảng	GV quốc tế	GV quy đổi
				GV trong biên chế trực tiếp giảng dạy	GV hợp đồng dài hạn trực tiếp giảng dạy	GV kiêm nhiệm là cán bộ quản lý			
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)	(8)	(9)	(10)
	Hệ số quy đổi			1,0	1,0	0,3	0,2	0,2	0
1	Giáo sư, Viện sĩ	5,0	0	0	0	0	0	0	0
2	Phó Giáo sư	3,0	10	3	3	0	1,8	0	7,8
3	Tiến sĩ Khoa học	3,0	0	0	0	0	0	0	0
4	Tiến sĩ	2	2	0	0	0	0,4	0	0,4
5	Thạc sĩ	1	18	10	0	0,3	1,4	0	11,7
6	Đại học	0,3	10	0,3	0	0	0,54	0	0,84
	Tổng								20,74

Cách tính: Cột 10 = cột 3*(cột 5 + cột 6 + 0,3*cột 7 + 0,2*cột 8 + 0,2*cột 9)

36. Thống kê, phân loại giảng viên cơ hữu theo trình độ, giới tính và độ tuổi (số người):

TT	Trình độ/ học vị	Số lượng	Tỷ lệ (%)	Phân loại theo giới tính (ng)		Phân loại theo tuổi (người)				
				Na m	Nữ	< 30	30-40	41-50	51-60	> 60
1	Giáo sư, Viện sĩ	0	0	0	0	0	0	0	0	0
2	Phó Giáo sư	0	0	0	0	0	0	0	0	0
3	Tiến sĩ Khoa học	0	0	0	0	0	0	0	0	0
4	Tiến sĩ	0	0	0	0	0	0	0	0	0
5	Thạc sĩ	8	100	6	2	0	5	3	0	0
6	Đại học	0	0	0	0	0	0	0	0	0
	Tổng	8		6	2		5	3	0	0

36.1. Tuổi trung bình của giảng viên cơ hữu: 38,5 tuổi

36.2. Tỷ lệ giảng viên cơ hữu có trình độ tiến sĩ trở lên trên tổng số giảng viên cơ hữu của đơn vị thực hiện CTĐT: 0/8

36.3. Tỷ lệ giảng viên cơ hữu có trình độ thạc sĩ trên tổng số giảng viên cơ hữu của đơn vị thực hiện CTĐT: 8/8

37. Thống kê, phân loại giảng viên cơ hữu theo mức độ thường xuyên sử dụng ngoại ngữ và tin học cho công tác giảng dạy và nghiên cứu

TT	Tần suất sử dụng	Tỷ lệ (%) GV cơ hữu sử dụng ngoại ngữ và tin học	
		Ngoại ngữ	Tin học
1	Luôn sử dụng (trên 80% thời gian của công việc)	0	100
2	Thường sử dụng (trên 60-80% thời gian của công việc)	30	0
3	Đôi khi sử dụng (trên 40-60% thời gian của công việc)	40	0
4	Ít khi sử dụng (trên 20-40% thời gian của công việc)	30	0
5	Hiếm khi sử dụng hoặc không sử dụng (0-20% thời gian của công việc)	0	0
	Tổng	100%	100%

V. Người học (chỉ tính số lượng người học của chương trình đào tạo)

38. Người học bao gồm học sinh, sinh viên, học viên cao học và nghiên cứu sinh

Tổng số người đăng ký dự tuyển vào CTĐT, số người học trúng tuyển và nhập học trong 5 năm gần đây (hệ chính quy):

Năm học	Số thí sinh đăng ký vào CTĐT (người)	Số trúng tuyển (người)	Tỷ lệ cạnh tranh	Số nhập học thực tế (người)	Điểm tuyển đầu vào/thang điểm	Điểm trung bình của sinh viên được tuyển	Số lượng sinh viên quốc tế nhập học (người)
2020-2021	0	0	0	0	0	0	0
2019 - 2020	10	7	0	6	14.30	22.5	0
2018 - 2019	0	0	0	0	0	0	0
2017 - 2018	4	3	0	3	15.50	21.5	0
2016 - 2017	0	0	0	0	0	0	0

39. Thống kê, phân loại số lượng người học theo học CTĐT trong 5 năm gần đây các hệ chính quy và không chính quy.

Đơn vị: người

Các tiêu chí	2020-2021	2019-2020	2018-2019	2017 -2018	2016-2017
1. Nghiên cứu sinh	0	0	0	0	0
2. Học viên cao học	0	0	0	0	0
3. Sinh viên đại học Trong đó:	6	9	11	15	33
Hệ chính quy	0	9	11	15	33
Hệ không chính quy	0	0	0	0	0
4. Sinh viên cao đẳng Trong đó:	0	0	0	0	0
Hệ chính quy	0	0	0	0	0
Hệ không chính quy	0	0	0	0	0

Các tiêu chí	2020-2021	2019-2020	2018-2019	2017 -2018	2016-2017
5. Học sinh TCCN Trong đó:	0	0	0	0	0
Hệ chính quy					
Hệ không chính quy	0	0	0	0	0
6. Khác ...	0	0	0	0	0

40. Số sinh viên quốc tế theo học CTĐT trong 5 năm gần đây:

Đơn vị: người

	Năm học				
	2020-2021	2019-2020	2018-2019	2017 -2018	2016-2017
Số lượng (người)	0	0	0	0	0
Tỷ lệ (%) trên tổng số người học					

41. Người học của CTĐT có chỗ ở trong ký túc xá/tổng số người học có nhu cầu:

Các tiêu chí	2017-2018	2018-2019	2019 -2020	2020-2021	2021-2022
1. Tổng diện tích phòng ở (m ²)	4800	4800	4800	4800	4800
2. Người học có nhu cầu về phòng ở (trong và ngoài ký túc xá) (người)					
3. Người học được ở trong ký túc xá (người)	4	2	3	4	3
4. Tỷ số diện tích trên đầu người học ở trong ký túc xá (m ² /người)	4 m ²	4 m ²	4 m ²	4 m ²	4m ²

43. Thống kê số lượng người học của CTĐT tốt nghiệp trong 5 năm gần đây

Đơn vị: người

Các tiêu chí	Năm tốt nghiệp				
	2020-2021	2019-2020	2018-2019	2017 - 2018	2016-2017
1. Nghiên cứu sinh bảo vệ thành công luận án tiến sĩ					
2. Học viên tốt nghiệp cao học					
3. Sinh viên tốt nghiệp đại học Trong đó:					
Hệ chính quy	0	0	5	10	18
Hệ không chính quy					
4. Sinh viên tốt nghiệp cao đẳng Trong đó:					
Hệ chính quy					
Hệ không chính quy					
5. Học sinh tốt nghiệp trung cấp Trong đó:					
Hệ chính quy					
Hệ không chính quy					
6. Khác...					

(Tính cả những người học đã đủ điều kiện tốt nghiệp theo quy định nhưng đang chờ cấp bằng)

44. Tình trạng tốt nghiệp của sinh viên hệ chính quy của CTĐT:

Các tiêu chí	Năm tốt nghiệp				
	2020-2021	2019-2020	2018-2019	2017 - 2018	2016-2017
1. Số lượng người học tốt nghiệp (người).	0	0	5	9	18
2. Tỷ lệ người học tốt nghiệp so với số tuyển vào (%).			100%	90%	100%
3. Đánh giá của người học tốt nghiệp về chất lượng CTĐT:					
A. Cơ sở giáo dục/Đơn vị thực hiện CTĐT không điều tra về vấn đề này → chuyển xuống câu 4	0	0	0	0	0
B. Cơ sở giáo dục/Đơn vị thực hiện CTĐT có điều tra về vấn đề này → điền các thông tin dưới đây:					
3.1. Tỷ lệ người học trả lời đã học được những kiến thức và kỹ năng cần thiết cho công việc theo ngành tốt nghiệp (%).					
3.2. Tỷ lệ người học trả lời <i>chỉ học được một phần</i> kiến thức và kỹ năng cần thiết cho công việc theo ngành tốt nghiệp (%).					
3.3. Tỷ lệ người học trả lời <i>không</i> học được những kiến thức và kỹ năng cần thiết cho công việc theo ngành tốt nghiệp					
4. Người học có việc làm trong năm đầu tiên sau khi tốt nghiệp:					
A. Cơ sở giáo dục/Đơn vị thực hiện CTĐT không điều tra về vấn đề này → chuyển xuống câu 5			0	0	0
B. Cơ sở giáo dục/Đơn vị thực hiện CTĐT có điều tra về vấn đề này → điền các thông tin dưới đây:					
4.1. Tỷ lệ người học có việc làm					

Các tiêu chí	Năm tốt nghiệp				
	2020-2021	2019-2020	2018-2019	2017 - 2018	2016-2017
đúng ngành đào tạo (%). - Sau 6 tháng tốt nghiệp. - Sau 12 tháng tốt nghiệp.					
4.2. Tỷ lệ người học có việc làm trái ngành đào tạo (%).					
4.3. Thu nhập bình quân/tháng của người học có việc làm.					
5. Đánh giá của nhà tuyển dụng về người học tốt nghiệp có việc làm đúng ngành đào tạo: A. Cơ sở giáo dục/Đơn vị thực hiện CTĐT không điều tra về vấn đề này → chuyển xuống kết thúc bảng này. B. Cơ sở giáo dục/Đơn vị thực hiện CTĐT có điều tra về vấn đề này → điền các thông tin dưới đây:	0	0	0	0	0
5.1. Tỷ lệ người học đáp ứng yêu cầu của công việc, có thể sử dụng được ngay (%).					
5.2. Tỷ lệ người học cơ bản đáp ứng yêu cầu của công việc, nhưng phải đào tạo thêm (%).					
5.3. Tỷ lệ người học phải được đào tạo lại hoặc đào tạo bổ sung ít nhất 6 tháng (%).					

Ghi chú:

- Người học tốt nghiệp là người học có đủ điều kiện để được công nhận tốt nghiệp theo quy định, kể cả những người học chưa nhận được bằng tốt nghiệp;
- Người học có việc làm là người học tìm được việc làm hoặc tạo được việc làm;
- Năm đầu tiên sau khi tốt nghiệp: 12 tháng kể từ ngày tốt nghiệp;
- Các mục bỏ trống đều được xem là cơ sở giáo dục/đơn vị thực hiện CTĐT không điều tra về việc này.

VI. Nghiên cứu khoa học và chuyển giao công nghệ

45. Số lượng đề tài nghiên cứu khoa học và chuyển giao Khoa học công nghệ của đơn vị thực hiện CTĐT được nghiệm thu trong 5 năm gần đây:

TT	Phân loại đề tài	Hệ số**	Số lượng					
			2016-2017	2017-2018	2018-2019	2019-2020	2020-2021	Tổng (đã quy đổi)
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)	(8)	(9)
1	Đề tài cấp NN	2,0	0	0	0	0	0	0
2	Đề tài cấp Bộ/Tỉnh*	1,0	0	0	0	0	0	0
3	Đề tài cấp Trường	0,5	0	0	0	0	0	0
	Tổng							0

Cách tính: Cột 9 = cột 3*(cột 4 + cột 5 + cột 6 + cột 7 + cột 8)

* Bao gồm đề tài cấp Bộ hoặc tương đương, đề tài nhánh cấp Nhà nước.

**Hệ số quy đổi: Dựa trên nguyên tắc tính điểm công trình của Hội đồng Giáo sư Nhà nước (có điều chỉnh).

Tổng số đề tài quy đổi: 0

Tỷ số đề tài nghiên cứu khoa học và chuyển giao Khoa học công nghệ (quy đổi) trên cán bộ cơ hữu của đơn vị thực hiện CTĐT: 0/8

45. Doanh thu từ nghiên cứu khoa học và chuyển giao công nghệ của đơn vị thực hiện CTĐT trong 5 năm gần đây:

TT	Năm	Doanh thu từ NCKH và chuyển giao công nghệ (triệu VNĐ)	Tỷ lệ doanh thu từ NCKH và chuyển giao công nghệ so với tổng kinh phí đầu vào của đơn vị thực hiện CTĐT (%)	Tỷ số doanh thu từ NCKH và chuyển giao công nghệ trên cán bộ cơ hữu (triệu VNĐ/ người)
1	20...	0	0	0
2	20...	0	0	0
3	20...	0	0	0
4	20...	0	0	0
5	20...	0	0	0

47. Số lượng đội ngũ cơ hữu của đơn vị thực hiện CTĐT tham gia thực hiện đề tài Khoa học trong 05 năm gần đây:

Số lượng đề tài	Số lượng cán bộ tham gia			Ghi chú
	Đề tài cấp NN	Đề tài cấp Bộ*	Đề tài cấp Trường	
Từ 1 đến 3 đề tài	0	0	0	
Từ 4 đến 6 đề tài	1	0	0	
Trên 6 đề tài	0	0	0	
Tổng số cán bộ tham gia	1		0	

* Bao gồm đề tài cấp Bộ hoặc tương đương, đề tài nhánh cấp Nhà nước

48. Số lượng đầu sách của đơn vị thực hiện CTĐT được xuất bản trong 5 năm gần đây:

TT	Phân loại sách	Hệ số*	Số lượng					Tổng (đã quy đổi)
			2016 - 2017	2017- 2018	2018- 2019	2019- 2020	2020- 2021	
1	Sách chuyên khảo	2,0	0	0	0	0	0	0
2	Sách giáo trình	1,5	0	0	0	0	0	0
3	Sách tham khảo	1,0	0	0	0	0	0	0
4	Sách hướng dẫn	0,5	0	0	0	0	0	0
	Tổng		0	0	0	0	0	0

**Hệ số quy đổi: Dựa trên nguyên tắc tính điểm công trình của Hội đồng Giáo sư Nhà nước (có điều chỉnh).

Tổng số sách (quy đổi): 0

Tỷ số sách đã được xuất bản (quy đổi) trên cán bộ cơ hữu: 0/8

49. Số lượng đội ngũ cơ hữu của đơn vị thực hiện CTĐT tham gia viết sách trong 5 năm gần đây:

Số lượng sách	Số lượng cán bộ cơ hữu tham gia viết sách			
	Sách chuyên khảo	Sách giáo trình	Sách tham khảo	Sách hướng dẫn
Từ 1 đến 3 cuốn sách	0	0	0	0
Từ 4 đến 6 cuốn sách	0	0	0	0
Trên 6 cuốn sách	0	0	0	0
Tổng số cán bộ tham gia	0	0	0	0

50. Số lượng bài của đội ngũ cơ hữu đơn vị thực hiện CTĐT được đăng tạp chí trong 5 năm gần đây:

TT	Phân loại tạp chí	Hệ số**	Số lượng					
			2016-2017	2017-2018	2018-2019	2019-2020	2020-2021	Tổng (đã quy đổi)
1	Tạp chí Khoa học quốc tế	1,5	0	0	0	0	0	0
2	Tạp chí Khoa học cấp ngành trong nước	1,0	0	3	0	0	0	0
3	Tạp chí / tập san của cấp Trường	0,5	0	0	0,5	0	0	0
	Tổng							0

**Hệ số quy đổi: Dựa trên nguyên tắc tính điểm công trình của Hội đồng Giáo sư Nhà nước (có điều chỉnh).

Tổng số bài đăng tạp chí (quy đổi): 0

Tỷ số bài đăng tạp chí (quy đổi) trên cán bộ cơ hữu: 0/8

51. Số lượng đội ngũ cơ hữu của đơn vị thực hiện CTĐT tham gia viết bài đăng tạp chí trong 5 năm gần đây:

Số lượng cán bộ cơ hữu có bài báo đăng trên tạp chí	Nơi đăng		
	Tạp chí Khoa học quốc tế (ISI, Scopus,...)	Tạp chí Khoa học cấp ngành trong nước	Tạp chí / tập san cấp Trường
Từ 1 đến 5 bài báo	0	1	4
Từ 6 đến 10 bài báo	0	0	0
Từ 11 đến 15 bài báo	0	0	0
Trên 15 bài báo	0	0	0
Tổng số cán bộ tham gia	0	1	4

52. Số lượng báo cáo Khoa học do đội ngũ cơ hữu của đơn vị thực hiện CTĐT báo cáo tại các hội nghị, hội thảo, được đăng toàn văn trong tuyển tập công trình hay kỷ yếu trong 5 năm gần đây:

TT	Phân loại hội thảo	Hệ số**	Số lượng					
			2016-2017	2017-2018	2018-2019	2019-2020	2020-2021	Tổng (đã quy đổi)
1	Hội thảo quốc tế	1,0	0	0	0	0	0	0
2	Hội thảo trong nước	0,5	0	0	1	0	0	0,5
3	Hội thảo cấp Trường	0,25	0	0	6	0	0	1,5
	Tổng							2

(Khi tính Hội thảo trong nước sẽ không bao gồm các Hội thảo của cơ sở giáo dục vì đã được tính 1 lần)

**Hệ số quy đổi: Dựa trên nguyên tắc tính điểm công trình của Hội đồng Giáo sư Nhà nước.

Tổng số bài báo cáo (quy đổi): 2

Tỷ số bài báo cáo (quy đổi) trên cán bộ cơ hữu: 2/8

53. Số lượng đội ngũ cơ hữu của đơn vị thực hiện CTĐT có báo cáo Khoa học

tại các hội nghị, hội thảo được đăng toàn văn trong tuyển tập công trình hay kỷ yếu trong 05 năm gần đây:

Số lượng cán bộ cơ hữu có báo cáo Khoa học tại các hội nghị, hội thảo	Cấp hội thảo		
	Hội thảo quốc tế	Hội thảo trong nước	Hội thảo ở Trường
Từ 1 đến 5 báo cáo	0	1	0
Từ 6 đến 10 báo cáo	0	0	6
Từ 11 đến 15 báo cáo	0	0	0
Trên 15 báo cáo	0	0	0
Tổng số cán bộ tham gia	0	1	6

(Khi tính Hội thảo trong nước sẽ không bao gồm các Hội thảo của Trường)

54. Số bằng phát minh, sáng chế được cấp

Năm học	Số bằng phát minh, sáng chế được cấp (ghi rõ nơi cấp, thời gian cấp, người được cấp)
20...-20...	0
20...-20...	0
20...-20...	0
20...-20...	0
20...-20...	0

55. Nghiên cứu khoa học của người học

55.1. Số lượng người học của đơn vị thực hiện CTĐT tham gia thực hiện đề tài Khoa học trong 5 năm gần đây:

Số lượng đề tài	Số lượng người học tham gia			Ghi chú
	Đề tài cấp NN	Đề tài cấp Bộ*	Đề tài cấp Trường	
Từ 1 đến 3 đề tài	0	0	0	0
Từ 4 đến 6 đề tài	0	0	0	0
Trên 6 đề tài	0	0	0	0
Tổng số người học tham gia	0	0	0	0

* Bao gồm đề tài cấp Bộ hoặc tương đương, đề tài nhánh cấp Nhà nước

55.2. Thành tích nghiên cứu khoa học của sinh viên:

(Thống kê các giải thưởng nghiên cứu Khoa học, sáng tạo, các bài báo, công trình được công bố)

TT	Thành tích nghiên cứu Khoa học	Số lượng				
		20...-20...	20...-20...	20...-20...	20...-20...	20...-20...
1	Số giải thưởng nghiên cứu Khoa học, sáng tạo					
2	Số bài báo được đăng, công trình được công bố					

VII. Cơ sở vật chất, thư viện

56. Tổng diện tích đất sử dụng của cơ sở giáo dục (tính bằng m²): 20.610,8

57. Tổng diện tích đất sử dụng của đơn vị thực hiện CTĐT (tính bằng m²): 50

58. Diện tích sử dụng cho các hạng mục sau (tính bằng m²):.....

Nơi làm việc: 35 Nơi học: 11.257 (trong đó có 6682 m² phòng học và 4575 m² phòng thực hành)

59. Diện tích phòng học (tính bằng m²)

- Tổng diện tích phòng học: 6682

- Tỷ số diện tích phòng học trên người học chính quy: 8,77/1

60. Tổng số đầu sách thuộc ngành đào tạo được sử dụng tại Trung tâm Thông tin
- Thư viện: 2212

Tổng số đầu sách trong phòng tư liệu của đơn vị thực hiện CTĐT (nếu có): 1310

61. Tổng số máy tính của đơn vị thực hiện CTĐT:

- Dùng cho hệ thống văn phòng: 2

- Dùng cho người học học tập: 32

Tỷ số số máy tính dùng cho người học/người học chính quy: 100/146

VIII. Tóm tắt một số chỉ báo quan trọng

Từ kết quả khảo sát ở trên, tổng hợp thành một số chỉ báo quan trọng dưới đây:

1. Giảng viên:

Tổng số giảng viên cơ hữu (người): 8

Tỷ lệ giảng viên cơ hữu trên tổng số cán bộ cơ hữu (%): 100%

Tỷ lệ giảng viên cơ hữu có trình độ tiến sĩ trở lên trên tổng số giảng viên cơ hữu của đơn vị thực hiện CTĐT (%): 0%

Tỷ lệ giảng viên cơ hữu có trình độ thạc sĩ trên tổng số giảng viên cơ hữu của đơn vị thực hiện CTĐT (%): 100%

2. Người học:

Tổng số người học chính quy (người): 48

Tỷ số người học chính quy trên giảng viên: 7/1

Tỷ lệ người học tốt nghiệp so với số tuyển vào (%): 91,7

3. Đánh giá của người học tốt nghiệp về chất lượng CTĐT: 0%

Tỷ lệ người học trả lời đã học được những kiến thức và kỹ năng cần thiết cho công việc theo ngành tốt nghiệp (%): 100%

Tỷ lệ người học trả lời *chỉ học được một phần* kiến thức và kỹ năng cần thiết cho công việc theo ngành tốt nghiệp (%): 0%

4. Người học có việc làm trong năm đầu tiên sau khi tốt nghiệp: (chưa thống kê)

Tỷ lệ người học có việc làm đúng ngành đào tạo (%):

Tỷ lệ người học có việc làm trái ngành đào tạo (%):

Thu nhập bình quân/tháng của người học có việc làm (triệu VNĐ):

5. Đánh giá của nhà tuyển dụng về người học tốt nghiệp có việc làm đúng ngành đào tạo:

Tỷ lệ người học đáp ứng yêu cầu của công việc, có thể sử dụng được ngay (%):

Tỷ lệ người học cơ bản đáp ứng yêu cầu của công việc, nhưng phải đào tạo thêm (%):

6. Nghiên cứu khoa học và chuyển giao công nghệ:

Tỷ số đề tài nghiên cứu khoa học và chuyển giao Khoa học công nghệ (quy đổi) trên cán bộ cơ hữu: 0/8

Tỷ số doanh thu từ NCKH và chuyển giao công nghệ trên cán bộ cơ hữu: ...

Tỷ số sách đã được xuất bản (quy đổi) trên cán bộ cơ hữu: 0/8

Tỷ số bài đăng tạp chí (quy đổi) trên cán bộ cơ hữu: 4/8

Tỷ số bài báo cáo (quy đổi) trên cán bộ cơ hữu: 2/8

7. Cơ sở vật chất:

Tỷ số máy tính dùng cho người học trên người học chính quy: 0.68/1

Tỷ số diện tích phòng học trên người học chính quy: 8,77/1

Tỷ số diện tích ký túc xá trên người học chính quy: 4 m²/1

Phụ lục 8

DANH MỤC BẢNG BIỂU TRONG BÁO CÁO TĐG CT ÂM THANH ĐATH**Bảng 6.1: Đội ngũ cán bộ cơ hữu tham gia thực hiện CTĐT**

TT	Trình độ, học vị, chức danh	Số lượng GV	GV cơ hữu		GV thỉnh giảng trong nước
			GV trong biên chế trực tiếp giảng dạy	GV kiêm nhiệm là cán bộ quản lý	
1	Giáo sư	0	0	0	0
2	Phó Giáo sư/ Nghệ sĩ nhân dân/ nghệ sĩ ưu tú	0	0	0	1
3	Tiến sĩ	0	0	0	2
4	Thạc sĩ	8	8	2	5
5	Đại học	0	0	0	0
6	Tổng số	8	8	2	8

Bảng 6.1.1. Thống kê, phân loại GV cơ hữu theo trình độ, giới tính và độ tuổi

ST T	Trình độ / học vị	Số lượng, người	Tỷ lệ	Phân loại theo giới tính (người)		Phân loại theo tuổi (người)				
			(%)	Nam	Nữ	< 30	30-40	41-50	51-60	> 60
1	Giáo sư	0	0	0	0	0	0	0	0	0
2	Phó Giáo sư	0	0	0	0	0	0	0	0	0
3	Tiến sĩ	0	0	0	0	0	0	0	0	0
4	Thạc sĩ	8	100	6	2	0	5	3	0	0
5	Cử nhân	0	0	0	0	0	0	0	0	0
	Tổng	08	100%	6	2	0	5	3	0	0

Bảng 6.1.2: Tỷ lệ giảng viên/sinh viên của ngành HLM

Năm học	Tổng số giảng viên cơ hữu chuyên ngành ATĐATH	Tổng số sinh viên chuyên ngành ATĐATH	Tỷ lệ GV/SV chuyên ngành ATĐATH
2017-2018	05	15	1/3
2018-2019	04	11	1/2.75
2019-2020	05	9	1/1.8
2020-2021	05	6	1/1.2
2021-2022	04	12	1/3

Ghi chú: Giảng viên cơ hữu chuyên ngành ATĐATH tính theo số lượng giảng viên cơ hữu tham gia thực hiện CTĐT chuyên ngành ATĐATH

Bảng 6.3. Thành tích thi đua và khen thưởng của giảng viên Khoa Công nghệ ĐATH (2017-2022)

Năm học	Chiến sĩ thi đua cấp cơ sở	Chiến sĩ thi đua cấp Bộ	Bảng khen của Bộ trưởng Bộ VHTTDL	Các giải thưởng
2017-2018	1	0	0	0
2018-2019	1	0	0	0
2019-2020	0	0	0	0
2020-2021	0	0	0	0
2021-2022	0	0	0	0

Bảng 6.4. Bảng thống kê số lượng các đề tài nghiên cứu các cấp của GV Khoa CNĐATH (2017 – 2022).

Năm hoàn thành	Cấp cơ sở	Cấp bộ	Cấp nhà nước	Tổng số
2017-2018	0	0	0	0
2018-2019	0	0	1	1
2019-2020	0	0	1	1
2020-2021	0	0	1	1
2021-2022	0	0	1	1
Tổng số	0		4	4

Bảng 6.5. Bảng thống kê số lượng các bài báo được công bố của GV Khoa Múa
(2017 - 2022)

STT	Phân loại tạp chí	Hệ số*	Số lượng					Tổng
			2018	2019	2020	2021	2022	
1	Tạp chí Khoa học quốc tế uy tín (SCIE/Scopus)	1,5	0	0	0	0	0	0
2	Tạp chí Khoa học cấp ngành trong nước	1,0	0	0	0	0	1	1
3	Tạp chí / tập san của cấp trường	0,5	0	0,5	0	0	0	0,5

*Hệ số: Dựa trên nguyên tắc tính điểm công trình của Hội đồng chức danh GSNN

Bảng 6.6. Bảng đối sánh giờ NCKH của cán bộ GV Khoa CNDATH giai đoạn 2017-2022

Năm học	Tổng giờ NCKH quy định	Tổng giờ NCKH đã hoàn thành	Còn thiếu
2017-2018	586/người	Chưa thống kê	Chưa thống kê
2018-2019	586/người	Chưa thống kê	Chưa thống kê
2019-2020	586/người	Chưa thống kê	Chưa thống kê
2020-2021	586/người	457,14/người	128,86/người
2021-2022	586/người	406,25/người	179,75/người

Bảng 9.2. Thống kê các tài liệu học tập tại văn phòng Khoa Công nghệ ĐATH

Loại tài liệu	Thống kê qua các năm				
	2017	2018	2019	2020	2021
Sách	50 cuốn sách	50 cuốn sách	50 cuốn sách	55 cuốn sách	60 cuốn sách
Khóa luận tốt nghiệp	18	9	5	0	0

Bảng 11.1. Tỷ lệ tốt nghiệp, thời gian tốt nghiệp trung bình và tỷ lệ thôi học của SV chuyên ngành Âm thanh ĐATH từ khóa tuyển sinh 2017 đến 2022

Khóa	Tổng số sinh viên toàn khóa	Tỷ lệ SV tốt nghiệp (%)	Thời gian tốt nghiệp trung bình	Số lượng SV chưa tốt nghiệp	Số lượng SV thôi học trong năm thứ				
					1	2	3	4	Tổng
K33 (2013 – 2017)	18	100		0	0	0	0	0	0
K34 (2014 – 2018)	10	90		1	0	0	0	1	1
K35 (2015 – 2019)	5	100		0	0	0	0	0	0
K36 (2016 – 2020)	0	100		0	0	0	0	0	0
K37 (2017 – 2021)	3	0		3	1	2	0	0	3
K38 (2018 – 2022)	0	0		0	0	0	0	0	0

* Số liệu tính đến thời điểm tháng 10/2022

Danh mục minh chứng sử dụng trong TĐG và viết báo cáo TĐG (Phụ lục 9).

Tiêu chí	TT	Mã minh chứng	Tên minh chứng	Số, ngày ban hành, hoặc thời điểm khảo sát, điều tra, phỏng vấn, quan sát,...	Nơi ban hành hoặc nhóm, cá nhân thực hiện	Ghi chú
Tiêu chuẩn 1	1					
Tiêu chí 1.1	1	H1.01.01.01	Các văn bản quy định trong việc xây dựng chương trình đào tạo Âm thanh ĐATH	- TT Số 07/2015/TT-BGDĐT ngày 16/04/2015 - Luật Giáo dục Số 08/2012/QH13 ngày 06/08/2012 - Luật giáo dục Số 07/VBHN-VPQH ngày 31/12/2015	ĐH SKĐA	P.ĐT, QLKH&HT QT
			- Thông tư 07: Ban hành quy định về khối lượng kiến thức tối thiểu.		Bộ Giáo dục & ĐT	
			- Luật giáo dục ĐH 2012		Quốc hội	
			- Luật giáo dục 2015			
	2	H1.01.01.02	Sứ mạng và tầm nhìn của Trường Đại học Sân khấu - Điện ảnh Hà Nội	Quyết định số 1219/QĐ-SKĐAHN ngày 13/10/2016 Về việc công bố “Sứ mạng, tầm nhìn, mục tiêu chiến lược, giá trị cốt lõi và khẩu hiệu của Trường Đại học Sân khấu – Điện ảnh Hà Nội”	ĐH SKĐAHN	Phòng KT & ĐBCLGD
	3	H1.01.01.03	Mục tiêu đào tạo chương trình Âm thanh ĐATH	Ban hành kèm theo Quyết định số 727/QĐ-SKĐAHN, ngày 26/7/2018	ĐH SKĐA	

	4	H1.01.01.04	Mục tiêu đào tạo chương trình Âm thanh ĐATH <u>trước</u> năm 2018	Ban hành kèm theo Quyết định số./QĐ-SKĐAHN, ngày/...../20.....	ĐHSKĐAHN	P. Đào tạo, QLKH & HTQT
	5	H1.01.01.05	Các văn bản về việc xây dựng và triển khai đổi mới CTĐT ngành Âm thanh ĐATH	Biên bản họp Khoa, biên bản giao nhiệm vụ cho các giảng viên thực hiện.	Khoa Công nghệ Điện ảnh - Truyền hình	
	6	H1.01.01.06	Công văn lấy ý kiến các bên liên quan về Chương trình đào tạo Âm thanh ĐATH	Phiếu khảo sát thông tin (trong chu kỳ đánh giá từ năm 2015-2021)	ĐH SKĐAHN	Khoa Công nghệ Điện ảnh - Truyền hình
	7	H1.01.01.07	Kết quả lấy ý kiến phản hồi các bên liên quan	Bảng tổng hợp ý kiến khảo sát các bên liên quan (Ghi rõ ngày tháng năm hoàn thành bảng tổng hợp).	ĐH SKĐAHN	P.Khảo thí & ĐBCLGD
Tiêu chí 1.2	1	H1.01.02.01.	Văn bản về việc hướng dẫn xây dựng, thẩm định và ban hành CTĐT, rà soát, đánh giá và cập nhật CTĐT đáp ứng CDR	Kế hoạch số 558/KH-SKĐAHN ngày 30/8/2017	ĐH SKĐAHN	ĐT, QLKH & HTQT
	2	H1.01.02.02.	- Bản mô tả/ đề cương CTĐT và bản mô tả/ đề cương môn học/ học phần; ma trận các kỹ năng -Trích Mục tiêu các môn học trong CTĐT năm 2016	Giai đoạn 2016-2021	ĐH SKĐAHN	ĐT, QLKH & HTQT
	3	H1.01.02.03.	Trích Mục tiêu các môn học trong CTĐT năm 2019	Trích bản mô tả CTĐT.	ĐH SKĐAHN	ĐT, QLKH & HTQT H1.01.02.02.DC
	4	H1.01.02.04.	- Tổng hợp kết quả học tập của sinh viên (bảng TN, bảng điểm 5 năm). - Những tác phẩm SV đạt giải trong các cuộc thi	Bảng điểm, bảng xếp loại tốt nghiệp	ĐH SKĐAHN	ĐT, QLKH & HTQT K.CNĐATH

	5	H1.01.02.05	Phiếu khảo sát nội dung CTĐT dành cho GV, nhà Khoa học , cán bộ quản lý trong lĩnh vực đào tạo liên quan đến Khoa Công nghệ Điện ảnh - Truyền hình (chuyên ngành Âm thanh Điện ảnh - Truyền hình)	Giai đoạn 2015-2021	Khoa Công nghệ Điện ảnh - Truyền hình	Khoa Công nghệ Điện ảnh - Truyền hình
			Tổng hợp kết quả khảo sát việc làm và chất lượng khóa học dành cho cựu SV chuyên ngành Âm thanh Điện ảnh - Truyền hình từ năm 2016 - 2021	Thư ngỏ của Nhà trường gửi các cựu SV kèm phiếu khảo sát	SKĐAHN	Khoa Công nghệ Điện ảnh - Truyền hình
Tiêu chí 1.3	1	H1.01.03.01	Văn bản về việc hướng dẫn xây dựng, thẩm định và ban hành CTĐT, rà soát, đánh giá và cập nhật CTĐT đáp ứng CĐR	Giai đoạn 2016-2021	ĐH SKĐAHN	ĐT, QLKH & HTQT ;Khoa CNDATH H1.01.02.1
	2	H1.01.03.02	Tổng hợp các ý kiến đóng góp của cựu sinh viên và nhà sử dụng lao động về CTĐT	Giai đoạn 2016-2021	ĐH SKĐAHN	Khoa Công nghệ Điện ảnh - Truyền hình H1.01.02.05
	3	H1.01.03.03	Bảng tổng hợp thực trạng nhân lực chuyên ngành Âm thanh Điện ảnh - Truyền hình trên thị Trường	Giai đoạn 2016-2021	ĐH SKĐAHN	Khoa Công nghệ Điện ảnh - Truyền hình
	4	H1.01.03.04	Bảng ý kiến đóng góp, nhận xét của các chuyên gia trong và ngoài Trường cùng với những ý kiến của các SV, cựu SV, các nhà tuyển dụng	Giai đoạn 2016-2021	ĐH SKĐAHN	Khoa Công nghệ Điện ảnh - Truyền hình H1.01.02.05
	5	H1.01.03.05	Quyết định ban hành, Biên bản họp rà soát CTĐT.	Biên bản họp 25/4/2018	ĐH SKĐAHN	Phòng ĐT, QLKH & HTQT H1.01.02.01

	6	H1.01.03.06	Sổ tay sinh viên; đường link website để xem các thông tin về CDR	http://skda.edu.vn/	ĐH SKĐAHN	Website Tru.ed
Tiêu chuẩn 2	2					
Tiêu chí 2.1	1	H2.02.01.01	- Các văn bản liên quan đến việc triển khai hoạt động cập nhật, điều chỉnh, hoàn thiện bản mô tả CTĐT - Chương trình đào tạo trước năm 2018 và CTĐT sau năm 2018, những bổ sung, chỉnh sửa liên quan đến CTĐT ATĐATH	Biên bản họp HĐ ngày 22/4/2018	ĐH SKĐAHN	Phòng ĐT, QLKH & HTQT H1.01.02.01
	2	H2.02.01.02	Bản mô tả chương trình đào tạo Âm thanh ĐATH	Quyết định số ngày tháng	ĐH SKĐAHN	Phòng ĐT, QLKH & HTQT Khoa Công nghệ Điện ảnh - Truyền hình
	3	H2.02.01.03	Báo cáo so sánh một số nội dung CTĐT của chuyên ngành Âm thanh Điện ảnh - Truyền hình SKĐA trước và sau điều chỉnh năm 2018	Giai đoạn 2016-2021	ĐH SKĐAHN	Phòng ĐT, QLKH & HTQT Khoa Công nghệ Điện ảnh - Truyền hình
	4	H2.02.01.04	Biên bản họp/ bản đóng góp ý kiến của các bên liên quan đến CTĐT (kèm phiếu khảo sát, phiếu tiếp thu ý kiến đóng góp, nội dung chỉnh sửa được thống nhất sau tiếp thu) Bảng tổng hợp ý kiến xây dựng CTĐT	B/bản họp năm 2018 Báo cáo của Khoa ngày 31/01/2018 Giấy đề nghị thông qua các nội dung sửa đổi CTĐT ngày 27/2/2018	ĐH SKĐAHN	Phòng ĐT, QLKH & HTQT Khoa Công nghệ Điện ảnh - Truyền hình

Tiêu chí 2.2	1	H2.02.02.01	Quy trình xây dựng đề cương môn học	Mẫu thiết kế đề cương chi tiết.	ĐH SKĐAHN	Phòng ĐT, QLKH & HTQT Khoa Công nghệ Điện ảnh - Truyền hình
	2	H2.02.02.02	Chương trình đào tạo chuyên ngành Âm thanh Điện ảnh - Truyền hình	Quyết định số 118/QĐ-SKĐAHN ngày 31/10/2018	ĐH SKĐAHN	Phòng ĐT, QLKH & HTQT Khoa Công nghệ Điện ảnh - Truyền hình
	3	H2.02.02.03	Đề cương chi tiết các môn học/ học phần thuộc chuyên ngành Âm thanh Điện ảnh - Truyền hình	Giai đoạn 2016-2021	ĐH SKĐAHN	Phòng ĐT, QLKH & HTQT Khoa Công nghệ Điện ảnh - Truyền hình
	4	H2.02.02.04	Biên bản họp/ bản đóng góp ý kiến của các bên liên quan đến CTĐT (kèm phiếu khảo sát, phiếu tiếp thu ý kiến đóng góp, nội dung chỉnh sửa được thống nhất sau tiếp thu)		ĐH SKĐAHN	Phòng ĐT, QLKH & HTQT Khoa Công nghệ Điện ảnh - Truyền hình H2.02.01.04
Tiêu chí 2.3	1	H2.02.03.01	website của Trường http://skda.edu.vn/		ĐH SKĐAHN	Ban QT WEB
	2	H2.02.03.02	Thông báo những cập nhật, thay đổi về CTĐT (cụ thể như việc thay đổi tên các môn học Lý luận chính trị);		ĐH SKĐAHN	Phòng ĐT, QLKH & HTQT
	3	H2.02.03.03	Phiếu phản hồi của người học về hoạt động giảng dạy của giảng viên (có mục hỏi về việc		ĐH SKĐAHN	P.KT ĐBCLGD

			công bố đề cương môn học/ học phần) và những kết quả khảo sát hằng năm cho thấy SV đánh giá cao về hoạt động này của giảng viên Khoa Công nghệ Điện ảnh - Truyền hình.			
	4	H2.02.03.04			ĐH SKĐAHN	Phòng ĐT, QLKH & HTQT H2.02.01.02
Tiêu chuẩn 3	3					
Tiêu chí 3.1	1	H3.03.01.01	Các văn bản liên quan đến việc xây dựng chương trình dạy học (Biên bản họp Khoa, biên bản họp với phòng Đào tạo, QLKH & HTQT).	Biên bản họp HĐ ngày 22/4/2018	ĐH SKĐAHN	K.NTĐA P.ĐT, QLKH&HTQT
	2	H3.03.01.02	Bản tổng hợp góp ý của các bên liên quan về CTDH; Thông báo, thư ngỏ hoặc phiếu khảo sát về việc xin ý kiến góp ý để điều chỉnh, rà soát CTĐT	Giai đoạn 2016-2021	ĐH SKĐAHN	K.NTĐA H1.01.02.02
	3	H3.03.01.03	Đề cương chi tiết các môn học/ học phần thuộc chuyên ngành Âm thanh Điện ảnh - Truyền hình	Giai đoạn 2016-2021	ĐH SKĐAHN	K.NTĐA P.ĐT, QLKH&HTQT
	4	H3.03.01.04	Ma trận kỹ năng; hồ sơ giảng dạy của GV; tài liệu bài giảng	Giai đoạn 2016-2021	ĐH SKĐAHN	K.NTĐA P.ĐT, QLKH&HTQT H1.01.01.06
	5	H3.03.01.05	Bản mô tả chương trình đào tạo; Sơ đồ cấu trúc Chương trình dạy học trình độ CN chuyên ngành ATĐATH năm 2018 phân theo nội dung (kiến thức chung, kiến thức cơ sở ngành, kiến thức chuyên ngành, bài	Giai đoạn 2016-2021	ĐH SKĐAHN	K.NTĐA P.ĐT, QLKH&HTQT

			tốt nghiệp - đồ án TN; Sơ đồ cấu trúc Chương trình dạy học trình độ CN chuyên ngành ATĐATH năm 2018 phân theo thời gian (học kỳ)			
	6	H3.03.01.06	Bản mô tả học phần/ môn học	Giai đoạn 2016-2021	ĐH SKĐAHN	K.NTĐA P.ĐT, QLKH&HTQT
	7	H3.03.01.07	Kế hoạch giảng dạy	Kế hoạch giảng dạy từng kỳ giai đoạn 2016-2020	K.CNĐATH P.ĐT, QLKH&HTQT	ĐH SKĐAHN
Tiêu chí 3.2	1	H3.03.02.01	- Bản mô tả Chương trình dạy học; - Bản mô tả môn học/ học phần; - Sơ đồ/ kế hoạch thể hiện đầy đủ các nguồn lực và tiến độ trong việc thực hiện CTDH; - Ma trận các kỹ năng.	Giai đoạn 2016-2021	ĐH SKĐAHN	K.NTĐA P.ĐT, QLKH&HTQT
	2	H3.03.02.02	- Đề cương chi tiết các môn học; - Hồ sơ giảng viên. - Ngân hàng câu hỏi thi/ đề thi.	Giai đoạn 2016-2021	ĐH SKĐAHN	K.NTĐA P.ĐT, QLKH&HTQT
	3	H3.03.02.03	- Kết quả học tập của các khóa chuyên ngành Âm thanh Điện ảnh - Truyền hình từ 2015- 2020; - Tổng hợp phiếu và ý kiến phản hồi của người học về hoạt động giảng dạy của giảng viên;	Giai đoạn 2016-2021	P.ĐT, QLKH & HTQT Khoa CNĐATH	Khoa Công nghệ Điện ảnh - Truyền hình & HTQT2 H2.02.03.03

Tiêu chí 3.3	1	H3.03.03.01	- Bản mô tả CTDH và bản mô tả môn học/học phần; - Sơ đồ cấu trúc Chương trình dạy học phân theo nội dung Sơ đồ cấu trúc Chương trình dạy học phân theo thời gian	Giai đoạn 2016-2021	ĐH SKĐAHN	P.ĐT, QLKH & HTQT KNTĐA H1.01.02.01
	2	H3.03.03.02	- Sơ đồ/ kế hoạch thể hiện đầy đủ các nguồn lực và tiến độ trong việc thực hiện CTDH. - Ma trận kỹ năng	10 ý kiến (các ý kiến đánh giá tương đối tốt).	ĐH SKĐAHN	K.NTĐA ĐT, QLKH & HTQT
	3	H3.03.03.03	Biên bản họp và tài liệu lưu trữ về hoạt động rà soát, điều chỉnh CTDH. - Báo cáo so sánh một số nội dung CTĐT của chuyên ngành Âm thanh Điện ảnh - Truyền hình trước và sau điều chỉnh năm 2018	Biên bản họp	ĐH SKĐAHN	K.CNĐATH ĐT, QLKH & HTQT
Tiêu chuẩn 4	4					
Tiêu chí 4.1	1	H4.04.01.01	- Quyết định về việc công bố triết lý giáo dục của Trường Đại học Sân khấu - Điện ảnh Hà Nội; Văn bản thông báo về việc rà soát, cập nhật, bổ sung, sửa đổi CTĐT; Trang Website của Trường	Quyết định số 273/QQD-SKĐAHN ngày 31/3/2017 Ngày tháng năm rà soát	ĐH SKĐAHN	P.HCTH; K.CNĐATH ĐT, QLKH & HTQT H1.01.02.01
	2	H4.04.01.02	- Bản mô tả CTDH và bản mô tả môn học/học phần; Đề cương chi tiết các môn học sau năm 2018	Giai đoạn 2016-2021	ĐH SKĐAHN	K.CNĐATH ĐT, QLKH & HTQT H1.01.02.02

	3	H4.04.01.03	Biên bản họp và tài liệu lưu trữ về hoạt động rà soát, điều chỉnh CTDH. Báo cáo so sánh một số nội dung CTĐT của chuyên ngành Âm thanh Điện ảnh - Truyền hình trước và sau điều chỉnh năm 2018 - Quy trình xây dựng CTĐT tài năng chuyên ngành Âm thanh Điện ảnh - Truyền hình	QĐ số 869/QQD-SKĐAHN ngày 20/8/2019. QĐ số 873/QQD-SKĐAHN ngày 20/8/2019. B/bản họp Khoa ngày 15/10/2019	ĐH SKĐAHN	H1.01.01.05 H2.02.01.03 CNĐATHĐT, QLKH & HTQT
	4	H4.04.01.04	Tổng hợp ý kiến khảo sát của bên liên kiến khảo sát của các bên liên	Thời gian khảo sát	ĐH SKĐAHN	K.CNĐATHĐT, QLKH & HTQT H2.02.01.04
	5	H4.04.01.05	Văn bản liên quan đến việc công bố triết lý giáo dục của Trường; CDR, đề cương chi tiết các môn học ngành Âm thanh ĐATH	Thông báo số 158/TB-SKĐAHN ngày 31/3/2017	ĐH SKĐAHN	K.CNĐATHĐT, QLKH & HTQT H1.01.02.02
	6	H4.04.01.06	Hồ sơ giảng viên	Giai đoạn 2016-2021	ĐH SKĐAHN	K.CNĐATHĐT, QLKH & HTQT H3.03.01.07
	7	H4.04.01.07	Sổ tay sinh viên, các tài liệu tuần sinh hoạt công dân; bài phát biểu khai giảng năm học mới của Hiệu trưởng; các văn bản của Đoàn TNCSHCM về việc giới thiệu Nhà trường; tờ rơi quảng bá về Trường trong các ngày hội tuyển sinh	Dùng chung MC H8.08.04.02 Dùng chung MC H8.08.04.03	ĐH SKĐAHN	K.CNĐATH P.CTHSSV H3.03.01.07

	8	H4.04.01.08	Kết quả lấy ý kiến phản hồi của người học về hoạt động giảng dạy của giảng viên	Trích kết quả của Khoa Công nghệ Điện ảnh - Truyền hình	ĐH SKĐAHN	P.KTĐBCLGD Dùng chung MC H3.03.02.03
Tiêu chí 4.2	1	H4.04.02.01	- Các văn bản hướng dẫn xây dựng CTĐT; - Quy chế khảo thí; - CTĐT chuyên ngành Âm thanh Điện ảnh - Truyền hình	Giấy đề nghị ngày 23/10/2017 Quy chế ban hành kèm theo Quyết định số 148/QĐ-SKĐAHN ngày 19/02/2021.	ĐH SKĐAHN	ĐT, QLKH & HTQT; Khoa Công nghệ Điện ảnh - Truyền hình P. Khảo thí & ĐBCLGD
	2	H4.04.02.02	Các minh chứng về điều chỉnh, rà soát, cập nhật CTĐT; đổi mới phương pháp giảng dạy	Hồ sơ lưu trong giai đoạn tự đánh giá 2016-2021	ĐH SKĐAHN	ĐT, QLKH & HTQT; Khoa Công nghệ Điện ảnh - Truyền hình
	3	H4.04.02.03	Hồ sơ giảng viên	Hồ sơ lưu các năm từ 2016-2021	ĐH SKĐAHN	Bộ phận TCCB Khoa Công nghệ Điện ảnh - Truyền hình
	4	H4.04.02.04	Bản mô tả CTĐT	Năm 2016-2021	ĐH SKĐAHN	ĐT, QLKH & HTQT; Khoa Công nghệ Điện ảnh - Truyền hình
	5	H4.04.02.05	Bản đối sánh CTĐT trước và sau 2018	Năm 2021	ĐH SKĐAHN	ĐT, QLKH & HTQT; Khoa Công nghệ Điện ảnh - Truyền hình

	6	H4.04.02.06	Danh sách giảng viên, kế hoạch giảng dạy chuyên ngành ĐD ĐA 2015-2020	Hồ sơ lưu các năm từ 2016-2021	ĐH SKĐAHN	Khoa Công nghệ Điện ảnh - Truyền hình
	7	H4.04.02.07	Sơ đồ bố trí các môn học theo học kỳ	Hồ sơ lưu các năm từ 2016-2021	Khoa Công nghệ Điện ảnh - Truyền hình	Khoa Công nghệ Điện ảnh - Truyền hình T
	8	H4.04.02.08	Bản mô tả học phần/ môn học. Kế hoạch giảng dạy của giảng viên; sổ tay giảng viên; nhật ký giảng dạy...	Giai đoạn 2016-2021	Khoa Công nghệ Điện ảnh - Truyền hình	Khoa Công nghệ Điện ảnh - Truyền hình
	9	H4.04.02.09	Kết quả khảo sát phản hồi của người học về hoạt động giảng dạy của giảng viên	T/báo số 217/TB-SKĐA ngày 14/6/2019 về việc thông báo kết quả lấy ý kiến phản hồi học kỳ 2 năm học 2018-2019 T/báo số 286/TB-SKĐA ngày 14/8/2020 về việc thông báo kết quả lấy ý kiến phản hồi học kỳ 2 năm học 2019-2020 T/báo số 284/TB-SKĐA ngày 05/7/2021 về việc thông báo kết quả lấy ý kiến phản hồi học kỳ II năm học 2020-2021	ĐH SKĐAHN	Khoa Công nghệ Điện ảnh - Truyền hình, Phòng KT & ĐBCLGD
	10	H4.04.02.10	Đề cương chi tiết các môn học	Phiên bản các năm trước và trong thời kỳ tự đánh giá (2015-2021).	ĐH SKĐAHN	Khoa Công nghệ Điện ảnh - Truyền hình

	11	H4.04.02.11	Minh chứng được trích từ kết quả phản hồi của người học về hoạt động giảng dạy của giảng viên	Trích phần của K.NTĐA	ĐH SKĐAHN	Khoa Công nghệ Điện ảnh - Truyền hình Phòng KT & ĐBCLGD
	12	H4.04.02.12	Thống kê danh sách sinh viên chuyên ngành Âm thanh Điện ảnh - Truyền hình đạt được các giải thưởng về Phim	Năm 2016-2021	Khoa Công nghệ Điện ảnh - Truyền hình	Phòng CTHSSV
Tiêu chí 4.3	1	H4.04.03.01	Bản mô tả CTĐT/ môn học/ học phần; đề cương chi tiết các môn học; Minh chứng về các hoạt động nghiên cứu, giảng dạy và học tập, chẳng hạn như: dự án, thực tập, thực hành, thực tế tại các doanh nghiệp	Năm 2016-2021	ĐH SKĐAHN	ĐT, QLKH & HTQT; Khoa Công nghệ Điện ảnh - Truyền hình H1.01.02.02
	2	H4.04.03.02	Đề cương chi tiết môn học	Phiên bản các năm 2016-2021	ĐH SKĐAHN	Khoa Công nghệ Điện ảnh - Truyền hình
	3	H4.04.03.03	Phản hồi của người học	Giai đoạn 2016-2021	ĐH SKĐAHN	Phòng KT & ĐBCLGD
	4	H4.04.03.04	Hoạt động ngoại khóa của Đoàn TNCS HCM	Hình ảnh, bài viết giai đoạn 2016-2021	ĐH SKĐAHN	Đoàn TNCSHCM H4.04.01.07
	5	H4.04.03.05	Danh mục sách, tài liệu tham khảo của chuyên ngành Âm thanh Điện ảnh - Truyền hình được bổ sung qua các năm (2016-2020)	Thống kê danh sách	ĐH SKĐAHN	TTTTTV
	6	H4.04.03.06	Minh chứng liên quan đến hội thi Tài năng sinh viên	Thông báo áp phíc của Khoa	ĐH SKĐAHN	KNTĐA

	7	H4.04.03.07	Bảng trích lục kết quả phản hồi của người học về hoạt động giảng dạy của giảng viên	Giai đoạn 2016-2021	ĐH SKĐAHN	Phòng KT & ĐBCLGD
	8	H4.04.03.08	Trích số liệu khảo sát việc làm của sinh viên chuyên ngành Âm thanh Điện ảnh - Truyền hình ; ý kiến phản hồi của các bên liên quan (người tốt nghiệp, nhà sử dụng lao động về hiệu quả/ chất lượng công việc đặc biệt là khả năng tự học, sáng tạo để tiếp cận công nghệ/ dây chuyền sản xuất mới).	Trong giai đoạn 2016-2021	ĐH SKĐAHN	Phòng CT HSSV
Tiêu chuẩn 5	5					
Tiêu chí 5.1	1	H5.05.01.01	Các quy định, quy chế về tuyển sinh của chuyên ngành Âm thanh Điện ảnh - Truyền hình . Đề án tuyển sinh riêng	Đề án TS từ năm 2016 đến 2021	ĐH SKĐAHN	P.ĐT, QLKH & HTQT Khoa Công nghệ Điện ảnh - Truyền hình
	3	H5.05.01.03	Quy chế đào tạo đại học (quy chế 25); Quy định liên quan đến kiểm tra đánh giá Quy định khảo thí	Quy chế 25 - Ban hành kèm theo Quyết định số 25 /2006/QĐ-BGDĐT ngày 26 tháng 6 năm 2006 của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo. QĐ số 148/QĐ-SKĐAHN ngày 19/02/2021 về việc ban hành Quy định công tác khảo thí của Trường ĐHSKĐAHN	BGD&ĐT ĐH SKĐAHN	P. Khảo thí & ĐBCLGD
	4	H5.05.01.04	Bản mô tả CTĐT/ĐC chi tiết các môn học	Phiên bản các năm 2016-2021	ĐH SKĐAHN	Khoa Công nghệ Điện ảnh - Truyền hình

	5	H5.05.01.05	Các văn bản hướng dẫn thực tập, tiêu chí đánh giá kết quả thực tập và các quy định về điều kiện tốt nghiệp, văn bản mô tả quy trình thi tốt nghiệp	Nghị quyết số 04/NQ-HĐT ngày 10/8/2021	ĐH SKĐAHN	P.ĐT, QLKH & HTQT Khoa Công nghệ Điện ảnh - Truyền hình
Tiêu chí 5.2	1	H5.05.02.01	Quy chế 25 - Ban hành kèm theo Quyết định số 25 /2006/QĐ-BGDĐT ngày 26 tháng 6 năm 2006 của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo	Quyết định số 25/2006/QĐ-BGDĐT ngày 26/6/2006	Bộ GD&ĐT	P. Đào tạo, QLKH & HTQT
	2	H5.05.02.02	Quy định của Trường ĐH SKĐA về kiểm tra, đánh giá (quy chế khảo thí). Mô tả quy trình kiểm tra đánh giá của Khoa Công nghệ Điện ảnh - Truyền hình;	Quyết định số 148/QĐ-SKĐAHN ngày /02/2021 Trích bản mô tả CTĐT	ĐH SKĐAHN	P.KhHNBản mô tả CT
	3	H5.05.02.03	Đề cương chi tiết môn học/ học phần	Các phiên bản trong thời gian đánh giá 2016-2021	ĐH SKĐAHN	ĐT, QLKH & HTQT; Khoa Công nghệ Điện ảnh - Truyền hình
	4	H5.05.02.04	Sổ tay sinh viên	Phiên bản các năm 2016-2021	ĐH SKĐAHN	Phòng CTHSSV Khoa Công nghệ Điện ảnh - Truyền hình
	5	H5.05.02.05	Tổng hợp khảo sát ý kiến phản hồi của người học về hoạt động của giảng viên	Giai đoạn 2016-2021	ĐH SKĐAHN	P. Khảo thí & ĐBCLGD

Tiêu chí 5.3	1	H5.05.03.01	Quy chế đào tạo hiện hành; quy chế khảo thí; Các văn bản hướng dẫn xây dựng ngân hàng đề thi và ra đề thi của Trường ĐHSKĐAHN	Quyết định số 25/2006/QĐ-BGDĐT ngày 26/6/2006 Quyết định số 148/QĐ-SKĐAHN ngày /02/2021 Quyết định số 1324/QĐ-SKĐAHN ngày 30/12/2015	Bộ Giáo dục &ĐT SKĐAHN	P..Kh.AHNo dục &ĐT32
	2	H5.05.03.02	Các minh chứng, ví dụ cụ thể về bài tập nhóm, bài tập cá nhân, thuyết trình nhóm, bài tập theo dự án, viết báo cáo, tiểu luận của chuyên ngành Âm thanh Điện ảnh - Truyền hình	Liệt kê bài tập, bài thuyết trình 2016-2021	SKĐAHN	Khoa Công nghệ Điện ảnh - Truyền hình
	3	H5.05.03.03	Biên bản các cuộc họp đánh giá đề thi của bộ môn; các bộ câu hỏi thi được duyệt	Giai đoạn 2016-2021	SKĐAHN	Khoa Công nghệ Điện ảnh - Truyền hình P. ĐT, QLKH & HTQT
	4	H5.05.03.04	Ngân hàng câu hỏi thi, đề thi	Năm 2016-2021	ĐH SKĐAHN	Khoa Công nghệ Điện ảnh - Truyền hình P.Khảo thí & ĐBCLGD
	5	H5.05.03.05	Quy chế khảo thí, đáp án kèm ngân hàng câu hỏi thi	Quyết định số 148/QĐ-SKĐAHN ngày /02/2021	SKĐAHN	P.Khảo thí & ĐBCLGD Quyết duyệt thí
	6	H5.05.03.06	Các phiếu coi thi, chấm thi của chuyên chuyên ngành Âm thanh Điện ảnh - Truyền hình	Năm 2016-2021	ĐH SKĐAHN	P. Đào tạo, QLKH & HTQT Khoa Công nghệ Điện ảnh - Truyền hình

Tiêu chí 5.4	1	H5.05.04.01	Văn bản quy định về thời gian giảng viên chấm bài, đồng thời công bố kết quả đánh giá, thời gian phản hồi khiếu nại của người học về kết quả đánh giá. (Quy định khảo thí; các văn bản quy định về công bố kết quả thi, kiểm tra)	Quy định về công tác khảo thí của Trường ĐHSKĐAHN ban hành kèm theo QĐ số 148/QĐ-SKĐAHN ngày 19/02/2021	ĐH SKĐAHN	ĐT, QLKH & HTQT; Khảo thí & ĐBCLGD Khoa Công nghệ Điện ảnh - Truyền hình
	2	H5.05.04.02	Website, fanpage của Khoa/ Trường		SKĐAHN	Khoa Công nghệ Điện ảnh - Truyền hình
	3	H5.05.04.03	Sổ tay sinh viên		SKĐAHN	P. CT HS/SV
	4	H5.05.04.04	Hồ sơ thanh tra công tác đào tạo tại Khoa Công nghệ Điện ảnh - Truyền hình	Quyết định số 406/QĐ-SKĐAHN ngày 04/5/2021 Thông báo số 192/TB-SKĐAHN ngày 04/5/2021	SKĐAHN	P. KhN báo số 192/TB-
	5	H5.05.04.05	Thông báo công bố kết quả phản hồi của người học đối với hoạt động giảng dạy của giảng viên	Giai đoạn 2016-2021	SKĐAHN	P. Kh No KhN015-29021
Tiêu chí 5.5	1	H5.05.05.01	Văn bản quy định về thời gian giảng viên chấm bài, đồng thời công bố kết quả đánh giá, thời gian phản hồi khiếu nại của người học về kết quả đánh giá. (Quy định khảo thí; các văn bản quy định về công bố kết quả thi, kiểm tra)	Năm 2016-2021	ĐH SKĐAHN	ĐT, QLKH & HTQT; P. Khảo thí & ĐBCLGD
	2	H5.05.05.02	Chương trình sinh hoạt chính trị đầu khóa, biên bản các cuộc đối thoại trực tiếp giữa SV với lãnh đạo Nhà trường, sổ tay sinh viên	Năm 2016-2021	ĐH SKĐAHN	Khoa Công nghệ Điện ảnh - Truyền hình; Phòng CT HS,SV

	3	H5.05.05.03	Biên bản họp lớp, sổ tay chủ nhiệm	Năm 2016-2021	ĐH SKĐA HN	Khoa Công nghệ Điện ảnh - Truyền hình
Tiêu chuẩn 6	6					
Tiêu chí 6.1						
	1	H6.06.01.01	Quy hoạch phát triển Trường ĐHSKĐA HN giai đoạn 2011-2015, 2016-2020 và tầm nhìn 2030 (Quyết định số 644/QĐ-SKĐA HN ngày 15/12/2011); Kế hoạch chiến lược phát triển Trường Đại học Sân khấu – Điện ảnh giai đoạn 2013 – 2020 và tầm nhìn 2030 (Tháng 12/2013) Quyết định số 84/QĐ- BVHTTDL Phê duyệt Đề án phát triển Trường Đại học Sân khấu – Điện ảnh Hà Nội giai đoạn 2014 - 2020 (Quyết định số 84/QĐ- BVHTTDL (09/01/2014); Quyết định phê duyệt Đề án Xây dựng Trường đại học Sân khấu – Điện ảnh Hà Nội thành Trường trọng điểm quốc gia (QĐ số 2971/QĐ-BVHTTDL ngày 01/9/2015)	Quyết định phê duyệt Đề án Xây dựng Trường Quy hoạch phát triển (QĐ số 2971/QĐ-Trường đ Quy hoạch phát triển (QĐ số 2971/QĐ-Trường đ Kế hoạch tháng 5 năm 2013	ĐHSKĐA HN	P.HCTH
	2	H6.06.01.02	Văn bản quy định về tiêu chuẩn chức danh cán bộ lãnh đạo các cấp thuộc Trường; quy định về tiêu chuẩn chức danh lãnh đạo Khoa, Phòng, Bộ môn thuộc Khoa và tương đương thuộc Trường		ĐH SKĐA HN	Phòng HC, TH (TCCB)
	3	H6.06.01.03	Đề án xây dựng và phát triển đội ngũ giảng viên giai đoạn 2012-2015 và 2015-2020.	Quyết định số 1135/QĐ-SKĐA HN ngày 30/11/2015	ĐH SKĐA HN	Phòng HC, TH (TCCB)

4	H6.06.01.04	Các văn bản, thông báo về hoạt động rà soát, bổ sung quy hoạch	Hướng dẫn số 61/HD-BCSD-BVHTTDT ngày 30/11/2012 Công văn số 40/CV-BCS Đảng BVHTTDT ngày 11/4/2017 Hướng dẫn số 28/HD-BCSD-BVHTTDT ngày 15/3/2017 Công văn số 5212/CV-BVHTTDT ngày 19/11/2018	BỘ VHTTDT	Phòng HC,TH (TCCB)
5	H6.06.01.05	Các văn bản quy định của Trường trong công tác bổ nhiệm các cán bộ lãnh đạo và các quy định về tiêu chuẩn, chức danh cán bộ quản lý trường, phó các đơn vị trong Trường.	Năm 2016-2021	ĐH SKĐAHN	P.HCTH (bộ phận TCCB)
6	H6.06.01.06	Đề án vị trí việc làm của Khoa (trích Đề án vị trí việc làm của Trường đã được Bộ VHTTDL phê duyệt)	Quyết định số 4965/QĐ-BVHTTD ngày 28/12/2018	Bộ VHTTDL	Phòng HC,TH (TCCB)
7	H6.06.01.07	Phiếu đánh giá phân loại cán bộ, viên chức; Báo cáo đánh giá các mặt hoạt động của Nhà trường đọc trước Hội nghị cán bộ công chức, viên chức; Các văn bản nhận xét, đánh giá về năng lực và hiệu quả trong công việc của các vị trí lãnh đạo các cấp trong Trường.	Năm 2016-2021	ĐH SKĐAHN ĐH SKĐAHN	P.HCTH (bộ phận TCCB) Khoa Công nghệ Điện ảnh - Truyền hình
8	H6.06.01.08	- Thống kê số lượng cán bộ, giảng viên của ngành thiết kế mỹ thuật sân khấu – điện ảnh trong 5 năm (2015-2020); <u>Ttrong đó</u> trích Thống kê các thông báo, danh sách các cán bộ, giảng viên tham gia các lớp bồi dưỡng về ngoại ngữ, tin học, nâng cao trình độ chuyên môn và nghiệp	Năm 2016-2021	ĐH SKĐAHN	P.HCTH (bộ phận TCCB)

			vụ sự phạm từ 2015 đến nay; trích Thống kê danh sách các cán bộ, giảng viên được tham gia tập huấn về chuyên môn ở nước ngoài.			
	9	H6.06.01.09	Biên bản tổng hợp các cuộc họp bình xét thi đua trong toàn Trường (2015-2020) Trích thông tin hồ sơ về chấm dứt hợp đồng, nghỉ chế độ, nghỉ hưu và các chế độ phúc lợi xã hội	Trích thông tin của các giảng viên Khoa Công nghệ Điện ảnh - Truyền hình - chuyên ngành Âm thanh Điện ảnh - Truyền hình	ĐH SKĐAHN	P.HCTH (bộ phận TCCB)
	10	H6.06.01.10	Danh mục bằng ngoại ngữ, chứng chỉ học tập tại nước ngoài của giảng viên giảng dạy chuyên ngành Âm thanh Điện ảnh - Truyền hình	Có tổng hợp danh sách và chứng chỉ.	ĐH SKĐAHN	P.HCTH (bộ phận TCCB)
	11	H6.06.01.11	Chiến lược ngắn hạn và dài hạn quy hoạch phát triển đội ngũ GV đạt chuẩn theo quy định	Giai đoạn 2016-2021	ĐH SKĐAHN	P.HCTH (bộ phận TCCB) H6.06.01.3
Tiêu chí 6.2	1	H06.06.02.01	Hồ sơ giảng viên; danh sách sơ yếu lý lịch giảng viên Khoa Công nghệ Điện ảnh - Truyền hình	Giai đoạn 2016-2021	ĐH SKĐAHN	P.HCTH (bộ phận TCCB)
	2	H06.06.02.02	Hồ sơ giảng viên; danh sách sơ yếu lý lịch giảng viên bộ môn Khoa Công nghệ Điện ảnh - Truyền hình	Giai đoạn 2016-2021	ĐH SKĐAHN	P.HCTH (bộ phận TCCB)
	3	H06.06.02.03	Danh sách giảng viên thỉnh giảng Khoa Công nghệ Điện ảnh - Truyền hình - ngành CNĐATH	Giai đoạn 2016-2021	ĐH SKĐAHN	P.HCTH (bộ phận TCCB) K.NTĐA

	4	H06.06.02.04	Thông tư số 24/2015 /TT/BGD&ĐT	Thông tư số 24/2015/TT/BGD&ĐT ngày 23/9/2015	Bộ GD&ĐT	
	5	H06.06.02.05	Thông tư số 32/2015 /TT/BGD&ĐT	Thông tư số 32/2015/TT/BGD&ĐT ngày 16/12/2015	Bộ GD&ĐT	
	6	H06.06.02.06	Thông tư 47/2014/TT-BGD&ĐT ngày 31/12/2014	Thông tư 47/2014/TT-BGD&ĐT ngày 31/12/2014 Quyết định 1415/QĐ-SKĐAHN ngày 8/12/2020	Bộ GD&ĐT	
	7	H06.06.02.07	Thông tư 20/2020/TT-BGD&ĐT ngày 27/7/2020 quy định chế độ làm việc của giảng viên cơ sở giáo dục đại học	Thông tư 20/2020/TT-BGD&ĐT ngày 27/7/2020	Bộ GD&ĐT	
	8	H06.06.02.08	Hồ sơ thi đua khen thưởng lưu phòng TCCB	Giai đoạn 2016-2021	ĐH SKĐAHN	P.HCTH (bộ phận TCCB)
	9	H06.06.02.09	Biên bản giao, nhận nhiệm vụ cho giảng viên của Khoa đầu mỗi năm học	Giai đoạn 2016-2021	ĐH SKĐAHN	Khoa Công nghệ Điện ảnh - Truyền hình
	10	H06.06.02.10	Danh sách tăng lương/ danh sách thi đua (2015-2020)	Giai đoạn 2016-2021	ĐH SKĐAHN	P.HCTH (bộ phận TCCB)
	11	H06.06.02.11	Danh hiệu chiến sĩ thi đua cấp cơ sở, cấp Bộ, bằng khen các cấp, giải thưởng của giảng viên Khoa Công nghệ Điện ảnh - Truyền hình	Giai đoạn 2016-2021	ĐH SKĐAHN	P.HCTH (bộ phận TCCB)
	12	H06.06.02.12	Hồ sơ phiếu phản hồi của người học về hoạt động giảng dạy của giảng viên (giảng	Thông báo 32/TB-SKĐAHN ngày 17/1/2018	ĐH SKĐAHN	P.Khảo thí & ĐBCLGD

			viên Khoa Công nghệ Điện ảnh - Truyền hình)	Thông báo 217/TB-SKĐAHN ngày 14/6/2019 Thông báo 286/TB-SKĐAHN ngày 14/8/2020 Thông báo 284/TB-SKĐAHN ngày 5/7/2021		
Tiêu chí 6.3	1	H6.06.03.01	Những văn bản quy định cụ thể về tiêu chí tuyển giảng viên (trích thông báo tuyển giảng viên)	Thông báo số 343/TB-SKĐAHN ngày 8/6/2017	ĐH SKĐAHN	Bộ phận TCCB
	2	H6.06.03.02	Thông báo tuyển GV (website....)	Thông báo số 343/TB-SKĐAHN ngày 8/6/2017	ĐH SKĐAHN	Bộ phận TCCB
	3	H6.06.03.03	Các quy định tuyển dụng trước 2018	Kế hoạch số 305/KH-SKĐAHN ngày 15/5/2017	ĐH SKĐAHN	Bộ phận TCCB
	4	H6.06.03.04	Đề án tự tuyển dụng của Trường	Kế hoạch số 305/KH-SKĐAHN ngày 15/5/2017	ĐH SKĐAHN	Bộ phận TCCB
	5	H6.06.03.05	Hồ sơ giảng viên/ hợp đồng giảng dạy	Bộ phận TCCB lưu có ý kiến bao giờ cần sẽ trình).	ĐH SKĐAHN	Bộ phận TCCB
	6	H6.06.03.06	Quyết định thành lập hội đồng sát hạch giảng viên (hội đồng dự giờ giảng)	Quyết định. số 1558/QĐ-SKĐAHN 30/12/2016 Quyết định. số 430/QĐ-SKĐAHN 18/5/2020	ĐH SKĐAHN	Bộ phận TCCB
	7	H6.06.03.07	Quyết định phân công giảng viên hướng dẫn tập sự		ĐH SKĐAHN	Khoa Công nghệ Điện ảnh - Truyền hình
	8	H6.06.03.08	Danh sách giảng viên thỉnh giảng cho Khoa Công nghệ Điện ảnh - Truyền hình	Giai đoạn 2016-2021	ĐH SKĐAHN	Khoa Công nghệ Điện ảnh - Truyền hình H6.06.02.03
	9	H6.06.03.09	Quy hoạch cán bộ từng giai đoạn	Giai đoạn 2016-2021	ĐH SKĐAHN	Bộ phận TCCB

Tiêu chí 6.4	1	H6.06.04.01	Hồ sơ lý lịch giảng viên (lưu tại bộ phận TCCB); hồ sơ năng lực giảng viên.	Bộ phận TCCB lưu có ý kiến bao giờ cần sẽ trình).	ĐH SKĐA HN Bộ phận TCCB	Bộ phận TCCB
	2	H6.06.04.02	Các văn bản thông báo về tổ chức cho giảng viên tham gia hoạt động sáng tác; Các minh chứng từ giảng viên được tham gia các hoạt động sáng tác.	Giai đoạn 2016-2021	ĐH SKĐA HN	Khoa Công nghệ Điện ảnh - Truyền hình
	3	H6.06.04.03	Danh sách giảng viên Khoa Công nghệ Điện ảnh - Truyền hình tham dự các hoạt động nghệ thuật được Nhà trường đề cử	Giai đoạn 2016-2021	ĐH SKĐA HN	Khoa Công nghệ Điện ảnh - Truyền hình
	4	H6.06.04.04	Thống kê các giải thưởng mà GV Khoa Công nghệ Điện ảnh - Truyền hình đã đạt được trong	Giai đoạn 2016-2021	ĐH SKĐA HN	Khoa Công nghệ Điện ảnh - Truyền hình
	5	H6.06.04.05	Đề án vị trí việc làm	Giai đoạn 2016-2021	ĐH SKĐA HN	P HCTH (TCCB)
	6	H6.06.04.06	Nhà trường đã ban hành quy định về khối lượng công việc đối với GV trong đó xác định rõ các yêu cầu, tiêu chuẩn và thời gian làm việc, giờ chuẩn giảng dạy và NCKH đối với GV; văn bản quy định về các tiêu chí đánh giá phân loại công chức, viên chức	(Quyết định số 733/QĐ-SKĐA HN, ngày 21/8/2015)	ĐH SKĐA HN	Bộ phận TCCB Khoa Công nghệ Điện ảnh - Truyền hình
	7	H6.06.04.07	Quy định đánh giá, phân loại CCVC để xét nâng lương trước niên hạn	Quyết định số 1889/QĐ-BVHTTDT ngày 15/6/2021	ĐH SKĐA HN	Bộ phận TCCB
	8	H6.06.04.08	Phiếu lấy ý kiến góp ý và biên bản thống kê các ý kiến GV đóng góp để hoàn thiện văn bản về thi đua; đánh giá phân loại CCVC trước khi ban hành văn bản.	Thông báo số 582/TB-SKĐA HN ngày 8/9/2017 Có tổng hợp ý kiến	ĐH SKĐA HN	Bộ phận TCCB

	9	H6.06.04.09	thông báo, hướng dẫn về phương thức, quy trình đánh giá năng lực của giảng viên qua các năm	Giai đoạn 2016-2021	ĐH SKĐA HN	Bộ phận TCCB H6.06.04.07
	10	H6.06.04.10	Trích báo cáo tổng kết thi đua, khen thưởng hằng năm (Kết quả đánh giá giảng viên Khoa Công nghệ Điện ảnh - Truyền hình) (2015-2020)	Giai đoạn 2016-2021	ĐH SKĐA HN	Bộ phận TCCB H6.06.02.08
	11	H6.06.04.11	Danh sách đề nghị khen thưởng cho giảng viên (trong đó có Khoa Công nghệ Điện ảnh - Truyền hình) tại hội nghị CCVC hằng năm hoặc báo cáo đề nghị khen thưởng gửi cho Bộ VHTTDL (2015-2020)	Giai đoạn 2016-2021	ĐH SKĐA HN	Bộ phận TCCB
	12	H6.06.04.12	Thống kê kết quả lấy ý kiến phản hồi của người học về hoạt động giảng dạy của giảng viên	Trích lục đối với Khoa Công nghệ Điện ảnh - Truyền hình	ĐH SKĐA HN	P. Khảo thí & ĐBCLGD H6.06.02.12
Tiêu chí 6.5	1	H6.06.05.01	Các văn bản liên quan đến việc cử giảng viên đi học tập, bồi dưỡng, hội thảo....(quyết định cử đi học); Quyết định hỗ trợ học phí; các văn bản về kinh phí hỗ trợ các hoạt động học tập cho GV.	Quyết định số 995/QĐ-SKĐA HN ngày 14/9/2018 Quyết định số 1288/QĐ-SKĐA HN ngày 5/11/2020 Quyết định số 302/QĐ-SKĐA HN ngày 24/4/2020 Quyết định số 197/QĐ-SKĐA HN ngày 12/3/2021	ĐH SKĐA HN	Bộ phận TCCB P. CT HS/SV
	2	H6.06.05.02	Thông báo các chương trình học bổng học tập nước ngoài;	Công văn số 2360/QĐ-BVHTTDT-ĐT ngày 25/6/2020	ĐH SKĐA HN	P.ĐT, QLKH&HTQT Bộ phận đối ngoại

			Quy chế đối ngoại	Công văn số 2481/QĐ-BVHTTDT-ĐT ngày 07/6/2018 Quyết định số 678/QĐ-SKĐAHN ngày 23/6/2020		
	3	H6.06.05.03	Quy chế chi tiêu nội bộ	Quyết định số 36/QĐ-SKĐAHN ngày 05/01/2017	ĐH SKĐAHN	P.HC, TH Bộ phận Tài vụ
	4	H6.06.05.04	Thông tin do Khoa Công nghệ Điện ảnh - Truyền hình cung cấp: về tọa đàm, hội thảo, tham gia BGK các LHP QG, CDV, LHP sinh viên các Trường ĐA Thế giới..., các tổ chức Văn hóa nghệ thuật độc lập của VN và Quốc tế		ĐH SKĐAHN	Khoa Công nghệ Điện ảnh - Truyền hình
Tiêu chí 6.6	1	H6.06.06.01	Đề án vị trí việc làm (căn cứ Luật viên chức năm 2010)/ bản mô tả vị trí công việc của Khoa Công nghệ Điện ảnh - Truyền hình	Dùng chung MC H6.06.01.06		
	2	H6.06.06.02	- Minh chứng về: phiếu phản hồi của người học về hoạt động giảng dạy của giảng viên; kiểm tra công tác tổ chức dự giờ; kế hoạch giảng dạy của GV - Quy định chế độ làm việc đối với giảng viên (theo thông tư 47) và các quy định cụ thể của Trường thực hiện thông tư 47 năm 2014; - Quy định chế độ làm việc đối với giảng viên (văn bản cụ thể hóa của Trường về Thông tư 20 năm 2020)	Quyết định số 733/QĐ-SKĐAHN, ngày 21/8/2015), trong đó xác định rõ các yêu cầu, tiêu chuẩn và thời gian làm việc, giờ chuẩn giảng dạy và NCKH đối với GV Kế hoạch kiểm tra số 104/KH-SKĐAHN ngày 12/3/2021. Quyết định số 406/QĐ-SKĐAHN ngày 04/5/2021.	ĐH SKĐAHN	P.HC, TH P. Khảo thí & ĐBCLGD H6.06.02.12

			- Hồ sơ kiểm tra nội bộ (kiểm tra công tác đào tạo của Khoa Công nghệ Điện ảnh - Truyền hình)	Thông báo số 192/TB-SKĐAHN ngày 4/5/2021		
3	H6.06.06.03		Kế hoạch giảng dạy của giảng viên Khoa Công nghệ Điện ảnh - Truyền hình	Giai đoạn 2016-2021	ĐHSKĐAHN	P.ĐT,QLKH & HTQT Khoa Công nghệ Điện ảnh - Truyền hình H3.03.01.07
4	H6.06.06.04		Các biên bản họp bình xét các hình thức khen thưởng khác nhau tại Khoa Công nghệ Điện ảnh - Truyền hình	Giai đoạn 2016-2021	ĐHSKĐAHN	P.HC,TH H6.06.02.08
5	H6.06.06.05		- Quy chế thi đua khen thưởng của Trường - Văn bản quy định đánh giá, phân loại CCVC để xét nâng lương trước niên hạn.	Giai đoạn 2016-2021	ĐHSKĐAHN	P.HC,TH Bộ phận TCCB H6.06.02.08
6	H6.06.06.06		Danh sách kết quả bình xét thi đua (các năm từ 2015 đến 2020) Danh sách đề nghị khen thưởng cho giảng viên (trong đó có Khoa Công nghệ Điện ảnh - Truyền hình) tại hội nghị CCVC hằng năm hoặc báo cáo đề nghị khen thưởng gửi cho Bộ VHTTDL (2015-2020)	Giai đoạn 2016-2021	ĐH SKĐAHN	P.HC,TH Bộ phận TCCB

Tiêu chí 6.7	1	H6.06.07.01	Quy chế tổ chức hoạt động của Trường ĐHSKĐAHN; Các thông báo triển khai kế hoạch KHCN hằng năm của Trường (thông báo, biểu mẫu....để các giảng viên đăng ký đề tài nghiên cứu)	(Quyết định số 747/QĐ-SKĐAHN ngày 05/11/2014).	ĐSKĐAHN	P.HC,TH Bộ phận TCCB
	2	H6.06.07.02	Quy định về tổ chức thực hiện và quản lý đề tài nghiên cứu khoa học của Trường ĐHSKĐAHN	Quyết định số 198/QĐ-SKĐAHN ngày 14/3/2017.	ĐH SKĐAHN	Viện SKĐA
	3	H6.06.07.03	- Quy định chế độ làm việc đối với giảng viên (theo thông tư 47) và các quy định cụ thể của Trường thực hiện thông tư 47 năm 2014; - Quy định chế độ làm việc đối với giảng viên(văn bản cụ thể hóa của Trường về Thông tư 20 năm 2020) - Hồ sơ kiểm tra nội bộ (kiểm tra công tác đào tạo của Khoa Công nghệ Điện ảnh - Truyền hình) Kết quả đánh giá, phân loại giảng viên	Quyết định số 733/QĐ-SKĐAHN, ngày 21/8/2015) Kế hoạch số 104/KH-SKĐAHN ngày 12/3/2021. Quyết định số 406/QĐ-SKĐAHN ngày 04/5/2021. Thông báo số 192/TB-SKĐAHN ngày 04/5/2021	ĐH SKĐAHN	P.HC,TH Bộ phận TCCB P.Khảo thí & ĐBCLGD
	3	H6.06.07.04	Kết luận tiêu chí 7.3 trong Báo cáo đánh giá ngoài Danh mục giải thưởng của GV Khoa Công nghệ Điện ảnh - Truyền hình (2015-2020) (Khoa tổng hợp)	Công văn số 202 /KĐCL ngày 12 tháng 6 năm 2017	ĐH SKĐAHN	P.Khảo thí & ĐBCLGD H6.06.04.04

	5	H6.06.07.05	Quy định tạm thời về hoạt động sở hữu trí tuệ cho các đề tài NCKH của Trường ĐHSKĐAHN	Quyết định số 1054/QĐ-SKĐAHN ngày 15/9/2016	ĐH SKĐAHN	Viện SKĐA
	6	H6.06.07.06	Quy định về tiêu chuẩn năng lực và đạo đức trong NCKH của Trường ĐHSKĐAHN	Quyết định số 1055/QĐ-SKĐAHN ngày 15/9/2016	ĐH SKĐAHN	Viện SKĐA
	7	H6.06.07.07	Quyết định thành lập Hội đồng thông qua đề cương NCKH cấp Trường và các Quyết định Hội đồng nghiệm thu đề tài NCKH cấp Trường	Quyết định số 15/QĐ-SKĐAHN ngày 02/4/2015 Quyết định số 996/QĐ-SKĐAHN ngày 16/10/2015 Quyết định số 79/QĐ-SKĐAHN ngày 28/1/2016 Quyết định số 714/QĐ-SKĐAHN ngày 17/5/2016 Quyết định số 280/QĐ-SKĐAHN ngày 14/4/2016 Quyết định số 1330/QĐ-SKĐAHN ngày 10/11/2016 Quyết định số 73/QĐ-SKĐAHN ngày 09/2/2017 Quyết định số 172/QĐ-SKĐAHN ngày 10/3/2017 Quyết định số 343/QĐ-SKĐAHN ngày 24/4/2017 Quyết định số 374/QĐ-SKĐAHN ngày 4/5/2017 Quyết định số 235a/QĐ-SKĐAHN ngày 21/3/2017		

				Quyết định số 1285/QĐ-SKĐAHN ngày 13/11/2017 Quyết định số 28/QĐ-SKĐAHN ngày 9/01/2018 Quyết định số 190/QĐ-SKĐAHN ngày 27/2/2018 Quyết định số 1253/QĐ-SKĐAHN ngày 9/11/2018 Quyết định số 135/QĐ-SKĐAHN ngày 21/2/2019 Quyết định số 194/QĐ-SKĐAHN ngày 15/3/2019 Quyết định số 1161/QĐ-SKĐAHN ngày 7/01/2019 Quyết định số 154/QĐ-SKĐAHN ngày 2/3/2020 Quyết định số 411/QĐ-SKĐAHN ngày 18/5/2020 Quyết định số 1330/QĐ-SKĐAHN ngày 18/11/2020		
Tiêu chuẩn 7	7					
Tiêu chí 7.1	1	H07.07.01.01	Những văn bản về tuyển dụng, bồi dưỡng và phát triển đội ngũ nhân viên trước 2018 (2016-2019) và sau năm 2019 (2019-2022).	Giai đoạn 16-19 và 19-22	ĐHSKĐAHN	P.HC, TH Bộ phận TCCB
	2	H07.07.01.02	Danh sách, bản mô tả công việc của nhân viên, hồ sơ lý lịch của đội ngũ nhân viên	Trích trong đề án VTVL	ĐHSKĐAHN	P.HC, TH Bộ phận TCCB
	3	H07.07.01.03	Kế hoạch chiến lược phát triển Nhà trường (Phân phát triển đội ngũ)	Kế hoạch tháng 5/2013 Quyết định 84/QĐ-BVHTTDL ngày 09/01/2014	ĐHSKĐAHN	Bộ phận TCCB

				Quyết định số 34/QĐ-BVHTTDL ngày 09/01/2016		
3	H07.07.01.04	Đề án vị trí việc làm	Công văn số 3403/BVHTTDL-TCCBNgày 30/9/2014.	Bộ VHTTDT	P.HC, TH Bộ phận TCCB	
5	H07.07.01.05	Minh chứng về việc phân công nhân viên (các phòng chức năng) trực tiếp hỗ trợ Khoa Công nghệ Điện ảnh - Truyền hình	Năm 2016-2021	ĐHSKĐAHN	P.HC, TH Bộ phận TCCB H6.06.01.6	
6	H07.07.01.06	Hệ thống các văn bản của Trường về Quy định tuyển dụng, sử dụng, quản lý viên chức và người lao động của Nhà trường	Đề án vị trí việc làm	ĐHSKĐAHN	P.HC, TH Bộ phận TCCB	
7	H07.07.01.07	Quy chế tổ chức và hoạt động của Trường Đại học Sân khấu - Điện ảnh Hà Nội	Nghị quyết 04/NQ-HĐT ngày 10/8/2021	ĐHSKĐAHN	P.HC, TH Bộ phận TCCB	
8	H07.07.01.08	Quy chế chi tiêu nội bộ		ĐHSKĐAHN	P.HC, TH Bộ phận Tài vụ	
9	H07.07.01.09	Minh chứng về việc chuyển đổi ngạch viên chức	Giai đoạn 2016-2021	ĐHSKĐAHN	P.HC, TH Bộ phận TCCB	
10	H07.07.01.10	Minh chứng hỗ trợ kinh phí, thời gian cho cán bộ phục vụ tham gia các khoá bồi dưỡng chuyên môn nghiệp vụ, hội nghị hội thảo chuyên ngành và tổ chức các khoá bồi dưỡng chuyên môn nghiệp vụ cho cán bộ phục vụ	Các Quyết định cử đi học tập, tập huấn, bồi dưỡng, hỗ trợ học phí	ĐHSKĐAHN	P.HC, TH Bộ phận TCCB	
11	H07.07.01.11	Danh sách cán bộ được phân công làm trợ lý Khoa Công nghệ Điện ảnh - Truyền hình	Giai đoạn 2016-2021	ĐHSKĐAHN	P.HC, TH Bộ phận TCCB Khoa Công nghệ Điện ảnh - Truyền hình	
12	H07.07.01.12	Kết quả bình xét thi đua khối phòng chức năng (2015-2020)	Giai đoạn 2016-2021	ĐHSKĐAHN	P.HC, TH Bộ phận TCCB	

Tiêu chí 7.2	1	H07.07.02.01	Minh chứng về các văn bản liên quan đến công tác tuyển dụng, điều chuyển và bổ nhiệm	Giai đoạn 2016-2021	ĐH SKĐA HN	P.HC, TH Bộ phận TCCB
	2	H07.07.02.02	Hồ sơ của đội ngũ nhân viên	Giai đoạn 2016-2021	ĐH SKĐA HN	P.HC, TH Bộ phận TCCB
	3	H07.07.02.03	Thông báo tuyển dụng được đăng tải trên kênh thông tin đại chúng hoặc web của Trường	Giai đoạn 2016-2021	ĐH SKĐA HN	Bộ phận web Trường
	3	H07.07.02.04	Quy hoạch cán bộ từng giai đoạn (2015-2020)	Giai đoạn 2016-2021	ĐH SKĐA HN	P.HC, TH Bộ phận TCCB
	5	H07.07.02.05	Hồ sơ nâng ngạch chuyên viên lên chuyên viên chính	Giai đoạn 2016-2021	ĐH SKĐA HN	P.HC, TH Bộ phận TCCB
	6	H07.07.02.06	Minh chứng về việc điều chuyển nhân viên	Giai đoạn 2016-2021	ĐH SKĐA HN	P.HC, TH Bộ phận TCCB
Tiêu chí 7.3	1	H07.07.03.01	Quy chế thi đua của Trường	Các phiên bản của quy chế này từ năm 2016-2021	ĐH SKĐA HN	P.HC, TH Bộ phận TCCB
	2	H07.07.03.02	Các bản đăng ký thi đua hằng năm của đội ngũ nhân viên	Văn bản thống kê các năm từ 2016-2021.	ĐH SKĐA HN	P.HC, TH Bộ phận TCCB
	3	H07.07.03.03	Báo cáo thành tích của đội ngũ nhân viên (hồ sơ xét thi đua, khen thưởng)	Giai đoạn 2016-2021	ĐH SKĐA HN	P.HC, TH Bộ phận TCCB
	3	H07.07.03.04	Kết quả thi đua hằng năm (hồ sơ thi đua)	Giai đoạn 2016-2021	ĐH SKĐA HN	P.HC, TH Bộ phận TCCB
	5	H07.07.03.05	Minh chứng về việc lấy ý kiến góp ý của các đơn vị mỗi lần ban hành mới quy chế thi đua, khen thưởng (thông báo lấy ý kiến góp ý cho dự thảo quy chế, phiếu góp ý của các đơn vị)	Thông báo số 582/TB-SKĐA HN ngày 8/9/2017	ĐH SKĐA HN	P.HC, TH Bộ phận TCCB
	6	H7.07.03.06	Hồ sơ thi đua, danh sách đạt danh hiệu thi đua hằng năm của đội ngũ nhân viên	Giai đoạn 2016-2021	ĐH SKĐA HN	P.HC, TH Bộ phận TCCB
	7	H7.07.03.07	Minh chứng về việc “Đội ngũ trợ lý Khoa Công nghệ Điện ảnh - Truyền hình được	Giai đoạn 2016-2021	ĐH SKĐA HN	P.HC, TH Bộ phận TCCB

			đánh giá, cho điểm về công tác phục vụ và được hỗ trợ kinh phí”			
Tiêu chí 7.4	1	H07.07.04.01	Thông báo tổ chức các lớp bồi dưỡng nghiệp vụ	Giai đoạn 2016-2021	ĐH SKĐA HN	P.HC, TH Bộ phận TCCB
	2	H07.07.04.02	Danh mục các khóa học, đào tạo, tập huấn và danh sách đội ngũ nhân viên của Trường tham gia học tập.	Giai đoạn 2016-2021	ĐH SKĐA HN	P.HC, TH Bộ phận TCCB
	3	H07.07.04.03	Quyết định cử cán bộ đi học tập, bồi dưỡng tập huấn và minh chứng về chi trả kinh phí của Trường	Giai đoạn 2016-2021	ĐH SKĐA HN	P.HC, TH Bộ phận TCCB
	4	H07.07.04.04	Minh chứng về kế hoạch đào tạo, bồi dưỡng tới từng vị trí chuyên môn, nghiệp vụ của nhân viên.	Giai đoạn 2016-2021	ĐH SKĐA HN	P.HC, TH Bộ phận TCCB
	5	H07.07.04.05	Sơ yếu lý lịch viên chức hằng năm (phiếu bổ sung thông tin); các giấy chứng nhận, chứng chỉ hoàn thành sau khóa học.	Giai đoạn 2016-2021	ĐH SKĐA HN	P.HC, TH Bộ phận TCCB
	6	H07.07.04.06	Minh chứng về việc phân bổ ngân sách đào tạo cho đội ngũ nhân viên	Giai đoạn 2016-2021	ĐH SKĐA HN	P.HC, TH Bộ phận TV
	7	H7.07.04.07	Danh sách đội ngũ nhân viên được cấp bằng thạc sĩ, tiến sĩ hoặc được nâng ngạch chuyên viên	Giai đoạn 2016-2021	ĐH SKĐA HN	P.HC, TH Bộ phận TCCB
Tiêu chí 7.5	1	H07.07.05.01	Bản mô tả vị trí công việc	Quyết định số 4965/QĐ-BVHTTDL ngày 28/12/2018	ĐH SKĐA HN	P.HC, TH Bộ phận TCCB
	2	H07.07.05.02	Quy chế thi đua khen thưởng	Giai đoạn 2016-2021	ĐH SKĐA HN	P.HC, TH Bộ phận TCCB
	3	H07.07.05.03	Biên bản phân công công việc của nhân viên (lưu tại đơn vị)	Giai đoạn 2016-2021	ĐH SKĐA HN	P.HC, TH Bộ phận TCCB
	4	H07.07.05.04	Nhận xét của trưởng phòng/ giám đốc trung tâm/ biên bản họp bình xét thi đua tại mỗi đơn vị cho từng cá nhân	Giai đoạn 2016-2021	ĐH SKĐA HN	P.HC, TH Bộ phận TCCB
	5	H07.07.05.05	Biên bản họp Hội đồng thi đua khen thưởng của Trường (2015-2020)	Trích biên bản họp ngày 5/10/2016	ĐH SKĐA HN	P.HC, TH Bộ phận TCCB

				Trích biên bản họp ngày 9/11/2017 Trích biên bản họp ngày 15/10/2018 Trích biên bản họp ngày 30/9/2019 Trích biên bản họp ngày 24/9/2020		
	6	H07.07.05.06	Quy trình, biểu mẫu bình xét danh hiệu thi đua	Quy định thi đua khen thưởng	ĐH SKĐA HN	P.HC, TH Bộ phận TCCB
	7	H7.07.05.07	Danh sách nhân viên được nhận các danh hiệu thi đua hằng năm và được tăng lương trước niên hạn (2015-2020)	Giai đoạn 2016-2021	ĐH SKĐA HN	P.HC, TH Bộ phận TCCB
	8	H7.07.05.08	Thông báo lấy ý kiến đóng góp cho Quy chế thi đua khen thưởng; biên bản tổng hợp góp ý cho dự thảo quy chế thi đua trước khi ban hành.	Giai đoạn 2016-2021	ĐH SKĐA HN	P.HC, TH Bộ phận TCCB
	9	H7.07.05.09	Báo cáo thanh tra nhân dân hằng năm (2015-2021)	Giai đoạn 2016-2021	Ban Thanh tra nhân dân	Bộ phận TTND
Tiêu chuẩn 8	8					
Tiêu chí 8.1	1	H08.08.01.01	Liệt kê tên văn bản là quy chế của Bộ GD&ĐT và Đề án tuyển sinh riêng của Trường	Thông báo TS số 71/TB-SKĐA HN ngày 8/3/2016; Thông báo TS số 142/TB-SKĐA HN ngày 20/3/2017; Thông báo TS csố 102/TB-SKĐA HN ngày 28/2/2018; Thông báo TS số 89/TB-SKĐA HN ngày 11/3/2019; Thông báo TS số 139/TB-SKĐA HN ngày 6/4/2021	ĐH SKĐA HN	P.ĐT, QLKH&HTQT

				Đề án tuyển sinh từ năm 2017 đến 2021		
2	H08.08.01.02	http://skda.edu.vn . Thông tin (băng đĩa, hình ảnh trong Ngày hội tuyển sinh - thường tổ chức đầu năm ở Đại học Bách Khoa HN)	Giai đoạn 2016-2021	ĐH SKĐA HN	P.ĐT, QLKH& HTQT Khoa Công nghệ Điện ảnh - Truyền hình	
3	H08.08.01.03	Các thông báo/ kế hoạch tuyển sinh, tờ rơi, trang thông tin điện tử của Trường/ Khoa/ Facebook của Trường.	Giai đoạn 2016-2021	ĐH SKĐA HN	P.ĐT, QLKH& HTQT Khoa Công nghệ Điện ảnh - Truyền hình	
4	H08.08.01.04	Thông tin minh chứng về lớp giải đáp thắc mắc (2015-2020)	Kê hoạch số 102-KH-SKĐA HN ngày 28/2/2018 Kê hoạch số 89-KH-SKĐA HN ngày 11/3/2019	ĐH SKĐA HN	Khoa Công nghệ Điện ảnh - Truyền hình	
5	H08.08.01.05	Minh chứng về việc đưa thông tin tuyển sinh về các địa phương; đón học sinh THPT đến thăm quan trải nghiệm tại Trường	Kế hoạch số 418/KH-SKĐA HN ngày 8/11/2019	ĐH SKĐA HN	P.ĐT, QL KH&HTQT Khoa Công nghệ Điện ảnh - Truyền hình	
6	H08.08.01.06	Biên bản họp rút kinh nghiệm công tác tuyển sinh hằng năm	Giai đoạn 2016-2021	ĐH SKĐA HN	P.ĐT, QLKH& HTQT Khoa Công nghệ Điện ảnh - Truyền hình	

Tiêu chí 8.2	1	H08.08.02.01	Văn bản quy chế tuyển sinh của Bộ Giáo dục và Đào tạo các năm (2015-2020)	Thông tư số 03/2015/TT-BGDĐT ngày 26/02/2015	Bộ GDĐT	P.ĐT, QLKH&HTQT
	2	H08.08.02.02	Đề án tuyển sinh của Trường ĐHSKĐAHN	Đề án tuyển sinh của Trường các năm 2019,2020,2021	ĐHSKĐAHN	P.ĐT, QLKH&HTQT
	3	H08.08.02.03	Danh sách HĐTS, các Ban phục vụ TS, Ban TTr (2015-2020)	Quyết định số 436/QĐ – SKDAHNN ngày 14/5/2019 Quyết định số 955/QĐ – SKDAHNN ngày 14/8/2020	ĐHSKĐAHN	P. HC, TH Bộ phận TCCB
	4	H08.08.02.04	Tài liệu; biên bản tập huấn tuyển sinh hằng năm	Quy chế tuyển sinh 2017	ĐHSKĐAHN	Bộ phận TCCB
	5	H08.08.02.05	Biên bản họp Hội đồng tuyển sinh (sau khi tuyển sinh và công bố kết quả trúng tuyển)	Biên bản xét duyệt điểm trúng tuyển ngày 14/8/2015 Biên bản xét duyệt điểm trúng tuyển ngày 11/9/2015 Biên bản xét duyệt điểm trúng tuyển ngày 12/8/2016 Biên bản xét duyệt điểm trúng tuyển ngày 25/7/2017 Biên bản xét duyệt điểm trúng tuyển ngày 4/8/2017 Biên bản xét duyệt điểm trúng tuyển ngày 6/8/2018 Biên bản xét duyệt điểm trúng tuyển ngày 1/8/2019 Biên bản xét duyệt điểm trúng tuyển ngày 7/9/2020	ĐHSKĐAHN	P.ĐT, QLKH&HTQT

	6	H08.08.02.06	website của Đại học Sân khấu - Điện ảnh Hà Nội (http://skda.edu.vn/); facebook của Trường https://www.facebook.com/Tr%C6%B0%E1%BB%9Dng-%C4%90%E1%BA%A1i-H%E1%BB%8Dc-S%C3%A2n-Kh%E1%BA%A5u-%C4%90i%E1%BB%87n-%E1%BA%A2nh-H%C3%A0-N%E1%BB%99i-954942391290706/	Sử dụng MC H05.05.04.02	ĐH SKĐA HN	P.ĐT, QLKH & HTQT
	7	H08.08.02.07	Hồ sơ của Ban Thanh tra tuyển sinh (2015-2020)	- Chính quy Đại học, Trung cấp Quyết định số 676/QĐ-SKĐA HN ngày 14/7/2015 Quyết định số 756/QĐ-SKĐA HN ngày 11/7/2016 Quyết định số 756/QĐ-SKĐA HN ngày 11/7/2016 Quyết định số 689/QĐ-SKĐA HN ngày 27/6/2017 Quyết định số 611/QĐ-SKĐA HN ngày 04/7/2018 Quyết định số 192/QĐ-SKĐA HN ngày 15/3/2019 Quyết định số 561/QĐ-SKĐA HN ngày 27/5/2020 Quyết định số 954/QĐ-SKĐA HN ngày 14/8/2020 - Hệ vừa làm vừa học Quyết định số 997/QĐ-SKĐA HN ngày 19/10/2015	ĐH SKĐA HN Bộ phận TCCB	P. Khảo thí & ĐBCLGD

				Quyết định số 1222/QĐ-SKĐAHN ngày 13/10/2016 Quyết định số 1515/QĐ-SKĐAHN ngày 23/12/2016 Quyết định số 1039/QĐ-SKĐAHN ngày 27/9/2017 Quyết định số 1097/QĐ-SKĐAHN ngày 10/10/2018 Quyết định số 1068/QĐ-SKĐAHN ngày 14/10/2019 Quyết định số 1268/QĐ-SKĐAHN ngày 27/10/2020		
Tiêu chí 8.3	1	H08.08.03.01	Quy chế 25 - quy chế đào tạo đại học và cao đẳng hệ chính quy	Quyết định 25/2006/QĐ-BGDĐT ngày 26/6/2006	Bộ Giáo dục và Đào tạo	P.ĐT, QLKH&HTQT
	2	H08.08.03.02	Các văn bản quy định đào tạo riêng của Trường ĐHSKĐAHN;	Quyết định số 1111/QĐ-SKĐAHN ngày 17/10/2018	ĐHSKĐAHN	P.ĐT, QLKH&HTQT
	3	H08.08.03.03	Tập hợp các quy định do phòng CT HSSV tham mưu HT ban hành.	Sổ tay sinh viên	ĐHSKĐAHN	P. CT HS/SV
	4	H08.08.03.04	Quy chế về công tác học sinh sinh viên	Giai đoạn 2016-2021	ĐHSKĐAHN	P. CT HS/SV
	5	H08.08.03.05	Minh chứng về đội kiểm tra nề nếp giảng dạy học tập (2015-2021) gồm các thông báo về chấn chỉnh nề nếp, các biên bản cuộc họp về kiểm tra nề nếp giảng đường;	Giai đoạn 2016-2021	ĐHSKĐAHN	P. CT HS/SV
	6	H08.08.03.06	Báo cáo nhanh tình hình học tập giảng dạy được công bố trong cuộc họp giao ban hằng tháng. Kết luận các cuộc họp giao ban hằng tháng	Giai đoạn 2016-2021	ĐHSKĐAHN	P. CT HS/SV
	7	H08.08.03.07	Minh chứng về việc tổ chức đội kiểm tra nề nếp giảng dạy và học tập.	Giai đoạn 2016-2021	ĐHSKĐAHN	P. CT HS/SV

	8	H08.08.03.08	Thời khóa biểu các năm học (2015-2020) - của Khoa Công nghệ Điện ảnh - Truyền hình	Giai đoạn 2016-2021	P.ĐT,QLKH&HT QT	Khoa Công nghệ Điện ảnh - Truyền hình
	9	H08.08.03.09	Email trao đổi với giảng viên Hoàng Thị Thu Thủy, - Phó trưởng Khoa Công nghệ Điện ảnh - Truyền hình (2015-2020)	Giai đoạn 2016-2021	Khoa Công nghệ Điện ảnh - Truyền hình	Khoa Công nghệ Điện ảnh - Truyền hình
	10	H08.08.03.10	Email trao đổi với giảng viên Hoàng Thị Thu Thủy - Phó trưởng Khoa Công nghệ Điện ảnh - Truyền hình (2015-2020); Sổ tay sinh viên; Minh chứng về tuần giáo dục công dân.	Công văn số 4146/BGDĐT- CTHSSV ngày 14/8/2015 Kế hoạch số 293 /KH – SKĐAHN ngày 4/9/2015 Công văn số 3836/BGDĐT- CTHSSV ngày 8/8/2016...	BGDĐT ĐH SKĐAHN	P.CT HS,SV
				Kế hoạch số 12 /KH – SKĐAHN ngày 5/1/2017 Kế hoạch số 575 /KH – SKĐAHN ngày 5/9/2017 Kế hoạch số 576 /KH – SKĐAHN ngày 5/9/2017 Kế hoạch số 381 /KH –		
				SKĐAHN ngày 28/8/2018 Kế hoạch số 406 /KH – SKĐAHN ngày 13/9/2018 Kế hoạch số 407 /KH – SKĐAHN ngày 13/9/2018		
				Kế hoạch số 286 /KH – SKĐAHN ngày 14/8/2019 Kế hoạch số 358/KH – SKĐAHN ngày 27/9/2019		
				Công văn số 3321/BGDĐT- CTHSSV ngày 28/8/2020 Kế hoạch số 307 /KH – SKĐAHN ngày 8/9/2020		

				Kế hoạch số 349 /KH – SKĐAHN ngày 12/10/2020 Kế hoạch số 350 /KH – SKĐAHN ngày 12/10/2020		
	11	H08.08.03.11	Minh chứng về Hội nghị đối thoại với sinh viên hằng năm	Giai đoạn 2016-2021	ĐH SKĐAHN	P. CT HS/SV
	12	H08.08.03.12	Điểm thi lưu trữ tại Phòng ĐT, QLKH& HTQT	Giai đoạn 2016-2021	ĐH SKĐAHN	P.ĐT, QLKH& HTQT Khoa Công nghệ Điện ảnh - Truyền hình
	13	H08.08.03.13	Biên bản ghi nhớ kiểm tra điểm thi	Giai đoạn 2016-2021	ĐH SKĐAHN	P.Khảo thí & ĐBCLGD
	14	H08.08.03.14	Biên bản xét học bổng, xét danh hiệu, cảnh báo học vụ, xét điều kiện lên lớp, điểm rèn luyện, xét điều kiện để được làm bài tốt nghiệp....	Các Biên bản đánh giá kết quả rèn luyện từ 2016 đến 2021	ĐH SKĐAHN	P. CT HS/SV
Tiêu chí 8.4	1	H08.08.04.01	Quy chế tổ chức hoạt động của Trường	Quyết định số 747/QĐ-SKĐAHN ngày 05/11/2014	ĐH SKĐAHN	P.HCTH Bộ phận TCCB
	2	H08.08.04.02	Minh chứng từ các báo cáo công tác Đoàn TNCSHCM (2015-2020); sổ ghi chép của giáo viên chủ nhiệm; quyết định bổ nhiệm trợ lý Khoa Công nghệ Điện ảnh - Truyền hình.	Giai đoạn 2016-2021	ĐH SKĐAHN	P.HCTH Bộ phận TCCB
	3	H08.08.04.03	Các minh chứng về việc tổ chức tuần sinh hoạt công dân đầu khóa.	Giai đoạn 2016-2021	ĐH SKĐAHN	P. CT HS/SV
	4	H08.08.04.04	Sổ tay sinh viên	Giai đoạn 2016-2021	ĐH SKĐAHN	P. CT HS/SV
	5	H08.08.04.05	Hình ảnh, minh chứng về việc tổ chức đón tiếp sinh viên đầu khóa của Khoa Công nghệ Điện ảnh - Truyền hình	Giai đoạn 2016-2021	ĐH SKĐAHN	Khoa Công nghệ Điện ảnh - Truyền hình

6	H08.08.04.06	Minh chứng về việc thực hiện các chính sách hỗ trợ cho SV	Giai đoạn 2016-2021	ĐH SKĐA HN	P. CT HS/SV
7	H08.08.04.07	Minh chứng miễn giảm học phí theo quy định của Nhà nước (người dân tộc thiểu số thuộc hộ nghèo, cận nghèo, cũng như việc trợ cấp xã hội cho SV)	Giai đoạn 2016-2021	ĐH SKĐA HN	P. CT HS/SV
8	H08.08.04.08	Giai đoạn 2016-2020	Giai đoạn 2016-2021	ĐH SKĐA HN	P. CT HS/SV
9	H08.08.04.09	Minh chứng cho việc tổ chức các hoạt động ngoại khóa.	Giai đoạn 2016-2021	ĐH SKĐA HN	P. CT HS/SV
10	H08.08.04.10	Minh chứng về việc sinh viên được giải thưởng về phim.	Giai đoạn 2016-2021	ĐH SKĐA HN	Khoa Công nghệ Điện ảnh - Truyền hình
11	H08.08.04.11	Mô tả vị trí việc làm của giảng viên Khoa Công nghệ Điện ảnh - Truyền hình; Kế hoạch hằng tháng (giao ban); Kế hoạch P. CTHSSV; Kết luận của HT về công tác HSSV.	Giai đoạn 2016-2021	ĐH SKĐA HN	P. CT HS/SV
12	H08.08.04.12	Danh sách sinh viên được đề nghị xét học lớp tài năng	Giai đoạn 2016-2021	ĐH SKĐA HN	Khoa Công nghệ Điện ảnh - Truyền hình
13	H08.08.04.13	Biên bản về việc tổ chức sinh hoạt lớp	Giai đoạn 2016-2021	Khoa Công nghệ Điện ảnh - Truyền hình	
14	H08.08.04.14	Minh chứng được cung cấp từ Khoa về các chương trình tuyển dụng việc làm cho SV mới tốt nghiệp và kết nối mạng lưới cựu người học để hỗ trợ tìm kiếm cơ hội việc làm cho SV	Giai đoạn 2016-2021	ĐH SKĐA HN	P. CT HS/SV
15	H08.08.04.15	Minh chứng được cung cấp từ Đoàn TNCSHCM	Giai đoạn 2016-2021	ĐH SKĐA HN	Đoàn TN

	16	H08.08.04.16	Danh mục danh hiệu thi đua của SV Khoa NT ĐA đạt được	Giai đoạn 2016-2021	ĐH SKĐA HN	Khoa Công nghệ Điện ảnh - Truyền hình
Tiêu chuẩn 9	9					
Tiêu chí 9.1	1	H09.09.01.01	Công khai cơ sở vật chất hằng năm (Báo cáo Ba công khai) Sơ đồ hệ thống phòng làm việc, phòng học và các phòng chức năng	Phụ lục 19, báo cáo Ba công khai hằng năm Quyết định 223/BC –SKĐA HN ngày 19/6/2019	ĐH SKĐA HN	P.KTĐB CLGD; P.HCTH
	2	H09.09.01.02	Danh mục cơ sở vật chất, trang thiết bị...; sổ theo dõi tình trạng hoạt động, sử dụng... Sơ đồ thiết bị phòng cháy chữa cháy và kế hoạch ứng phó khẩn cấp	Giai đoạn 2016-2021	ĐH SKĐA HN	P. HCTH
	3	H09.09.01.03	Văn bản, minh chứng cho thấy Trường được sử dụng Khu khu thể chất, khu ký túc xá thuộc Bộ VHTTDL quản lý.	Sơ đồ Trường ĐH SKĐA HN - 2021	ĐH SKĐA HN	P. HCTH
	4	H09.09.01.04	Quy chế hoạt động của Trường (chức năng, nhiệm vụ Phòng HCTH)	Quyết định số 747/QĐ-SKĐA HN ngày 5/11/2014	ĐH SKĐA HN	P. HCTH
	5	H09.09.01.05	Thông báo về việc bổ sung thiết bị cơ sở vật chất. Kế hoạch mua mới và nâng cấp cơ sở vật chất, trang thiết bị.	Thông báo số 112/TB-HCTH ngày 19/3/2021	ĐH SKĐA HN	P. HCTH
	6	H09.09.01.06	Kế hoạch chiến lược phát triển về cơ sở vật chất (Đề án xây dựng Trường ĐH Sân khấu - Điện ảnh Hà Nội thành Trường ĐH trọng điểm quốc gia) - Kế hoạch xây dựng Nhà B	Quyết định số 1714 /QĐ-BVHTTDL ngày 26/5/2021	Bộ VHTTDL	
	7	H09.09.01.07	Báo cáo tài chính năm học (Trong Hội nghị cán bộ CCVC hằng năm).	Giai đoạn 2016-2021	ĐH SKĐA HN	P. HCTH (TV)
	8	H09.09.01.08	Báo cáo đánh giá ngoài Trường ĐH Sân khấu - Điện ảnh Hà Nội	Năm 2017	ĐH SKĐA HN	P.KTĐ BCLGD

Tiêu chí 9.2	1	H09.09.02.01	Báo cáo tự đánh giá Trường ĐH Sân khấu - Điện ảnh Hà Nội (2010-2015) (tiêu chí 9.2)	Năm 2017	ĐH SKĐA HN	P.KTĐ BCLGD
	2	H09.09.02.02	Quyết định số 13/2008/QĐ - BVHTTDL ngày 10/3/2008 của Bộ VHTTDL ban hành về Quy chế mẫu tổ chức và hoạt động thư viện Trường Đại học.	Quyết định số 13/2008/QĐ-BVHTTDL	ĐH SKĐA HN	P. HCTH
	3	H09.09.02.03	Sơ đồ bố trí thư viện.	Sơ đồ	ĐH SKĐA HN	P. HCTH
	4	H09.09.02.04	Mình chứng về việc bổ sung tài liệu, sách báo hằng năm	Giai đoạn 2016-2021	ĐH SKĐA HN	TTTTTV
	5	H09.09.02.05	Đề cương chi tiết môn học/ học phần	Giai đoạn 2016-2021	ĐH SKĐA HN	K.NTĐA
	6	H09.09.02.06	Mình chứng về thư viện điện tử	Số ngày tháng	ĐH SKĐA HN	TTTTTV
	7	H09.09.02.07	cơ sở dữ liệu của Trung tâm thông tin thư viện	danh sách thống kê thư viện	ĐH SKĐA HN	TTTTTV
	8	H09.09.02.08	Thống kê sách, tài liệu của chuyên ngành Âm thanh Điện ảnh - Truyền hình	Giai đoạn 2016-2021	ĐH SKĐA HN	K.NTĐA
	9	H09.09.02.09	Thống kê sách, tài liệu của chuyên ngành Âm thanh Điện ảnh - Truyền hình	Giai đoạn 2016-2021	ĐH SKĐA HN	K.NTĐA; TTTTTV
	10	H09.09.02.10	Thông báo của TTTTTV về bổ sung các giáo trình, tài liệu tham khảo phù hợp với chuyên ngành đào tạo.(Các văn bản đề xuất nhu cầu, các kế hoạch, dự toán, hóa đơn, thanh quyết toán các khoản đầu tư cho thư viện như: sách báo, tạp chí, tài liệu....)	Giai đoạn 2016-2021	ĐH SKĐA HN	K.NTĐA; TTTTTV
	11	H09.09.02.11	Mình chứng về việc khảo sát thăm dò ý kiến bạn đọc về chất lượng phục vụ của thư viện (phiếu khảo sát, quy trình xử lý dữ liệu...)	Giai đoạn 2016-2021	ĐH SKĐA HN	TTTTTV
	12	H09.09.02.12	Mình chứng về việc học tập, bồi dưỡng nghiệp vụ của cán bộ TTTTTV.	Giai đoạn 2016-2021	ĐH SKĐA HN	P.HCTH Bộ phận TCCB

Tiêu chí 9.3	1	H09.09.03.01	Sơ đồ phòng thực hành, sàn tập, phòng chiếu phim, trung tâm thực hành sk-đa	Trong sơ đồ Trường	ĐH SKĐA HN	P.HCTH Bộ phận HCQT
	2	H09.09.03.02	Sơ đồ hệ thống phòng làm việc, phòng học và các phòng chức năng	Trong sơ đồ Trường	ĐH SKĐA HN	P.HCTH Bộ phận HCQT
	3	H09.09.03.03	Thống kê danh mục trang thiết bị của phòng thực hành phục vụ đào tạo và NCKH	Giai đoạn 2016-2021	ĐH SKĐA HN	P.HCTH Bộ phận HCQT
	4	H09.09.03.04	Danh sách các phòng thực hành mà Khoa Công nghệ Điện ảnh - Truyền hình sử dụng. Thống kê danh mục trang thiết bị Trường quay, phòng chụp ảnh, phòng dựng phim, phòng chiếu phim, phòng in tráng phim	Văn bản thống kê	ĐH SKĐA HN	Bộ phận HC, QT
	5	H09.09.03.05	Tài liệu hướng dẫn, quy định của phòng thực hành	Số ngày tháng	ĐH SKĐA HN	Bộ phận HC, QT
	6	H09.09.03.06	Minh chứng về việc Trường/ Khoa thường xuyên phổ biến đến người làm việc trong phòng thực hành các quy định, nội quy phòng, quy tắc an toàn và phòng chống cháy nổ (biên bản, thông báo, quy định về việc giảng dạy và học tập trong các phòng thực hành)	Dùng chung minh chứng H09.09.03.05	ĐH SKĐA HN	Bộ phận HC, QT
	7	H09.09.03.07	Nội quy phòng, hướng dẫn sử dụng thiết bị phòng thực hành (ảnh chụp các bảng nội quy được dán tại các phòng thực hành).	Dùng chung minh chứng H09.09.03.05	ĐH SKĐA HN	Bộ phận HC, QT
	8	H09.09.03.08	Quy chế tổ chức hoạt động (P. HCTH - Bộ phận HCQT)	Liệt kê văn bản	ĐH SKĐA HN	Bộ phận HC, QT

		Quy định về quản lý và khai thác trang thiết bị thực hành. (cung cấp số, ngày tháng ban hành QĐ) Kế hoạch công tác tháng của bộ phận HCQT (trong đó có các kế hoạch về duy tu, bảo dưỡng, bổ sung, nâng cấp và đầu tư mới thiết bị phòng thực hành). Nhật ký sử dụng trang thiết bị phòng thực hành			
9	H09.09.03.09	kế hoạch và thông báo đến các đơn vị trong toàn Trường về việc mua sắm trang thiết bị, cơ sở vật chất; Các phiếu đề xuất mua sắm trang thiết bị của Khoa Công nghệ Điện ảnh - Truyền hình (2015-2020);	Giấy đề nghị các năm	ĐH SKĐA HN	Bộ phận HC, QT
10	H09.09.03.10	Báo cáo tổng hợp về việc sử dụng trang thiết bị (tần suất sử dụng, thời gian hoạt động, số giờ vận hành...)	Giai đoạn 2016-2021	ĐH SKĐA HN	Bộ phận HC, QT
11	H09.09.03.11	Tổng hợp kinh phí đã đầu tư mua sắm, sửa chữa, bảo dưỡng trang thiết bị	Giai đoạn 2016-2021	ĐH SKĐA HN	Bộ phận HC, QT
12	H09.09.03.12	Danh sách các nhà hát, hãng phim, đài truyền hình; Danh mục thiết bị mua sắm cho Khoa TH, NA, KTĐA...	biên bản kiểm kê tài sản năm 2018	ĐH SKĐA HN	Bộ phận HC, QT
13	H09.09.03.13	Dữ liệu phản hồi của NH và các bên liên quan về phòng thí nghiệm, thực hành và các trang thiết bị		ĐH SKĐA HN	Bộ phận HC, QT

	15	H09.09.03.14	Danh mục các trang thiết bị được cập nhật hằng năm trong giai đoạn (2016-2021)	Giai đoạn 2016-2021	ĐH SKĐA HN	Bộ phận HC, QT
Tiêu chí 9.4	1	H09.09.04.01	Thống kê hệ thống máy tính, phần cứng, phần mềm và thiết bị công nghệ thông tin, trang thông tin điện tử	Biên bản kiểm kê tài sản năm 2018	ĐH SKĐA HN	P. HCTH
	2	H09.09.04.02	Báo cáo đánh giá ngoài Trường ĐH SKĐA HN	(Năm 2017- tiêu chí 9.4)	ĐH SKĐA HN	P. KT& ĐBCLGD
	3	H09.09.04.03	Tổng hợp các biên bản kiểm kê tài sản từ năm 2015-2020.	Biên bản kiểm kê tài sản năm 2018	ĐH SKĐA HN	P. HCTH
	4	H09.09.04.04	Thư viện điện tử; Sổ sách theo dõi việc vận hành và bảo trì phòng máy tính, phần cứng, phần mềm và các mạng truyền thông, phòng họp trực tuyến, trang thông tin điện tử	Năm 2016 - 2021	ĐH SKĐA HN	P.HC, TH TT thư viện
	5	H09.09.04.05	Ban biên tập website; Phân công nhiệm vụ Quyết định thành lập Ban quản trị trang thông tin điện tử. Văn bản phân công bộ phận/người phụ trách hệ thống CNTT; Quy chế hoạt động của Trường Quy chế quản lý, tổ chức hoạt động, sử dụng thư điện tử và trang thông tin điện tử, đáp ứng yêu cầu về quản trị mạng	Quyết định số 962/QĐ/-SKĐA HN ngày 16/9/2019	ĐH SKĐA HN	P.HCTH Bộ phận TCCB
	6	H09.09.04.06	Văn bản liên quan đến: kế hoạch bảo trì, bảo dưỡng, nâng cấp hệ thống công nghệ thông tin trong toàn Trường	Giai đoạn 2016-2021	ĐH SKĐA HN	P.HCTH
	7	H09.09.04.07	Nội quy sử dụng, sổ sách theo dõi, quản lý và nhật ký sử dụng các trang thiết bị tin học một cách quy chuẩn	Giai đoạn 2016-2021	ĐH SKĐA HN	P.HCTH

	8	H09.09.04.08	Báo cáo đánh giá ngoài Trường Đại học SKĐAHN do Trung tâm KĐCLGD – ĐH QGHN; Báo cáo tài chính (2015-2020) dành cho Danh mục máy tính, phần cứng, phần mềm, ... được cập nhật hằng năm (2015-2020).	Dùng chung minh chứng H09.09.04.02 Báo cáo tài chính 2016-2021	ĐH SKĐAHN	P. Khảo thí & ĐBCLGD Bộ phận tài vụ
	9	H09.09.04.09	Minh chứng việc tập huấn công nghệ thông tin cho cán bộ cũng được tổ chức thường xuyên	Thông báo số 153/TB-SKĐAHN ngày 19/5/2020	ĐH SKĐAHN	P. HCTH
	10	H09.09.04.10	Báo cáo tự đánh giá Trường ĐHSKĐAHN (để đăng ký kiểm định và được đánh giá ngoài năm 2017)	Dùng chung minh chứng H09.09.04.02	ĐH SKĐAHN	Khảo thí & ĐBCLGD
	11	H09.09.04.11	Kết quả tốt nghiệp năm 2020 chuyên ngành Âm thanh Điện ảnh - Truyền hình		ĐH SKĐAHN	P. ĐT, QLKH & HTQT
Tiêu chí 9.5	1	H09.09.05.01	Liệt kê các văn bản của Nhà nước chỉ đạo công tác này, Nhà trường đang thực hiện như: của Chính phủ quy định về môi Trường dục an toàn, lành mạnh, thân thiện, phòng, chống bạo lực học đường. Quy định về việc tăng cường thực hiện phòng chống tác hại thuốc lá và lạm dụng đồ uống có cồn trong ngành giáo dục	Nghị định số 80/NĐ-CP ngày 17/7/2017 Chỉ thị số 6036 /CT-BGĐT ngày 17/12/2014	Chính phủ ĐH SKĐAHN	P. CT HS/SV
	2	H09.09.05.02	Hình ảnh chụp các cảnh quan của Trường	Có minh chứng ảnh	ĐH SKĐAHN	Bộ phận HC, QT
	3	H09.09.05.03	Sơ đồ chỉ dẫn đến các khu làm việc, phòng học, phòng thực hành.	Dùng chung minh chứng H09.09.03.02	ĐH SKĐAHN	P. HCTH
	4	H09.09.05.04	Hợp đồng với Công ty vệ sinh Hoàn mỹ	Hợp đồng 1/7/2021	ĐH SKĐAHN P. HCTH	Bộ phận HC, QT

5	H09.09.05.05	Minh chứng: Nhà trường đã tổ chức kiểm tra về công tác nước sạch và vệ sinh môi Trường.	Biên bản giám sát ngày 28/5/2019	ĐHSKĐAHN P. HCTH	Bộ phận HC, QT
6	H09.09.05.06	Các thông báo phun thuốc muỗi, thuốc sát khuẩn thời kỳ chống dịch covid 19. Thông báo phòng chống dịch và triển khai học trực tuyến thời kỳ dịch bệnh.	Biên bản giám sát ngày 28/5/2019	ĐHSKĐAHN P. HCTH	Bộ phận HC, QT
7	H09.09.05.07	Thông báo khám sức khỏe cho cán bộ Trường (2015-2020)	Kế hoạch số 435/KH-SKĐAHN ngày 28/9/2018	ĐHSKĐAHN P. HCTH	Bộ phận HC, QT
8	H09.09.05.08	Minh chứng khám sức khỏe cho sinh viên năm nhất và bảo hiểm y tế cho sinh viên.	Kế hoạch số 435/KH-SKĐAHN ngày 28/9/2018	ĐHSKĐAHN P. CT HS,SV	Bộ phận HC, QT
9	H09.09.05.09	Thông báo về các quy định an toàn khi nghỉ lễ, tết và có quy định về việc tiết kiệm điện, nước.	Thông báo 18/TB-SKĐA ngày 17/1/2020	ĐHSKĐAHN P. HCTH	Bộ phận HC, QT
10	H09.09.05.10	Minh chứng về Hội thảo văn hoá ứng xử....	Giai đoạn 2016-2021	ĐHSKĐAHN P. HCTH	Bộ phận HC, QT
11	H09.09.05.11	Ban chỉ huy phòng chống bão lụt, cháy nổ	Giai đoạn 2016-2021	ĐHSKĐAHN P. HCTH	Bộ phận HC, QT
12	H09.09.05.12	Phương án phòng chống cháy nổ	Dùng chung minh chứng H08.08.05.12	ĐHSKĐAHN P. HCTH	Bộ phận HC, QT
13	H09.09.05.13	Quy chế tổ chức hoạt động	Dùng chung minh chứng H6.06.07.01	ĐHSKĐAHN P. HCTH	Bộ phận TCCB
14	H09.09.05.14	-Hệ thống camera Minh chứng về: - Công tác bảo vệ trật tự, an toàn, an ninh được lên <u>kế hoạch</u> rõ ràng -Dữ liệu về tập huấn/điễn tập các biện pháp ứng phó khẩn cấp với các tai nạn lao động, cháy nổ, ngộ độc thực phẩm hoặc xử lý các tình huống về môi Trường, sức khỏe và an toàn hằng năm	Có minh chứng	ĐHSKĐAHN P. HCTH	Bộ phận TCCB

			-Các báo cáo tổng kết/sơ kết đánh giá việc thực hiện tiêu chuẩn về môi Trường, sức khỏe, an toàn,...			
	15	H09.09.05.15	Các quy định, nội quy giảng đường, phòng thực hành, nhà xe, hội Trường và quy định về việc đeo thẻ	Quyết định số 458/QĐ-SKĐAHN ngày 27/5/2016	ĐH SKĐAHN P. HCTH	Bộ phận TCCB
Tiêu chuẩn 10	10					
Tiêu chí 10.1	1	H10.10.01.01	Mình chứng về: năm học 2018-2019, Nhà trường tiến hành rà soát, điều chỉnh CTĐT của tất cả các Khoa/ trung tâm đào tạo.	Kế hoạch số 558/KH SKĐAHN ngày 30/8/2017	ĐH SKĐAHN	P.ĐT, QLKH & HTQT
	2	H10.10.01.02	Văn bản giao nhiệm vụ/quy trình thực hiện thu thập thông tin phản hồi từ các bên liên quan để xây dựng và phát triển CTDH (trích thông tin từ Kết luận của Hiệu trưởng trong cuộc họp giao ban – Có phần nói về việc chuẩn bị cho CTĐT tài năng). Mình chứng việc tổ chức hội thảo chương trình đào tạo tài năng của Khoa Công nghệ Điện ảnh - Truyền hình.	Quyết định số 869/QĐ-SKĐAHN ngày 20/8/2019	ĐH SKĐAHN	K.NTĐA
	3	H10.10.01.03	Thông tư quy định về khối lượng kiến thức tối thiểu, yêu cầu về năng lực mà người học đạt được sau khi tốt nghiệp đối với mỗi trình độ đào tạo của giáo dục đại học và quy trình xây dựng, thẩm định, ban hành chương trình đào tạo trình độ đại học, thạc sĩ, tiến sĩ. Các văn bản của Trường ĐH SKĐA HN về vấn đề này.	Thông tư số 07/2015/TT-BGDĐT ngày 16 tháng 04 năm 2015 Quyết định số 1111/QĐ-SKĐAHN ngày 17/10/2019	Bộ GD & ĐT ĐH SKĐAHN	P.ĐT, QLKH & HTQT

4	H10.10.01.04	Danh sách các bên liên quan (gồm chuyên gia, cán bộ quản lý, GV, nghiên cứu viên, nhân viên, người học, đại diện của các tổ chức xã hội - nghề nghiệp, nhà sử dụng lao động và người học đã tốt nghiệp) được thiết lập từ khi chuẩn bị cho công tác KĐCLGD (năm 2017).	Danh sách các bên liên quan chuẩn bị cho công tác kiểm định chất lượng giáo dục	ĐH SKĐAHN	P.KTĐBCLGD; P.ĐT, QLKH & HTQT
5	H10.10.01.05	-Biên bản giao nhiệm vụ của Khoa trong việc thực hiện khảo sát, thu thập thông tin liên quan đến việc xây dựng và phát triển CTĐT. Biên bản họp cấp Khoa, Tổ giao nhiệm vụ thực hiện lấy ý kiến phản hồi của các bên liên quan -Phiếu khảo sát/dữ liệu khảo sát/báo cáo khảo sát lấy ý kiến phản hồi của giảng viên, người học và người sử dụng lao động để xây dựng và phát triển CTDH	Tổng hợp kết quả khảo sát về chương trình đào tạo ,chuẩn đầu ra 2019-2020	ĐH SKĐAHN	P.KTĐBCLGD
6	H10.10.01.06	Thông báo/ kế hoạch lấy ý kiến phản hồi của người học/ Thông báo công bố kết quả phản hồi của người học	Thông báo kèm bảng thống kê từ 2016 đến 2021	ĐH SKĐAHN	P.KTĐBCLGD
7	H10.10.01.07	Hồ sơ kiểm tra công tác đào tạo tại Khoa Công nghệ Điện ảnh - Truyền hình.	Quyết định số 406/QĐ-SKĐAHN ngày 4/5/2021 Kế hoạch 193 /KH-SKĐAHN ngày 16/5/2021 Thông báo 192 TB-SKĐAHN ngày 4/5/2021 Kết luận thanh tra 274 /KL_SKĐAHN ngày 2021	ĐH SKĐAHN	P.KTĐBCLGD

Tiêu chí 10.2	1	H10.10.02.01	Quy định về khối lượng kiến thức tối thiểu, yêu cầu về năng lực mà người học đạt được sau khi tốt nghiệp đối với mỗi trình độ đào tạo của giáo dục đại học và quy trình xây dựng, thẩm định ban hành chương trình đào tạo trình độ đại học, thạc sĩ, tiến sĩ;	Thông tư 7/2015/2017/TT-BGDĐT ngày 16/4/2015	Bộ GD & ĐT	ĐT, QLKH & HTQT
	2	H10.10.02.02	Phòng Đào tạo, quản lý KH & HTQT là đầu mối tổ chức chỉ đạo các Khoa việc thực hiện xây dựng và phát triển CTĐT: Ban hành kế hoạch, Quyết định thành lập HĐ, (liệt kê toàn bộ các hoạt động của P.ĐT QLKH & HTQT về vấn đề này) Mô tả chi tiết về quy trình thiết kế, phát triển CTĐT bảo đảm chất lượng đào tạo.(P.ĐT QLKH & HTQT về sơ đồ này dựa trên những việc đã làm để hoàn thành công tác rà soát, điều chỉnh CTĐT năm 2019)	Quyết định số 357/QĐ-SKĐAHN ngày 4/5/2018 Quyết định số 727/QĐ-SKĐAHN ngày 26/7/2018 Quyết định số 1221/QĐ-SKĐAHN ngày 7/11/2017 Quyết định số 1476/QĐ-SKĐAHN ngày 28/12/2017 Quyết định số 357/QĐ-SKĐAHN ngày 4/5/2018	ĐH SKĐAHN	ĐT QLKH & HTQT
	3	H10.10.02.03	Mình chứng về quá trình Khoa Công nghệ Điện ảnh - Truyền hình rà soát điều chỉnh CTĐT (năm 2019) (các biên bản họp về vấn đề này, tổng kết vấn đề)	Dùng chung minh chứng H2.02.01.01	SKĐAHN	P.Khảo thí & ĐBCLGD
	4	H10.10.02.04	Bảng đối sánh những nội dung chính đã cập nhật trong CTDH qua các năm (2015, 2019)	Dùng chung minh chứng H2.02.01.01 Dùng chung minh chứng H2.02.01.03	SKĐAHN	ĐT, QLKH & HTQT
	5	H10.10.02.05	Các văn bản mẫu phiếu đề cương chi tiết do phòng đào tạo thiết kế	Quyết định số 733/QĐ-SKĐAHN ngày 27/7/2018	SKĐAHN	ĐT, QLKH & HTQT
	6	H10.10.02.06	Khoa tổng kê các nội dung điều chỉnh CTĐT chuyên ngành Âm thanh Điện ảnh	Giai đoạn 2016-2021	SKĐAHN	ĐT, QLKH & HTQT

			- Truyền hình (trích lại biên bản do thư ký ghi chép trong các cuộc họp của Hội đồng thẩm định)			
	7	H10.10.02.07	Thông báo lấy ý kiến góp ý CTĐT đã được điều chỉnh, tổng hợp ý kiến đóng góp từ các đơn vị toàn Trường, Quyết định ban hành CTĐT năm 2019. Hồ sơ: Các minh chứng lấy từ cuộc họp của hội đồng thẩm định (phải được ghi thành biên bản chi tiết); trong đó có ý kiến nhận xét của các phản biện (có bản nhận xét kèm theo); kết quả kiểm phiếu (có biên bản kiểm phiếu kèm theo) và kết luận của Hội đồng thẩm định cấp Trường, có chữ ký của các thành viên hội đồng.	Biên bản họp hội đồng Khoa học cấp Trường ngày 25/4/2018	ĐH SKĐAHN	ĐT QLKH & HTQT
Tiêu chí 10.3	1	H10.10.03.01	“Quy định về công tác khảo thí của Trường Đại học Sân khấu - Điện ảnh Hà Nội” và Quy chế đào tạo của Trường Đại học Sân khấu – Điện ảnh Hà Nội	Quyết định số 148/QĐ-SKĐAHN ngày 12/2/2021	SKĐAHN	P.Khảo thí & ĐBCLGD
	2	H10.10.03.02	Thông báo của P. KT & ĐBCLGD về việc tiếp nhận ngân hàng câu hỏi thi, đề thi, yêu cầu các Khoa trong toàn Trường rà soát, cập nhật, xây dựng câu hỏi thi, đề thi	Thông báo số 506/TB-SKĐAHN ngày 22/11/2018	SKĐAHN	P.Khảo thí & ĐBCLGD
	3	H10.10.03.03	Minh chứng: Khoa Công nghệ Điện ảnh - Truyền hình cũng đề ra quy trình đánh giá học phần	Mô tả quy trình	ĐH SKĐAHN	ĐT QLKH & HTQT

	4	H10.10.03.04	Mẫu phiếu đánh giá học phần bao gồm mẫu bài tập cá nhân, bài tập nhóm, tự luận, trắc nghiệm, vấn đáp, bài tập lớn, và bài tiểu luận đối với đánh giá cuối kì	Minh chứng nằm trong ngân hàng đề thi	ĐH SKĐAHN	ĐT QLKH & HTQT
	5	H10.10.03.05	Đề cương chi tiết học phần	Giai đoạn 2016-2021	ĐH SKĐAHN ĐT, QLKH & HTQT	Khoa Công nghệ Điện ảnh - Truyền hình
	6	H10.10.03.06	Phòng KT & ĐBCLGD của Nhà trường phối hợp với Khoa thực hiện hằng năm. 100% các học phần trong CTĐT trình độ đại học chuyên ngành Âm thanh Điện ảnh - Truyền hình đều được lấy ý kiến	Giai đoạn 2016-2021		Phòng KT & ĐBCLGD Khoa Công nghệ Điện ảnh - Truyền hình
	7	H10.10.03.07	Hồ sơ kiểm tra hoạt động đào tạo của Khoa Công nghệ Điện ảnh - Truyền hình	Giai đoạn 2016-2021	SKĐAHN	P.Khảo thí & ĐBCLGD
	8	H10.10.03.08	Kế hoạch giảng dạy của giảng viên	Giai đoạn 2016-2021	SKĐAHN	ĐT, QLKH & HTQT Khoa Công nghệ Điện ảnh - Truyền hình
Tiêu chí 10.4	1	H10.10.04.01	Văn bản Sứ mạng, tầm nhìn của Trường	Quyết định số 1219/QĐ-SKĐAHN ngày 13/10/2016	SKĐAHN	P.Khảo thí & ĐBCLGD
	2	H10.10.04.02	Các hoạt động nghề nghiệp cụ thể: Liệt kê việc tổ chức giải ong vàng, việc gửi phim đi dự thi, việc tham gia các hoạt động liên quan đến nghệ thuật điện ảnh được ghi nhận.	Các hoạt động nghề nghiệp cải tiến việc dạy học (2016-2021)	SKĐAHN	K.CNĐATH
	3	H10.10.04.03	Danh sách những tác phẩm đạt giải thưởng của GV Khoa Công nghệ Điện ảnh - Truyền hình	Danh sách giải thưởng của giảng viên Khoa Công nghệ Điện ảnh - Truyền hình (2016-2021)	K.CNĐATH	K.CNĐATH
	4	H10.10.04.04	Danh sách những tác phẩm đạt giải thưởng của SV Khoa Công nghệ Điện ảnh - Truyền hình	Danh sách giải thưởng của sinh viên Khoa Công nghệ Điện ảnh - Truyền hình (2016-2021)	K.CNĐATH	K.CNĐATH

	5	H10.10.04.05	Liệt kê các bài viết liên quan đến tác phẩm điện ảnh được giải thưởng (trong đó có sự góp mặt của GV Khoa Công nghệ Điện ảnh - Truyền hình)	Danh sách giải thưởng của giảng viên Khoa Công nghệ Điện ảnh - Truyền hình (2016-2021)	K.CNĐATH	K.CNĐATH
	6	H10.10.04.06	Sự cực đoan và dịu dàng của tay máy vàng Lý Thái Dũng (tác giả Ngọc Diệp)	Danh sách các bài viết về tác phẩm ,thực hành của giảng viên Khoa Công nghệ Điện ảnh - Truyền hình	K.CNĐATH	K.CNĐATH
	7	H10.10.04.07	Quy định về chế độ làm việc của giảng viên	Quyết định số 1415/QĐ-SKĐAHN ngày 8/12/2020	SKĐAHN	Bộ phận TCCB
	8	H10.10.04.08	Danh sách tên Hội nghị, hội thảo của Trường tổ chức - Các hội nghị, hội thảo, v.v để phổ biến, áp dụng kết quả NCKH.	Liệt kê văn bản	SKĐAHN	Viện SKĐA
	9	H10.10.04.09	Liệt kê các bài viết trên tạp chí của Nhà trường và nhiều tạp chí, báo khác về các tác phẩm điện ảnh đạt giải có sự góp mặt của GV Khoa Công nghệ Điện ảnh - Truyền hình.		Tạp chí SKĐAHN	Tạp chí ĐA
	10	H10.10.04.10	Danh sách chuyên gia nước ngoài đến làm việc tại Trường (2015-2020).	Bảng thống kê kế hoạch công tác với giảng viên ,chuyên gia nước ngoài đến Trường giảng dạy từ năm 2016 đến 2021	SKĐAHN	ĐT, QLKH & HTQT Bộ phận Đối ngoại
	11	H10.10.04.11	Liệt kê sách, giáo trình phục vụ học tập do GV Khoa Công nghệ Điện ảnh - Truyền hình thực hiện.	Danh sách giáo trình phục vụ học tập Khoa NTĐT 2016 -2021	SKĐAHN	K.CNĐATH
Tiêu chí 10.5	1	H10.10.05.01	Kế hoạch công tác tháng và kết luận của Hiệu trưởng tại các cuộc họp giao ban hằng tháng (2015-2020)	Kế hoạch và kết luận từ 2017 đến 2021	SKĐAHN	Bộ phận HC, QT
	2	H10.10.05.02	Biên bản các cuộc họp: cán bộ lớp đầu năm, các cuộc họp với phòng quản lý HSSV, sinh hoạt lớp theo	Giai đoạn 16-21	SKĐAHN	P.CT HS,SV

			định kỳ hàng tháng, hội nghị đối thoại với lãnh đạo Nhà trường			
	3	H10.10.05.03	Sổ theo dõi CSVC thường xuyên Biên bản kiểm kê tài sản cuối năm	Biên bản kiểm kê tài sản ngày 31/12/2019	SKĐAHN	Bộ phận HC, QT
	4	H10.10.05.04	Báo cáo công khai tài chính tại hội nghị cán bộ, công chức, viên chức (các năm từ 2015-2020)	Báo cáo tình hình thực hiện ngân sách 2021 và dự toán ngân sách 2022	SKĐAHN	Bộ phận Tài vụ
	5	H10.10.05.05	Giấy đề nghị mua sắm sửa chữa của các Khoa, các phòng	Giai đoạn 16-21	SKĐAHN	Bộ phận HC, QT
	6	H10.10.05.06	-Thông báo về việc bổ sung minh chứng cho báo cáo tự đánh giá - Mẫu phiếu khảo sát	Số 365/TB-SKĐAHN ngày 12/10/2015	SKĐAHN	P.Khảo thí & ĐBCLGD
	7	H10.10.05.07	Đề xuất của Khoa Công nghệ Điện ảnh - Truyền hình hoặc cung cấp bài tập tốt nghiệp (đồ án tốt nghiệp) cho Thư viện	Biên bản bàn giao bài tốt nghiệp Khoa Công nghệ Điện ảnh - Truyền hình từ K32 đến K37	K.CNĐATH	K.CNĐATH
	8	H10.10.05.08	chính sách xã hội hoá (trích nội dung hợp giao ban về vấn đề lắp điều hoà khu nhà C)	Số ngày tháng	SKĐAHN	Bộ phận HC, QT
	9	H10.10.05.09	Bản quy hoạch tổng thể phát triển Nhà trường đến năm 2020 và tầm nhìn đến năm 2030	Năm 2014	SKĐAHN	Bộ phận HC, QT
	10	H10.10.05.10	Đề án Xây dựng Trường đại học Sân khấu – Điện ảnh Hà Nội thành Trường trọng điểm quốc gia.	Quyết định số 2971/QĐ-BVHTTDL ngày 1/9/2015	SKĐAHN	Bộ phận TCCB
Tiêu chí 10.6	1	H10.10.06.01	Quyết định số 538/QĐ – BVHTTDL quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Trường Đại học Sân khấu – Điện ảnh Hà Nội	Quyết định số 538/QĐ BVHTTDL Hà Nội ngày 06/3/2014	BVHTTDL	Bộ phận TCCB
	2	H10.10.06.02	Quy chế tổ chức và hoạt động của Trường Đại học Sân khấu – Điện ảnh Hà Nội	Quyết định số 747/QĐ-SKĐAHN, Hà Nội ngày	SKĐAHN	Bộ phận TCCB

				05/11/2014 Trường ĐHSKĐAHN		
	3	H10.10.06.03	Hệ thống minh chứng về công việc của Phòng KT & ĐBCLGD (báo cáo tổng kết công tác hằng năm từ 2015-2020).	Kế hoạch, Bảng kế hoạch công tác, báo cáo tiến độ từ 2016 đến 2021	SKĐAHN	P.Khảo thí & ĐBCLGD
	4	H10.10.06.04	- Quy định/Kế hoạch lấy ý kiến phản hồi của người học về hoạt động giảng dạy của giảng viên và tổng hợp phiếu phản hồi. - Các văn bản quy định/hướng dẫn quy trình, công cụ và phương pháp thu thập, lựa chọn, xử lý, sử dụng thông tin phản hồi của các bên liên quan	Quyết định số 1158/QĐ-SKĐAHN ngày 30/9/2016	SKĐAHN	P.Khảo thí & ĐBCLGD
	5	H10.10.06.05	Các mẫu phiếu đánh giá cuối năm (dùng cho công tác thi đua khen thưởng)	Giai đoạn 16-21	SKĐAHN	Bộ phận TCCB
Tiêu chuẩn 11	11					
Tiêu chí 11.1	1	H11.11.01.01	Quy chế tổ chức hoạt động của Trường (chức năng, nhiệm vụ của P. CTHSSV)	Quyết định số 747/QĐ-SKĐAHN, Hà Nội ngày 05/11/2014	Đại học SKĐAHN	Phòng Hành chính, Tổng hợp
	2	H11.11.01.02	Sổ GV chủ nhiệm, các báo cáo của K. TKMT về P. Đào tạo, QLKH & HTQT...	Sổ tay GVCN năm 2016-2021	ĐHSKĐAHN	K. TKMT
	3	H11.11.01.03	Hệ thống biên bản xét lên lớp, xét điều kiện tốt nghiệp, xét kỷ luật...	Biên bản từ năm 2016-2021	Đại học SKĐAHN	P.CTHSSV, P. ĐT QLKH & HTQT
	4	H11.11.01.04	Quyết định SV thôi học được lưu trong hồ sơ của phòng CT HSSV		Đại học SKĐAHN	P.CTHSSV

5	H11.11.01.05	Minh chứng xét điều kiện TN, và tổng kết điểm để làm căn cứ giám sát quá trình học của SV (SV tốt nghiệp và thôi học được quản lý đầy đủ thông tin tại phòng Đào tạo, QLKH & HTQT, phòng CT HSSV của Nhà trường).	Quyết định số 1208/QĐ-SKĐAHN, Hà Nội ngày 08/10/2020 v/v công nhận đủ điều kiện TN cho lớp DV Kịch, ĐA-TH K36	Đại học SKĐAHN	P.CTHSSV, P. ĐT QLKH & HTQT
6	H11.11.01.06	Liệt kê tên các quy định của Bộ GD &ĐT; của Trường về công tác đào tạo, QLHSSV	Quyết định số 1111/QĐ-SKĐAHN, Hà Nội ngày 17/10/2018 v/v ban hành Quy định công tác đào tạo ĐH theo hình thức chính quy của Trường ĐH SKĐA HN	Đại học SKĐAHN	P.CTHSSV, P. ĐT QLKH & HTQT
7	H11.11.01.07	Thống kê thông tin về tỷ lệ tốt nghiệp và tỷ lệ SV bỏ học của 5 khóa gần đây (2015-2020)	Năm 2016-2021	Đại học SKĐAHN	P.CTHSSV
8	H11.11.01.08	Hồ sơ, quyết định cho thôi học, bảo lưu...	Năm 2016-2021	Đại học SKĐAHN	P.CTHSSV
9	H11.11.01.09	Minh chứng về triển khai hệ thống học tập trực tuyến do dịch Covid 19	Thông báo ngày 5/2/2020 số 94/TB-SKĐAHN ngày 12/3/2020 113/TB-SKĐAHN ngày 26/3/2020 Số 93/TB-SKĐAHN ngày 31/3/2020 của phó hiệu trưởng	Đại học SKĐAHN	P.CTHSSV
10	H11.11.01.10	Minh chứng về việc kiểm tra nề nếp giám sát chặt chẽ tình hình học tập của sinh viên (Thông báo, biểu mẫu thống kê...)	Thông báo số 294/TN-SKĐAHN ngày 19/8/2019 của phó hiệu trưởng	Đại học SKĐAHN	P.CTHSSV

Tiêu chí 11.2	1	H11.11.02.01	Quy trình để 1 SV Khoa Công nghệ Điện ảnh - Truyền hình được công nhận tốt nghiệp.	Văn bản ghi rõ ngày tháng năm	Đại học SKĐAHN	P.ĐT QLKH & HTQT
	2	H11.11.02.02	Bảng 11.1 (tiêu chí 11.1) Tỷ lệ tốt nghiệp, thời gian tốt nghiệp trung bình và tỷ lệ thôi học của SV ngành Âm thanh ĐATH từ khóa tuyển sinh 2012 đến 2016. (cột 5)	Số liệu tính đến thời điểm tháng 10/2020.	Đại học SKĐAHN	P.CTHSSV, P. ĐT QLKH & HTQT
	3	H11.11.02.03	Biên bản họp xét lên lớp, xét điều kiện tốt nghiệp, hồ sơ xin bảo lưu của SV Âm thanh ĐATH (2015-2020).	Biên bản từ năm 2016-2021	Đại học SKĐAHN	P.CTHSSV,
	4	H11.11.02.04	Thông báo lùi lịch bảo vệ TN dự kiến do dịch bệnh covid 19. Hoặc các lý do khác....	Thông báo số ngày tháng năm ban hành	Đại học SKĐAHN	P.CTHSSV, P. ĐT QLKH & HTQT
	5	H11.11.02.05	Quy định về việc học riêng hoặc quy định về bảo lưu....	Quyết định số 1111/QĐ-SKĐAHN, Hà Nội ngày 17/10/2018 Trường ĐHSKĐAHN	Đại học SKĐAHN	P. ĐT QLKH & HTQT
Tiêu chí 11.3	1	H11.11.03.01	Công văn 2919/BGDĐT-GDĐH của Bộ giáo dục và Đào tạo về Khảo sát tình hình việc làm của sinh viên tốt nghiệp Công văn 3943/BGDĐT-GDĐH ngày 31/8/2018 của Bộ Giáo dục và Đào tạo về việc khảo sát, công khai và báo cáo tình hình việc làm của sinh viên tốt nghiệp	https://thuvienphapluat.vn/cong-van/giao-duc/cong-van-2919-bgddt-gddh-2017-khao-sat-tinh-hinh-viec-lam-sinh-vien-tot-nghiep-355820.aspx https://www.dropbox.com/	BGDĐT	P. CTHSSV

	2	H11.11.03.02	Tổng hợp kết quả khảo sát tình hình việc làm của sinh viên tốt nghiệp năm 2017	http://skda.edu.vn/2017/12/19/tong-hop-ket-qua-khao-sat-tinh-hinh-viec-lam-cua-sinh-vien-tot-nghiep-nam-2017/	Đại học SKĐAHN	P. CTHSSV
	3	H11.11.03.03	Minh chứng về việc khảo sát tỷ lệ có việc làm của ngành Âm thanh ĐATH	Năm 2016-2021	Đại học SKĐAHN	P. CTHSSV
	4	H11.11.03.04	Báo cáo tự đánh giá Trường ĐHSKĐAHN	Năm 2017	Đại học SKĐAHN	P. KT & ĐBCLGD
Tiêu chí 11.4	1	H11.11.04.01	Thông tư 22 Quy định về hoạt động Khoa học và công nghệ trong các cơ sở giáo dục đại học.	Thông tư số 22/2011/TT-BGDĐT ngày 30 tháng 5 năm 2011 của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo	BGDĐT	P. CTHSSV
	2	H11.11.04.02	Quy định Về hoạt động nghiên cứu khoa học của sinh viên trong các cơ sở giáo dục đại học	Thông tư số 19/ 2012/ TT-BGDĐT ngày 01 tháng 6 năm 2012 của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo)	BGDĐT	P. CTHSSV
	3	H11.11.04.03	Số liệu bổ sung tài liệu cho thư viện	Có danh sách hợp danh mục	SKĐAHN	Khoa Công nghệ Điện ảnh - Truyền hình
	4	H11.11.04.04	Danh mục các giải thưởng do SV chuyên ngành đạo diễn, Khoa Công nghệ Điện ảnh - Truyền hình đạt được.	Danh sách tổng hợp giải thưởng	SKĐAHN	Khoa Công nghệ Điện ảnh - Truyền hình
	5	H11.11.04.05	Các quy định về khen thưởng học sinh sinh viên	Từ năm 2016 - 2021	SKĐAHN	P. CTHSSV

	6	H11.11.04.06	Liên hoan phim Ong vàng – Cơ hội dành cho nhà làm phim trẻ	https://nhandan.com.vn/dong-chay/lien-hoan-phim-ong-vang-co-hoi-danh-cho-nha-lam-phim-tre-249311/	SKĐAHN	Khoa Công nghệ Điện ảnh - Truyền hình
	7	H11.11.04.07	152 phim dự Liên hoan phim ngắn Ong vàng	https://tuoitre.vn/152-phim-du-lien-hoan-phim-ngan-ong-vang-524847.htm	SKĐAHN	Khoa Công nghệ Điện ảnh - Truyền hình
		H11.11.04.08	Liên hoan phim ngắn 2020 dành cho các cựu sinh viên và sinh viên	https://baotintuc.vn/van-hoa/lien-hoan-phim-ngan-2020-danh-cho-cac-cuu-sinh-vien-va-sinh-vien-20201215175008171.htm	SKĐAHN	Khoa Công nghệ Điện ảnh - Truyền hình
Tiêu chí 11.5	1	H11.11.05.01	Hội nghị cán bộ, viên chức và Hội nghị cán bộ chủ chốt	Giấy triệu tập Hội nghị cán bộ công chức viên chức 8h30 thứ 5 ngày 16/01/2020 MC các năm 2015-2021	Đại học SKĐAHN	P. HCTH
	2	H11.11.05.02	MC: tiến hành khảo sát lấy ý kiến phản hồi của SV về chất lượng giảng dạy các học phần (mẫu phiếu)	Mẫu phiếu	Đại học SKĐAHN	K.CNĐATH
	3	H11.11.05.03	Dự thảo Quy định công tác lấy ý kiến phản hồi của các bên liên quan	Năm 2022	Đại học SKĐAHN	P. KT & ĐBCLGD
	4	H11.11.05.04	Biên bản họp lớp, họp Khoa Công nghệ Điện ảnh - Truyền hình	Biên bản họp	Đại học SKĐAHN	K.CNĐATH
	5	H11.11.05.05	Danh sách cựu sinh viên Khoa Công nghệ Điện ảnh - Truyền hình	Danh sách		K.CNĐATH
	6	H11.11.05.06	Khảo sát việc làm của cựu SV (phiếu khảo sát, thư ngỏ....)	Phiếu khảo sát		K.CNĐATH

CÁC QUYẾT ĐỊNH, KẾ HOẠCH LIÊN QUAN ĐẾN HOẠT ĐỘNG TĐG CTĐT

BỘ VĂN HÓA, THỂ THAO VÀ DU LỊCH
TRƯỜNG ĐẠI HỌC
SÂN KHẤU - ĐIỆN ẢNH HÀ NỘI
Số: 411/QĐ-SKĐAHN

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

Hà Nội, ngày 16 tháng 5 năm 2022

QUYẾT ĐỊNH Về việc thành lập Hội đồng tự đánh giá chương trình Âm thanh điện ảnh – truyền hình

HIỆU TRƯỞNG TRƯỜNG ĐẠI HỌC SÂN KHẤU - ĐIỆN ẢNH HÀ NỘI

Căn cứ Luật Giáo dục đại học số 08/2012/QH13 ngày 18/6/2012; Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Giáo dục đại học số 34/2018/QH14 ngày 19/11/2018;

Căn cứ Nghị định 99/2019/NĐ-CP ngày 30/12/2019 của Chính phủ về việc quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Giáo dục đại học;

Căn cứ Thông tư số 38/2013/TT-BGDĐT ngày 29/11/2013 của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo ban hành về quy trình và chu kỳ kiểm định chất lượng chương trình đào tạo của các trường đại học, cao đẳng và trung cấp chuyên nghiệp;

Căn cứ Thông tư số 04/2016/TT-BGDĐT ngày 14/3/2016 của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo về việc ban hành Quy định về tiêu chuẩn đánh giá chất lượng chương trình đào tạo các trình độ của giáo dục đại học;

Căn cứ Quyết định số 3651/QĐ-BVHTTDL ngày 01/10/2018 của Bộ trưởng Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch về quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Trường Đại học Sân khấu - Điện ảnh Hà Nội;

Căn cứ Nghị quyết số 04/NQ-HĐT ngày 10 tháng 8 năm 2021 của Hội đồng Trường về việc ban hành Quy chế tổ chức và hoạt động của Trường Đại học Sân khấu - Điện ảnh Hà Nội;

Căn cứ Công văn số 2085/QLCL-KDCLGD ban hành ngày 31/12/2020 của Cục Quản lý chất lượng về việc hướng dẫn tự đánh giá và đánh giá ngoài chương trình đào tạo; Công văn số 774/QLCL-KDCLGD ngày 10/6/2021 về việc điều chỉnh một số phụ lục Công văn số 2085/QLCL-KDCLGD;

Xét đề nghị của Trường Phòng Khảo thí và Đảm bảo chất lượng giáo dục,

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Thành lập Hội đồng tự đánh giá chương trình Âm thanh điện ảnh – truyền hình gồm các ông/bà có tên trong danh sách kèm theo.

Giúp việc cho Hội đồng có Ban thư ký và các nhóm công tác chuyên trách gồm các ông/bà có tên trong danh sách kèm theo.



Điều 2. Hội đồng có nhiệm vụ triển khai tự đánh giá chương trình *Ấm thanh điện ảnh – truyền hình* theo Quy định về tiêu chuẩn đánh giá chất lượng chương trình đào tạo ban hành kèm theo Thông tư số 04/2016/TT-BGDĐT ngày 14/3/2016 của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo và hướng dẫn tự đánh giá, đánh giá ngoài chương trình đào tạo của Cục Quản lý chất lượng.

Nhiệm vụ cụ thể của các thành viên do Chủ tịch Hội đồng phân công. Hội đồng tự giải thể sau khi hoàn thành nhiệm vụ.

Điều 3. Các ông/bà trưởng các đơn vị có liên quan và các ông/bà có tên tại Điều 1 chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

Nơi nhận:

- Như Điều 3;
- Lưu: VT, KT&ĐBCLGD, NTV (25).



HIỆU TRƯỞNG

PGS.TS. Nguyễn Đình Thi





**DANH SÁCH THÀNH VIÊN HỘI ĐỒNG TỰ ĐÁNH GIÁ
CHƯƠNG TRÌNH ÂM THANH ĐIỆN ẢNH - TRUYỀN HÌNH**

*(Kèm theo Quyết định số 411/QĐ-SKĐAHN ngày 16 tháng 5 năm 2022 của
Hiệu trưởng Trường Đại học Sân khấu – Điện ảnh Hà Nội)*

TT	Họ và tên	Chức danh, chức vụ	Nhiệm vụ
1	Nguyễn Đình Thi	PGS. TS. NGND, Hiệu trưởng	Chủ tịch
2	Nguyễn Thị Thanh Quế	ThS. Phó Hiệu trưởng	Phó Chủ tịch
3	Phạm Đắc Thi	TS. Phó Hiệu trưởng	Phó Chủ tịch
4	Hoàng Thị Thu Thủy	ThS. Phó Trưởng Khoa Công nghệ Điện ảnh – Truyền hình	Thư ký
5	Phạm Trí Thành	TS. Chủ tịch Hội đồng Trường	Thành viên
6	Phạm Huy Quang	TS. Trưởng Khoa Truyền hình	Thành viên
7	Nguyễn Thị Hồng Hiền	TS. Trưởng Phòng Đào tạo, QLKH&HTQT	Thành viên
8	Nguyễn Thị Thu Hiền	TS. Trưởng Phòng Hành chính, Tổng hợp	Thành viên
9	Nguyễn Thị Thu Hương	Kế toán trưởng	Thành viên
10	Trần Thị Tuyết Hồng	ThS. Trưởng Phòng Công tác HS,SV	Thành viên
11	Phạm Văn Cường	ThS. Phó trưởng Phòng Hành chính, Tổng hợp	Thành viên
12	Hoàng Dạ Vũ	ThS. Phó Viện trưởng Viện Sân khấu - Điện ảnh	Thành viên
13	Nguyễn Thị Quỳnh Phương	Giám đốc Trung tâm Thông tin - Thư viện	Thành viên
14	Trịnh Thúy Hương	TS. Trưởng Phòng Khảo thí & ĐBCLGD	Thành viên
15	Lê Thị Ly Như	ThS. Bí thư Đoàn TNCSHCM	Thành viên
16	Trần Nguyên Anh	ThS. Phó trưởng Khoa Công nghệ ĐA - TH	Thành viên
17	Nguyễn Hữu Mỹ	ThS. Trưởng Bộ môn Âm thanh ĐATH	Thành viên
18	Nguyễn Thị Chang	ThS. Giảng viên Khoa Công nghệ ĐA - TH	Thành viên
19	Phó Minh Quang	Sinh viên lớp Âm thanh ĐA – TH K39	Thành viên

(Danh sách gồm có 19 người)

DANH SÁCH THÀNH VIÊN BAN THƯ KÝ

(Kèm theo Quyết định số 411/QĐ-SKĐAHN ngày 16 tháng 5 năm 2022 của
Hiệu trưởng Trường Đại học Sân khấu – Điện ảnh Hà Nội)

TT	Họ và tên	Chức danh, chức vụ	Nhiệm vụ
1	Hoàng Thị Thu Thủy	ThS. Phó trưởng Khoa Công nghệ ĐA - TH	Trưởng Ban thư ký
2	Trần Nguyên Anh	ThS. Phó trưởng Khoa Công nghệ ĐA - TH	Thành viên
3	Nguyễn Hữu Mỹ	ThS. Trưởng Bộ môn Âm thanh ĐATH	Thành viên
4	Nguyễn Thị Chang	ThS. Khoa Công nghệ ĐA - TH	Thành viên
5	Dương Minh Hiếu	ThS. Khoa Công nghệ ĐA - TH	Thành viên
6	Nguyễn Đình Nin	ThS. Khoa Công nghệ ĐA - TH	Thành viên
7	Nguyễn Đình Huy	ThS. Khoa Công nghệ ĐA - TH	Thành viên
8	Trịnh Thúy Hương	TS. Trưởng Phòng Khảo thí & ĐBCLGD	Thành viên
9	Nguyễn Thị Diệu Thu	ThS. Phòng Đào tạo, QLKH&HTQT	Thành viên

(Danh sách gồm có 09 người)

DANH SÁCH CÁC NHÓM CÔNG TÁC CHUYÊN TRÁCH

(Kèm theo Quyết định số 411/QĐ-SKĐAHN ngày 16 tháng 5 năm 2022 của
Hiệu trưởng Trường Đại học Sân khấu – Điện ảnh Hà Nội)

TT	Họ và tên	Chức danh, chức vụ	Nhiệm vụ
Nhóm 1 Tiêu chuẩn 1,2,3	Hoàng Thị Thu Thủy	Phó trưởng Khoa Công nghệ ĐA - TH	Trưởng nhóm
	Nguyễn Thị Chang	ThS. Giảng viên Khoa Công nghệ ĐA - TH	Thư ký
	Nguyễn Thị Diệu Thu	ThS. Chuyên viên Phòng Đào tạo, QLKH & HTQT	Thành viên
	Dương Minh Hiếu	ThS. Giảng viên Khoa Công nghệ ĐA - TH	Thành viên
	Trịnh Thúy Hương	TS. Trưởng Phòng Khảo thí & ĐBCLGD	Thành viên
	Lê Khắc Tuấn	CN. Giảng viên Khoa Công nghệ ĐA - TH	Thành viên
Nhóm 2 Tiêu chuẩn 4,5,8	Hoàng Thị Thu Thủy	ThS. Phó trưởng Khoa Công nghệ ĐA - TH	Trưởng nhóm
	Nguyễn Hữu Mỹ	ThS. Trưởng Bộ môn Âm thanh	Thư ký
	Nguyễn Thị Hồng Hiền	TS. Trưởng Phòng Đào tạo, QLKH & HTQT	Thành viên
	Trịnh Thúy Hương	TS. Trưởng Phòng Khảo thí & ĐBCLGD	Thành viên
	Trần Thị Tuyết Hồng	ThS. Trưởng Phòng Công tác HS,SV	Thành viên
	Lê Thị Ly Như	ThS. Bí thư ĐTNCSHCM	Thành viên
	Hoàng Khanh	ThS. Giảng viên Khoa Công nghệ ĐA - TH	Thành viên
	Nguyễn Thị Chang	ThS. Giảng viên Khoa Công nghệ ĐA - TH	Thành viên
	Phó Minh Quang	Sinh viên lớp Âm thanh ĐA – TH K39	Thành viên
Nhóm 3 Tiêu chuẩn 6,7,9	Trần Nguyên Anh	ThS. Phó trưởng Khoa Công nghệ ĐA - TH	Trưởng nhóm
	Nguyễn Đình Nin	ThS. Giảng viên Khoa Công nghệ ĐA - TH	Thư ký
	Nguyễn Đình Huy	ThS. Giảng viên Khoa Công nghệ ĐA - TH	Thành viên
	Phạm Văn Cường	ThS. Phó trưởng Phòng Hành chính, tổng hợp	Thành viên
	Hoàng Dạ Vũ	ThS. Phó viện trưởng Viện SK-ĐA	Thành viên
	Nguyễn Thị Tĩnh	CN. Phòng Hành chính, Tổng hợp	Thành viên
	Nguyễn Thị Quỳnh Phương	CN. Giám đốc Trung tâm Thông tin – Thư viện	Thành viên
Nhóm 4 Tiêu chuẩn 10, 11	Trần Nguyên Anh	ThS. Phó trưởng Khoa Công nghệ ĐA - TH	Trưởng nhóm
	Nguyễn Đình Nin	ThS. Giảng viên Khoa Công nghệ ĐA - TH	Thư ký
	Nguyễn Đình Huy	ThS. Giảng viên Khoa Công nghệ ĐA - TH	Thành viên
	Nguyễn Thị Hương	CN. Chuyên viên Phòng Công tác HS,SV	Thành viên
	Trịnh Thúy Hương	TS. Trưởng Phòng Khảo thí & ĐBCLGD	Thành viên

(Danh sách gồm có 27 người)

BỘ VĂN HÓA, THỂ THAO VÀ DU LỊCH
TRƯỜNG ĐẠI HỌC
SÂN KHẤU - ĐIỆN ẢNH HÀ NỘI

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số: 202 /KH-SKĐAHN

Hà Nội, ngày 17 tháng 5 năm 2022

KẾ HOẠCH TỰ ĐÁNH GIÁ

**05 chương trình đào tạo theo tiêu chuẩn của Bộ Giáo dục và Đào tạo
tại Trường Đại học Sân khấu – Điện ảnh Hà Nội năm 2022**

I. Mục đích tự đánh giá

Nhằm bảo đảm và nâng cao chất lượng chương trình đào tạo và để đăng ký kiểm định chất lượng giáo dục.

II. Phạm vi tự đánh giá

Công tác tự đánh giá chương trình đào tạo (TĐG CTĐT) được áp dụng đối với 05 CTĐT hệ chính quy gồm: Nhiếp ảnh Báo chí (thuộc Khoa Nhiếp ảnh), Diễn viên Chèo (thuộc Khoa Kịch hát dân tộc), Huấn luyện Múa (thuộc Khoa Múa), Đạo diễn truyền hình (thuộc Khoa Truyền hình), Âm thanh Điện ảnh - Truyền hình (thuộc Khoa Công nghệ Điện ảnh – Truyền hình) giai đoạn từ năm học 2017 – 2018 đến năm học 2021 – 2022. Thời gian thu thập thông tin, lấy số liệu, xây dựng cơ sở dữ liệu tính đến hết ngày 30/7/2022.

III. Công cụ tự đánh giá

Công cụ TĐG là tiêu chuẩn đánh giá chất lượng chương trình đào tạo ban hành kèm theo Thông tư số 04/2016/TT-BGDĐT ngày 14/3/2016 bao gồm 11 tiêu chuẩn và 50 tiêu chí và các tài liệu hướng dẫn của Bộ Giáo dục và Đào tạo tại:

- Công văn số 1669/QLCL-KĐCLGD ngày 31/12/2019 của Cục Quản lý chất lượng, thay thế Tài liệu hướng dẫn đánh giá chất lượng CTĐT các trình độ của GDĐH ban hành kèm theo Công văn số 769/QLCL-KĐCLGD ngày 20/4/2018 của Cục Quản lý chất lượng;

- Công văn số 2085/QLCL-KĐCLGD ban hành ngày 31/12/2020 của Cục Quản lý chất lượng về việc hướng dẫn tự đánh giá và đánh giá ngoài chương trình đào tạo;

- Công văn số 774/QLCL-KĐCLGD V/v điều chỉnh một số phụ lục Công văn số 2085/QLCL-KĐCLGD ngày 10/6/2021.

IV. Hội đồng tự đánh giá

1. Thành phần Hội đồng tự đánh giá

Hội đồng TĐG CTĐT **Nhiếp ảnh Báo chí** được thành lập theo Quyết định số 407/QĐ-SKĐAHN ngày 16/5/2022 của Trường Đại học Sân khấu – Điện ảnh Hà Nội. Hội đồng gồm có 19 thành viên; Ban thư ký gồm có 07 thành viên và các nhóm công tác chuyên trách (Danh sách kèm theo).

Hội đồng TĐG CTĐT **Diễn viên Chèo** được thành lập theo Quyết định số 408/QĐ-SKĐAHN ngày 16/5/2022 của Trường Đại học Sân khấu – Điện ảnh Hà Nội. Hội đồng gồm có 21 thành viên; Ban thư ký gồm có 09 thành viên và các nhóm công tác chuyên trách (Danh sách kèm theo).

Hội đồng TĐG CTĐT **Huấn luyện Múa** được thành lập theo Quyết định số 409/QĐ-SKĐAHN ngày 16/5/2022 của Trường Đại học Sân khấu – Điện ảnh Hà Nội. Hội đồng gồm có 19 thành viên; Ban thư ký gồm có 07 thành viên và các nhóm công tác chuyên trách (Danh sách kèm theo).

Hội đồng TĐG CTĐT **Đạo diễn truyền hình** được thành lập theo Quyết định số 410/QĐ-SKĐAHN ngày 16/5/2022 của Trường Đại học Sân khấu – Điện ảnh Hà Nội. Hội đồng gồm có 19 thành viên; Ban thư ký gồm có 09 thành viên và các nhóm công tác chuyên trách (Danh sách kèm theo).

Hội đồng TĐG CTĐT **Âm thanh Điện ảnh - Truyền hình** được thành lập theo Quyết định số 411/QĐ-SKĐAHN ngày 16/5/2022 của Trường Đại học Sân khấu – Điện ảnh Hà Nội. Hội đồng gồm có 19 thành viên; Ban thư ký gồm có 09 thành viên và các nhóm công tác chuyên trách (Danh sách kèm theo).

2. Phân công thực hiện nhiệm vụ

2.1. Nhiệm vụ của các thành viên trong Hội đồng tự đánh giá

Chủ tịch Hội đồng: Chủ tịch Hội đồng chịu trách nhiệm về các hoạt động của Hội đồng, phân công nhiệm vụ cụ thể cho từng thành viên, trong đó xác định những công việc phải thực hiện tương ứng với từng tiêu chuẩn đánh giá, thời gian bắt đầu và kết thúc, người chịu trách nhiệm chính; triệu tập và điều hành các phiên họp của Hội đồng; phê duyệt kế hoạch TĐG CTĐT; chỉ đạo quá

trình thu thập thông tin, minh chứng, xử lý, phân tích và viết báo cáo TĐG; giải quyết các vấn đề phát sinh trong quá trình triển khai TĐG CTĐT.

Phó Chủ tịch Hội đồng cấp Trường: Khi được Chủ tịch Hội đồng uỷ quyền, có nhiệm vụ điều hành Hội đồng và chịu trách nhiệm về công việc được uỷ quyền, góp ý cho bản Báo cáo các tiêu chí, tiêu chuẩn và báo cáo chung.

Phó Chủ tịch Hội đồng cấp khoa: điều hành chung các hoạt động đánh giá chương trình của Khoa, chủ động tổ chức họp để phân công công việc cho các thành viên, phân công và cử người tìm minh chứng, chịu trách nhiệm chính thức đối với các tiêu chuẩn về kế hoạch thực hiện và báo cáo cuối cùng của tiêu chuẩn trước Chủ tịch Hội đồng, chỉ đạo các thành viên cấp khoa việc rà soát thu thập thông tin minh chứng và viết báo cáo TĐG theo kế hoạch TĐG của Trường.

Thành viên HĐ TĐG cấp trường: tham gia xây dựng, đóng góp và phản biện cho bản báo cáo các tiêu chí, tiêu chuẩn của cấp khoa và báo cáo chung.

Thành viên HĐ TĐG cấp khoa: xây dựng báo cáo TĐG CTĐT theo sự phân công của Phó Chủ tịch Hội đồng cấp khoa, tham gia xây dựng cơ sở dữ liệu, hoàn thiện hồ sơ minh chứng, tìm kiếm thông tin cho bản báo cáo TĐG.

Hội đồng TĐG CTĐT họp khoảng 06 lần trong suốt quá trình TĐG, có trách nhiệm phản biện, góp ý cho bản báo cáo đánh giá sơ bộ, báo cáo cuối cùng và tư vấn cho Chủ tịch Hội đồng khi làm kế hoạch TĐG.

2.2. Nhiệm vụ của Ban thư ký và các nhóm công tác

Ban Thường trực Hội đồng (bao gồm Trưởng Ban thư ký và các cán bộ chuyên trách Phòng Khảo thí và Đảm bảo chất lượng giáo dục) có trách nhiệm triển khai kế hoạch, tổng hợp dữ liệu, giám sát tiến độ thực hiện của Hội đồng TĐG CTĐT, định kỳ báo cáo kết quả thực hiện lên Chủ tịch Hội đồng xem xét, duyệt nội dung. Chuẩn bị cơ sở vật chất và tài liệu cần thiết cho các buổi họp của Hội đồng.

Nhóm trưởng công tác: chịu trách nhiệm trước Phó Chủ tịch Hội đồng cấp khoa về nội dung báo cáo TĐG, hồ sơ minh chứng, cơ sở dữ liệu theo nhóm tiêu chuẩn đã được phân công; phân công, đôn đốc các thành viên và thư ký cấp khoa trong nhóm công tác đảm bảo đúng tiến độ.

Thành viên/Thư ký cấp khoa: thực hiện phác thảo bản báo cáo tiêu chuẩn và tiêu chí, góp ý cho bản báo cáo chung. Tiến hành tìm kiếm minh chứng, xây dựng cơ sở dữ liệu, hoàn thiện tài liệu hồ sơ có liên quan.

Thư ký thường trực cấp khoa: thực hiện nhiệm vụ của thư ký cấp khoa; chịu trách nhiệm tổng hợp báo cáo tiêu chuẩn và tiêu chí; viết biên bản, phân loại và quản lý hồ sơ minh chứng của nhóm công tác.

Thư ký cấp trường: có trách nhiệm hỗ trợ các khoa trong việc tìm kiếm thông tin, cơ sở dữ liệu, hồ sơ minh chứng; tham gia phản biện báo cáo TĐG.

2.3. Nguyên tắc thực hiện công việc

Chủ tịch Hội đồng TĐG phân công nhiệm vụ các thành viên trong hội đồng;

Định kỳ Hội đồng TĐG CTĐT làm việc theo nguyên tắc tập trung dân chủ, quyết định theo đa số;

Hội đồng TĐG CTĐT được tập huấn về các nội dung: giới thiệu hệ thống đảm bảo chất lượng giáo dục; quy trình và chu kỳ đánh giá CTĐT; hướng dẫn TĐG CTĐT; một số kinh nghiệm TĐG CTĐT trong và ngoài nước; kỹ năng nghiên cứu hồ sơ văn bản, phỏng vấn, quan sát, thảo luận nhóm, lấy ý kiến phản hồi các bên liên quan; kỹ năng viết báo cáo và tìm kiếm minh chứng phù hợp;

Hội đồng TĐG CTĐT tự giải thể sau khi hoàn thành nhiệm vụ;

Các bộ phận có liên quan khác trong trường có trách nhiệm phối hợp và hỗ trợ cho Hội đồng TĐG CTĐT để hoàn thiện công tác xây dựng báo cáo TĐG CTĐT;

Ban lãnh đạo Khoa, Phòng chức năng có liên quan có nhiệm vụ triển khai một số nội dung sau:

- Triển khai thực hiện kế hoạch TĐG CTĐT đến toàn thể giảng viên, cán bộ, viên chức, sinh viên thuộc đơn vị;

- Phối hợp, thực hiện tốt các yêu cầu của thư ký hội đồng TĐG trong việc cung cấp thông tin, tìm kiếm minh chứng nhằm giúp cho việc TĐG của Trường thực hiện kịp thời.

3. Các nhóm công tác cá nhân

Thời gian thu thập thông tin và minh chứng: Từ 13/6/2022 đến 07/8/2022.

TT	Tiêu chuẩn	Nhóm công tác, đơn vị chịu trách nhiệm
1	Tiêu chuẩn 1, 2, 3	- Nhóm công tác 1

		- Đơn vị khoa - Phòng Đào tạo, Quản lý khoa học và Hợp tác quốc tế
2	Tiêu chuẩn 4, 5, 11	- Nhóm công tác 2 - Đơn vị khoa - Phòng Đào tạo, Quản lý khoa học và Hợp tác quốc tế
3	Tiêu chuẩn 6, 7	- Nhóm công tác 3 - Đơn vị khoa - Phòng Hành chính, Tổng hợp
4	Tiêu chuẩn 9	- Nhóm công tác 4 - Đơn vị khoa - Phòng Hành chính, Tổng hợp (Bộ phận Tài vụ) - Trung tâm Thông tin, Thư viện
5	Tiêu chuẩn 8, 10	- Nhóm công tác 5 - Đơn vị khoa - Phòng Khảo thí và Đảm bảo chất lượng giáo dục - Viện Sân khấu – Điện ảnh - Phòng Công tác học sinh, sinh viên

V. Tập huấn nghiệp vụ tự đánh giá

1. Thời gian dự kiến: Tháng 6/2022 (sẽ có kế hoạch riêng). Có chuyên gia tư vấn từ xa trong suốt quá trình diễn ra công tác TĐG CTĐT của Nhà trường.

2. Thành phần tham dự: tất cả các thành viên trong Hội đồng TĐG căn cứ theo các quyết định thành lập hội đồng đã ban hành; cán bộ quản lý, giảng viên, chuyên viên, người lao động và người học trong toàn Trường quan tâm.

3. Nội dung, chương trình tập huấn

Giới thiệu về bộ tiêu chuẩn và tiêu chí được sử dụng cho đợt TĐG CTĐT theo tiêu chuẩn của Bộ GDĐT;

Quy trình đánh giá;

Kỹ thuật phân tích, thu thập, xử lý, sử dụng minh chứng, lưu trữ và bảo quản minh chứng, cách mã hóa minh chứng;

Kỹ thuật viết phiếu đánh giá tiêu chí: bao gồm quy trình viết phiếu đánh giá tiêu chí; phân tích, mô tả thực trạng CTĐT, cách xác định điểm mạnh, điểm yếu; lập kế hoạch hành động;

Cách thức thu thập, phân tích cơ sở dữ liệu sử dụng trong quá trình viết báo cáo TĐG;

Cách sử dụng hiệu quả kết quả lấy ý kiến thăm dò của các bên liên quan tới quá trình TĐG CTĐT.

VI. Dự kiến các nguồn lực (nhân lực, tài chính, ...) và thời điểm cần huy động/cung cấp

Khoảng thời gian cung cấp số liệu từ năm học 2017 – 2018 đến năm học 2021 – 2022.

Thời điểm huy động toàn bộ nguồn lực diễn ra trong vòng 28 tuần (từ ngày 16/5/2022 đến ngày 27/11/2022).

Tài chính: nguồn tài chính hỗ trợ công tác TĐG từ phía Nhà trường, khoa tài trợ...

TT	Tiêu chuẩn	Các hoạt động	Nhân lực
1	Tiêu chuẩn 01: Mục tiêu và chuẩn đầu ra của CTĐT	- Xây dựng CTĐT bám sát mục tiêu. - Các hoạt động về CDR, cách thức thực hiện, đáp ứng yêu cầu các bên liên quan.	Đơn vị Khoa có CTĐT làm công tác TĐG. Phòng Đào tạo, Quản lý khoa học và Hợp tác quốc tế và các bên liên quan.
2	Tiêu chuẩn 2: Bản mô tả CTĐT	- Thông tin về bản mô tả CTĐT; bản đề cương. - Việc tiếp cận của các bên liên quan tới bản mô tả CTĐT.	Đơn vị Khoa có CTĐT làm công tác TĐG. Phòng Đào tạo, Quản lý khoa học và Hợp tác quốc tế và các bên liên quan.
3	Tiêu chuẩn 03: Cấu trúc và nội dung chương trình dạy	- Việc xây dựng và thiết kế CTDH dựa vào CDR.	Đơn vị Khoa có CTĐT làm công tác TĐG. Phòng Đào tạo, Quản lý khoa học

	học (CTDH)	- Nội dung mỗi học phần đóng góp cho việc đạt CDR của sinh viên.	và Hợp tác quốc tế và các bên liên quan.
4	Tiêu chuẩn 04: Phương pháp tiếp cận trong dạy và học	- Việc công bố, phổ biến triển khai phương pháp giảng dạy tới các bên liên quan. - Cách thức triển khai phù hợp với CDR, rèn luyện kỹ năng và khả năng học tập suốt đời của sinh viên.	Đơn vị Khoa có CTĐT làm công tác TĐG. Phòng Đào tạo, Quản lý khoa học và Hợp tác quốc tế và các bên liên quan.
5	Tiêu chuẩn 05: Đánh giá kết quả của người học	- Các hoạt động về việc đánh giá kết quả học tập của người học, các quy định, quy chế được ban hành, phương pháp đánh giá, sự phản hồi kịp thời giúp người học đánh giá đúng việc học tập.	Đơn vị Khoa có CTĐT làm công tác TĐG. Phòng Khảo thí và Đảm bảo chất lượng giáo dục và các bên liên quan.
6	Tiêu chuẩn 06: Đội ngũ giảng viên, nghiên cứu viên	- Các hoạt động liên quan tới công tác cán bộ, quy hoạch cán bộ đáp ứng nhu cầu giảng dạy, nghiên cứu khoa học để xác định tỷ lệ giảng viên/sinh viên. - Công tác tuyển dụng, bổ nhiệm đáp ứng năng lực, tiêu chí theo yêu cầu chung.	Đơn vị Khoa có CTĐT làm công tác TĐG. Phòng Hành chính, Tổng hợp (Bộ phận Tổ chức cán bộ) và các bên liên quan.

7	Tiêu chuẩn 07: Đội ngũ nhân viên	- Các hoạt động quy hoạch đội ngũ cán bộ phù hợp với từng vị trí việc làm. - Công tác quy hoạch, tiêu chí tuyển chọn được công bố rộng rãi dựa vào nhu cầu, năng lực, trình độ đáp ứng công việc từng vị trí. - Các hoạt động liên quan tới đánh giá định kỳ, thi đua khen thưởng, kỷ luật, học tập, bồi dưỡng.	Đơn vị Khoa có CTĐT làm công tác TĐG. Phòng Hành chính, Tổng hợp (Bộ phận Tổ chức cán bộ) và các bên liên quan.
8	Tiêu chuẩn 08: Người học và hoạt động hỗ trợ người học	Các hoạt động hỗ trợ người học về công tác tuyển sinh, giám sát kết quả học tập rèn luyện, hoạt động chính sách, hỗ trợ hoạt động ngoại khóa, việc làm, môi trường học tập, NCKH.	Đơn vị Khoa có CTĐT làm công tác TĐG. Phòng Công tác học sinh, sinh viên và các bên liên quan.
9	Tiêu chuẩn 09: Cơ sở vật chất và trang thiết bị	Các công việc triển khai tới công tác cơ ở vật chất của Nhà trường bao gồm: hệ thống phòng học phục vụ công tác đào tạo, NCKH, hệ thống phòng làm việc, thực hành, thư viện, nhà hát...	Đơn vị Khoa có CTĐT làm công tác TĐG. Phòng Hành chính, Tổng hợp (Bộ phận Hành chính, Quản trị), Ban dự án và các bên liên quan.

10	Tiêu chuẩn 10: Nâng cao chất lượng	Các hoạt động liên quan tới thu thập thông tin, ý kiến phản hồi, nâng cao chất lượng CTĐT thông qua các bên liên quan, căn cứ để phát triển CTDH. Việc phát triển CTDH được thiết kế, đánh giá cải tiến phù hợp với CDR và nhu cầu xã hội.	Đơn vị Khoa có CTĐT làm công tác TĐG. Phòng Khảo thí và Đảm bảo chất lượng giáo dục; Phòng Đào tạo, Quản lý khoa học và Hợp tác quốc tế; Phòng Công tác học sinh, sinh viên và các bên liên quan.
11	Tiêu chuẩn 11: Kết quả đầu ra	Xác định được các thống kê hàng năm liên quan tới công tác học tập của sinh viên: tỉ lệ tốt nghiệp, tỉ lệ buộc thôi học để lấy số liệu đối sánh, có sự giám sát, kiểm tra chất lượng đầu vào và đầu ra của người học.	Đơn vị Khoa có CTĐT làm công tác TĐG. Phòng Khảo thí và Đảm bảo chất lượng giáo dục; Phòng Đào tạo, Quản lý khoa học và Hợp tác quốc tế; Phòng Công tác học sinh, sinh viên và các bên liên quan.

VII. Dự kiến thu thập thông tin từ nguồn ngoài cơ sở giáo dục và đơn vị thực hiện chương trình đào tạo

Các đơn vị sẽ lấy ý kiến đóng góp về CTĐT, CDR và các yêu cầu từ các bên liên quan trong đó có các thông tin từ bên ngoài Trường. Trong quá trình làm công tác TĐG, các Khoa tự lập kế hoạch chi tiết, cụ thể để thu thập, xử lý thông tin một cách chính xác, có độ tin cậy cao. Dự trù về nguồn lực cần huy động để hoàn thành việc thu thập và tìm kiếm thông tin.

Đối với việc thu thập thông tin, cơ sở dữ liệu đối với các đơn vị thực hiện CTĐT và các đơn vị có liên quan khác trong Trường thì căn cứ vào phụ lục 7 – Cơ sở dữ liệu kiểm định chất lượng CTĐT trích trong Công văn số 2085/QLCL-

KĐCLGD ban hành ngày 31/12/2020 của Cục Quản lý chất lượng; Công văn số 774/QLCL-KĐCLGD ngày 10/6/2021 về việc điều chỉnh một số phụ lục Công văn số 2085/QLCL-KĐCLGD.

VIII. Dự kiến thuê chuyên gia tư vấn để giúp Hội đồng triển khai TĐG

Ban thường trực Hội đồng TĐG sẽ lập kế hoạch, chương trình làm việc cụ thể về việc thuê chuyên gia tư vấn về làm việc với Nhà trường, giúp cho công tác TĐG được hoàn thiện một cách chính xác, đúng mục đích và yêu cầu đặt ra.

Nội dung làm việc với chuyên gia sẽ bao gồm: lĩnh vực cần thuê chuyên gia; mục đích thuê chuyên gia; vai trò của chuyên gia; số lượng chuyên gia; thời gian cần thuê chuyên gia; kinh phí thuê chuyên gia...

IX. Lập Bảng danh mục mã minh chứng

Sau khi các nhóm công tác, cá nhân thực hiện xác định nội hàm, phân tích tiêu chí tìm minh chứng cho từng tiêu chí, phân loại và mã hóa các minh chứng thu được, Hội đồng TĐG thảo luận các minh chứng cho từng tiêu chí đã thu thập được và lập Bảng danh mục minh chứng.

Bảng danh mục mã hóa minh chứng được trình bày ở bảng theo chiều ngang của khổ A4 (có thể để riêng và để ở phần phụ lục của Báo cáo TĐG). Việc sử dụng, xử lý phân tích các thông tin từ minh chứng được hướng dẫn cụ thể trong mục II – Quy trình TĐG của Công văn số 2085/QLCL-KĐCLGD ban hành ngày 31/12/2020 của Cục Quản lý chất lượng và Công văn số 774/QLCL-KĐCLGD ngày 10/6/2021 về việc điều chỉnh một số phụ lục Công văn số 2085/QLCL-KĐCLGD.

X. Thời gian và nội dung hoạt động

Thời gian	Nội dung hoạt động
Từ 01 – 02 Từ ngày 16/5/2022 đến ngày 29/5/2022	- Hợp Hiệu trưởng và trưởng các đơn vị thực hiện CTĐT để thảo luận mục đích, yêu cầu, thời gian biểu và xác định các thành viên của Hội đồng TĐG CTĐT.

	- Hiệu trưởng ra Quyết định thành lập Hội đồng TĐG CTĐT - Hợp Hội đồng TĐG CTĐT đề: + Công bố quyết định thành lập Hội đồng TĐG; + Tập huấn về quy trình TĐG và bộ tiêu chuẩn đánh giá chất lượng CTĐT; + Thảo luận về nhiệm vụ cụ thể cho từng thành viên Hội đồng; + Dự thảo kế hoạch TĐG CTĐT.
Tuần 03 – 04 Từ ngày 30/5/2022 đến ngày 12/6/2022	- Phổ biến chủ trương triển khai TĐG đến toàn thể cán bộ quản lý, giảng viên, chuyên viên và sinh viên tham gia thực hiện CTĐT. - Tổ chức hội thảo/hội nghị; tập huấn về chuyên môn, nghiệp vụ triển khai TĐG cho Hội đồng TĐG và các thành viên khác. - Hợp Hội đồng TĐG CTĐT đề thông qua: + Bản kế hoạch TĐG CTĐT; + Dự thảo đề cương báo cáo TĐG (dựa trên cơ sở tài liệu hướng dẫn của Bộ GDĐT và điều kiện cụ thể của các Khoa thực hiện CTĐT) + Trình Hiệu trưởng đề nghị ban hành kế hoạch TĐG.
Tuần 05 – 12 Từ ngày 13/6/2022 đến ngày 07/8/2022	- Công bố kế hoạch TĐG đã được phê duyệt, thông báo phân công nhiệm vụ cho từng thành viên Hội đồng, Ban thư ký và các nhóm công tác chuyên trách giúp việc cho hội đồng. - Phân tích tiêu chí, thu thập thông tin và minh chứng.

	- Mã hóa các thông tin và minh chứng thu được. - Phân tích thông tin và minh chứng thu được. - Phân tích, lý giải nội hàm của các minh chứng để xem xét sự phù hợp của minh chứng với các yêu cầu trong từng tiêu chí của tiêu chuẩn đánh giá chất lượng CTĐT.
Tuần 13 – 20 Từ ngày 08/8/2022 đến ngày 02/10/2022	- Các nhóm công tác chuyên trách viết các báo cáo của từng tiêu chí (thu thập thông tin bổ sung nếu cần thiết). - Trưởng các nhóm chuyên trách tổng hợp các báo cáo tiêu chí thành các báo cáo tiêu chuẩn (thu thập thông tin bổ sung nếu cần thiết).
Tuần 21 Từ ngày 03/10/2022 đến ngày 09/10/2022	Hội đồng TĐG CTĐT: - Xem xét các báo cáo của từng tiêu chuẩn, tiêu chí do các nhóm chuyên trách dự thảo; - Kiểm tra lại các thông tin và minh chứng được sử dụng trong báo cáo TĐG; - Xác định các vấn đề phát sinh từ các thông tin và minh chứng thu được; - Xác định các thông tin cần thu thập bổ sung; - Thư ký Hội đồng tập hợp các báo cáo tiêu chuẩn thành dự thảo báo cáo TĐG CTĐT.
Tuần 22 - 23 Từ ngày 10/10/2022 đến ngày 23/10/2022	- Hội đồng TĐG CTĐT xem xét dự thảo báo cáo TĐG và đề xuất những chỉnh sửa (nếu có); - Hội đồng TĐG CTĐT họp với các bộ môn, phòng, ban... để thảo luận về báo cáo TĐG, xin ý kiến góp ý.

Tuần 24 - 25 Từ ngày 24/10/2022 đến ngày 06/11/2022	- Công bố bản báo cáo TĐG (đã chỉnh sửa sau góp ý của các bộ môn, phòng, ban...) trong nội bộ cơ sở giáo dục và đơn vị thực hiện CTĐT. - Các bộ môn, phòng ban, cán bộ quản lý, giảng viên, chuyên viên, người học... đóng góp ý kiến phản biện về báo cáo TĐG.
Tuần 26 - 27 Từ ngày 07/11/2022 đến ngày 20/11/2022	- Hội đồng TĐG CTĐT họp để tiếp tục bổ sung và hoàn thiện báo cáo TĐG theo các ý kiến phản biện. - Hội đồng TĐG CTĐT thông qua báo cáo TĐG lần cuối và nộp báo cáo TĐG cho lãnh đạo đơn vị thực hiện CTĐT và thủ trưởng cơ sở giáo dục để xem xét. - Hoàn thiện báo cáo TĐG.
Tuần 28 Từ ngày 21/11/2022 đến ngày 27/11/2022	- Nhà trường gửi báo cáo TĐG và công văn cho cơ quan quản lý trực tiếp Bộ GDĐT. - Nhà trường bảo quản báo cáo TĐG, lưu giữ các thông tin minh chứng theo thứ tự mã minh chứng đã ghi trong báo cáo TĐG.

Trên đây là kế hoạch thực hiện công tác tự đánh giá 05 chương trình đào tạo của Trường Đại học Sân khấu – Điện ảnh Hà Nội, Hiệu trưởng yêu cầu trường các đơn vị nghiêm túc triển khai nội dung và tiến hành thực hiện kế hoạch theo thời gian đã quy định./

Nơi nhận:

- ĐU, HDT, BGH (để báo cáo);
- Các đơn vị trong Trường (để thực hiện);
- Lưu VT, KT&ĐBCLGD, NTP.



PGS.TS. Nguyễn Đình Thi

**BẢNG TỔNG HỢP KẾT QUẢ TỰ ĐÁNH GIÁ CTĐT
CỬ NHÂN CHUYÊN NGÀNH ÂM THANH ĐIỆN ẢNH - TRUYỀN HÌNH**

Tên cơ sở giáo dục: **Trường Đại học Sân khấu - Điện ảnh Hà Nội**

Mã: **7210235A**

Tên CTĐT: **Cử nhân Âm thanh điện ảnh – truyền hình**

Mã CTĐT: **7210235A**

Tiêu chuẩn, tiêu chí	Thang đánh giá							Tổng hợp theo tiêu chuẩn		
	Chưa đạt			Đạt				Mức trung bình	Số tiêu chí đạt	Tỷ lệ số tiêu chí đạt (%)
	1	2	3	4	5	6	7			
Tiêu chuẩn 1								4,33	3	100 (3/3)
Tiêu chí 1.1					x					
Tiêu chí 1.2				x						
Tiêu chí 1.3				x						
Tiêu chuẩn 2								4,00	3	100 (3/3)
Tiêu chí 2.1				x						
Tiêu chí 2.2				x						
Tiêu chí 2.3				x						
Tiêu chuẩn 3								4,00	3	100 (3/3)
Tiêu chí 3.1				x						
Tiêu chí 3.2				x						
Tiêu chí 3.3				x						
Tiêu chuẩn 4								4,00	3	100 (3/3)
Tiêu chí 4.1				x						
Tiêu chí 4.2				x						
Tiêu chí 4.3				x						
Tiêu chuẩn 5								4,00	5	100 (5/5)
Tiêu chí 5.1				x						
Tiêu chí 5.2				x						
Tiêu chí 5.3				x						
Tiêu chí 5.4				x						
Tiêu chí 5.5				x						
Tiêu chuẩn 6								4,00	7	100 (7/7)
Tiêu chí 6.1				x						
Tiêu chí 6.2				x						
Tiêu chí 6.3				x						
Tiêu chí 6.4				x						
Tiêu chí 6.5				x						
Tiêu chí 6.6				x						
Tiêu chí 6.7				x						

Tiêu chuẩn 7								4,00	5	100 (5/5)
Tiêu chí 7.1				x						
Tiêu chí 7.2				x						
Tiêu chí 7.3				x						
Tiêu chí 7.4				x						
Tiêu chí 7.5				x						
Tiêu chuẩn 8								4,40	5	100 (5/5)
Tiêu chí 8.1				x						
Tiêu chí 8.2					x					
Tiêu chí 8.3				x						
Tiêu chí 8.4				x						
Tiêu chí 8.5					x					
Tiêu chuẩn 9								5,00	5	100 (5/5)
Tiêu chí 9.1					x					
Tiêu chí 9.2					x					
Tiêu chí 9.3					x					
Tiêu chí 9.4					x					
Tiêu chí 9.5					x					
Tiêu chuẩn 10								4,16	6/6	100 (6/6)
Tiêu chí 10.1				x						
Tiêu chí 10.2				x						
Tiêu chí 10.3				x						
Tiêu chí 10.4					x					
Tiêu chí 10.5				x						
Tiêu chí 10.6				x						
Tiêu chuẩn 11								4,00	5/5	100 (5/5)
Tiêu chí 11.1				x						
Tiêu chí 11.2				x						
Tiêu chí 11.3				x						
Tiêu chí 11.4				x						
Tiêu chí 11.5				x						
Đánh giá chung CTĐT								4,17	50/50	100%

Hà Nội, ngày 22 tháng 12 năm 2022



PGS.TS. Nguyễn Đình Thi